

PHẠM ĐẢN QUÊ

TRUYỆN KIỀU & những kỷ lục



LỜI NÓI ĐẦU

CHO BỘ SÁCH ĐIỆN TỬ **eBOOK**

NGHIÊN CỨU TRUYỆN KIỀU

Của Tác giả Phạm Đan Quế

Hai quyển sách đầu tiên nghiên cứu về Truyện Kiều của tác giả Phạm Đan Quế được Nhà xuất bản Hà Nội cho ra mắt năm 1991. Sau đó là các nhà xuất bản Văn hóa Thông tin, NXB Văn nghệ Thành phố Hồ Chí Minh, NXB Văn học rồi NXB Giáo dục ấn hành những cuốn sách tiếp theo. Hơn mười năm sau (2002), Nhà xuất bản Thanh niên cho in hai quyển sách mới khá độc đáo là Truyện Kiều đọc ngược và Lục bát Hậu Truyện Kiều và sau đó cho tái bản cùng in mới toàn bộ 15 tác phẩm viết về Truyện Kiều của ông trong vòng 3 năm 2002-2005.

Đến nay đã một thập niên nữa trôi qua, để hướng tới Kỷ niệm 250 năm năm sinh Đại Thi hào Nguyễn Du, cũng là dịp UNESCO - Tổ chức Giáo dục, khoa học và văn hóa của Liên hiệp quốc vinh danh nhà thơ là Danh nhân văn hóa thế giới, năm 2013, Nhà xuất bản Thanh niên lại vừa cho ra mắt hai tác phẩm mới rất đặc biệt của cùng tác giả là Thế giới nghệ thuật Truyện Kiều và Bài thơ vịnh Kiều độc đáo và cách làm thơ thuận nghịch độc, vừa đạt kỷ lục là Bài thơ có nhiều cách đọc nhất Việt Nam, với 1.728 cách đọc là 1.728 bài dẫn xuất, đều là những bài thơ cổ phong.

Hướng tới Lễ Kỷ niệm, Công Ty Cổ phần Sách và Văn hóa Phương Nam chúng tôi cho ra mắt Bộ sách Điện tử eBOOK NGHIÊN CỨU TRUYỆN KIỀU của tác giả Phạm Đan Quế đã xuất bản trong 22 năm qua từ 1991 đến 2013, để quý vị độc giả có đầy đủ tư liệu tham khảo[1]. Bộ sách gồm 18 tác phẩm theo mấy hướng tiếp cận sau đây:

I. *Truyện Kiều và nguồn gốc* với 4 quyển:

1. Truyện Kiều đối chiếu
2. Truyện Kiều và Kim Vân Kiều Truyện
3. Tìm hiểu điển tích Truyện Kiều
4. Đoạn Trường Tân Thanh (Truyện Kiều lược chú)

II. *Văn hoá Kiều* với 6 quyển:

1. Bình Kiều, vịnh Kiều, bói Kiều
2. Bói Kiều như một nét văn hóa

3. Đồ Kiều, nét đẹp văn hóa
4. Tập Kiều, một thú chơi tao nhã
5. Từ lấy Kiều, đồ Kiều... đến các giai thoại về Truyện Kiều
6. Bài thơ Vịnh Kiều độc đáo và cách làm Thơ Thuận nghịch độc.

III. *Truyện Kiều và lịch sử* tiếp nhận với 4 quyển:

1. Truyện Kiều và các nhà nho thế kỷ XIX
2. Truyện Kiều trên sách báo thế kỷ XX
3. Truyện Kiều đọc ngược
4. Lục bát hậu Truyện Kiều

IV. *Tìm hiểu nghệ thuật Truyện Kiều* với 4 quyển:

1. Về những thủ pháp nghệ thuật trong văn chương Truyện Kiều
2. Thế giới nhân vật trong Truyện Kiều
3. Truyện Kiều và những kỷ lục
- 4 Thế giới Nghệ thuật Truyện Kiều

Riêng với quyển Truyện Kiều và những kỷ lục, trong bản này, tác giả có bổ sung thêm vào PHỤ LỤC về mấy bài báo liên quan đến kỷ lục Truyện Kiều và Danh mục những kỷ lục về Truyện Kiều đã được Trung Tâm Sách Kỷ lục Việt Nam Vietking xác lập từ năm 2005 đến 2013, để quý vị độc giả có tư liệu tham khảo. Để đỡ trùng lặp, tác giả cũng lược bỏ Phụ lục Thử điểm mấy nét trong Truyện Kiều dưới cái nhìn cấu trúc –thống kê mà quý vị có thể xem trong quyển Thế giới nghệ thuật Truyện Kiều. Trong quyển này, để minh họa cho những kỷ lục về Truyện Kiều, tác giả phải tóm lược những phần chính của hiện tượng văn hóa Kiều (Tập Kiều, bói Kiều, đồ Kiều...) và nhiều lĩnh vực khác nhau, nên nội dung có những trùng lặp đã đề cập đến trong những quyển khác đã viết về Truyện Kiều, mong quý vị độc giả thể tình và thông cảm.

Cùng với hai quyển sách mới in vừa qua, những tác phẩm của ông Phạm Đan Quế đã nghiên cứu Truyện Kiều một cách khá toàn diện và hết sức công phu, qua bao năm tháng miệt mài bên kiết tác vô song của Đại thi hào mà nhân dân ta hằng yêu quý, Công Ty Cổ phần Sách và Văn hóa Phương Nam chúng tôi xin được trân trọng giới thiệu cùng quý vị độc giả gần xa, mong được đóng góp một phần vào dịp Lễ kỷ niệm long trọng này.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ VĂN HÓA

PHƯƠNG NAM

[1] Vì mỗi quyền là một đề tài riêng biệt, được viết ra tại từng thời điểm, nên nhiều khi có những chỗ trùng lặp, dù đã lược bớt một số đoạn, tác giả về cơ bản vẫn giữ nguyên đầy đủ nội dung từng quyền sách như trong ấn bản lần đầu, vì không phải ai cũng có đủ cả bộ sách, mong quý vị độc giả thể tình và thông cảm cho.

Cùng Bạn Đọc

Mười lăm năm mới bây giờ là đây!

(Câu Kiều số 3138)

Vâng! Thế là đã mười lăm năm trôi qua, kể từ năm 1991, khi hai quyển sách đầu tiên chúng tôi viết về Truyện Kiều ra đời: Truyện Kiều đối chiếu và Bình Kiều, vịnh Kiều, bói Kiều (NXB Hà Nội 1991). Thực ra công trình thứ hai là chuyên luận TRONG NỀN VĂN HOÁ KIỀU được in thành 3 quyển mà để ra mắt quý vị độc giả phải mất đúng 10 năm (1991-2000), với quyển thứ hai Tập Kiều – một thú chơi tao nhã (NXB Văn hóa Thông tin 1994) và quyển thứ ba Từ lấy Kiều, đố Kiều... đến các giai thoại về Truyện Kiều (NXB Văn học 2000).

Về Văn hóa Kiều, chúng tôi còn viết hai quyển nữa là Bói Kiều như một nét văn hóa và Đố Kiều, nét đẹp văn hóa mới được NXB Thanh Niên cho ra mắt trong năm vừa qua 2004.

Theo hướng văn học so sánh, chúng tôi viết thêm quyển Truyện Kiều và Kim Vân Kiều Truyện (NXB Văn học 2000) đi vào cụ thể chi tiết hơn để thấy rõ thiên tài của thi hào Nguyễn Du khi từ một tác phẩm chỉ có cốt truyện hay của Trung Quốc sáng tạo nên một tuyệt phẩm kỳ diệu có thể so sánh với bất kỳ kiệt tác nào của các văn hào bậc thầy trên thế giới.

Về lịch sử tiếp nhận Truyện Kiều, chúng tôi sưu tập và nghiên cứu trong 4 quyển: Hai quyển theo cùng một hướng được xuất bản cách nhau cũng đúng 10 năm là Truyện Kiều và các nhà nho thế kỷ XIX (NXB Văn Nghệ Tp Hồ Chí Minh 1994) – Truyện Kiều trên báo chương thế kỷ XX (NXB Thanh Niên 2004) và hai quyển nói lên nét độc đáo của Truyện Kiều: Truyện Kiều đọc ngược và Lục bát hậu Truyện Kiều cùng do NXB Thanh Niên ấn hành năm 2002, hai quyển sách mà khi biên soạn chúng tôi đã nghĩ đến việc đề đạt hai kỷ lục thế giới với Truyện Kiều.

Chúng tôi lại tiếp tục đi sâu vào nghệ thuật Truyện Kiều trước hết bằng 3 tác phẩm: Tìm hiểu điển tích Truyện Kiều (NXB Văn Học 2000), Về những thủ pháp nghệ thuật trong văn chương Truyện Kiều (NXB Giáo Dục 2002) và quyển thứ 15 là Thế giới nhân vật Truyện Kiều.

Đặc biệt, theo yêu cầu của Trung tâm sách Những kỷ lục Việt Nam VIETBOOKS đầu năm 2005, quyển Truyện Kiều và những kỷ lục này ra đời cũng là một bước mới trong việc vinh danh thi hào Nguyễn Du trên trường quốc tế.

Đã từ lâu khi nghiên cứu về Văn hóa Kiều cách đây mười lăm năm, chúng tôi bắt đầu chú ý đến những điểm độc đáo của Truyện Kiều. Đi sâu vào nghiên cứu, chúng tôi càng thấy những điều này ngày càng phong phú thêm để ở một khía cạnh nào đó có thể đề cập đến Truyện Kiều như “kiệt tác của những kỷ lục”. Chúng tôi mạnh dạn nêu thành một bài viết trong Phụ lục VI, quyển Truyện Kiều trên báo chương thế kỷ XX (Nxb Thanh Niên 2004) dưới dạng một bài báo chưa đăng. Ngày 10-11-2004, chúng tôi đã ký với Trung tâm sách Những kỷ lục Việt Nam (VIETBOOK) một bản ghi nhớ về hợp tác và công bố

những kỷ lục của Truyện Kiều mà chúng tôi đã phát hiện và muốn minh chứng qua những quyển sách đã viết về Truyện Kiều.

Chúng tôi biên soạn quyển sách này với hy vọng mong muốn quý vị độc giả có một cái nhìn toàn cục và cụ thể để càng thêm yêu quý kiệt tác thiên tài của Đại thi hào Nguyễn Du.

Sách được chia làm ba phần:

Phần thứ nhất. Truyện Kiều và những kỷ lục thế giới gồm 5 chương:

Chương I. Thú chơi Tập Kiều

Chương II. 10 bản dịch Truyện Kiều ra tiếng Pháp

Chương III. 7 quyển Hậu Truyện Kiều

Chương IV. Truyện Kiều đọc ngược

Chương V. Văn hóa Kiều

Phần thứ hai. Truyện Kiều và những kỷ lục Việt Nam gồm 10 chương:

Chương I. Tác phẩm đưa nhà thơ lên hàng danh nhân thế giới.

Chương II. Quyển truyện thơ duy nhất dùng để bói.

Chương III. Hiện tượng VINH KIỀU

Chương IV. Hiện tượng LẦY KIỀU

Chương V. Quyển sách tạo ra nhiều câu đố nhất

Chương VI. Quyển sách tạo ra nhiều giai thoại nhất

Chương VIII. Bộ phim truyện đầu tiên của Việt Nam: Kim Vân Kiều

Chương IX. Quyển sách nặng nhất ở Việt Nam.

Chương X. Quyển sách dài nhất Việt Nam

Phần thứ ba. Truyện Kiều và hàng chục điểm độc đáo khác.

Một câu hỏi được đặt ra là vì sao Truyện Kiều lại có thể đạt được nhiều kỷ lục đến như vậy? Câu trả lời bước đầu có lẽ sẽ là ở chỗ chỉ có tiếng Việt thuộc loại hình ngôn ngữ đơn lập mà tiếng Hán cổ và tiếng Việt là những đại diện điển hình, cùng với thể thơ lục bát độc đáo của Việt Nam mới có thể đưa Truyện Kiều đến với mọi tầng lớp nhân dân để tạo thành hiện tượng văn hóa Kiều với nhiều hình thức đa dạng và phong phú đến vậy. Và bằng việc nghiên cứu kỹ Truyện Kiều, ta sẽ chứng minh được cái kỳ diệu và độc đáo của tiếng Việt. Mong rằng vấn đề sẽ được các nhà nghiên cứu tiếp tục làm sáng tỏ

thêm. Chúng tôi vẫn muốn một lần nữa nhắc lại lời của nhà thơ Lưu Trọng Lư trong quyển Đi giữa những trang Kiều, 1995:

“Truyện Kiều là một sự không cùng. Hôm qua nó là của Phạm Quý Thích, của Chu Mạnh Trinh “ngàn liễu rung rinh sóng gợn tình”. Hôm nay là của “chúng tôi”. Ngày mai là của các bạn. Và mãi mãi là của các mẹ, các chị, các em. Truyện Kiều sẽ nổi lại những thế hệ tuổi hoa”.

Chúng tôi đã cố gắng trình bày rõ nhưng ngắn gọn những điểm độc đáo của Truyện Kiều, quý vị độc giả có thể đọc thêm ở những quyển sách khác của chúng tôi. Dù sao đây cũng là một việc làm rất mới nên chắc chắn sách còn nhiều thiếu sót, mong được quý vị - vì lòng ngưỡng mộ Đại thi hào của chúng ta – mà thể tình và góp ý cho[1]. Chúng tôi xin trân trọng cảm ơn.

Thành phố Hồ Chí Minh ngày 20 tháng 12 năm 2004

PHẠM ĐAN QUẾ

[1] Thư góp ý xin chuyển đến địa chỉ: phamdanque@yahoo.com.

CHƯƠNG I. THÚ CHƠI TẬP KIỀU

Truyện Kiều là quyển sách duy nhất trên thế giới có được hiện tượng gọi là TẬP KIỀU, chấp nhận những câu Kiều ở những chỗ khác nhau để thành nhiều bài thơ mới phong phú đến như vậy. Tập Kiều đã trở thành một thú chơi đã thu hút biết bao văn nhân thi sĩ với hàng trăm thi phẩm đủ loại từ lục bát, ngũ ngôn, tứ tự, thất ngôn đến văn tế rồi tập Kiều để dịch Hán thi... trong trên 150 năm qua mà chúng tôi đã trình bày trong quyển TẬP KIỀU - MỘT THÚ CHƠI TAO NHÃ (1994). Quyển này mới được bổ sung và in lại lần thứ tư năm 2004 cho thật đầy đủ với nhan đề THÚ CHƠI TẬP KIỀU dày 380 trang. Sách gồm hai phần chính:

Phần thứ nhất: Vấn đề tập Kiều (150 trang) có ba chương:

I. Cách thức tập Kiều

II. Tư liệu tập Kiều

III. Phân loại vãn trong Truyện Kiều

Phần thứ hai: Mười sáu bộ vãn trong Truyện Kiều (140 trang)

I. Trong các lối chơi văn học của người xưa thì ngoài việc ngâm vịnh thơ phú, Truyện Kiều còn đem đến cho các bậc văn nhân thức giả một thú chơi vô cùng hấp dẫn và tao nhã, đó là TẬP KIỀU. TẬP KIỀU là lựa chọn một số câu Kiều - ở những chỗ khác nhau trong 3.254 câu của Truyện Kiều - nối vãn lại được với nhau, tình ý nhất quán để tạo thành một bài thơ mới có ý nghĩa, theo một chủ đề nhất định. Người ta đã làm rất nhiều bài tập Kiều như vậy. Trước hết chúng tôi xin giới thiệu ở đây một thí dụ. Chẳng hạn, sau bao năm tháng trôi qua, đến khi tóc đã ngả màu sương, ta mới có dịp trở lại quê nhà thăm người bạn cũ và ta đọc tặng người bạn cố tri mấy câu tập Kiều trong tình cảnh ấy:

	Câu Kiều
BÀI TẬP KIỀU	số
	số
Trăm năm trong cõi người ta	1
Nhìn xem phong cảnh nay đà khác xưa	2744

Quản bao tháng đợi, năm chờ	553
Rõ ràng mở mắt còn ngờ chiêm bao	3014
Những là rày ước, mai ao	3069
Như nung gan sắt, như bào lòng son	2832
Dù cho sông cạn đá mòn	1975
Lần lừa ai biết hãy còn hôm nay	324
Đến bây giờ mới thấy đây!	2281

Những bài tập Kiều như vậy có thể dài hay ngắn là tùy theo yêu cầu cụ thể và thường có ba mức:

1. Từng câu Kiều dùng trong toàn bài đều được giữ nguyên như trong văn bản Truyện Kiều. Loại này chỉ có thể là thơ lục bát. Trong các bài này, tất cả các câu Kiều đều được giữ nguyên. Bài tập Kiều của Lý Văn Phức tóm lược hồi 20 của Truyện Kiều năm 1847 là một thí dụ:

Kiều của Lý Văn Phức tóm lược hồi 20 của Truyện Kiều năm 1847 là một thí dụ:

Hồi thứ 20	Câu Kiều
TÁI HỒI KIM TRỌNG	số
Nguyên người quanh quất đâu xa	
1 Người còn, sao bỗng làm ma khóc người	0147
2 Thấy lời quyết đoán hẵn hoi	2978
3 Duyên ta mà cũng phúc trời chi	1031
4 không	2694

5	Được rày tái thể tương phùng	3039
6	Một nhà tấp nập kẻ trong người ngoài	0760
7		3283
8	Cùng nhau trông mặt cả cười	3012
	Nọ chàng Kim đó là người ngày xưa.	

2. Ở mức này, trong một số câu ta có thể cắt bớt một số chữ, đảo lại một câu hay đổi một cụm từ nhưng để thay vào đó cũng phải là cụm từ của một câu Kiều khác. Như vậy tức là bài chỉ gồm những chữ trong Truyện Kiều. Để làm thí dụ về việc cắt bớt và thêm vào những câu Kiều có sẵn, ta không thể không kể đến một bài tập Kiều đọc đáo trong xu hướng bài Pháp, đó là bài diễn tả một cô đầm mặc váy. Đặc điểm của bài này là: Chỉ có bốn câu lục bát trong đó hai câu lục lấy từ hai câu bát của Truyện Kiều rồi bỏ đi hai chữ, trong khi hai câu bát lại là hai câu lục của Truyện Kiều rồi thêm vào hai chữ (vẫn là chữ của Kiều). Theo Lãng Nhân thì bài này là của Vũ Khắc Tiệp làm:

Hoa quan pháp phối hà y

Nổi danh tài sắc một thì... xôn xao

Mà cho thiên hạ trông vào

Bấy lâu nghe tiếng má đào... mắt xanh[1]

Như vậy là câu lục đầu được bỏ đi hai chữ rõ ràng còn câu lục sau bỏ đi hai chữ cũng hay trích từ hai câu bát của Truyện Kiều. Hai câu bát thì lại thêm vào hai chữ xôn xao và mắt xanh lấy từ các câu Kiều tiếp theo.

Nói đến tập Kiều, cũng cần kể đến bài tập Kiều năm 1965 của Nguyễn Bính và cái chết đột ngột đến bất ngờ của nhà thơ, tương như ứng nghiệm từ một bài tập Kiều, theo đoạn kết của Chu Văn trong Lời bạt quyển Tuyển tập thơ Nguyễn Bính như sau:

... "Chuẩn bị số báo Tết Nguyên Đán đầu năm Bính Ngọ ấy, chúng tôi cũng dành rất nhiều bài báo về Nguyễn Du và Truyện Kiều. Hôm duyệt bài báo Tết, Nguyễn Bính khỏe, tươi, tay thủ thủ một tập giấy mỏng. Anh khoe: Trong một đêm đã viết được một bài tập Kiều vịnh cụ Tiên Điền. Anh không cho ai xem, chờ lúc ra hội đồng đủ mặt mới trình trọng giở trang giấy viết công phu - chữ đẹp như xếp rồi hắng giọng ngâm nga:

(Bài này được chúng tôi đánh theo những câu Kiều để dễ theo dõi – PĐQ)

KÍNH TẶNG

NGUYỄN DU VÀ TRUYỆN KIỀU

Câu
Kiều số

Cảo thơm lần giở trước đèn

1	Là nhiều vàng đá phải tìm trăng hoa	0007
2	Trăm năm trong cõi người ta	3176
3	Một thiên tuyệt bút gọi là đề sau	0001
4	Khen tài nhả ngọc phun châu	2626
5	Mười lăm năm ấy, biết bao nhiêu tình	0405
6		3070
7	Mấy lời ký chú đình ninh	2789
8	Rằng: Tài nên trọng mà tình nên thương	1900
9	Khen rằng: Giá lợp Thịnh Đường	1455
10	Thì treo giải nhất chi nhường cho ai	0210
11	Ngẫm âu người ấy báu này	0297
12	Nghe ra ngậm đắng nuốt cay thế nào	0490
13	Nặng vì chút nghĩa xưa sau	3233
14	Mà cho thiên hạ trông vào cũng hay	1962
15	Thương vui bởi tại lòng này	3209
16	Tan sương đầu ngõ, vén mây giữa trời	3122
17		0131
18	Lòng thơ lai láng bồi hồi	2856
	Tưởng Người nên lại thấy Người về đây.	

“Cả hội đồng duyệt bài số báo Tết hôm ấy cùng lặng đi. Một bài tập Kiều thật hay. Nhưng nghe ra... Đây tuy đề là tặng cụ Tiên Điền mà sao cứ như tâm sự của Nguyễn Bính, tổng kết cái cuộc đời tài hoa long đong, lận đận và... những câu sau cùng sao mà nó sái quá: Một lời là một vận vào khó nghe....

“Nguyễn Bính cười trừ:

“- Các ông này mê tín! Cứ hay là được rồi. Tôi xin nộp bài này. Một câu, một chữ không sửa.

“Câu chuyện qua đi... Và mọi người chuẩn bị cho một cái Tết bận rộn... Riêng Nguyễn Bính, muốn tạo một xuân tha hương nữa, lại chọn ngày giáp Tết đến nhà người bạn ở huyện Lý Nhân. Ngờ đâu, đúng sáng 30 Tết, tại nhà người bạn, bị một luồng gió lạnh, ông rùng mình thổ huyết và ngất xỉu. Gia đình chủ nhà hết lòng chạy chữa nhưng không kịp nữa rồi...

“Tân thanh đảo để vị thùi thương[2]

(Tân thanh sau hết ngậm ngùi vì ai)

“Nguyễn Bính mất ngay ngày hôm đó tức là 30 Tết (20 tháng 1 năm 1966) khi sắp bước sang tuổi 49.”

Trong bài tập Kiều trên, có mấy câu Nguyễn Bính đã thay đổi chút ít như sau:

Câu 13. Nặng vì chút nghĩa xưa sau

Nguyên câu Kiều 3233: Nặng vì chút nghĩa bấy lâu

Câu 15. Thương vui bởi tại lòng này

Nguyên câu Kiều 3209: Tẻ vui bởi tại lòng này

Câu 18: Tưởng Người nên lại thấy Người về đây.

Nguyên câu Kiều 2856: Tưởng nàng nên lại thấy nàng về đây.

3. Mức độ cuối cùng là có thể thay đổi một số chữ trong các câu Kiều để thay vào bằng những chữ không có trong Truyện Kiều. Đó cũng là trường hợp các từ, các ý mới xuất hiện về sau, thời Nguyễn Du chưa có. Ta hãy xem bài báo:

TẬP KIỀU CHÓNG MỸ

(Giôn xơn nghe tin Mỹ bị tiêu diệt ở Plây me - Đà Nẵng)

Mảng tin xiết nỗi kinh hoàng

Dẫu là đá cũng nát gan lọ người

Đời mà đến thế thì thôi

Kẻ chê bất nghĩa, người cười vô lương

Bao nhiêu của mấy ngày đường

Đem quân đi bỏ chiến trường như không

Thôi còn chi nữa mà mong

Ra tuông lúng túng chẳng xong bê nào

Ngẫm từ gây việc binh đao

Đông xương Vô Định đã cao bằng đầu

Nghe thôi kinh hãi xiết đầu

Khi vò chín khúc, khi chau đôi mày

Còn thiên Tích Việt ở tay

Nghĩ càng thêm nổi sorn gai rụng rời

Chước đâu có chước lạ đời

Mệnh mông nào biết bề trời nơi nao

Gió cao ngọn lửa càng cao

Thịt nào chẳng nát, gan nào chẳng kinh

Quản chi lên thác xuống ghềnh

Ai ngờ một phút tan tành thịt xương

Ma đưa lối quỷ đưa đường

Kiếp sao rặt những đoạn trường thế thôi

Chốc đà mười mấy năm trời

Bao nhiêu vốn liếng đi đời nhà ma

Nghĩ mình phương diện quốc gia

Làm cho khốc hại chẳng qua vì tiền

Quá chơi lại gặp hồi đen

Bể sâu bóng cả có tuyền được vay

Cạn lời hồn ngắt máu say

Đường xa nghĩ nổi sau này mà kinh.

TỪ CÔNG[3]

(Tuần báo Văn Nghệ số 13, 1965)

II. Trong lịch sử văn học, nói đến thơ tập Kiều, ai cũng phải nhắc đến những bài tập Kiều của Lý Văn Phức (1785 - 1849).

Năm 1847, ông vâng mệnh vua Tự Đức đã làm liền hai mươi bài tập Kiều, mỗi bài gồm tám câu lục bát dựa theo nội dung của hai mươi hồi trong cuốn Kim Vân Kiều Truyện của Thanh Tâm Tài Nhân, cuốn tiểu thuyết Trung Hoa mà từ đó Nguyễn Du đã sáng tạo nên Truyện Kiều bất hủ của mình

Với Hồi thứ nhất, về cảnh viếng mộ Đạm Tiên, Kim - Kiều gặp gỡ, Lý Văn Phức đã làm bài tập Kiều sau đây:

Một vùng cỏ áy bóng tà,

Rộn đường gần với nổi xa bời bời.

Thương thay cũng một kiếp người,

Sẵn đây ta thấp một vài nén hương.

Có người khách ở viễn phương,

Chẳng sân ngọc bội, cũng phùng kim môn.

Những là lạ nước lạ non,

Khách đà lên ngựa, người còn ghé theo.

LÝ VĂN PHỨC

Toàn bộ hai mươi bài tập Kiều này đã được chép trong cuốn THANH TÂM TÀI TỬ CỔ KIM MINH LƯƠNG ĐỀ TẬP BIÊN để nối sau hai mươi bài thơ vịnh Kiều bằng chữ Hán theo từng hồi của vua Tự Đức và đã được chúng tôi giới thiệu trong quyển Tập Kiều - một thú chơi tao nhã.

Các nhà thơ sau này từ Nguyễn Khuyến, Nguyễn Thượng Hiền, Phan Bội Châu đến Nguyễn Hữu Khanh, Tản Đà ... rồi Nguyễn Bính, Hoàng Trung Thông ... đều có làm thơ tập Kiều.

Về công phu tập Kiều, phải kể đến một tác giả đặc biệt, đó là Phan Mạnh Danh, từng tham gia cuộc thi thơ, bình vịnh Truyện Kiều nổi tiếng năm 1905 ở Hưng Yên. Với một vốn hiểu biết hết sức uyên thâm về thơ cổ Trung Hoa, trong cuốn Bút hoa thi thảo xuất bản sau khi qua đời năm 1942, ông đã cho chúng ta được thưởng thức rất nhiều bài tập Kiều đặc sắc khiến nhiều người phải kinh ngạc. Riêng về tập Kiều để dịch thơ chữ Hán, vào cuối năm 1941 ông để lại mười bài. Ta hãy xem một bài thơ của Đỗ Phủ trong Đường Thi đã được lựa chọn các câu Kiều để dịch nghĩa như thế nào:

TẶNG HOA KHANH

ĐỖ PHỦ - ĐƯỜNG THI

Cầm thành ca quản nhật phân phân

Bán nhập giang phong bán nhập vân

Thử khúc chỉ ưng thiên thượng hữu

Nhân gian ninh đặc kỷ hồi văn.

BÀI DỊCH TẬP KIỀU

Đùng đùng gió giục mây vân

Nửa phần luyến chúa nửa phần tư gia

Khúc đầu đàm ám dương hòa

Ai tri âm đó mặn mà với ai?

Đặc biệt là ông còn chấp những câu cổ thi Trung Quốc để dịch lại rất nhiều đoạn trong Truyện Kiều tức là làm điều ngược lại: Bài trên đây là tập Kiều để dịch Hán thi thì nay là tập Hán thi để dịch Kiều. Suốt 4 năm từ 1896 đến 1900, ông đã soạn được tới 688 câu thơ cổ Trung Hoa để dịch 688 câu Kiều, tức hơn 1/5 tác phẩm. Trong cuốn sách kể trên, ông đã dịch được 46 đoạn, mỗi đoạn bốn câu Kiều (tức 184 câu) như đoạn:

Đào tiên đã bén tay phàm

Thì vin cảnh quýt cho cam sự đời

Dưới trần mây mặt làng chơi

Chơi hoa đã dễ mấy người biết hoa?

đã được dịch bằng bốn câu tập Hán thi như sau (Chữ đậm nghiêng bên phải là nguồn gốc của mỗi câu thơ):

Bích đào tiên chủng bản phi phàm trong Thi lâm

Đáo thủ hệ phương nhiệm nhĩ tham Thập mỹ

Tối thị Lạc Dương hoa hạ khách Ngũ mỹ

Giã ư hoa sự vị tăng am Nhi nữ tình

Còn 252 khổ thơ Kiều được dịch bằng cách chọn các câu thơ chữ Hán tương tự, từ những câu đầu tiên trong Truyện Kiều như:

Trăm năm trong cõi người ta

Chữ tài chữ mệnh khéo là ghét nhau

được dịch thành:

Nhân sự bách niên kham thế lệ trong Thi lâm

Toán lai tăng mệnh vì tài đa... Nữ nhi tình

III. Về các thể loại ta có thể kể:

1. TẬP KIỀU LỤC BÁT TIỆT HẠ

KÍNH CÁO QUỐC DÂN

Ví chẳng xét tấm tình si

Thiệt đây mà có ích gì đến ai

Vội chi liễu ép hoa nài

Còn thân còn một đèn bồi có khi

Sinh rằng: Từ thuở tương tri

Tấm riêng riêng những nặng vì nước non

Trăm năm tính cuộc vuông tròn

Phải dò cho đến ngọn nguồn lạch sông

Muôn đời ơn lòng.

PHAN BỘI CHÂU

Tạp chí Bách khoa Sài gòn số 17(1957)

2. THẤT NGÔN BÁT CÚ TẬP KIỀU

Rõ nên phú quý bậc tài danh,

Lần bước hài văn bước dặm xanh.

Trên gác Quan Âm mây phủ tán,

Trước lầu Ngưng Bích gió lay màn.

Khen tài nhả ngọc thơ lưng túi,

Sánh giọng quỳnh tương rượu một bình.

Gặp hội trường văn xuân bảng chiếm,

Làm cho đồ quán lại xiêu đình.

NGUYỄN KHUYẾN

3. HÁT NÓI TẬP KIỀU

TRÁCH KẺ BẠC TÌNH

Mưỡu:

Đôi ta chút nghĩa đèo bông

Tại ai, há dám phụ lòng cô nhân

Lại đây xem lại cho gần

Hoa xưa, ong cũ mười phân chung tình

Nói: Cửu triệt, trùng phùng vô hạn cảm

Nghĩa đồng tâm đâu nhẽ dám vô tình

Vắng tai nghe tiếng trống lãn hồi sênh

Kìa rõ khách ba sinh hay giấc điệp?

Tịch thượng, đê mi lang cố thiếp

Đặng tiền đa tiện thiếp tu lang

Nào những ai:

Khi chẵn loan, khi gởi phượng,

Khi hện ngọc, lúc thê vàng

Nặng vì tình chót phải đa mang

Mà những lúc "đoạn trường" ai sẽ nỡ?

Thôi! Chuyện cũ kể làm chi nữa

Phím đàn này sẽ lựa tính tình xưa...

Yêu nhau từ bấy đến giờ!...

Hương Sơn cư sĩ

NGUYỄN HỮU KHANH

4. BÀI PHÚ TẬP KIỀU KHUYẾT DANH

(Bài do Khái Sinh sao lục đăng trên tạp chí Nam Phong, bài tương đối dài, ở đây chúng tôi xin trích đoạn ngắn)

Kể từ lúc:

Ngọc chưa cài, trâm chưa giắt

Tài sắc gồm hai, phong lưu rất mực

So tay bút pháp, Lan Đình mấy thiếp nào thua;

Lầu bậc cung thương, Hồ cầm một trương ăn đứt

Sắc khuyh quốc, hoa thua liễu kém, nắng mưa gìn giữ xiết bao!

Tuần cập kê, trướng rủ màn che, ong bướm đi về cũng mặc.

Tới tiết Thanh minh:

Quần áo thướt tha, ngựa xe giông ruổi

Trở ra về gặp chàng Kim Trọng, mặn mà thay lan cúc cả hai bên!

Thoắt chiêm bao thấy ả Đạm Tiên, đau đớn nhẽ nhân duyên cùng một hội!

Lênh đênh mặt sóng, đã đành phận gái truân chuyên;

Lắt léo cảnh thoa, mới biết lòng trời run rủi

Trên tường gấm, ơn lòng quân tử, mở quạt đôi trao;

Dưới lầu son, vắng mặt tri âm, vò tơ bồi rối

May làm sao:

Thanh vắng một mình; hôm nay được buổi

Cùng nhau vàng đá mấy lời; dám tiếc tóc tơ một mối

Thôi vẫn tưởng:

Chi hồng lá thắm ấy là duyên;

Nào có biết:

Nhị rữa vàng phai đâu đến nỗi

Bồng phải tai bay vạ gió; quản chi ngọc trắng cát lằm

Ồn chín chữ mong đèn gang tấc; thân nghìn vàng đổi lấy ba trăm.

Chẳng ngờ gã Giám Sinh, phong tình là đũa;

Chung lưng con già Tú, buôn bán quanh năm

Kiếp má hồng toan trả trời xanh, sức thấy mấy câu thần mộng;

Doanh nước biếc nổi cồn sóng bạc, thêm thương đến khách tri âm

Ai oán nhẽ! ngâm câu tuyệt diệu;

Lạ lòng thay! có tiếng họa ngâm...

5. VĂN TẾ ĐẠM TIÊN CỦA KHÁCH VIÊN PHƯƠNG

(Trích đoạn đầu)

Hỡi ôi!

Bình rơi trâm gãy, cuộc bể dâu trông thấy những đau lòng

Ngọc đắm hương chìm, túi số kiếp sàu tuôn chùng đứt nỗi

Trăng già có sao độc địa, cầm dây chẳng lựa khách ba sinh

Hóa nhi thật khéo nở lòng, dò tạo vội đưa người chín tuổi.

Nhớ nàng xưa:

Mặt ngọc in sương

Thân vàng pha tuyết

Tài sắc nổi danh một lúc, xông xao ngoài cửa, biết bao anh yến gần xa

Ca ngâm trải đủ năm cung, rộn rục trong sân, xiết kẻ bướm ong sớm tối

Bảy chữ, tám nghề làu thuộc, chơi cho liễu chán hoa chê

Đôi mày, chín khúc say sưa, khép mở tóc vò tơ rối

Địu dập cành chim lá gió, tối đưa Tống Ngọc, sớm rước Trường Khanh

Biết bao bướm lá ong lời, đêm khoác áo xanh, ngày thờ Mây Trắng

Ngân ngơ trăn cười suốt đêm

Mê mẩn cuộc vui đầy tháng...

6. KIỀU TỨ TỰ: TRUYỆN KIỀU RÚT GỌN (KIỀU GỌT)

KIỀU TỨ TỰ của cụ Cử Lại Trì Hà Mai Khôi. Tập này đã lấy các câu Kiều rồi cắt ra bốn chữ một để chắp lại với nhau thành một bài thơ dài gồm những câu chỉ có bốn chữ. Cả bài có 142 khổ thơ có 568 câu lược lại toàn bộ diễn biến của Truyện Kiều. Đây là 15 khổ thơ với 60 câu đầu tiên:

1. Gẫm duyên kỳ ngộ

Tác hợp cơ trời

Làm gương cho khách

Để bia muôn đời.

2. Rủi may âu cũng

Ghét bỏ chi nhau

Nhẹ nhàng nợ trước

Tương phùng kiếp sau.

3. Có nhà Viên ngoại

Vốn dòng nho gia

Một trai con thứ

Hai ả tố nga.

4. Đủ mùi ca ngâm

Nổi danh tài sắc

Phú quý ai bì

Phong lưu rất mực.

5. Vân xem trang trọng

Nét ngài nở nang

Kiều càng sắc sảo

Ngọc nói đoan trang.

6- Lần xem phong cảnh

Trong tiết Thanh minh

Ngôn ngang gò đồng

Nô nức yến anh

7- Đạm Tiên nàng ấy

Nắm đất bên đường

Xót người mệnh bạc

Ở dưới suối vàng

8- Đòi người đến thế

Trông thấy càng thương

Tần ngần dạo gót

Gặp gỡ giữa đường.

9. Họ Kim tên Trọng

Phong nhã hào hoa

Khách đà xuống ngựa

Kiều nép dưới hoa.

10. Xuân lan thu cúc

Quốc sắc thiên tài

Cùng nhau trông mặt

Ra tình đeo đai.

11. Sinh thì đạo gót

Nàng mới kíp dờn

Tựa ngòi bên triện

Nhường có bóng người.

12. Thấy một tiểu kiều

Vâng trình hội chủ

Mặt người vô duyên

Đoạn trường là số.

13. Cứ trong mộng triệu

Xiết nỗi kinh hoàng

Vâng lời khuyên giải

Thật ý lo lường.

14. Bông liễu bay ngang

Con oanh học nói

Là thói hữu tình

Đó ai gỡ mối.

15. Nỗi nàng canh cánh

Gác bóng chên chên

Ngôn ngang trăm mối

Duyên nợ ba sinh...

HÀ MAI KHÔI

(Tập chí Nam Phong số 50 năm 1922)

7. KIỀU NGŨ NGÔN: HỒI I. KIM KIỀU GẶP GỠ

KIM VÂN KIỀU NGŨ NGÔN gồm 1.500 câu ngũ ngôn trích từ những câu Kiều dựa theo trình tự 20 hồi cuốn Kim Vân Kiều Truyện có trích in trong quyển Từ Lầy Kiều, Đố Kiều... đến các giai thoại về

Truyện Kiều. Ở đây xin giới thiệu 56 câu của hồi I.

Năm Gia Tĩnh triều Minh

Phẳng lặng cả hai kinh

Có nhà Vương Viên ngoại

Gia tư cũng bậc trung

5. Đầu lòng hai chị gái:

Thúy Kiều và Thúy Vân

Cùng yếu điệu thanh tân

Kiều mặn mà sắc sảo

Tài sắc lại phần hơn

10. Hoa ghen thắm, liễu hờn

Đủ thi họa, ca ngâm

Thiên Bạc Mệnh nào nhân.

Vương Quan là trai tốt

Cũng là bậc văn nhân.

15. Ngày xuân tiết Thanh minh

Đi dự hội Đạp thanh

Cùng sắm sửa bộ hành

Gặp nắm mồ vô chủ

Sao hương khói vắng tanh.

20. Hỏi ra mồ kỹ nữ

Nàng xưa gọi Đạm Tiên.

Kiều sầu tuôn đứt nối

Khéo bầy là vô duyên

Thương tâm lòng sẵn mối.

25. Hồng nhan tự thưở xưa

Bạc mệnh có ai chữa,

Vội thấp vại nén hương

Tình cờ gặp giữa đường

Kiều lâm râm khẩn vái.

30. Càng ủ dột nét hoa,

Chiều cỏ áy bóng tà

Còn dùng dăng về, ở

Tiếng nhạc vàng đâu đã

Chừng thấy một văn nhân

35. Vài thằng nhỏ theo chân

Cỏ nhuộm non màu áo

Khách xuống ngựa tự tình

Hài văn bước dặm xanh

Tựa cây quỳnh cành dao.

40. Vương quen mặt ra chào

Dưới hoa hai Kiều nép.

Chàng họ Kim tên Trọng

Vốn nét đất văn chương,

Phong tư và tài mạo

45. Phong nhã lại hào hoa.

Chung quanh đất nước nhà

Bạc tài danh phú hậu,

Bóng hồng thấy nẻo xa

50. Gặp được tuần đố lá

Quốc sắc với thiên tài

Mà tình trong như đã:

Chập chờn cơn tỉnh, mê

Chẳng tiện dứt ra về

55. Bóng tà khách lên ngựa

Mà người còn ghé theo...

PHẠM ĐAN QUẾ

8. THƠ THẤT NGÔN: HOA ĐÀO NGÀY TẾT

Đâu bỗng không mua nã chuốc sầu;

Sầu người, buồn cảnh, có vui đâu!

Trương tô giáp mặt, hoa đào về...

Nào! Vạch da cây vịnh bốn câu!

Đào nguyên lạc lối đâu mà đến?

Đây: Kẻ đi muôn dặm một mình!

Khi cúi đầu, khi vò chín khúc

Chân mây mặt đất, một màu xanh.

Tường đông ong bướm đi về mặc,

Ai bấy lâu nghe tiếng má đào.

Mới thấy đây mà lòng đã chắc,

Đào càng treo giá, ngọc càng cao.

Lời lời châu ngọc hàng hàng gấm...

Sao một lời là một vận vào?

Tơ phím này trông ra ngọn cỏ,

Bao tuần trăng khuyết, đĩa dầu hao.

VŨ HOÀNG CHƯƠNG

(Tập chí Bách Khoa - 1973)

9. BẢNG CÁC BỘ VẦN TRONG TRUYỆN KIỀU

Dựa vào luật bằng, trắc trong thơ lục bát và ba qui tắc hiệp vần (bằng) trong thơ tiếng Việt, chúng tôi tách 3.254 câu thơ trong Truyện Kiều thành 1.627 cặp câu (gồm một câu lục và một câu bát liền nhau, cùng vần) và sắp xếp lại thành 16 bộ vần và giới thiệu trong quyển Tập Kiều - một thú chơi tao nhã hay Thú chơi Tập Kiều (Xem 16 bộ vần ở trang 38)

Bộ vần 12 (iêng) chỉ có một khổ là câu 241-242:

Hiên tà gác bóng nghiêng nghiêng

Nỗi riêng, riêng chạnh tác riêng một mình

Bộ vần 2 (Ai, oi, oai, ôi, ơi, uôi, ươi) là nhiều nhất gồm 266 cặp với 532 câu.

BẢNG 16 BỘ VẦN TRONG TRUYỆN KIỀU

Số thứ tự	BỘ VẦN	Số cặp lục bát	Số câu thơ
1	A – oa	155	310
2	Ai – oi – oai – ôi – ơi – uôi – ươi	266	532
3a	Am – ôm – ơm – uôm - ươm	6	12
3b	Ăm – âm	20	40
4a	An – oan – ơn	49	98

4b	Ăn – ân – uân	84	168
5a	Ang – oang – uông – ương – Ăng	140	280
5b	âng – ung	25	50
6	Anh – ênh – inh – oanh – uynh	115	230
7a	Ao – eo êu – iêu – iu – yêu	111	222
7b	Au – âu	87	174
8	Ay – ây – oay – uây	133	266
9	E – ê – I – ia – oe – uê – uy – uya – y	121	242
10	Em – êm – iêm – im	9	18
11	En – ên – iên – yên – yê	75	150
12	Iêng	1	2
13	O – ô – u – ua	20	40
14	On – ôn – uôn - un	19	38
15	Ong – ông – ung	120	240

16 || O – ư – ơ

71

142

Trong 16 bộ vần này (sắp thứ tự theo vần chữ cái) có 4 bộ vần gồm 2 nhóm là các bộ vần 3, 4, 5 và 7 như sau:

- Bộ vần 3 gồm 52 câu trong đó:

3a: Am, ôm, om, uôm, ươm (12 câu)

3b: Ăm, âm (40 câu)

- Bộ vần 4 gồm 268 câu trong đó:

4a: An, ơn, oan (100 câu)

4b: Ăn, ân, uân (168 câu)

- Bộ vần 5 gồm 330 câu trong đó:

5a: Ang, oang, uông, ương (280 câu)

5b: Ăng, âng, ưng (50 câu)

- Bộ vần 7 gồm 396 câu trong đó:

7a: Ao, eo, êu, iu, iêu, yêu (222 câu)

7b: Au, âu (174 câu)

Các vần thuộc họ a, b của cùng một bộ vần cũng có thể nối vần nhưng một số trường hợp hơi cưỡng ép vì vậy phải để tách riêng (vần ép).

Việc sắp lại thành các bộ vần như thế này sẽ giúp cho những ai muốn làm các bài tập Kiều, vịnh Kiều,... giảm bớt được rất nhiều thời gian bởi khi cần đến vần nào ta đã có ngay toàn bộ các câu Kiều thuộc vần đó để lựa chọn, và việc tập Kiều có thể thực hiện được một cách tự động.

Trong bảng trên, 3254 câu Kiều đã được sắp xếp lại thành 16 bộ vần mà chúng tôi đã giới thiệu đầy đủ trong quyển Tập Kiều - một thú chơi tao nhã, hay quyển Thú chơi Tập Kiều. Trên cơ sở đó ta có thể làm những bài tập Kiều một cách nhanh chóng và tự động bởi khi cần đến vần nào ta đã có ngay toàn bộ các câu Kiều thuộc vần đó để lựa chọn.

10. GIAI THOẠI VỀ HAI BÀI THƠ KHOÁN THỦ TẬP KIỀU

Thơ Khoán thủ (Khoán: đã định sẵn, Thủ: đầu) là một bài thơ mà chữ đầu của mỗi câu đều đã định

sẵn. Chuyện kể về một chàng nho sinh đã tỏ tình với người đẹp bằng cách làm một bài thơ gồm tám câu mà tám chữ đầu là:

TRĂM ĐIỀU HÃY CỨ TRÔNG VÀO MỘT TA.

Đó là câu mà Thúc sinh muốn nói để Thúy Kiều yên lòng nhận làm vợ lẽ. Và đây là lời chàng Thúc:

Đường xa chớ ngại Ngô Lào

Trăm điều hãy cứ trông vào một ta

Đã gần chi có điều xa

Đá vàng cũng quyết phong ba cũng liều

Một hôm, gặp được người đẹp, chàng nho sinh đã vội đưa lời ong bướm bằng bài thơ khoán thủ đó:

TRĂM nỗi bâng khuâng góp chuyện lòng

ĐIỀU chi mà ngại nghĩa non sông

HÃY buông lá thắm xuôi dòng vắng

CỨ để hoa đào cợt gió đông

TRÔNG nẻo lâu thơ chờ hạnh ngộ

VÀO trong giấc mộng đợi tao phùng

MỘT phen tâm sự hòa theo nhạc

TA sẽ cùng nhau viết thi chung...

Đây đúng là một bài thơ với giọng văn lơ lả: HÃY buông lá thắm xuôi dòng vắng. CỨ để hoa đào cợt gió đông!

Chàng nho sinh kia có biết đâu rằng dù bài thơ hay và thực khéo chọn chữ, nàng cũng không chịu được lời bông cợt ong bướm. Nàng đã cự tuyệt, nhưng khéo thay lại cũng bằng một bài thơ khoán thủ và lại cũng với một câu Kiều. Bài thơ đó như sau:

ĐI mãi đường xa mới biết lòng

ĐÂU còn mơ tưởng núi cùng sông

CHẲNG đem thơ ấy treo lâu vắng

BIẾT chọn hoa nào bán chợ đông

CON mắt chưa từng xanh thế tục

NGƯỜI quen đành tạm trắng tương phùng

SỞ Tàn, xin nhấn, thà xa cách

KHANH tương đầu mà nghĩ đỉnh chung.

Đây thực là một bài thơ họa với các chữ cuối câu giống nhau (lòng, sông, đông, phùng, chung) theo đúng luật. Lại là một lối từ chối khéo rất văn hoa nhưng cũng dùng tên Sở Khanh rất hợp. Tám chữ đầu câu lại cũng là một câu Kiều ĐI ĐÂU CHẴNG BIẾT CON NGƯỜI SỞ KHANH trong đoạn:

Thôi đà mắc lặn thì thôi

Đi đâu chẳng biết con người Sở Khanh

Bạc tình nổi tiếng lâu xanh

Một tay chôn biết mấy cành phù dung.

Sau đây chúng tôi xin công hiến bạn đọc hai bài thơ Khoán thủ tập Kiều theo đầu đề trên:

TRĂM ĐIỀU HÃY CỨ TRÔNG VÀO MỘT TA.

TRĂM năm tính cuộc vương tròn

ĐIỀU đầu ai biết hãy còn hôm nay

HÃY xem cho biết mặt này

CỨ coi cuộc rượu lại bày trò chơi

TRÔNG ra nhớ cảnh nhớ người

VÀO trong phong nhã ra ngoài hào hoa

MỘT lời đã biết đến TA

Đá vàng cũng quyết phong ba cũng liều.

ĐI ĐÂU CHẴNG BIẾT CON NGƯỜI SỞ KHANH

ĐI về cười nói tỉnh say

ĐÂU còn bẻ ái khi đầy khi vơi

CHẴNG ngờ đến thế thì thôi

BIẾT người, biết mặt trong đôi ba ngày

CON ong chấp cánh cao bay

NGƯỜI ôi biết nổi nước này cho chăng?

SỞ KHANH e ấp dùng dằng

Nào ai còn dám nói năng một lời.

10. TẬP KIỀU TRÊN TẠP CHÍ THẾ GIỚI MỚI

Đặc biệt là Tạp chí Thế Giới Mới (TGM) của Bộ Giáo dục và Đào tạo thì ngoài các cuộc thi như Học vui Vui học, Từ điển hoạt kê còn có thi tập Kiều kéo dài trên hai năm (1996-1998) viết về các đề tài:

- Màu sắc trong Truyện Kiều (Quang phổ trong Truyện Kiều),

- Loài vật (Bách thú trong Truyện Kiều)

- Cây cỏ trong Truyện Kiều nhân Tết trồng cây,

- Ròi Thúy Kiều đánh đàn gì?...

- Thất ngôn bát cú Truyện Kiều (TNBCTK)...

Trên 104 số TGM, từ số 190 ra ngày 24-6-1996 đến số 293 ra ngày 6-7-1998, Thi tập Kiều được nói đến trong khoảng ba chục số TGM, với hình thức thật đa dạng. Đây là bài nhận xét về kết quả các bài viết do bạn đọc tham gia đợt thi Bách thú trong Truyện Kiều trên thế giới mới số 225:

“Hóa ra, vườn Bách thú, đâu là Bách thú trong Truyện Kiều vẫn có sức hấp dẫn đối với cánh trẻ. Bạn Trần Hương Hương, học sinh lớp 11 Văn, PTTH Lê Hồng Phong, Nam Định, bắt đầu cuộc thăm viếng bằng con ngựa nên bài tường thuật nhập đề nhanh, mới phóng 8 bước thơ đã giới thiệu được tên 12 loài vật:

Vực ngay lên ngựa tức thì

Con ong cái kiến kêu gì được oan

Khuyển, Ưng đã đất mưu gian

Biết đâu hạc nội mây ngàn là đâu

Thân lươn bao quản lấm đầu

Miệng hùm nọc rắn ở đâu chốn này

Ve ngâm, vượn hót nào tày

Ngoài hiên thỏ đã non đoài ngâm gương...

“Đúng là dân chuyên văn. Đoạn trích trên chỉ là xếp đặt lại 12 dòng thơ đã có sẵn trong Truyện Kiều vậy mà Hương Hương vẫn kể được một câu chuyện về nỗi oan ức của ai đó!

“Bà Nguyễn Thị Xuân, 104 ngõ Ca Múa, khu Văn công Mai Dịch, Từ Liêm, Hà Nội, gửi tới dự thi 78 con vật, bắt đầu bằng ngày xuân con én đưa thoi, cho nên Sở thú của bà đẹp nhất là ở nơi... lưng chừng trời.

Nào người phượng chạ loan chung

Bồ chi cá chậu chim lồng mà chơi

Cánh hồng bay bổng tuyệt vời

Bướm, ong lại đặt những lời nọ kia

Đình ninh mài lệ chép thư

Gió đưa bằng tiện đã vừa dậm khơi...

“Bạn đọc Tạ Thanh Hà, giáo viên văn trường CDSP Nghệ An, mượn 27 con vật trong Truyện Kiều làm nền cho một câu chuyện tình mà kết cục là trước hàm sư tử gửi người đăng la, người bị gửi lại là người vô cùng yếu đuối:

Ruột tằm ngày một héo hon,

Tuyết sương ngày một hao mòn mình ve.

Dưới trăng quyên đã gọi hè,

Nhện này vương lấy tơ kia mấy lần...

Tạp chí Thế Giới Mới số 225 (3-3-1997)

C1-H3

C1-H4

[1] Nguyên văn của 4 câu này trong Truyện Kiều là:

1. Hoa quan pháp phối hà y rõ ràng (Câu 2266)

2. Nỗi danh tài sắc một thì - Xôn xao ngoài cửa hiềm gì yến anh (Câu 0063-0064)

3. Mà cho thiên hạ trông vào cũng hay (Câu 1962)

4. Bấy lâu nghe tiếng má đào - Mắt xanh chẳng để ai vào có không? (Câu 2181)

[2] Câu cuối bài Đề từ của Phạm Quý Thích - -- Nguyễn Bính sau vụ báo Trăm Hoa từ 1957 - 1958, vừa mới được trở lại làm việc ở Ty Văn hóa Nam Hà cuối năm 1964 -

[3] Bút hiệu của nhà thơ Hoàng Trung Thông

CHƯƠNG II. 10 BẢN DỊCH TRUYỆN KIỀU RA TIẾNG PHÁP

10 BẢN DỊCH KHÁC NHAU TỪ TRUYỆN KIỀU RA CÙNG MỘT NGOẠI NGỮ: TIẾNG PHÁP

Phải chăng trên thế giới thì đây là một quyển truyện thơ – hay một quyển tiểu thuyết dài bằng thơ – có nhiều bản dịch nhất ra cùng một ngoại ngữ. Trong các bản dịch Truyện Kiều ra tiếng nước ngoài thì dịch ra tiếng Anh cũng có 3 bản nhưng bản dịch Truyện Kiều ra tiếng Pháp là phong phú hơn cả. Hiện đã có tới 10 BẢN DỊCH KHÁC NHAU RA TIẾNG PHÁP, dịch toàn bộ 3.254 câu Kiều ra văn xuôi hoặc thơ – thơ tự do (En vers libres) hoặc thơ 12 chân (En alexandrins). Trong trên 100 năm qua Truyện Kiều đã được 10 lần dịch ra tiếng Pháp. Ta hãy đi vào cụ thể từng bản.

1. ABEL DES MICHELS (2 tập) – Paris 1884-1885 (Ernest Leroux).

Đúng ra bản này có 3 tập: tập I và II là bản chữ quốc ngữ có kèm theo bản dịch tiếng Pháp, tập III là bản chữ Nôm. Bản chữ Nôm này tuy có nhiều sai sót nhưng ở một mức độ nhất định phản ánh tiếng nói, cách hiểu, cách đọc của nhân dân ta lúc đó ở miền Nam. Khổ sách 18x28cm, chỉ có 3.252 câu – nhưng ở bản in ký hiệu 4o 1007 (II), của Thư viện Khoa học Trung ương lại ghi sai là 3.253 câu – vì từ câu 1067 đến câu 1072 (dẫn theo bản Quan Văn Đường Thành Thái Bình Ngô), bản Abel des michels chỉ có 4 câu mà lẽ ra phải có 6 câu. Riêng câu 1033, bản này chép đúng như bản Trương Vĩnh Ký nên có sự không khớp giữa bản Nôm và bản chữ quốc ngữ

Bản Kim Vân Kiều tân truyện của Abels des Michels nay rất hiếm và là một bộ sách quý đối với những nhà sưu tầm sách cổ. Bản dịch của ông có chú thích công phu (mặc dầu còn nhiều sai lầm) và có in kèm theo bản nôm đã được khảo đính nên tất nhiên trước hết có giá trị về mặt lịch sử văn bản. Đây là một bản Truyện Kiều đầu tiên được dịch sang tiếng Pháp nên có sai sót nhiều cũng là chuyện tất nhiên. Abels des Michels tốt nghiệp Bác sĩ Y khoa từ năm 1857, đã ra hành nghề nhưng lại quay sang học chữ Hán, chữ nôm, tiếng Việt để trở thành một giáo sư dạy Việt ngữ tại Trường Sinh ngữ Đông phương ở Paris từ năm 1872 đến năm 1892. Ta cần hiểu - một phần vì Abels des Michels là người Pháp, văn bản Truyện Kiều ông dùng có nhiều khiếm khuyết như ông đã nói rõ ở đầu sách - và lại vào những năm 1880, tiếng Việt mới ở bước đầu.

Trong lời nói đầu, Abels des Michels đã cho biết:

“Ce n'était pas chose facile que de donner pour la première fois une traduction du poème de Tútý Kiều. Outre qu'il est d'une longueur extraordinaire. C'est peut-être le plus difficile de tous ceux que sont éclos sous le pinceau des poètes de lài Annam”.

(Không phải là điều dễ dàng khi dịch lần đầu tiên truyện thơ Thúy Kiều. Không những nó đã quá dài mà nó lại là tác phẩm khó được viết ra dưới ngòi bút của các nhà thơ nước Nam).

“L'édition d'après laquelle j'avais commencé la présente traduction était presque illisible, tant les

caractères primitifs en avaient été dénaturés par l'imprimeur chinois, ignorant de la langue annamite, qui avait été chargé d'en faire la gravure et le tirage. Heureusement... j'en ai recu du Tonkin même une seconde, contenant comme c'est l'ordinaire une immense quantité de variantes, mais bien supérieure au point de vue des caractères qui ont servi à la produire...".

(Ấn bản mà tôi bắt đầu dùng để dịch gần như không đọc nổi nhất là các chữ gốc đã bị làm biến dạng đi bởi ấn công người Trung Quốc, không biết chữ nôm mà lại được giao cho việc khắc và in. May mắn tôi đã nhận được ngay từ Bắc Kỳ một quyển thứ hai, nó cũng như ta thường thấy vẫn có một số lớn các dị biệt nhưng khá hơn hẳn về mặt tự dạng, có thể giúp cho tôi lập lại được văn bản).

Như vậy Abel des Michels đã dùng bản Duy Minh Thị và bản Liễu Văn đường để dịch. Ông cũng cho biết đã theo cách viết bản chữ nôm của miền Bắc (J'ai respecté le plus souvent la forme tonkinoise des chữ nôm) vì lời văn có phong cách miền Bắc (Le style de l'ouvrage est tonkinois).

Tuy nhận xét như vậy nhưng khi phiên âm sang quốc ngữ ông đã viết chính tả theo cách viết của miền Nam như chúng ta thấy qua các chữ sau đây: Túy Kiều, Túy Vân, Thúc sanh, huỳnh lương, Hiệp phố, gả Tạ, bạc mạng, đờn bà, kim hườn, xoa (thoa), chích thân, bản đờn, kim (cầm) lành, huê nô, nhứt thì, thiệt lú, chia phui, mắc mớ (vớ), xử xêm, xuê (tươi) rún bê, đăm (đem), chịu con, trước mai, Tam bử, mằng, vung, băng nhơn, dắc (dắt) tay, dùi thẳng (dùng dẳng), bỉ bàng, cơn vụng, đập đều v.v...

Xin nêu một vài thiếu sót trong bản dịch này như sau :

* Câu 0116. Thác là thấy phách, còn là tinh anh.

Bản nôm chép chữ *** như hai bản Liễu Văn đường và Duy Minh Thị. Chữ này thường đọc là thể nhưng cũng có thể đọc là thấy tuy không có bộ *** (kiến) ở dưới. Vì phiên âm chữ *** là thấy Trương Vĩnh Ký nên Abels des Michels đã dịch hai câu: Kiều rằng: “Những đáng tài hoa - Thác là “thấy” phách, còn là tinh anh” là: “Lorsque, répondit Kiều, une personne savante et lettrée n'est plus, on peut voir son ombre encore sensible à nos yeux”. Đúng ra chữ *** phải phiên âm là thể và hai câu 115 và 116 phải dịch như Paul Schneider là: Kiều dit: “Chez les êtres d'élite, ce qui périt, c'est la forme corporelle; l'esprit demeure”. Hoặc như Nguyễn Văn Vĩnh đã dịch là: Kiều dit: “Les esprits d'élite (comme Đạm Tiên) ne meurent que du corps, leurs esprits survivent”. Chữ *** như vậy phải đọc là thể vì thể phách là một từ Hán Việt có nghĩa là forme corporelle, nó được đặt đối với tinh anh có nghĩa là esprit.

* Câu 2182. Mắt xanh chẳng để ai vào đồng không?

Bản nôm đã chép sai chữ *** (có) là *** (đồng) như bản Duy Minh Thị và bản Liễu Văn Đường. Vì chép sai như vậy nên Abels des Michels đã dịch từng chữ là: “(Un) oeil – noir - ne pas – laisse - qui que ce soit - entrer dans - (sa) cavité -vainement!”. Và đã dịch cả câu là: “À l'oeil d'un connaisseur, personne ne peut se soustraire!” Đúng ra câu ấy phải dịch từng chữ là: Mắt xanh (les yeux bleus) chẳng (ne pas) để (laisser) ai (qui, quiconque, personne) vào (entrer) có (oui) không (non)? và có thể dịch cả câu như Xuân Phúc đã viết: “... Dans vos yeux bleus, vous n'avez laissé entrer personne, est-ce vrai ou non?” (Dẫn theo Nguyễn Quảng Tuân).

2. THU GIANG – Paris 1915 (Challamel).

Hiện nay chúng tôi chưa tìm lại được bản dịch này , chỉ căn cứ vào bản kê: Những sách và bài có quan hệ về Nguyễn Du và Truyện Kiều (từ trang 49 đến trang 54) quyển Tập Văn hóa kỷ niệm Nguyễn Du năm 1942 (Do Đào Duy Anh chủ trương). Trong đó ở trang 50, mục C (Về những bản dịch Truyện Kiều ra tiếng Pháp) có kê ra 5 bản dịch mà bản của Thu Giang là bản thứ hai (Xem bản chụp lại) sau bản dịch của Abel des Michels. Mục này được ghi ở cuối trang 50 như sau :

Thu Giang Kim-Vân-Keou, Poème populaire annamite adapté en français , Paris Challamel, 1915.

Nội dung trên đây cũng được nêu lại trong quyển Thư mục về Nguyễn Du (1765-1820) của Lê Ngọc Trụ và Bửu Cầm biên soạn với sự bảo trợ của trường Đại học Văn khoa Sài gòn , Viện Khảo cổ , Nha Văn khố và Thư viện quốc gia, Bộ Giáo dục xuất bản Sài gòn 1965. có nghĩa là các tác giả trên cũng không có trong tay bản dịch này hoặc chưa tìm được. Và về sau, các thư mục sách viết về Truyện Kiều khác như của Trần Đình Sử ... đều có liệt kê bản dịch này .

3. RENÉ CRAYSSAC – Hà Nội 1926 (Imp. Lê Văn Tân)

Quyển: KIM VÂN KIÉOU – Le célèbre poème amamite de Nguyễn Du traduit en vers franVais par René Crayssac – Imprimerie Lê Văn Tân 1926. Bài tựa đã dài tới 83 trang giới thiệu về Nguyễn Du và Truyện Kiều cũng có thể coi như một chuyên luận viết về Truyện Kiều, mà nếu in ra ta cũng có được một quyển sách. Ngoài ra và cái chính là Crayssac đã dịch trên 100 trang thơ Truyện Kiều thành 384 trang thơ tiếng Pháp 12 chân (Alexandrin – vers de douze syllabes (de douze pieds) dans la poésie franVaise – là thơ 12 chân hay 12 tiếng phát âm). Ta thấy có:

- Prologue gồm: 19 đoạn

- 1ère partie: Le calvaire gồm 50 đoạn

- 2e partie: Réunis gồm 9 đoạn

và đoạn kết Epilogue.

Để dịch Truyện Kiều thành thơ, ông đã phải làm việc cật lực mất bốn năm. Bản dịch muốn hết ý phải kéo dài, thí dụ đoạn 1 ở phần mở đầu Prologue phải 94 câu thơ tiếng Pháp mới dịch nổi 38 câu Kiều từ câu đầu đến câu: 0038. Tường đồng ong bướm đi về mặc ai.

Để độc giả có tư liệu tham khảo, chúng tôi xin trích đoạn 6 câu đầu của Truyện Kiều đã được dịch thành 22 câu thơ tiếng Pháp 12 chân (En alexandrins) như sau:

0001. Trăm năm trong cõi người ta,

Chữ Tài chữ Mệnh khéo là ghét nhau.

0003. Trái qua một cuộc bể dâu,

Những điều trông thấy mà đau đớn lòng.

0005. Lạ gì bỉ sắc tư phong,

Trời xanh quen thói má hồng đánh ghen.

Được dịch thành:

Cent ans – le maximum d'une humaine existence

S'écoulent rarement sans qu'avec persistance,

Et comme si le Sort jalousait leur bonheur,

Sur les gens de talent s'abatte le malheur

Subissant l'âpre loi de la métamorphose,

On voit naître et mourrir si vite tant de chose!

Bien peu de temps suffit pour que fatalement,

Surviennent ici-bas d'étranges changements,

Pour que des verts muriers la mer prenne la place,

Tandis que, devant eux, ailleurs, elle s'efface!

Or, dans un temps si court, ce que l'observateur

Peut bien voir lài saurait qu'endolorir son coeur:

Que de fois l'ai noté cette loi si cruelle

De compensation, en vertu de laquelle

Tout être, sur un point, l'a de grande valeur

Qu'à la condition d'en manquer par ailleurs!

Inéluctablement, il doit, par l'infortune,

Racheter vertu rare ou grâce peu commune!

Le Ciel bleu, chaque jour, exerce son courroux,

Comme si leur éclat lài avait rendu jaloux

Sur les jeunes beautés dont la rose visage

Par ses charmes parait lui porter quelque ombrage!

Và đoạn 5 câu thơ cuối:

(Có tài mà cậy chi tài)

3248. Chữ tài liền với chữ tai một vần

3249. Đã mang lấy nghiệp vào thân

3250. Cũng đừng trách lẫn trời gần trời xa

3251. Thiên căn bởi tại lòng ta

3252. Chữ Tâm kia mới bằng ba chữ Tài

Đoạn này được dịch thành 10 câu thơ tiếng Pháp như sau:

Il faut se rappeler que le mot Tài (talent)

Avec Tai (le malheur) rime parfaitement

Nous portons nos destins en nous avec la vie.

???Lại nous plaignons donc point si la route suivie

Est cruelle à nos pas; l'accusons point le ciel

D'injustice et sachons ce point essentiel:

La racine du Bien dans notre coeur réside,

Or, notre conscience ajuuste qui préside

A l'involution des nobles sentiments

Pour faire le bonheur vaut trois fois le Talent.

4. L. MASSE – Paris 1926 (Edition Bossard).

Kim, Ven, Kièou, Roman traduit de l'Annamite par L.Masse, Édition Bossard, 140 Boulevard Saint Germain 140 Paris, 1926.

Bản dịch gồm Personnages – các nhân vật (19 nhân vật), Introduction và lời dịch câu chuyện. Đây chỉ

là bản lược dịch thành văn xuôi không theo sát nguyên văn qua 140 trang sách. Tác phẩm được chia thành 5 phần với 17 mục. Bản dịch bỏ hẳn đoạn mở đầu (6 câu) và đoạn kết (14 câu cuối).

Bỏ qua 6 câu đầu, đoạn giới thiệu gia thế và tài sắc chị em Kiều từ câu 0001 đến câu 0038 được dịch như sau:

Exemples fleuris, les livres qu'on lit tour-à-tour sous la lampe, les histoires d'amour d'autrefois et les Recueils d'Annales, nous raconte qu'en l'année Paix-et-Joie, sous les Minh, les Quatre Parties du Monde étant tranquilles, et les Deux Capitales pacifiées, vivait une famille du nom de Vuong, honorable et de rang moyen. Le dernier-né, était un fils, Vuong-Kouan, descendant d'une longue suite de lettrés. Avant lui, aussi belles que Tô-Nga, l'immortelle qui habite la Lune, venaient Thuy-Kiêu l'ainée, la cadette Thuy-Ven: Tailles élancées comme le prunier, teint blanc de neige, belles également, et également pures.

Ven avait l'air noble, plein de grâce et modeste. Sa bouche souriante s'ouvrait comme une fleur: ses paroles étaient de jade, son maintien plein de réserve; les nuages étaient moins brillants que ses cheveux, la neige moins pure que son teint mat. Kiêu, vive et gracieuse, était mieux douée encore en charmes et en talents; ses yeux avaient le reflet des étangs en automne; ses sourcils rappelaient les montagnes au printemps; la fleur était jalouse de l'éclat de ses joues, et la saule jaloux d'avoir moins de fraîcheur; l'une l'autre, belles à renverser royaumes et citadelles, elles avaient pour esclaves le talent et la beauté.

5. M. R (MARCEL ROBE) - Hà Nội 1944 (Edition Alexandre de Rhodes). Kim Vân Kiều, nouvelle traduction française – seconde édition, Hà Nội – Édition Alexandre de Rhode 1945.

Sách gồm:

- Một bản đồ Région de la Chine où déroule l'action du Kim Vân Kiều
- Avant Propos
- Notice sur Nguyễn Du et le Kim Vân Kiều
- Personnage du Kim Vân Kiều

Truyện Kiều được chia thành 27 chương và Épilogue từ câu 3221 đến 3254.

6. NGUYỄN VĂN VĨNH – Hà Nội 1942 (Tome I) và 1943 (Tome II) – NXB Alexandre de Rhodes

Bản Kim Vân Kiều – Traduction en français par Nguyễn Văn Vĩnh do Nhà Alexandre de Rhodes ấn hành năm 1942, 1943 Sau được tái bản tiếp vào các năm 1951, 1952 (Nxb Vĩnh Bảo, Sài Gòn), nhà sách Khai Trí năm 1970 và 1972, 1975 (Bản này do Công ty Phát hành sách TP Hồ Chí Minh cho in bìa phát hành năm 1982. Nxb Văn học tái bản vào các năm 1984, 199?. Có thể nói đây là bản dịch đã

được dịch giả đầu tư nhiều công sức và thời gian nhiều nhất, gần 30 năm. Đầu tiên, ông chuyển từ chữ Nôm ra chữ Quốc ngữ rồi mới bắt tay vào dịch. Từ 1908 đến 1936, ông đã ba lần dịch Truyện Kiều ra tiếng Pháp – theo Lời giới thiệu của Hữu Nhuận trong lần tái bản mới đây năm 1994 của Nhà xuất bản Văn Học:

- Từ 1908 đến 1910, trên hai tờ báo của mình, Notre journal và Notre revue, Nguyễn Văn Vĩnh giới thiệu và công bố bản dịch Kiều đầu tiên.

- Từ 1913 đến 1917, liên tiếp trên nhiều số Đông Dương Tạp chí, ông lại công bố bản dịch thứ hai, được chia làm hai tập, tập thứ hai đạt đến một cách dịch hoàn hảo hơn tập đầu.

- Từ 1933, sau nhiều năm dịch thành công một số tác phẩm tiêu biểu của văn học Pháp ra tiếng Việt, Nguyễn Văn Vĩnh bắt tay vào dịch lần cuối Truyện Kiều của Nguyễn Du ra tiếng Pháp in nhiều kỳ trên tờ *Lai Annam Nouveau* do mình chủ trương. Nhưng mãi bảy năm sau khi ông mất, năm 1942, Truyện Kiều – với tựa đề *Kim Vân Kiều* – bản dịch cuối cùng của ông mới được nhà Alexandre de Rhodes (Hà Nội) xuất bản với phần tranh minh họa của họa sĩ Mạnh Quỳnh.

Bản dịch ra đời được đón nhận như kết quả của một tâm hồn đa cảm, một trái tim dễ rung động và một tài hoa về ngôn ngữ Việt Nam cùng với sắc thái biểu cảm tinh tế của tiếng Pháp và thơ Pháp. Một bản dịch rất có giá trị nên cũng là bản dịch được in đi in lại nhiều lần nhất. Năm 1907, trên trang bìa cuốn Truyện Kiều quốc ngữ do ông phiên âm từ chữ Nôm in lần đầu, Nguyễn Văn Vĩnh đã cho in dòng chữ nói lên phương châm của mình: “Nước Nam ta sau này, hay dở cũng ở chữ quốc ngữ.”

Nếu bản dịch của Crayssac là bản dịch ra thơ Pháp (Alexandrins) công phu nhất thì bản của Nguyễn Văn Vĩnh là bản dịch ra văn xuôi tỉ mỉ và tinh tế nhất.

7. NGUYỄN KHẮC VIỆN – Hà Nội 1970 (NXB Văn Học)

Bản dịch này với tựa đề Nguyễn Du – Kiều do Nxb Ngoại văn Hà Nội (Édition en langues étrangères, Hà Nội) được tái bản vào năm 1974, gồm:

Nguyên Du (1765-1820)

Présentation du Kieu

Quelques considérations sur l'art de traduire

Sau đó là phần dịch Truyện Kiều ra tiếng Pháp thành thơ tự do (En vers libres??) khi thì theo từng dòng thơ, khi theo từng khổ thơ, khi lại theo từng ý, từng đoạn...

Cuối cùng là 4 trang lược chú đơn giản.

Từ năm 1979, sách được in lại nhiều lần bằng bản song ngữ Việt – Pháp.

Dịch giả không bị gò bó bởi từng câu thơ, ông dùng thể thơ tự do nên số chữ, vần, số câu không bị câu

thúc miễn là vẫn nói được cái ý, cái thần của đoạn thơ. Ta hãy xét qua đoạn mở đầu tác phẩm:

- Có khi ông dịch mỗi dòng thơ ra một dòng như với cả 10 dòng thơ đầu tiên của Truyện Kiều và đây là hai dòng 9-10:

0009. Răng: Năm Gia Tĩnh, triều Minh,

Bốn phương phẳng lặng, hai kinh vững vàng.

Thành hai dòng:

Sous l'empereur Gia Tĩnh, dynastie Minh

Calmes étaient les frontières, bien assises les deux capitales

- Có khi hai dòng thơ thành một dòng như:

0011. Có nhà viên ngoại họ Vương,

Gia tư nghĩ cũng thường thường bậc trung.

Thành một dòng:

Lors vivait l'honorable Vương, de moyenne fortune

0015. Đầu lòng hai ả tố nga,

Thúy Kiều là chị, em là Thúy Vân.

Thành một dòng:

Deux soeurs le précédaient, Thúy Kiều, Thúy Vân

- Lại có khi 2 dòng thơ trên được dịch thành một dòng:

0017. Mai cốt cách, tuyết tinh thần,

Mỗi người một vẻ, mười phân vẹn mười.

Vân digne, épanouie telle la lune dans ses plus beaux jours

thì hai dòng thơ tiếp:

0019. Vân xem trang trọng khác vời,

Khuôn trăng đầy đặn, nét ngài nở nang.

Lại được dịch ra thành 3 dòng

Avait le sourire de fleurs, une voix de cristal

Les nuages n'avaient la splendeur de ses cheveux

La neige la pureté de son teint.

- Hai câu 23-24 được dịch thành 2 dòng thì hai câu 25-26

0025. Làn thu thủy, nét xuân sơn,

Hoa ghen thua thắm, liễu hờn kém xanh.

Lại được dịch thành 4 dòng:

Par son regard les reflets des lacs en automne

Par ses sourcils la parure des bois au printemps

Les fleurs en pâlissaient de jalousie

Le saule pleurait de n'êta avoir son élégance...

8. XUÂN PHÚC - XUÂN VIỆT - Paris 1961 (Gallimard).

Nguyễn Du – Kim Vân Kiều, traduit du vietnamien par Xuân Phúc et Xuân Việt, 192 trang do Gallimart xuất bản trong tủ sách Connaissances de l'Orient, Paris 1961.

Đây là bản dịch Truyện Kiều ra văn xuôi. Trong phần Mở đầu (Introduction) có hai mục:

Nguyễn Du ou la souffrance du poète.

Kim Vân Kiều, miroir de l'âme vietnamienne.

Ngoài Prologue và Épilogue, dịch giả chia Truyện Kiều thành 3 phần với 20 mục:

I. Prédestination với 9 mục: Dans la paix du gynécée – Rencontre de la morte – Rencontre du vivant – Le rappel de la dette antérieure à la naissance – L'échange des serments – La séparation – Le malheur – L'heure du choix và Le départ.

II. Expiation với 9 mục: Le moule du stratagème – Ce reste de pureté, je promets de m'en corriger désormais – Le brasier ardent – Un amour de lune et de vent – L'acide vinaigre – La porte du vide – Nouvelle chute dans le brasier ardent – Un coeur de héros và Le fleuve Tiền Đường.

III. Résurrection qua 2 mục: À la recherche de l'amour perdu và Le bonheur retrouvé.

Đoạn mở đầu (0001. Trăm năm trong cõi người ta ... 0006. Má hồng đánh ghen) được dịch như sau:

En Cent ans, dans ces limites de l'humaine carrière, comme talent et destinée se plaisent à s'affronter! À travers tant de bouleversements, - mers devenues champs de muriers – que de spectacles à frapper douloureusement le coeur! Oui, telle est la loi: nul don qui ne doive être chèrement payé, et le ciel bleu jaloux a coutume de s'acharner sur le destin des jous roses.

4 câu tiếp nêu không gian và thời gian xảy ra câu chuyện (Cảo thơm lần giở ... Hai kinh vững vàng) được dịch như sau:

Manuscripts parfumés feuilletés sous la lampe, ces “Amours de jadis”, que l'histoire commémore encore en ces vertes tablettes, nous racontent qu'en une certaine année de règne de Gia Tinh sous la dynastie des Ming, l'Empire était calme aux quatre points cardinaux et les deux capitales fermes sur leurs assises...

9. LÊ CAO PHAN (En alexandrins) - Hà Nội 1994 (NXB Khoa Học Xã Hội)

Truyện Kiều – Histoire de Kiều, traduit du vietnamien en alexandrins avec notes et commentaires par Lê Cao Phan, Édition des Sciences sociales Hà Nội 1994 (Publié avec l'aide financière de l'UNESCO).

Bản dịch Truyện Kiều được chia ra làm 5 phần như bản của Xuân Phúc - Xuân Việt. Trước đó là một số bài viết về Nguyễn Du và Truyện Kiều: - Nguyễn Du - Résumé de l' Histoire de Kiều - Carte de Chine (Région où se déroule l'action de l'Histoire de Kiều) – Introduction - Remerciements du Traducteur

Truyện Kiều được phân thành 5 phần với 24 mục, trừ 2 mục ở phần mở đầu và kết thúc, 3 phần chính của tác phẩm được chia thành 22 mục: phần II (8 mục), phần III (11 mục), phần IV (3 mục). Từng câu thơ (hay dòng thơ) lục bát Truyện Kiều đều được dịch ra tương ứng với một câu thơ Pháp 12 chân (En alexandrins). Mỗi câu thơ tiếng Việt ra một câu thơ Pháp 12 chân - đây là ưu điểm lớn nhất của bản dịch này. Dịch giả không chỉ có một vốn tiếng Pháp dồi dào, tiếp thu cách dịch cũng như chọn từ của những người đi trước mà còn phải bỏ nhiều công sức mới hoàn thành được, nhất là khi ông lại đồng thời thực hiện bản dịch Truyện Kiều nữa ra tiếng Anh.

Và đây là đoạn thơ dịch 6 câu đầu tiên của Truyện Kiều:

0001. Cent ans – En la durée d'une existence humaine,

le talent et le sort se prennent tant en haine!

0003. Verdoient des muriers là où roulait la mer.

Quelle douleur de voir un changement amer!

0005. Loi de contrepartie, loi bien commune aux choses:

souvent, le Ciel jaloux sévit sur les jous roses.

Và đoạn dịch 14 câu thơ cuối (3241-3254):

3241. Tout, à bien réfléchir, vient de l'ordre céleste.

Pour le sort de chacun il est donc manifeste

3243. Quand le Ciel nous l'exige, on vit dans la douleur,

Mais lorsqu'Il le permet, c'est noblesse et grandeur.

3245. Jamais de privilège accordé à personne:

Don et Sort tous parfaits? – Non, la balance est bonne.

3247. À son génie, qu'on ne se fie pas tellement:

le mot “accident” rime avec le mot “talent”

3249. Si jamais le Karma nous pèse sur l'échine,

n'accusons point le Ciel de ce qu'Il nous destine.

3251. Germant dans notre coeur, la bonté est sortie.

C' est le coeur qui, tout seul, vaut trois fois le génie.

3253. Puissent ces longs propos aux rimes sans merveilles

vous distraire en soirée, au moins pour quelques veilles!

10. LƯU HOÀI (En vers libres) - Hà Nội 1999 (NXB Văn Học).

Bản dịch này dùng văn bản Truyện Kiều và chú thích của bản Bùi Kỳ - Trần Trọng Kim (Bản của NXB Tân Việt), dịch giả không phải quan tâm đến vấn đề văn bản. Bản này đã được Nxb Văn học cho tái bản năm 2003. Dịch phẩm gồm:

- Quelques réflexions sur la traduction “Histoire de Thúy Kiều” (một vài cảm nghĩ về dịch phẩm “Truyện Thúy Kiều”) của Thanh Vân Nguyễn Duy Nhường - trang 5-6.

- Préface (Lời tựa) - trang 9-39

- Bản dịch văn bản Truyện Kiều và lời chú từ quyển Truyện Thúy Kiều của Bùi Kỳ - Trần Trọng Kim từ trang 41 đến 385 (Theo bản in lần thứ hai)

Dịch vốn được coi là phản (Traduire, c'est trahir), mà ở đây lại là dịch thơ, hơn nữa không chỉ là dịch một câu thơ, một bài thơ mà là cả một quyển truyện thơ với 3.254 câu. Lại là những câu thơ bậc thầy, nên rõ ràng là không một bản dịch nào có thể được coi là bản dịch ưng ý và chắc chắn sẽ còn những bản dịch khác nữa từ Truyện Kiều ra tiếng Pháp. Những bản dịch được đánh giá cao là các bản của Crayssac, Nguyễn Văn Vĩnh, Nguyễn Khắc Viện, Lê Cao Phan. Mười bản dịch tuy giá trị có khác nhau nhưng đều chứng tỏ một sự dày công nghiên cứu cũng như dịch thuật và đặc biệt là một tấm lòng say mê vô hạn đối với tác phẩm thiên tài của Nguyễn Du.

Câu chữ Truyện Kiều vốn rất là tinh tế và phức tạp, không đơn giản. Trong chương này chúng tôi chỉ có thể nêu lên một vài ví dụ. Qua các bản dịch, ta có thể so sánh để nói đôi điều. Hãy lấy chữ ở chung trong câu 1034:

(Trước lầu Ngưng Bích khoá xuân)

1034. Vẻ non xa, tấm trăng gần, ở chung...

Ở chung ở đây có nghĩa như thế nào? Bản Nguyễn Văn Vĩnh dịch câu này như sau:

La silhouette des montagnes loitaines et le disque de la lune toute proche, se montrait sur le même plan (Bóng của những dãy núi xa và vành trăng rất gần như trên cùng một bình diện – ở chung)

Bản M.R. dịch khác đi nhưng với cùng một nghĩa:

Une frange de monts loitains fondait dans l'éclat de la lune voisine

Cảnh như vậy là rất nên thơ, nên hoạ, rất mới. Hay bản của Lưu Hoài dịch thành: L'ombre des monts loitains et la lune toute proche semblaient réunis

Nhưng ở đây có lẽ phải hiểu như Crayssac: Ở lầu Ngưng Bích không có người thứ hai, Kiều chỉ có núi với trăng là bạn, đêm ngày Kiều ở chung với núi và trăng hay núi và trăng ở chung với Kiều như lời dịch rất văn vẻ của Crayssac:

Elle y vit désormais recluse, ne comptant

D'autre amis que les silhouettes lointaines

Des montagnes, là bas, à l'horizon des plaines

Et, plus proche la lune au beau disque argente

Dont les rayons blafards viennent la visiter.

Sau này bản dịch của Nguyễn Khắc Viện cũng hiểu như vậy và dịch thành hai dòng thơ:

Au loin se profilait les silhouettes des montagnes

Comme la lune toute proche, elle lui tenaient compagnie.

Lê Cao Phan dịch thành một dòng thơ tương ứng:

Seuls la lune et les monts semblaient avoisinants.

Ở đây không thể đi sâu do giới hạn của đề tài, ta chỉ có thể qua một vài thí dụ để thấy cái phức tạp của vấn đề. Mười dịch giả, có người bỏ ra vài ba năm, có người hàng chục năm, mới chỉ để chuyển tải Truyện Kiều ra tiếng Pháp thì chúng ta thấy quả là trên văn đàn Việt Nam thế kỷ XX, Truyện Kiều có một vị trí đặc biệt đến thế nào: “Thì treo giải nhất chỉ nhường cho ai!”... Không biết trên thế giới có một quyển truyện thơ nào lại được người ta yêu thích đến nỗi có được tới 10 bản dịch ra cùng một ngôn ngữ hay không khi các bản dịch này lại được in và tái bản nhiều lần. Để có dẫn chứng cụ thể, chúng tôi xin giới thiệu ở đây bìa của 9 bản dịch qua những lần in hoặc tái bản.

Thật ra còn một bản Kiều tiếng Pháp nữa của Hoàng Xuân Nhị: quyển Thuy Kiêu – voix nouvelle sur un thème éternel de souffrance do MERCVRE DE FRANCE, Paris xuất bản năm 1942. Nhưng đây không phải là bản dịch Truyện Kiều ra tiếng Pháp mà là một vở kịch về Truyện Kiều mà chúng tôi sẽ giới thiệu ở mục XII Phần thứ ba. Ở đây xin giới thiệu bản chụp bìa quyển sách này.

CHƯƠNG III. 7 QUYỂN HẬU TRUYỆN KIỀU

Truyện Kiều là truyện thơ có nhiều người viết phần tiếp theo nhất trên thế giới mà tất cả đều viết bằng thơ: 7 quyển Hậu Truyện Kiều đều được viết bằng hàng ngàn câu thơ lục bát, chúng tôi đã trình bày vấn đề này trong quyển LỤC BÁT HẬU TRUYỆN KIỀU (NXB Thanh Niên 2002):

Ngoài những hình thức văn hoá khác nhau như lấy Kiều, đồ Kiều, tập Kiều ..., Truyện Kiều còn làm người đọc say mê đến mức cảm thông với số phận của nàng Kiều bạc mệnh... và muốn cho Kiều được hưởng hạnh phúc đền bù. Chính trên cơ sở đó, những cuốn Hậu Truyện Kiều đã ra đời. Trong những tác phẩm này, hầu hết các tác giả đã hư cấu để câu chuyện xảy ra trên đất Việt với những địa danh tại Việt Nam và với những nhân vật người Việt mà trước sau sẽ được cho biết là hậu thân của một nhân vật nào đó trong Truyện Kiều. Trên văn học thế giới có những tác phẩm được người đời sau mến mộ đã viết phần tiếp theo của tác phẩm như: Hậu Tam Quốc, Hậu Thủy Hử, Hậu Tây Du Ký... ở Trung Quốc, Hậu Cuốn Theo Chiều Gió hay Hậu Scáclét ở Hoa Kỳ... mà trong đó có những lý do mang tính thương mại. Riêng ở Việt Nam, đặc biệt đối với Truyện Kiều, ta có thể hoàn toàn loại trừ những lý do này.

Ở đây ta có thể thấy một kiểu công chúng hòa mình vào tác phẩm, biến mình thành người gần như trong cuộc của thế giới trong tác phẩm. Họ yêu mến Thúy Kiều như một con người thực, họ thương nàng Kiều "một trang thiếu nữ ngàn vàng", gặp được chàng Kim "trang tài tử số một", thế mà lại không được sum họp, phải trải phong trần mười lăm năm, đến "nhị rữa hoa tàn" mới trở về được với người tình chung xưa cũ. Bất bình với hoá công, căm giận bọn người chà đạp nhân vật yêu mến của mình, những độc giả ưu tú này đã quyết làm một cuộc đền đáp và những quyển Hậu Truyện Kiều được nảy sinh trong tâm thế ấy (Lại Nguyên Ân). Bảy quyển đó là:

1. Đào Hoa Mộng ký, với khoảng 3.000 câu thơ lục bát - Tác giả Mộng Liên Đình, mới phát hiện năm 1993, do giáo sư Trần Nghĩa dịch, in trong Tổng tập tiểu thuyết chữ Hán Việt Nam - Tập 4 (Nxb Thế giới, 1995).
2. Đào Hoa Mộng ký Diễm Ca, với 1.910 câu thơ lục bát - Tác giả Hà Đạm Hiên, do Phạm Văn Phương dịch ra chữ Quốc ngữ từ bản chữ Nôm, Mạc Đình Tư xuất bản tại Hà Nội, năm 1917.
3. Kiều Tân thời, với 304 câu thơ lục bát - Tác giả Bạch Diện, Nhà in Trung Bắc, Hà Nội 1935
4. Kiều Bình dân học vụ với 2.050 câu thơ lục bát - Tác giả Nguyễn Văn Trinh, Sở Giáo dục Hà Nội, 1958 - 1985
5. Đoạn Trường Vô Thanh, với 3.296 câu thơ lục bát - Tác giả Phạm Thiên Thư, Nhà xuất bản Nền Hồng, Sài Gòn, 1972 - Tái bản: Nhà xuất bản Đại Nam, Hoa Kỳ, 1993
6. Đoạn Trường Nhất Thanh, với 1.028 câu thơ lục bát - Tác giả Trần Thanh Vân, Nhà xuất bản Kiên

Giang, 1990

7..Truyện Kiều đọc ngược, với toàn bộ 3.254 câu Kiều xếp ngược lại - Tác giả Phạm Đan Quế, Nhà xuất bản Thanh Niên, 2002

I. ĐÀO HOA MỘNG KÝ

- TỤC ĐOẠN TRƯỜNG TÂN THANH

Tác giả là Tiên Phong Liên Đình tên thật là Nguyễn Đăng Tuyển hiệu Mộng Liên Đình, là tác giả của bài bình đầu tiên nổi tiếng về Truyện Kiều viết năm 1820 dưới bút hiệu Mộng Liên Đường chủ nhân.

Bản chữ Nôm chép tay của quyển này hiện lưu tại Viện nghiên cứu Hán Nôm (ký hiệu VHV.2152 và A436) mới được phát hiện và thông báo vắn tắt trong bộ Di sản Hán Nôm Việt Nam - Thư mục đề yếu năm 1993. Năm 1997, sách đã được nhà nghiên cứu Trần Nghĩa cho dịch, giới thiệu và in trong Tổng tập tiểu thuyết chữ Hán Việt Nam - Tập 4 (Nxb Thế giới). Tác phẩm gồm 8 quyển nhưng rất tiếc là chỉ còn quyển 1 và 2, bị mất 6 quyển sau. Rất may là trong quyển 1 lại có hai thiên lược truyện bằng văn xuôi chữ Hán cho ta biết hầu như toàn bộ diễn biến của câu chuyện, đó là:

- Hội Chân ký (Nguyên Sinh tiểu truyện - hậu thân của Kim Trọng).

- Đào Hoa mộng (Lan Nương tiểu truyện - hậu thân của Thúy Kiều).

Từ quyển 2 đến quyển 8 là hai mươi hồi bằng khoảng 3.000 câu thơ lục bát và các phần bình luận của từng hồi. Hiện chỉ còn lại quyển 2 với 2 hồi đầu và 292 câu thơ.

Tuy nhiên, đối chiếu 292 câu thơ còn lại này với đoạn đầu của quyển Đào Hoa Mộng ký diễn ca mà chúng tôi mới tìm thấy tại Thư viện Quốc gia Hà Nội (sẽ trình bày ở mục II) thì ta có thể tạm thời chấp nhận rằng Đào Hoa Mộng ký và Đào Hoa Mộng ký diễn ca là hai tác phẩm khác nhau. Quyển thứ nhất do Mộng Liên Đình viết, còn quyển thứ hai là do Hà Đạm Hiên viết có cùng cốt truyện theo những tư liệu hiện còn lại.

Trong hai tác phẩm thuộc thế kỷ XIX, với cùng cốt truyện, các tác giả cho các nhân vật Truyện Kiều tái sinh, hiện diện ở kiếp sau, một số nhân vật vẫn là người thế tục (Lan Mẫu, Quan Thục...), một số được kể như những người tiên giáng trần (Nguyên Sinh là Kim Đồng nơi Đê sở, Lan Nương là Thê nữ trên Thiên giới...), còn các nhân vật phản diện lại thác sinh thành loài vật, yêu ma (Mã Giám Sinh thành Mã tinh, Sở Khanh thành Hầu tinh, Hồ Tôn Hiến thành Hồ tinh...). Đó là cách ban phúc, giáng họa, thưởng phạt công tội với các nhân vật trong Truyện Kiều.

Câu chuyện đều được chuyển về Việt Nam như sau:

Nguyên Sinh (Kim Trọng)[1] người Giang Bắc, tổ tiên nhiều đời làm quan to cho nhà Lê. Vợ đầu của Sinh là Trần Thị (Thúy Vân) vốn con nhà trâm anh thế phiệt, tính tình nhã nhặn, ôn hoà nhưng vợ chồng con ăn ở gắn bó với nhau đến bốn năm trời mà chưa có con. Mẹ chồng thương thường bảo nàng tìm kiếm cho chồng một người vợ lẽ, nàng rất vui lòng. Nhà Sinh ở Hạc Giang gần Hoa Long Tự. Một hôm chàng đi săn với hai con chó (Ứng Khuyển) ghé vào chùa trò chuyện cùng nhà sư thì có tiểu đồng vào

báo nơi quán trà trước cửa tam quan có hai đào nương đang nghỉ chân, nhan sắc tuyệt đẹp! Thì ra đó là 3 mẹ con Lan Mẫu (Giác Duyên) và hai người con gái: Kiều Lan (Thúy Kiều) là chị có cái đẹp vô cùng quyến rũ lại thạo về đàn nguyệt, cứng cỏi tự tin và em là Kiều Huệ (Đạm Tiên) thì khéo chiêu đón ý người.

Sinh đang thường thức tiếng đàn của Kiều Lan và hai người bắt đầu quyến luyến nhau thì có lệnh mẹ chàng gọi nên phải ra về. Chàng nhờ nhà sư thu xếp dùm. Nhà sư giới thiệu Lan Mẫu với chủ quán trà là Kiều Âu (Mụ Quán gia). Sau đó Lan Mẫu đưa Kiều Âu cùng bà chị gái là Quan thị (Hoạn bà) và đứa cháu gái là Kiều Thư (Hoạn Thư) về nhà Lan, sau Kiều Thư làm nữ tì cho Lan. Rồi Kiều Âu mời Nguyên Sinh tới nhà Lan. Gặp lại Lan, Sinh đem lòng ái mộ, nhưng trước khi ra về hai con Ưng Khuyển cứ lưu luyến mãi Kiều Lan, chàng bèn để lại cho nàng. Sau chàng về thưa với mẹ, muốn được gá nghĩa cùng Lan. Trong lần gặp gỡ đầu tiên, Lan trò chuyện rất tâm đắc với tiểu thư Trần Thị. Càng tâm sự, càng ăn ý, tiểu thư thưa với mẹ muốn cùng Lan kết nghĩa chị em. Mẹ và vợ vốn vẫn đang muốn nạp thiếp cho Sinh nên chấp thuận và chọn ngày làm sinh lễ. Sau lễ cưới, Lan sang nhà mới là Trường Xuân viện. Sinh lúc ở với Lan, lúc về với Trần Thị. Chàng cùng Lan thường thay nhau về thăm mẹ chàng.

Được ít lâu Sinh có lệnh gọi tới phủ đường nhận nhiệm vụ. Chàng dặn Trần Thị ở nhà săn sóc mẹ, và về Trường Xuân viện báo cho Lan biết. Lan không tỏ ra bi lụy vì phải xa chàng. Nàng đem số vàng bạc do mình dành dụm được trao cho chàng trước khi chàng lên đường chinh chiến ở Tuyên Quang.

Nguyên tại vùng sâu Tuyên Quang có một con cáo già đã biến thành Hồ tinh (Hồ Tôn Hiến) lập một cái động để quây rối trong vùng. Nó có bốn con yêu làm đệ tử là Trư tinh (Tú bà, Bạc bà) Hầu tinh (Sở Khanh) Mã tinh (Mã giám sinh) Dương tinh (Bạc Hạnh). Tù trưởng Dư Mỗi (Tù Hải) diệt bọn yêu tinh nhưng bị bọn xấu ghen ghét vu oan và bị bắt giam. Nguyên Sinh hay tin đã dâng sớ xin cho Dư Mỗi lập công chuộc tội. Dư Mỗi (Tù Hải) sau lấy Mã Kiều (Mã Kiều) mà chàng cứu được. Chàng lại có một người bạn là Giải Sinh (Thúc Sinh) phong lưu giàu có bèn làm mối cho Kiều Thư (Hoạn thư) ... Như vậy các nhân vật Truyện Kiều nay đều thác sinh thành những nhân vật mới để thưởng phạt theo công tội.

Kiều Lan quay trở lại. Về đến nhà, nàng xây một ngôi chùa nhỏ ngay trong vườn hoa để tụng kinh niệm Phật. Mẹ nàng Lan Mẫu (Giác Duyên) nay cắt tóc đi tu. Nghề ca xướng giao lại cho Huệ (Đạm Tiên) và Thư (Hoạn thư) tiếp tục. Sau Huệ lấy một khách buôn người Việt Đông (khách viễn phương), mở tiệm bán hàng. Được một năm thì Lan Mẫu ốm chết. Trước lúc mất, bà dặn đem thi hài quan ở phía sau chùa trong vườn, đợi khi Nguyên Sinh về xây tháp ở Hoa Long tự thì đem di hài bà an táng vào đấy để mãi mãi được nương bóng từ bi.

Sau Nguyên Sinh được lệnh trấn giữ Tuyên Quang. Chàng về nhà thăm mẹ và xin phép cho vợ cả Trần Thị đi cùng chàng. Nhưng Trần Thị tự nguyện ở lại hầu hạ mẹ, bảo Kiều Lan thay mình đi với Sinh. Nguyên Sinh cùng Lan đến ly sở. Trong khi giải quyết công việc, Sinh rất công bằng, được quan dân địa phương tin yêu. Sau hai ba năm cai quản, chàng làm cho cả một dải đất biên thủy trở nên ổn định.

Được ít lâu, Sinh thảo tờ sớ xin cáo quan về phụng dưỡng mẹ già. Chàng về nhà làm lễ mừng thọ mẹ rồi sau đó sang Trường Xuân viện thuê thợ mua đá xây tháp chín tầng ở Hoa Long tự, đem xá li mẹ Lan an táng vào đấy.

Lại bốn năm nữa trôi qua. Trần Thị đường con cái đã chẳng ra gì, mà Lan thì cũng không sinh nở được. Mẹ chàng xót xa, cho các con được tùy ý, vợ chồng rong thuyền ngao du sơn thủy. Đến đâu Sinh và Lan cũng làm thơ đề vịnh, xướng họa, phần nhiều đều khả thủ.

Năm sáu năm nữa lại trôi qua. Lan bấy giờ tuy đã ngoài ba mươi tuổi mà tóc tai da dẻ như đang độ hoa niên, người so với tám chín năm về trước càng thêm xinh đẹp, ai cũng lấy làm lạ.

Một hôm, ngoài cổng Trường Xuân viện có tiếng người xô xao. Lan nhìn kỹ thì ra là Huệ. Hai chị em tay bắt mặt mừng, hỏi han tình hình về nhau. Huệ kể lại việc chồng đã mất thi hài được đưa về Việt Đông chôn cất. Nay muốn xuất gia nên về trụ trì tại Hoa Long tự cho tròn chính quả. Lan đem lời Huệ kể lại với Sinh. Chàng bèn cho mở rộng thiền trai để Huệ vào tu. Sinh và Lan sớm tối vui vầy, bất giác đã qua nhiều năm tháng. Từ thuở gặp nhau đến nay, chốc đã mười lăm năm! Và đây là đoạn kết trong Nguyên Sinh tiểu truyện:

“Một hôm ngủ trưa dậy, mặt Lan đầm đìa nước mắt. Sinh thấy lạ hỏi. Lan sụt sùi nói:

“ - Thiếp hồi còn trẻ ra chơi dưới gốc cây anh đào trong vườn, có nghịch bẻ một cành hoa vừa ngắm vừa than thở. Khi vào nhà, đem truyện Tân thanh ra đọc thẩn thức hồi lâu. Tối hôm đó ngủ, thấy có mấy chục cô bạn gái lượn tới. Hỏi ra mới biết họ đều là Thần Hoa đào. Họ bảo kiếp trước thiếp là Thúy Kiều, chàng là Kim Trọng. Vì duyên xưa chưa trọn vẹn nên kiếp này sẽ gặp nhau, nhưng chỉ được đoàn tụ mười lăm năm thôi, để bù lại thời gian chia lìa trong kiếp trước. Khi mãn hạn, phải vào nương cửa Phật, không được lẩn khân, cũng không được tiết lộ. Bởi vậy từ khi hội ngộ tới giờ, thiếp không dám nói cho chàng hay. Nay lại mộng thấy Hoa Thần đến báo thời gian gặp gỡ giữa thiếp và chàng đã hết, thiếp phải chia tay chàng, không thể ở lại lâu, sẽ bị quả trách. Thiếp xoè tay bấm đốt, trừ thời gian ly biệt, đôi ta đã sum họp vừa đúng mười lăm năm. Cuộc tao phùng tới đây kết thúc. Hẹn gặp lại nhau ở điện Linh Tiêu!

“Nói xong, nàng cùng Sinh đến Hạc Giang bái biệt từ mẫu và tiểu thư. Cả nhà đều than tiếc, nhưng không làm sao được. Lan lại cùng Sinh về Trường Xuân lập đàn chay, cúng Phật hai mươi một ngày, rồi nàng xuống tóc vào chùa làm sư. Được ít lâu, nàng đến trụ trì ở chùa Vọng Nguyệt trên Đảo Sơn, rồi không biết đi đâu...”

Ghi lại giấc mộng gặp Thần Hoa Đào nên tác phẩm được đặt tên là Đào Hoa Mộng Ký.

II. ĐÀO HOA MỘNG KÝ DIỄN CA

- KIM VÂN KIỆU HẬU THÂN

Đầu năm 2000, trong khi lục tìm kho sách quốc ngữ đầu thế kỷ XX, tại Thư viện Quốc gia Hà Nội, chúng tôi phát hiện được một quyển Đào Hoa Mộng ký khác đã được phiên ra chữ Quốc ngữ. Đó là quyển Đào Hoa Mộng ký diễn ca, ký hiệu P 5303(10) do Phạm Văn Phương dịch, Nhà in Mạc Đình Tư xuất bản, in lần thứ nhất năm 1917. Sách gồm 1.910 câu thơ lục bát kể lại câu chuyện về Lan Nương và Nguyên Sinh - hậu thân của Thúy Kiều và Kim Trọng. Theo Phạm Văn Phương thì tác giả là Hà Đạm Hiên nhưng không thấy ông Phương ghi chú gì thêm về nguyên bản chữ Nôm. Tuy cùng một

câu chuyện về giấc mộng hoa đào nhưng nội dung lời thơ quyền này lại khác hẳn với cuốn truyện thơ của Nguyễn Đăng Tuyển chép bằng chữ Nôm (ít nhất là so với hai hồi còn lại trong quyền này) mà chúng tôi đã giới thiệu ở phần trước và quý vị độc giả có thể nhận ra.

Trong BÀI TỰA viết năm 1917 ở quyền diễn ca này, ông Phạm Văn Phương khi phiên âm từ chữ Nôm ra chữ Quốc ngữ không thấy nói gì nhiều về bản gốc mà ông sử dụng, ngoài một nội dung như sau:

"...Tôi có xem bộ tiểu thuyết nước ta gọi là Đào Hoa Mộng ký, (có người gọi là Kim Vân Kiều hậu thân) của ông Hà Đạm Hiên làm ra, truyện này nguyên là truyện Kim Vân Kiều bên Tàu kiếp trước, giáng sinh sang nước ta như: Nguyên Sinh, kiếp trước là Kim Trọng; Lan Nương, kiếp trước là Thuý Kiều, cho đến Đạm Tiên, Thúc Sinh, Hoạn Thư, Từ Hải, Thuý Vân, Bạc Hạnh, Bạc Bà, v.v... chẳng sót một người nào, thần Đào hoa báo mộng cho vợ chồng Nguyên Sinh biết, nên gọi là Đào Hoa Mộng ký, nếu đã biết Truyện Kiều mà xem đến truyện này, thì thực là lý thú lắm, thế mới biết ở lành gặp lành, ở ác gặp ác, chả ai là thoát khỏi lưới trời."

Đã hay rằng: Truyện này vị tất đã có thực, nhưng nhời nhẽ cao xa, văn từ trang nhã, không những làm cho người ta giải buồn, mua vui, mà cũng có thể làm cho người ta cải ác vi thiện được, đọc đến truyện này thì đạo Phật bảo là luân hồi, cũng không nên cho là huyền hoặc, chẳng qua cũng là nhẽ luân hồi của đạo Nho mà thôi. Vậy nay tôi theo nguyên bản dịch ra tiếng An Nam, làm truyện diễn ca, để đồng bào cùng xem cho giải trí."

Truyện diễn ca này có cùng cốt truyện với quyền trên: Đào Hoa Mộng ký nhưng lời văn thanh thoát tự nhiên hơn quyền trước. Đây là đoạn giới thiệu Kim Sinh (Kim Trọng):

301. Người tuấn tú bậc tài danh,

Văn chương nếp cũ, trâm anh con nhà;

303. Bắc Giang quê cũng chẳng xa,

Mẫu thân nằm mộng nuốt hoa sen vàng,

305. Kim Liên tiểu tự tên chàng,

Phụ thân, xưa cũng quan sang trọng thân.

307. Chửa bao thất lộc tị trần,

Đêm ngày phụng dưỡng mẫu thân chu tuyền.

309. Châu Trần sớm định nhân duyên,

Trần Thư may được vợ hiền giúp trong,

311. Gồm tứ đức, vẹn tam tông,

Cũng nhà phiệt duyệt, cũng dòng trâm anh;

313. Thúy Vân kiếp trước giáng sinh,

Luân hồi là nhẽ rành rành tự nhiên,

315. Kiếp này lại được đoàn viên,

Lan sau cũng được thoả nguyện chị em.

317. Sinh thì tính hạnh nhu hiền,

Khôi ngô vẻ mặt, đoan nghiêm dáng người;

319. Thông minh vốn sẵn tư giời,

Vào trong phong nhã, ra ngoài hào hoa;

Và đây là đoạn tả Lan nương đánh đàn tiễn Nguyên Sinh lên đường chinh chiến:

1055. Vặn đàn nàng mới gảy qua,

Tơ đồng một khúc, lệ sa mấy hàng,

1057. Nỡ người thay khúc đoạn trường,

Gánh sầu sẻ nửa, bước đường chia đôi!

1059. Khúc đàn nước chảy hoa trôi,

Chim kêu, vượn hót như khơi tấm lòng!

1061. Ngán thay mấy khúc tơ đồng,

Khiến người ngồi đó lệ rờng như mưa,

1063. Lan Nương sẽ liếc mắt đưa,

Nhường đau đón dạ, nhường ngọt ngán tình!

1065. Nguyên Sinh lên ngựa thượng chinh,

Tiến đưa mấy dặm tràng đình xa xa,

1067. Trông theo một dải quan hà,

Ruột đà bồi rôi, mặt đà ủ ê,

1069. Đau thay! Những lúc phân kỳ,

Kẻ về khuê các, người đi sa trường,

1071. Giời một phương, nước một phương,

Hàng châu sùi sụt, bước đường phôi pha.

1073. Trông theo mấy dặm xa xa,

Lan Nương mới gở gót hoa đợi chờ

1075. Lệ xưa, nào dám hững hờ!

Tình thân hai chữ, dám thừa tác lòng...

Cùng một cốt truyện nhưng đây là thiên lược truyện thứ hai, câu chuyện được kể lại thành văn xuôi trong tác phẩm của Mộng Liên Đình tức Đào Hoa Mộng - Lan Nương tiểu truyện - đã được chúng tôi giới thiệu trong quyển Truyện Kiều và các nhà Nho thế kỷ XIX, Nxb Văn học tái bản năm 2.000.

III. KIỀU TÂN THỜI - HÀI VẤN

Kiều Tân thời và Kiều Bình dân học vụ là một cách phỏng Kiều, theo kiểu truyện vui, hài hước còn Truyện Kiều đọc ngược lại độc đáo ở chỗ xếp ngược Truyện Kiều.

Trong các bản Hậu Truyện Kiều, Kiều Tân thời của Bạch Diện, biên tập viên báo Tin Mới lại là một quyển sách mang tính châm biếm hài hước, đúng hơn là một kiểu nhại Kiều: Dựa theo Truyện Kiều dùng các nhân vật của Truyện Kiều để đưa ra một câu chuyện cười mang tính chất trào lộng, đả phá các thói xấu ngoài xã hội hồi thập kỷ ba mươi thế kỷ trước. Cũng như trong thời kỳ kinh tế thị trường ngày nay, nhiều cậu ấm cô chiêu con nhà có của đua đòi chơi bời lêu lổng. Tác giả đã cho các nhân vật Thúy Kiều, Thúy Vân, Vương Quan, Kim Trọng đều thuộc loại con nhà ăn chơi phá gia chi tử này nhưng là của những năm 30 thế kỷ XX với những lối sống mới học đòi theo Tây thời bấy giờ. Gia đình Thúy Kiều cũng bị nạn, rồi nàng lại phải gặp những Mã, Tú, Sở Khanh:

135. Mưu cùng, nàng hạ kế liền:

“Cứu cha ta phải rẽ duyên bán mình”.

137. Khâm Thiên có tiệm đấng - xinh,

Ma cô có Mã Giám Sinh đưa đường.

139. Tú Bà với Mã một phường,

Mưu mô mua bán mọi đường xong xuôi,

141. Ra đi Kiều dặn một lời:

“Em Vân! Em hồi nhớ lời chị chưa:

143. Chàng Kim của chị từ xưa,

Xin em chớ có tơ mơ rầy rà”.

145. Kiều về ở với Tú Bà,

Mụ bèn dạy hết nghề nhà thông dong:

147. Tãng - gô với Sác - lét - tông

Van - sò, Phốc - tốt lầu thông mọi bài.

149. Kiều liền nổi tiếng trong ngoài,

Lính tây, công tử miệt mài càng đông.

151. Làng chơi có khách lạ lòng,

Sở Khanh nổi tiếng anh hùng mặt mo...

Sau này Thuý Kiều cũng gặp Thúc Sinh, Hoạn Thư rồi Từ Hải, Hồ Tôn Hiến... trong những hoàn cảnh khác nhau. Đây là một quyển sách mà tác giả ghi ở bìa là HÀI VẤN, chỉ có 310 câu thơ lục bát với những biến cố dựa theo trong Truyện Kiều để kết thúc bằng những câu:

307. Trúc mai xum họp một nhà,

Truyện Kiều chỉ có thể là xong xuôi.

309. Nờn quê góp nhật đông dài,

Mua vui cũng được một vài sơ - gông (giây)!

Và như để hưởng ứng với các cụ Ngô Đức Kế và Huỳnh Thúc Kháng phê phán Phạm Quỳnh trong việc sùng bái Truyện Kiều trong thời kỳ ấy, tác giả viết trong LỜI NÓI ĐẦU:

Phạm tiên sinh có nói: "Truyện Kiều còn, tiếng ta còn, tiếng ta còn, nước ta còn". Bĩ nhân thấy nói vậy lấy làm lo lắng. Lo rằng ngộ một ngày kia trời sập xuống, Truyện Kiều mất đi thì sẽ ra sao? Vì vậy bĩ nhân chẳng quản tài sơ trí thiên, làm thêm ra quyển Kiều này, trước là để nói chí cô nhân, sau là để phòng khi có nhỡ mất quyển nọ thì còn quyển kia, khỏi đến nỗi nguy cho đất nước. Vậy quyển Kiều Tân thời này cũng đáng gọi là quyển sách vì nước".

Tác giả cũng mĩa mai:

"Ôi! Đương lúc phong hoá suy đồi, cương thường đảo ngược mà một quyển truyện đủ cả hiếu nghĩa như Truyện Kiều Tân thời này ra đời để duy trì lấy nền phong hoá, bà con chẳng đáng hoan hô cổ vũ

lầm du? Ôi! Quốc hồn ở đó, quốc túy ở đó, quốc dân ta phải cô bảo tồn. Bỉ nhân nói vậy có đúng "môt" chãng? Xin chắt chính cùng các nhà đạo đức".

Và chắc là vào năm 1935, Nguyễn Du mới chỉ được đặt tên của một ngõ nhỏ (mà ngày nay chúng ta rất khó xác định được ở đâu tại Hà Nội), nên tác giả mới viết một cách hài hước:

"Bỉ nhân mong rằng: Sau này người ta có nhân sùng bái Truyện Kiều Tân thời này mà sùng bái đến bỉ nhân, lấy tên bỉ nhân đặt tên phố, thì xin đặt vào một phố rộng rãi sạch sẽ cho, chứ đừng đặt vào những ngõ như ngõ Nguyễn Du bây giờ."

V. KIỀU BÌNH DÂN HỌC VỤ

Cũng là bản Hậu Truyện Kiều mang tính hài hước như Kiều Tân thời, nhưng Kiều Bình dân học vụ lại phục vụ một nhiệm vụ chính trị cụ thể là phong trào Bình dân học vụ, thanh toán nạn mù chữ sau Cách mạng tháng Tám (1945) và sau khi giải phóng Miền Bắc (1954), rồi giải phóng Miền Nam (1975).

Các nhân vật Thuý Kiều, Thuý Vân, Vương Quan là con cụ Vương Ông Tổng Mít (Mít: dốt đặc cán mai) giàu có nhưng cả nhà mù chữ. Họ ăn chơi theo kiểu của những năm 40,50,70 thuộc thế kỷ XX với những lối sống mới học đòi khi nước ta vừa thoát ách đô hộ hay trong những vùng mới giải phóng khỏi ách tạm chiếm. Đây cũng lại là một quyển hài hước phỏng Kiều: Dựa theo diễn biến cùng các nhân vật của Truyện Kiều để đưa ra một câu chuyện cười mang tính chất trào lộng, đả phá các thói xấu trong xã hội góp phần xây dựng cuộc sống mới.

Đưa thực tế sống động từ xã hội vào truyện nhưng tác giả vẫn luôn bám chặt yêu cầu chính trị của ngành Bình dân học vụ, như khi Thuý Kiều bị Mã Giám Sinh lừa rơi vào tay Tú Bà thì:

525. Biết đâu mắc hoạ khôn qua

Gặp tay mụ Tú thật là gớm ghê

Trương nhà rồi lại cho thuê

Buôn gian bán lậu làm nghề ăn quanh

Đầu cơ tích trữ đủ vành

Tiếp tay những kẻ lưu manh tuần hàng

Tậu nhà mua sắm đàng hoàng

Ti - vi, tủ lạnh, cúp vàng, cúp xanh

Làm giàu bất chính khá nhanh

Bình dân chẳng chịu học hành cho khôn.

Đến lúc bọn bất lương bị công an phạt thì mới biết cả bọn còn mù chữ:

1383. Công môn xin một lời nguyện

Từng người đến trước chính quyền ký tên

Thúc Sinh nhanh nhẩu bước lên

Ký xong lùi bước ra hiên phía ngoài

Tiếp theo chẳng thấy một ai

Phải chăng họ sợ đơn sai sau này

Té ra một chữ chẳng hay

Giấy tờ điếm chỉ xưa nay quen rồi

Quản gia, Sư trưởng ngậm ngùi

Vừa thương vừa giận bọn người đáng khinh

Sống trong thời đại văn minh

Mà sao chẳng chịu học hành cho thông...

Tác giả dẫn câu chuyện theo sát diễn biến trong Truyện Kiều, với gần hai chục nhân vật có tên cùng các tính cách như ở trong Truyện Kiều, câu chuyện lại xảy ra tại các địa phương từ Bắc chí Nam: Hà Nội, Sài Gòn, Khánh Hòa, Cần Thơ... với hàng chục địa danh quen thuộc.

Ngoài ra, các tình tiết khác đều tương tự như trong Truyện Kiều: Thúy Kiều tự vẫn ở sông Tiền Đường trong Truyện Kiều thì ở đây nàng chết đuối ở sông Hồng và cũng được Giác Duyên cứu để sau đó gặp lại gia đình...:

1517. Nhị Hà cuộn cuộn đôi dòng

Xây chân bị nước sông Hồng cuốn xuôi

Vừa lo vừa lại bồi hồi:

- "Thôi đành kết thúc cuộc đời từ đây!

Đạm Tiên em hỏi có hay

Hẹn ta thì ở dưới này đón ta!"

Giác Duyên vừa lúc đi qua

Thấy người chết đuối kêu la cứu người

Ngư ông quăng lưới kịp thời

Vớt lên nào phải ai người đâu xa...

Khi chưa tìm được Kiều, ông bà Vương định gả Thuý Vân cho Kim Trọng:

1647. Vừa đây có lệnh ở trên

Cử Kim phụ trách Trường miên tập trung

Ông bà xiết nỗi vui mừng:

- "Cho Vương Quan được đi cùng theo bên

Thuý Vân rồi cũng sẽ lên

Chọn ngày tổ chức sánh duyên cùng chàng."

Nhưng sau này Kim Trọng thành hôn với Thuý Kiều thì Vương ông lại muốn tìm cho nàng một chiến sĩ Bình dân học vụ.

Sách được viết bằng 2.050 câu thơ lục bát chia làm 27 hồi với những tiêu đề theo lối truyền thống trong các truyện thơ Nôm. Mỗi hồi được tóm tắt bằng hai câu biền ngẫu mà chúng tôi nêu ra đây để quý vị độc giả có một cái nhìn khái quát về diễn biến câu chuyện và thấy rằng tác giả đã theo sát diễn biến câu chuyện trong Truyện Kiều.

I. Chử nghĩa chẳng thông, má hồng kém sắc

Bình dân mở lời, óc tôi thành khôn

II. Ông bà Tổng Mít gia tư khâm khá

Chị em Thuý Kiều chử nghĩa lơ mơ

III. Tảo mộ không thành, vương Bình dân hỏi chử

Tình duyên chớm nở, nhờ Học vụ đưa duyên

IV. Vận động học Bình dân, khen tài Kim Trọng

Yêu cầu dạy Cấp tốc, ngán nỗi Thuý Kiều

V. Kiều nhớ bạn vàng càng gắng công học tập

Trong thăm lớp tôi vẫn để ý dò la

VI. Bị lừa điểm chỉ, cụ Tổng Mít mắc oan

Trả nghĩa quên tình, nàng Thuý Kiều trọn hiếu

VII. Bà thao thức thương con lận đận

Ông ăn năn trách vợ eo sèo

VIII. Dốt đặc cán mai, Tú Bà chuyên nghề bịp bợm

Ăn chơi càn quấy, Giám Sinh cũng bợn đảo điên

IX. Giao sổ sách, mụ Tú còn ngờ vực

Nhận giấy tờ, nàng Kiều vẫn loay hoay

X. Giả nhân nghĩa, Sở Khanh mưu chạm bẫy

Vờ thể tình, Tú Bà bắt cam đoan

XI. Thoát khỏi cửa Tú Bà, nhờ tay chàng buôn chuyến

Về ở nhà Thúc Ông, gặp phải lũ gian manh

XII. Hoạn nôi cơn ghen do hiểu lầm chàng Thúc

Kiều bị bắt cóc bởi mưu kế thằng Ưng

XIII. Đồng bóng quàng xiên, đáng trách bọn buôn thần mê tín

Khói hương nhằm nhí, khá chê phường bán thánh dị đoan

XIV. Chăm ra lớp Bình dân, Quản Gia đã đọc thông viết thạo

Lười học chữ I tờ, Hoạn Thị vẫn dốt đặc cán mai

XV. Mượn việc làm ăn, Hoạn Thư thử lòng chung thủy

Trở tài đọc viết, Thuý Kiều khinh kẻ ngu si

XVI. Thoát cảnh tội đòi, Thuý Kiều tiếp tục dùi mài đèn sách

Thấm tình sư đệ, Giác Duyên động viên học tập văn bài

XVII. Lừa người ngay thẳng, Bạc Bà mưu việc buôn son

Tóm kể lưu manh, Từ Hải trị phường bán phần

XVIII. Đọc thông viết thạo, làm điều lành được khen thưởng

Lười nhác ngu si, gây tội ác bị phạt giam

XIX. Bọn gian xin cải tà quy chính, hứa hẹn về làm ăn lương thiện

Kẻ dốt bôi mực in tay, cam đoan đi học lớp Tập trung

XX. Bởi dốt nát làm càn, bắt phải học Bình dân cưỡng bách

Vì ngu si hoá đại, nên thừa hành pháp luật khoan hồng

XXI. Tìm ân nhân, Thuý Kiều mong tạ ơn nghĩa cả

Chọn giáo viên, Hồ Tôn Hiến muốn nhờ cậy tài năng

XXII. Đã tưởng sông Hồng vùi má phần

Nào hay nhà Phật cứu thuyền duyên

XXIII. Về Ngoại Thành dựng nhà mới, Vương Gia vô cùng lặn đận

Ra Thăng Long tìm người cũ, Kim Trọng rất mực thủy chung

XXIV. Bóng chim tăm cá, Kim Trọng kẻ đã tốn công tìm kiếm

Tình mẹ nghĩa con, Vương Bà từng mang bao nỗi bi thương

XXV. Vì trình độ non, Vương Quan ngại làm giáo viên danh dự

Có chuyên môn vững, Kim Trọng hướng dẫn phương pháp dạy nhanh

XXVI. Nghe gọi loa, Giác Duyên tìm vào lớp học

Nhờ dẫn lối, Thuý Kiều gặp lại người thân

XXVII. Một nhà sum họp, công tác đều tay

Hai họ xe tơ, tình duyên bền vững

V. ĐOẠN TRƯỜNG VÔ THANH

Trong những quyển Hậu Truyện Kiều thì Đoạn Trường Vô Thanh của Phạm Thiên Thư là tác phẩm thành công hơn cả, ít nhất là về cái bình dị, tự nhiên đậm chất ca dao dân ca trong câu thơ lục bát, lại

cũng là quyển hậu Truyện Kiều theo đúng nghĩa nhất bởi tác phẩm viết đúng đoạn đời tiếp theo của Kim, Vân và Kiều. Tác phẩm xuất bản năm 1972 và đã đoạt giải nhất Văn chương tại miền Nam tạm chiếm năm 1973, cuộc thi do thi sĩ Á Nam Trần Tuấn Khải làm chủ khảo.

Đoạn Trường Vô Thanh là truyện thơ hư cấu nghệ thuật về đoạn đời tiếp theo của các nhân vật trong Đoạn Trường Tân Thanh sau "Tái hồi Kim Trọng". Tác phẩm được viết bằng 3.296 câu thơ (so với 3.254 câu của Truyện Kiều) và chia thành 27 chương, trình bày cuộc đời Thuý Kiều sau cuộc tái hợp. Câu chuyện diễn ra tại Việt Nam, đất Phong Châu, nước Đại Ngu, với những địa danh thuộc vùng Chí Linh, Hải Dương. Trong tác phẩm xuất hiện một số nhân vật mới: Tiểu Nguyễn - con gái của Thuý Vân và Kim Trọng, Trần Nguyên Mai - chiến hữu và là người yêu xưa của Từ Hải ở đất Giao Châu, Hồ Ông thuộc dòng dõi Hồ Quý Ly - thầy học của Kim-Kiều và Vương Quan... Bản cáo trạng cuối cùng của thi hào Nguyễn Du (phần Tái hồi Kim Trọng) được tác giả nâng lên thành cao trào trong tiếng kêu thương lặng chìm không thể cất lên thành tiếng: Đoạn Trường Vô Thanh:

425. Tay kia chẳng lướt năm cung

Cho dâu biển trở muôn trùng trái hoa

427. Diệu hành là tiếng không ta (Vô ngã)

Không thanh âm ấy mới là âm thanh.

Khi cây đàn của Từ Hải tự vỡ, cũng là lúc:

817. Kiều ôm đàn cũ sầu tàng

Gỗ cau mặt thắm đôi hàng lệ xanh

819. Tay nào bật khúc vô thanh

Cho hoa kia trắng một nhánh tin xuân

Rồi:

3259. Lại vào sư bác Văn Chương

Đem Kim Cương cắt tơ vương giắc vàng

3261. Cho thơ hòa với mệnh mang

Cho mệnh mang đọng hạt đàn vô thanh...

Câu chuyện diễn ra thành 27 chương. Để độc giả dễ theo dõi, chúng tôi xin tạm nêu ra ở đây một vài mốc chính của câu chuyện như sau:

1. Tâm sự Thuý Kiều sau cuộc Đoạn trường:

13. Đoạn trường số gọi tên hoa

Xưa là giọt lệ nay là Hạt Châu.

2. Thực tế cuộc sống và mối tình Kim - Kiều sau khi tái hợp:

41. Tưởng đàn nổi nhịp tơ đồng

Thuyền trăng sớm tếch bến hồng bay lên.

3. Trong cuộc du xuân lên núi của gia đình Kim Trọng cùng Vương bà, Thuý Vân và con gái Tiểu Nguyễn, Thuý Kiều nhớ lại cuộc sống đã qua:

79. Tưởng Từ, yên ngựa thanh gươm

Ruổi rong nhật nguyệt, bốn phương là nhà.

Nàng ngộ ra mọi cuộc tìm kiếm bi đát của kiếp người.

4. Ngẫm lại những ngày qua, Kiều ngồi tựa hiên trăng mơ thấy bay lên như cánh hạc trời trong âm đàn chưa tắt của lòng nàng:

115. Kiều ngồi ngó mảnh trăng tơ

Chùm sao thu nở bông chờ bên sông.

5. Kiều lại dùng đàn giải buồn thì Kim Trọng đến thăm và muốn được nghe lại:

245. Xin nàng thêm khúc tài hoa

Thử xem thanh ứng có là khác hơn.

247. Hương trà đôi chén khay sơn

So dây gợn sóng lòng đồn lại tươi.

Kim đang nghe lại thì mẹ con Thuý Vân đến, Vân và con lánh đi:

Chợt nghe Tiểu Nguyễn reo ngoài:

“Đàn chi khiến nở thêm vài ngọn bông!”

Âm thừa gờn gợn mênh mông

Ngoài song thấp thoáng bóng hồng Thuý Vân

Cuối vườn cỏ úa lui chân

Dắt con, chẳng dám cho gân dư ba.

Nhân câu chuyện đánh đàn, Kim kể lại cái chết kiêu trung của một dư đảng của Từ Hải với cây đàn của Từ mà chàng vừa nhận được. Kiêu đề nghị được xem lại cây đàn đó.

6. Hoá ra đó là cây đàn của Từ Hải còn mang dấu khắc bài thơ cảm tác xưa của nàng. Trước đây, trong một đêm Kiêu hỏi về cây đàn của Từ:

337.Có chi vương mấy tơ đồng

Giữ cây đàn cũ, còn mong đáp đèn.

Nàng đã được nghe tâm sự của Từ về cây đàn mà chàng mang theo: 2174. Gươm đàn nửa gánh, non sông một chèo.

Đó là cây đàn của Trần Mai Nguyên - người yêu đã khuất của Từ ở đất Châu Phong (Việt Nam). Qua cây đàn này, Thuý Kiều biết Từ Hải đã được một thiên sư dạy lễ Vô Thanh. Nàng nhớ lại những ngày cuối bên Từ.

7. Kim Trọng tới thăm Kiều, chàng kể lại cơn ác mộng của mình. Kiều khuyên Kim nên làm việc nghĩa và hai người tâm sự với nhau về trách nhiệm khó khăn, nặng nề của một viên quan phụ mẫu:

625.Kiều thưa: Đạo khí tốt vời

Trăm năm sương nổi mây dời là bao.

.....
Hồ Tôn Hiến thanh tra đất cũ gặp lại Kim Trọng ở huyện đường và được nghe lại tiếng đàn của Thuý Kiều để thoát khỏi ám ảnh của ánh mắt Từ Hải ...

Sau Kiều gặp tên tội tù, chính là gã bán tơ đã từng giá hoạ gia đình nàng. Gã cho biết Vườn Thuý bây giờ đang rao bán. Vương Ông cho lão hầu về chuộc lại rồi cả gia đình trên đường trở về quê hương. Kiều mới ngộ ra chính hoàn cảnh thiên nhiên thân thuộc ban đầu đã tạo nên tâm thức nàng: Chỉ có quê hương mới mang lại cho nàng thứ chân hạnh phúc - viên ngọc báu trong sáng mà con người hay quên lãng:

2847. Nhãng quên báu ngọc trong mình

Là Quê Hương kết muôn hình hào quang

2849. Bày chi địa ngục thiên đàng

Bên trong sự sống mệnh mang tràn đầy...

.....

25. Kiều thăm lại mộ Đạm Tiên xưa:

3047. Sè sè mộ quạnh khói hương

Hiu hiu gió thổi nắm xương trở sâu...

3065.... Kiều ngồi ven suối nao nao

Sóng xanh tưởng hội xanh nào cuối xuân.

Từ bài thơ tức cảnh khắc trên cây nơi mộ Đạm Tiên ngày xưa bay lên bốn con bướm, có con đậu trên bàn tay nàng như một đoá hoa:

3137. Cây xưa Kiều khắc thơ tiên

Giờ bay đàn bướm dụi hiên phát phơ

3139. Bốn con như bốn dòng thơ

Quần quanh vờn mãi bên bờ vai thon

3141. Kiều đưa năm ngón tay son

Lạ thay đàn bướm có con đậu vào.

26. Kim Trọng về thăm Kiều, dùng cương ngó dòng tiểu Khê, chợt nghe tiếng đàn của nàng, âm thanh theo tiếng nước chảy hoá thành bản Vô thanh, khiến Kim Trọng thấy được hào quang trên dung nhan Thúy Kiều:

3191. Mơ hồ như một hoa dây

Theo hương về cội, báo ngày xuân quang

27. Đoạn kết quyền thơ là trong thời hiện đại : Bốn người ngồi canh nồi bánh chưng, lấy Kiều vào đêm ba mươi Tết nơi thôn Bạch Vân - quê hương Trạng Trình. Nhà sư kể chuyện vui chờ xuân - huyền thoại một bài thơ nơi chùa Hương Tích, vì nghiệp lụy thử thách đã nhập vào đời Kiều đi suốt đoạn trường rồi thăng hoa trong Việt Tính Dân Tộc:

3225. Lòng chàng siêu thoát mệnh mang

Sáng lên tìm Động Hoa Vàng chen mây.

*

Ta đã biết sau khi đánh đàn lần thứ hai cho Kim Trọng ở cuối Truyện Kiều, Thúy Kiều đã hứa với chàng:

3211. Nàng rằng: - “Vi chút nghề chơi,

“Đoạn trường tiếng ấy hại người bấy lâu.

3213."Một phen tri kỷ cùng nhau

“Cuốn dây từ đây về sau xin chừa.”

Tuy nhiên, trong Đoạn Trường Vô Thanh, sau khi tái hợp, âm nhạc đối với nàng lại như một nghiệp dĩ, một hướng giải buồn không thể nào từ bỏ được. Thế là nhân lúc thanh vắng nàng đã giải sầu bằng cách một mình trở lại với cây đàn quen thuộc:

203.Giơ, Kiều lại nổi âm thanh

Thử đem sương gió tợ thành cung dây

205.Tiếng đàn rã liễu rời mây

Ngón tay đã hạc vờn bay dặt diu

207. Hai hàng lau lách đìu hiu

Đôi phong lá gọi bóng chiều xác xao

209. Hạt đàn tằm tức nao nao

Suối tuôn mạch đá đau bào lòng son

211. Lơ thơ hoa trái đường mòn

Bâng khuâng ráng đỏ theo con nọan về

213.Năm cung da diết đê mê

Nắng hoa thêm phấn, mây kê song hương

215. Ngón cong, đàn trở nọan hương

Ngón xuôi, tơ rụng hoa vương mấy dòng

217. Bước đàn cao thấp long đong

Dư ba tóc biếc mơ màng liễu xanh

219. Lòng nào thoáng khói mong manh

Lệ rơi đáy chén tan tành sầu oan

221. Lúc thì như oán, như than

Lúc thì phiêu lãng như đàn trầm bay

223. Hoá thân vào mấy cung dây

Lững lơ mây nhạc, vơi đầy dòng thơ...

Đương lúc đó thì Kim Trọng đến, chàng đã đề nghị nàng đổi lại âm sắc, chuyển đàn sang cung điệu vui hơn:

245. Xin nàng thêm khúc tài hoa

Thử xem thanh ứng có là khác hơn

Thế là nàng không thể chối từ:

247. Hương là, đôi chén khay son

So dây sóng gợn lòng đờn lại tươi

249. Hồn xanh xanh ngắt da trời

Hoa thu nào nuốt rung mười ngón son

251. Nửa cung ngơ ngác trăng non

Nửa cung nắng quái sông còn vàng phai...

VI. ĐOẠN TRƯỜNG NHẤT THANH

Tập thơ gồm 1.028 câu lục bát và câu chuyện bắt đầu từ khi Từ Hải đã xây dựng được:

2441. Triều đình riêng một góc trời,

Gồm hai văn võ, rạch đôi sơn hà.

Sau khi bình định được phương Nam, Từ Hải ra quân nhằm chiếm nốt phần đất còn lại, thống nhất giang sơn về một mối. Triều Minh cử Hồ Tôn Hiến chống cự nhưng Hiến bị đại bại. Trên đường đào vong, Hiến sa vào ổ phục binh của Từ, được Từ tha chết. Hiến và quân còn lại cảm động nên tất cả buông gươm trở lại cố hương chờ đón đại binh. Từ cứu muôn dân thoát khỏi gông cùm của nhà Minh.

Lúc bấy giờ Từ đã lập riêng một triều đình ở phương Nam. Khi Từ Hải ra trận, Thuý Kiều ở nhà nhớ Từ, hướng về chàng dạo mấy cung tơ:

401. Đàn trắng dạo mấy cung tơ,

Khúc nào ray rứt, gió mưa toi bời.

403.Khúc nào sóng nổi mây trôi,

Buồn vương mắt lệ bồi hồi sinh ly.

405.Khúc nào chan chứa ai bi,

Một vầng trăng vỡ, muôn vì sao rơi.

407.Khúc nào tê tái bờ môi,

Run run gió lạnh đưa lời oán than.

409.Khúc nào kinh động chiến tràng,

Căm thù bốc lửa cháy lan mây trời.

411.Khúc nào nắng tắt chiều rơi,

Nỉ non như tiếng khóc người tình chung.

413.Khúc nào dừng ngựa anh hùng,

Thê nhi than vãn não lòng ba quân.

415. Cung đàn im bật tiếng ngân,

Mắt Kiều mấy giọt lệ ngàn ngại sa...

Kim Trọng thi đỗ Trạng Võ, được vua Minh cử ra trận. Kim biết mình không phải là đối thủ của Từ, nên thảo một phong thư chiêu hàng gửi Thuý Kiều, lúc đó nàng đang là đương kim Hoàng hậu giữ quyền nhiếp chính của "Triều đình riêng một góc trời" trong khi Từ Hải xông pha nơi trận mạc.

Và đây là tiếng đàn của Thuý Kiều mà Kim nhắc đến trong bức thư gửi cho nàng:

483.Bên giòng suối mộng đề thơ,

Nằm nghe nhạc gió đợi chờ trăng lên.

485.Cung đàn lả lướt tay tiên,

Hồn anh chấp cánh nhiệm huyền bay cao.

487.Khúc nào tự tại tiêu dao,

Mây theo cánh hạc bay vào thiên thai.

489.Khúc nào gọi khách trần ai,

Xuôi thuyền Lưu Nguyễn gác ngoài phồn hoa.

491. Khúc nào thức tỉnh Hằng Nga,

Thềm trăng đón đợi long xa Minh Hoàng.

493. Bông trăm mấy khúc vang vang,

Nghê thường vọng tiếng đêm đàn thần tiên...

Thúy Kiều đọc thư Kim, lòng bồi hồi cảm động, nàng suy nghĩ và quyết định mang quân ra trận cùng chồng chiến đấu. Nhưng khi đến sông Tiền Đường, nàng được tin Từ đã chết vì bị một viên tỳ tướng là Vũ Hoàn bội phản ám sát. Kim cho quân mang xác Từ Hải giao cho Kiều kèm theo một phong thư khuyên nàng truyền lệnh cho toàn quân của Từ hãy hạ vũ khí đầu hàng. Kiều không chấp nhận, nàng lập đàn tế chồng bên sông Tiền Đường rồi rút đoản đao tự tử, viên tướng Nguyễn Hữu cũng tự vẫn theo thì vừa lúc thuyền Võ tướng Kim Trọng tới và chàng:

1013. Lệnh ra cho đám quân tàn,

Cử hành tang lễ đàng hoàng khói hương.

1015. Mộ nàng sát mộ Từ Vương,

Nằm bên mộ Hữu... Tiền Đường khóc than.

1017. Còn tên phản tướng Vũ Hoàn,

Thây phơi đồng vắng cho đàn điều hâu.

1019. Ai về mặc áo công hầu,

Còn ai chí lớn vùi sâu đáy mồ.

1021. Buồn vui chìm cõi hư vô,

Ai thành ai bại sóng mờ sương tan.

1023. Hiu hiu gió lạnh sông buồn,

Hồn linh ai đã hòa luồng khí thiêng.

1025. Mà nay ai tỉnh giấc thiền,

Thơ vè trên giấy bút nghiên mơ màng.

1027. Cảm thông dâu biển mấy hàng,

Đoạn Trường gửi một tiếng vang vào đời.

Với hai quyển Đoạn Trường Vô Thanh và Đoạn Trường Nhật Thanh thì các tác giả lại muốn cho ta biết số phận các nhân vật trong Truyện Kiều sẽ ra sao ngay trong đoạn đời tiếp theo: Quyển thứ nhất viết tiếp Truyện Kiều sau khi Kim – Kiều tái hợp, đoàn viên còn ở quyển thứ hai lại bắt đầu sớm hơn từ khi Từ Hải vừa:

2441. Triều đình riêng một góc trời,

Gồm hai vãn võ, rạch đôi sơn hà.

Làm sao để các nhân vật chính ở đây có thể bù đắp được những mất mát đau khổ mà họ đã phải gánh chịu trong đoạn đời trước, đó là mong muốn của các tác giả trong hai quyển sách này.

Còn quyển thứ 7: Truyện Kiều đọc ngược sẽ được giới thiệu ở chương III tiếp theo cũng là một dạng của hậu Truyện Kiều vì ở đây người ta có thể đọc ngược được từ cuối lên đến đầu để câu chuyện về nàng Kiều diễn ra theo chiều của thời gian ngược lại

[1] Tên nhân vật Truyện Kiều in nghiêng trong ngoặc là hậu thân của nhân vật đứng trước dấu ngoặc.

CHƯƠNG IV. TRUYỆN KIỀU ĐỌC NGƯỢC

Truyện Kiều là quyển tiểu thuyết bằng thơ duy nhất trên thế giới mà người ta có thể đọc ngược được từ cuối lên đến đầu để câu chuyện về nàng Kiều (đúng như nội dung trong tác phẩm của Nguyễn Du) diễn ra theo chiều của thời gian ngược lại như ta được xem một cuốn phim “tua” ngược chiều. Tuy vậy Truyện Kiều đọc ngược nghe khá hay chứ không tẻ nhạt, quá nhanh và vô nghĩa như xem phim “tua” ngược chiều. Vì cứ hai câu Kiều một nối nhau theo đường xoắn ốc chạy ngược từ cuối leo dần trở lên đầu truyện, chỉ theo vần của câu thơ chứ không có độ dẫn cách nhất định, đến nỗi có đoạn người nghe như không phân biệt được có phải là đang nghe Truyện Kiều đọc ngược hay nghe chính Truyện Kiều của Nguyễn Du (Xem đầu đoạn trích 16 ở dưới). Quyển TRUYỆN KIỀU ĐỌC NGƯỢC hay nói đúng ra là Truyện Kiều xếp ngược mà chúng tôi cho xuất bản năm 2002 (NXB Thanh Niên) mới chỉ là một trong không biết bao nhiêu những quyển Truyện Kiều đọc ngược như đã được chúng tôi nêu rõ trong đó.

Trong phần đầu, chúng tôi xét đến Vấn đề đọc ngược Truyện Kiều qua 50 trang với 8 mục sau đây:

I. Truyện Kiều: Tác phẩm độc đáo và kỳ diệu trong văn chương Việt Nam.

II. Thuận nghịch đọc: Một thú chơi thơ đọc ngược

III. Các kiểu đọc ngược Truyện Kiều

IV. Vần trong Truyện Kiều và việc Tập Kiều

V. Về số lượng các bản Truyện Kiều đọc ngược

VI. Giới thiệu một đoạn Kiều đọc ngược

VII. Giới thiệu đoạn đầu của mấy bản Kiều đọc ngược

VIII. Về bản Truyện Kiều đọc ngược của chúng tôi

Về thú chơi thơ đọc ngược, chúng tôi có nêu trường hợp hai bài thơ chữ Hán được đọc theo nhiều kiểu của vua Thiệu Trị mà năm 1998, giáo sư Nguyễn Tài Cẩn tập trung nghiên cứu bài thứ nhất trong một quyển sách dày tới 450 trang. Vì thế việc chúng tôi nghiên cứu cách đọc ngược Truyện Kiều cũng không có gì là lạ. Điều khác biệt giữa các bài thơ thuận nghịch đọc với Truyện Kiều đọc ngược là ở chỗ trong các bài trước thì có sự lựa chọn sắp xếp công phu của tác giả theo yêu cầu của lối chơi thơ, còn ở Truyện Kiều đọc ngược thì hoàn toàn nằm ngoài dự kiến của thi hào Nguyễn Du mà chỉ là những cố gắng công phu của người đọc đời sau nhằm đọc ngược lại quyển sách như một cách nhìn khác về tác phẩm, cả hai đều là trò chơi trí tuệ cao cấp (Mục II).

Có bao nhiêu quyển Truyện Kiều đọc ngược như quyển mà chúng tôi đã giới thiệu? Chúng tôi đã chứng minh rằng số bản Truyện Kiều đọc ngược và ngay cả số bản Truyện Kiều đọc ngược nghe chấp nhận được sẽ là con số vượt mọi sự tưởng tượng của chúng ta, con số tí tí cũng chỉ là vô nghĩa bên

chạnh nó! (Mục V).

Khi biên soạn quyển Truyện Kiều đọc ngược, chúng tôi thấy có nhiều đoạn dài ngắn khác nhau nghe khá thuận và đặc biệt là 52 câu Kiều đọc ngược với những diễn biến ngược chiều nghe tương đối xuôi trong cảnh Thúy Kiều ở lầu xanh lần thứ nhất. Nghe qua ta có cảm tưởng như đó là nguyên văn một đoạn trong Truyện Kiều của Nguyễn Du, tưởng như không còn là những câu Kiều xếp ngược: Xem đầu đoạn trích 16 ở dưới với chữ in nghiêng. Truyện Kiều đọc ngược của chúng tôi gồm 3 phần - 27 đoạn với những diễn biến ngược chiều trong cuộc đời mười lăm năm lưu lạc của Thúy Kiều như sau:

I. TÁI HỒI KIM TRỌNG (Đoạn 1-4)

1. Đoạn kết... Tình nhân lại gặp tình nhân
2. Lại họp một nhà
3. Kim Trọng tìm Kiều
4. Kim Trọng trở lại vườn Thúy.

II. MƯỜI LĂM NĂM LƯU LẠC (Đoạn 5-22)

5. Trên sông Tiền Đường
6. Thúy Kiều mắc lừa Hồ Tôn Hiến
7. Đền ơn, báo oán
8. Thúy Kiều gặp Từ Hải
9. Vào lầu xanh lần thứ hai
10. Áo xanh đổi lấy cà sa
11. Hoạn Thư hành hạ Thúy Kiều
12. Thanh y hai lần
13. Thúy Kiều bị bắt cóc
14. Thoát vòng trần ai
15. Thúc Sinh chuộc Kiều ra khỏi lầu xanh
16. Ở lầu xanh lần thứ nhất
17. Kiều mắc lừa Sở Khanh
18. Vào lầu xanh lần thứ nhất

19. Đường đến Lâm Tri

20. Tại trú phường

21. Trao duyên

22. Thúy Kiều bán mình - Gia biến

III. MỐI TÌNH ĐẦU (Đoạn 23-27)

23. Kim – Kiều thề nguyện

24. Kim – Kiều đính ước

25 Kim - Kiều gặp gỡ

26. Hội Đạp Thanh

27. Gia thế, tài sắc Thúy Kiều... Mở đầu..

Từ 3.254 câu trong Truyện Kiều đọc ngược (có được từ 3.254 câu của Truyện Kiều), chúng tôi trích giới thiệu 3 đoạn trong 27 đoạn (đoạn đầu, đoạn 16 ở giữa và đoạn cuối 27) để quý vị tham khảo. Cột thứ nhất ghi số thứ tự của câu thơ trong quyển Truyện Kiều đọc ngược, phần chính là những khổ thơ lục bát với số thứ tự của câu thơ - đánh số từ 0001 đến 3254 - trong tác phẩm của Nguyễn Du (quyển Đoạn Trường Tân Thanh).

TRÍCH TRUYỆN KIỀU ĐỌC NGƯỢC

1. *ĐOẠN KẾT...*

TÌNH NHÂN LẠI GẶP TÌNH NHÂN

3143. Tình nhân lại gặp tình nhân,

Hoa xưa ong cũ mấy phen chung tình.

3253. Lời quê chấp nhặt đông dài,

1. Mua vui cũng được một vài trống canh.

3145. Nàng rằng: Phận thiếp đã đành,

3. Có làm chi nữa cái mình bỏ đi!

5. 3185.Chở che đùm bọc thiếu gì,
Trăm năm danh tiết cũng vì đêm nay.
7. 3209.Tẻ vui bởi tại lòng này,
Hay là khổ tận đến ngày cam lai?
9. 3241.Ngẫm hay muôn sự tại Trời,
Trời kia đã bắt làm người có thân.
11. 3143.Tình nhân lại gặp tình nhân,
Hoa xưa ong cũ mấy phân chung tình.
13. 3119.Như nàng lấy Hiếu làm Trinh,
Bụi nào cho đục được mình ấy vay?
15. 3161.Chữ Trinh còn một chút này,
Chẳng cầm cho vững, lại dày cho tan!
17. 3191.Tình xưa lai láng khôn hàn,
Thong dong lại hỏi ngón đàn ngày xưa.
19. 3223.Khi chén rượu, khi cuộc cờ,
Khi xem hoa nở, khi chờ trăng lên.
21. 3197.Phím đàn diu dặt tay tiên,
Khói trầm cao thấp, tiếng huyền gần xa.
23. 3177.Ai ngờ lại hạp một nhà,
Lọ là chẵn gói mới ra sắt cầm!
25. 3237.Thừa gia chẳng hết nàng Vân,
Một cây cù mộc, một sân quế hoè.
27. 3147.Nghĩ chàng nghĩa cũ tình ghi,
Chiều lòng gọi có xướng tùy may may.

29. 3139. Tình duyên ấy hợp tan này,
Bi hoan mấy nỗi, đêm chầy trăng cao.
31. 3085. Một lời đã trót thâm giao,
Dưới dày có đất trên cao có trời.
33. 3221. Hai tình vẹn vẻ hoà hai,
Chẳng trong chẵn gối, cũng ngoài cầm thơ.
35. 3215. Chuyện trò chưa cạn tóc tơ,
Gà đà gáy sáng, trời vừa rạng đông.
37. 3205. Lọt tai nghe suốt năm cung,
Tiếng nào là chẳng nỡ nùng xôn xao.
39. 3219. Cho hay thực nữ chí cao,
Phải người sớm muộn tối đào như ai?
41. 3195. Ăn năn thì sự đã rồi,
Nể lòng người cũ vâng lời một phen.
43. 3203. Trong sao châu rõ duềnh quyên!
Ấm sao hạt ngọc Lam Điền mới đông!
45. 3217. Tình riêng chàng lại nói sòng,
Một nhà ai cũng lạ lòng khen lao.
47. 3245. Có đâu thiên vị người nào,
Chữ Tài, chữ Mệnh dồi dào cả hai.
49. 3211. Nàng rằng: Vì chút nghề chơi,
Đoạn trường tiếng ấy hại người bấy lâu.
51. 3233. Nặng vì chút nghĩa bấy lâu,
Trên am cứ giữ hương dầu hôm mai.

53. 3247.Có tài mà cậy chi tài,
Chữ Tài liền với chữ Tai một vần.
55. 3243.Bất phong trần, phải phong trần,
Cho thanh cao, mới được phần thanh cao.
57. 3207.Chàng rằng: Phở ấy tay nào?
Xưa sao sâu thắm, nay sao vui vầy?
59. 3227.Nhớ lời lập một am mây,
Khiến người thân tín rước thầy Giác Duyên.
61. 3225.Ba sinh đã phi mười nguyên,
Duyên đôi lứa cũng là duyên bạn bầy.
63. 3187.Thoắt thôi tay lại cầm tay,
Càng yêu vì nét, càng say vì tình.
65. 3201.Khúc đầu êm ái xuân tình,
Ấy hồn Thục Đế, hay mình đồ duyên!
67. 3229.Đến nơi đóng cửa cài then.
Rêu trùm kẽ gạch, cỏ len mái nhà.
69. 3251. Thiên căn ở tại lòng ta,
Chữ Tâm kia mới bằng ba chữ Tài.
71. 3235.Một nhà phúc lộc gồm hai,
Nghìn năm dằng dặc quan giai lần lần.
73. 3249.Đã mang lấy nghiệp vào thân,
Cũng đừng trách lẫn trời gần trời xa.
75. 3199.Khúc đầu đầm ấm dương hoà,
Ấy là hồ điệp, hay là Trang sinh?

77. 3171.Chùng xuân tơ liễu còn xanh.
Nghĩ rằng chưa thoát khỏi vảnh ái ân.
79. 3179.Nghe lời sửa áo cài trâm,
Khấu đầu lạy tạ cao thâm nghìn trùng.
81. 3057.Nghe lời, nàng phải chiều lòng,
Giã sư, giã cảnh đều cùng bước ra.
83. 3231.Sư đà hái thuốc phương xa,
Mây bay, hạc lánh biết đà tìm đâu?
85. 3213.Một phen tri kỷ cùng nhau,
Cuốn dây từ đây về sau xin chừa.
87. 3193.Nàng rằng: Vì mấy đường tơ,
Lầm người cho đến bây giờ mới thôi.
89. 3165.Chàng rằng: Gắn bó một lời,
Bỗng không cá nước chim trời lỡ nhau.
91. 3159.Cửa nhà dù tính về sau,
Thì còn em đó, lọ cầu chi đây.
93. 3055.Độ sinh nhờ đức cao dày,
Lập am, rồi sẽ rước thầy ở chung.
95. 3181.Thân tàn gạn đục khơi trong,
Là nhờ quân tử khác lòng người ta.
97. 3133.Cùng nhau giao bái một nhà,
Lễ đà đủ lễ, đôi là đủ đôi.
99. 3157.Người yêu ta xấu với người,
Yêu nhau thì lại bằng mười phụ nhau!

- 101 3167.Xót người lưu lạc bấy lâu,
Tưởng thề thốt nặng, cũng đau đớn nhiều.
- 103 3127.Nghe chàng nói đã hết điều,
Hai thân thì cũng quyết theo một bài.
- 105 3135.Động phòng dìu dặt chén mời,
Bâng khuâng duyên mới, ngậm ngùi tình xưa.
- 107 3125.Có điều chi nữa mà ngờ,
Khách qua đường để hững hờ chàng Tiêu!
- 109 3169.Thương nhau sinh tử đã liêu,
Gặp nhau còn chút bấy nhiêu là tình.
- 111 3189.Thêm nến giá nổi hương bình,
Cùng nhau lại chuốc chén quỳnh giao hoan.
- 113 3163.Còn nhiều ân ái chan chan,
Hay gì vầy cánh hoa tàn mà chơi?
- 115 3151.Những như âu yếm vành ngoài.
Còn toan mở mặt với người cho qua.
- 117 3183.Mấy lời tâm phúc ruột rà,
Tương tri đường ấy mới là tương tri.
- 119 3239.Phong lưu phú quý ai bì,
Vườn xuân một cửa đề bia muôn đời.

.....
.....
16. NHỮNG NỖ LÒNG TÊ TÁI

1221. Xót mình cửa các buồng khuê,
Vỡ lòng học lấy những nghề nghiệp hay!

1219.Những nghe nói đã thẹn thùng,

Nước đời lấm nổi lạ lòng khát khe!

1981. 1279.Hoa khô một tiếng Kiều nhi,

Thiếp hồng tìm đến hương khuê gọi vào.

1983. 1227.Lầu xanh mới rủ trướng đào,

Càng treo giá ngọc, càng cao phẩm người.

1985. 1261.Khi về hỏi liễu Chương Đài,

Cành xuân đã bẻ cho người chuyên tay.

1987. 1257.Sân hoè đôi chút thơ ngây,

Trân cam ai kẻ đỡ thay việc mình?

1989. 1233.Khi tỉnh rượu lúc tàn canh,

Giật mình, mình lại thương mình xót xa.

1991. 1247.Vui là vui gượng kẻo là,

Ai tri âm đó mặn mà với ai?

1993. 1267.Song sa vò võ phương trời,

Nay hoàng hôn đã, lại mai hôn hoàng.

1995. 1237.Mặt sao đầy gió dạn sương,

Thân sao bướm chán ong chường bấy thân!

1997. 1251.Nổi lòng đòi đoạn xa gần,

Chẳng vò mà rối, chẳng dần mà đau.

1999. 1243.Cảnh nào cảnh chẳng đeo sầu,

Người buồn cảnh có vui đâu bao giờ?

2001. 1265.Mối tình đòi đoạn vò tơ,

Giác hương quan luống lặn mơ canh dài.

2003. 1249.Thờ ơ gió trúc mưa mai,
Ngẩn ngơ trăm nỗi dùi mài một thân
2005. 1239.Mặc người mưa Sở mây Tần,
Những mình mình có biết xuân là gì.
2007. 1221.Xót mình cửa các buồng khuê,
Vỡ lòng học lấy những nghề nghiệp hay!
2009. 1263.Tình sâu mong trả nghĩa đầy,
Hoa kia đã chấp cành này cho chưa?
2011. 1245.Đòi phen nét vẽ câu thơ,
Cung cầm trong nguyệt, nước cờ dưới hoa.
2013. 1255.Dặm nghìn nước thăm non xa,
Nghĩ đâu thân phận con ra thế này!
2015. 1223.Khéo là mặt dạn mày dày,
Kiếp người đã đến thế này thì thôi!
2017. 1229.Biết bao bướm lả ong lơi,
Cuộc say đầy tháng, trận cười suốt đêm.
2019. 1231.Dập diu lá gió cành chim
Sớm đưa Tống Ngọc, tối tìm Trường Khanh.
2021. 1259.Nhớ lời nguyện ước ba sinh,
Xa xôi ai có thấu tình chẳng ai?
2023. 1225.Thương thay thân phận lạc loài,
Dấu sao cũng ở tay người biết sao?
2025. 1253.Nhớ ơn chín chữ cao sâu,
Một ngày một ngả bóng dàu tà tà.

2027. 1235.Khi sao phong gấm rủ là,
Giờ sao tan tác như hoa giữa đường.
2029. 1269.Lần lần thỏ bạc ác vàng,
Xót người trong hội Đoàn trường đòi con.
2031. 1153.Mụ càng kể nhất kể khoan,
Gạn gùng đến mực nông nàn mới tha.
2033. 1155.Vực nàng vào nghỉ trong nhà,
Mã Kiều lại ngỏ ý ra dặn lời.
2035. 1193.Tẻ vui cũng một kiếp người,
Hồng nhan phải giống ở đời mãi ru!
2037. 1201. Nghề chơi cũng lắm công phu,
Làng chơi ta phải biết cho đủ điều.
2039. 1151.Bày vai có ả Mã Kiều,
Xót nàng, ra mới đánh liều chịu đoan.
2041. 1271.Đã cho lấy chữ hồng nhan,
Làm cho cho hại cho tàn cho cân.
2043. 1273.Đã đày vào kiếp phong trần,
Sao cho sỉ nhục một lần mới thôi.
2045. 1217.Gót đầu vâng dạy mấy lời,
Dường chau nét nguyệt, dường phai vẻ hồng.
2047. 1209.Này con thuộc lấy làm lòng,
Vành ngoài bảy chữ, vành trong tám nghề.
2049. 1241.Đòi phen gió tựa hoa kè,
Nửa rèm tuyết ngậm, bốn bề trăng thâu.

2051. 1203.Nàng rằng: Mưa gió dập dìu,
Liều thân thì cũng phải liều thể thôi.
2053. 1213.Khi khoe hạnh, khi nét ngài,
Khi ngâm ngợi nguyệt, khi cười cợt hoa.
2055. 1215.Đều là nghề nghiệp trong nhà,
Đủ ngàn ấy nét mới là người soi.
2057. 1207.Ở trong còn lắm điều hay,
Nỗi đêm khép mở, nỗi ngày riêng chung.
2059. 1199.Vừa tuần nguyệt sáng gương trong,
Tú bà ghé lại thong dong dặn dò.
2061. 1195.Kiếp xưa đã vụng đường tu
Kiếp này chẳng kéo đèn bù mới xuôi!
2063. 1197.Dấu sao bình đã vỡ rồi,
Lấy thân mà trả nợ đời cho xong!...
- 2065.
-

27. GIA THẾ - TÀI SẮC THUYẾT KIỀU

... *MỞ ĐẦU*

0027. Một hai nghiêng nước nghiêng thành,
Sắc đành đòi một, tài đành họa hai.

3205. 0029. Thông minh vốn sẵn tư trời,
Pha nghề thi họa đủ mùi ca ngâm.

3207. 0017.Mai cốt cách, tuyệt tinh thân,
Mỗi người một vẻ, mười phân vẹn mười.
3209. 0151.Phong tư tài mạo tột vời,
Vào trong phong nhã, ra ngoài hào hoa.
3211. 0023.Kiều càng sắc sảo mặn mà,
So bề tài sắc lại là phần hơn.
3213. 0025. Làn thu thủy, nét xuân sơn,
Hoa ghen thua thắm, liễu hờn kém xanh.
3215. 0045.Gần xa nô nức yến anh,
Chị em sắm sửa bộ hành chơi xuân.
3217. 0031. Cung thương lầu bạc ngũ âm,
Nghề riêng ăn đứt hồ cầm một trương.
3219. 0011.Có nhà viên ngoại họ Vương,
Gia tư nghĩ cũng thường thường bậc trung.
3221. 0013.Một trai con thứ rớt lòng,
Vương Quan là chữ nổi dòng nho gia.
3223. 0083.Đau đớn thay phận đàn bà!
Lời rằng bạc mệnh cũng là lời chung.
3225. 0005.Lạ gì bỉ sắc tư phong,
Trời xanh quen thói má hồng đánh ghen.
3227. 0007.Cảo thơm lần giở trước đèn,
Phong tình cổ lục còn truyền sử xanh.
3229. 0027.Một hai nghiêng nước nghiêng thành,
Sắc đành đòi một, tài đành họa hai.

3231. 0019. Vân xem trang trọng khác vời,
Khuôn trắng đầy đặn nét ngài nở nang.
3233. 0057. Sè sè nắm đất bên đường,
Dàu dàu ngọn cỏ nửa vàng nửa xanh.
3235. 0009. Rằng: Năm Gia Tĩnh, triều Minh,
Bốn phương phẳng lặng, hai kinh vững vàng.
3237. 0021. Hoa cười ngọc thốt đoan trang,
Mây thua nước tóc, tuyết nhường màu da.
3239. 0015. Đầu lòng hai ả tố nga,
Thúy Kiều là chị, em là Thúy Vân.
3241. 0035. Phong lưu rất mực hồng quần,
Xuân xanh xấp xỉ tới tuần cập kê.
3243. 0037. Êm đềm trướng rủ màn che,
Tường đông ong bướm đi về mặc ai.
3245. 0041. Cỏ non xanh rợn chân trời,
Cành lê trắng điểm một vài bông hoa.
3247. 0097. Một vùng cỏ áy bóng tà,
Gió hiu hiu thổi một vài bông lau.
3249. 0003. Trải qua một cuộc bể dâu,
Những điều trông thấy mà đau đớn lòng.
3251. 0085. Phũ phàng chi bấy hoá công!
Ngày xanh mòn mỏi má hồng phôi pha.
3253. 0001. Trăm năm trong cõi người ta,

Chữ Tài, chữ Mệnh khéo là ghét nhau.

CHƯƠNG V. VĂN HOÁ KIỀU

Truyện Kiều có lẽ là quyển thơ duy nhất trên thế giới tạo ra quanh nó cả một loạt những loại hình văn hóa - VĂN HOÁ KIỀU - với các hình thức đa dạng và phong phú đến vậy: LẤY KIỀU, BÌNH KIỀU, VỊNH KIỀU, BÓI KIỀU, TẬP KIỀU, ĐỐ KIỀU, NHỮNG QUYỀN HẬU TRUYỆN KIỀU, TRUYỆN KIỀU ĐỌC NGƯỢC, GIAI THOẠI VỀ TRUYỆN KIỀU...KIỀU TRÊN ĐIỆN ẢNH, SÂN KHẤU, TRONG ÂM NHẠC, HỘI HOA... đã được xét đến như những kỷ lục hay những điểm độc đáo trong quyển sách này. Ngoài ra ta còn có thể kể: Câu đối Kiều, Hát nói tập Kiều, Phú - Văn tế Kiều, Án Kim Vân Kiều... dùng thơ chữ Hán để dịch Kiều ... Đây cũng là những nét độc đáo khác của Truyện Kiều mà không mấy quyển sách nào có được. Ngoài những mặt tập Kiều, vịnh Kiều, bói Kiều, đố Kiều ... đã được đề cập đến trong những chương mục riêng trong sách này, ở đây chúng tôi xin điểm một số nét về những biểu hiện văn hóa khác nữa để ta có cái nhìn chung về văn hóa Kiều.

I. CÂU ĐỐI TẬP KIỀU

Ta biết rằng nguyên tắc cơ bản của câu đối là luật đối xứng, cân bằng. Tuy nhiên câu đối hay một phần là do ý nghĩa, một phần là do âm hưởng và câu chữ, tiếng dùng. Các tiếng phải giòn đọc lên nghe xuôi tai. Ta cũng cần nhớ rằng câu đối tuy không cần vần nhưng để câu thơ có nhiều nhạc điệu đọc nghe êm tai, nhiều khi vẫn phải có vần lưng.

Để minh họa một câu đối hay, ta có thể xét đôi câu đối rất điển hình sau đây có liên hệ đến Truyện Kiều. Trong dịp trùng tu đền Cổ Loa và xây lại cây cầu hồ đầu thế kỷ 20 (nay là xã Cổ Loa, huyện Đông Anh - Hà Nội), các cụ phụ lão trong làng có tổ chức giải trí bằng một Hội thi văn chương, sách, họa. Một cụ đồ hay Kiều đã ra một câu thách đối như sau về việc sửa chữa cái cầu trong thành Cổ Loa:

Thúy Kiều đi qua cầu,

nhác thấy chàng Kim lòng đã trọng.

Vé ra rất khéo vì chữ Kiều nghĩa là cầu mà Kim Trọng lại lại là một tên liền. Câu đối còn nêu lên địa điểm có cây cầu:

Dưới cầu nước chảy trong veo

Bên cầu tơ liễu bóng chiều thướt tha

Cái cầu là nơi mối tình đoan trang tình tứ chớm nở trong lòng Thúy Kiều. Hội thi đã gần kết thúc mà không ai đưa ra được một câu đối nào. Cuối cùng một du khách đã tìm được một vế đối như sau:

Trọng Thủy nhìn xuống nước,

thoáng trông nàng Mỹ mắt rơi châu.

Trong vế đối, Thủy là nước, My Châu cũng lại là tên liền. Cả câu dựng được tâm thảm kịch trong lòng Trọng Thủy sau khi bị cha lừa dối, trở lại với nỗi đau thương hồi hận của mình. Câu đối lại phù hợp với cảnh trí địa phương vì Cổ Loa cũng là nơi chứng kiến thiên tình sử diễm lệ và chua chát của đôi lứa thanh niên gây ra bởi âm mưu thâm độc của Triệu Đà.

Câu đối trên đây là tuyệt hay cả về hình thức lẫn nội dung.

Về hình thức, ta thấy:

1. Các tiếng của hai câu đối nhau đều cùng một từ loại:

* Thúy Kiều, Trọng Thủy là tên người, Thúy Kiều là nữ mà Trọng Thủy là nam.

* đi qua, nhìn xuống - nhác thấy, thoáng trông - đã trọng, rơi châu đều là động từ.

* cầu, nước - chàng, nàng - lòng, mắt đều là danh từ.

2. Các tiếng cuối nhịp đối nhau về bằng trắc:

- nước là tiếng trắc đối với cầu là tiếng bằng

- châu là tiếng bằng đối với trọng là tiếng trắc.

3. Các tiếng đối tương ứng với nhau về tất cả các đặc điểm ngữ học:

- Kiều chữ Hán là cầu, Thủy chữ Hán là nước

- chàng Kim... Trọng đối với nàng My... Châu.

4. Cấu trúc của hai câu đối lại hoàn toàn đồng dạng.

Về nội dung của hai vế đối, ta thấy:

1. Các tiếng đối nhau đều thuộc cùng trường nghĩa hoặc hai trường nghĩa có thể ứng đối một cách không khiên cưỡng:

- đi qua cầu, nhìn xuống nước - nhác thấy, thoáng trông - chàng, nàng - lòng đã trọng, mắt rơi châu.

2. Cả hai vế đối đều thực thấu tình bởi chúng hài hòa với nhau cả về nội dung lẫn hoàn cảnh: Nếu cụ đồ hay Kiều ra vế đối về một cái cầu thì du khách lại lấy ngay tích My Châu - Trọng Thủy tại đền Cổ Loa để đối lại.

Cho nên “xuất đối dị, đối đối nan” là vì thế.

Tại nhà thờ thi hào Nguyễn Du có đôi câu đối tập Kiều:

Khúc đầu lưu thủy hành vân, để tiếng tài tình chung đất nước;

Chôn ây sơn hồ cỏ thụ, nhớ người thanh khí nặng non sông.

Sau đây là hai đôi câu đối của Hội Khai trí tiến đức Hà Nội viếng nhân dịp khánh thành Từ đường Nguyễn Du ở Tiên Điền năm 1924:

Trăm năm để tấm lòng, còn nước còn non còn truyền cổ lục;

Tác thành dâng một lễ, nhớ người nhớ cảnh nhớ buổi hôm nay.

Khúc nhà tay lựa nên chương, thông minh tính sẵn;

Ngụ tình nên câu tuyệt diệu, bút pháp đã tinh.

Còn đây là hai đôi câu đối của giáo sư Thẩm Quỳnh và thi sĩ Đông Hồ nhân dịp kỷ niệm 200 năm, năm sinh Nguyễn Du (1965), đăng trên báo Sài Gòn:

Phong tư tài mạo khác vời, muôn đời chưa quên, nhường treo giải nhất ;

Sau trước xa gần ngợi khen ngợi, trăm năm trong cõi, vẹn vẻ hòa hai.

hay:

Những đấng tài hoa, giá ngọc càng cao trong buổi mới;

Một thiên tuyệt bút, cỏ thơm lần giở nhớ người xưa.

Xin xem thêm phần tư liệu ở mục này trong quyển Từ lầy Kiều, đố Kiều...đến các giai thoại về Truyện Kiều của chúng tôi.

II. HÁT NÓI TẬP KIỀU

Hát nói xuất hiện vào khoảng cuối thế kỷ thứ 18 nhưng phải đợi đến đầu thế kỷ thứ 19 mới có những tác phẩm lưu truyền đến nay như các tác phẩm của Nguyễn Công Trứ, Cao Bá Quát...

Hát nói là biến thể của Song thất lục bát. Các nhà viết sách thời xưa cho rằng Hát nói là một hình thức biến đổi của thể ngâm Song thất lục bát: Trong Hát nói, có Mưỡu là những câu thơ lục bát, nhiều câu 7 chữ có vần bằng, vần trắc, có cước vận, yêu vận[1]. Nhưng khi đã phát triển, Hát nói là một thể tài hỗn hợp gồm: thơ, phú, lục bát, song thất, tứ tự, nói lồi...

A) SỐ CÂU. Hát nói có các loại:

- Đủ khổ gồm 3 khổ: khổ đầu 4 câu, khổ giữa 4 câu, khổ xếp 3 câu cộng là 11 câu. Đây là thể chính thức của hát nói (xem thí dụ bài Vịnh Thúy Kiều ở sau)

- Bài hát nói thiếu khổ có dưới 11 câu thường là chỉ có 7 câu.

- Bài hát nói đôi khổ thì có khổ đôi ra thường chen vào giữa, số câu nhiều hơn 11.

Trong bài hát nói đủ khổ, 11 câu được đặt tên như sau:

Khổ đầu: Câu 1 - 2 gọi là Lá đầu,

Câu 3 - 4 - Xuyên thưa.

Khổ giữa: Câu 5-6 là Thơ,

Câu 7-8 là Xuyên mau.

Khổ xếp: Câu 9 là đôn,

Câu 10 là xếp,

Câu 11 là keo.

B) SỐ CHỮ TRONG MỘT CÂU. Số chữ trong câu của bài hát nói là không nhất định thường một câu có 7 - 8 chữ, câu ngắn có 4 - 5 chữ còn câu dài 12 tới 18 chữ.

Nhưng hai câu 5 - 6 gọi là thơ thì phải theo thể ngũ ngôn (5 chữ) hoặc thất ngôn (7 chữ).

C) VẬN. Trong bài hát nói dùng cả hai vận, vận bằng và vận trắc. Nếu một câu hát nói đổi từ vận bằng sang vận trắc hoặc ngược lại thì có yêu vận và cước vận, những câu này là những câu chẵn, trừ câu thứ sáu chỉ có cước vận mà thôi.

Theo luật thì trong mỗi khổ, cước vận của câu đầu và câu cuối phải dùng tiếng trắc, cước vận của hai câu giữa phải dùng tiếng bằng. Yêu vận câu thứ nhì dùng tiếng trắc, yêu vận câu thứ tư thì dùng tiếng bằng. Yêu vận gieo vào chữ cuối đoạn thứ nhì.

D) LUẬT BẰNG TRẮC. Theo luật hiệp vận, cước vận của câu đầu trong mỗi khổ hợp với yêu vận của câu thứ hai, yêu vận của câu thứ hai hợp với yêu vận của câu thứ ba, cước vận của câu thứ ba hợp với yêu vận của câu thứ tư. Những chữ thứ nhất, thứ ba, thứ năm trong mỗi câu hát nói không cần theo đúng luật bằng trắc (gọi là Nhất tam ngũ bất luận). Ta có:

Câu 1. t T b B t T

Câu 3. b B t T b B

Câu 2. b B t T b B

Câu 4. t T b B t T[2]

Trong đó không kể những chữ gác ra ngoài luật vì số chữ trong mỗi câu hát là không nhất định. Câu 6 chữ phải theo đúng luật kể trên. Còn những câu dài hơn 6 chữ thì muốn ứng dụng luật này phải chia làm 3 đoạn con, trong mỗi đoạn con chữ cuối phải theo đúng luật bằng trắc. Những chữ gác ra ngoài không kể được tùy ý sử dụng. Những câu nhiều hơn 6 chữ thì chia làm 2-3 đoạn mà đoạn thiếu là đoạn đầu không kể còn hai đoạn sau thì phải theo đúng luật.

Thí dụ 1.

Đài tước / mở toang / cơn tạo hóa t T b B 0 t T

Phím loan xe / trái mối / cương thường 0 b B t T b B

Ngán cho Kiều / khi lỡ bước / Sâm Thương 0 b B 0 t T b B

Cung đàn nguyệt / dây loan / còn mắc mãi 0 t T b B 0 t T

Thí dụ 2.

Tài tình / chi với b B t T

Đau đớn thay / chút phận / hồng nhan 0 b B t T b B

Mười lăm năm / đầy đọa / cỗi trần hoàn 0 b B t T 0 b B

Khôn tròn vẹn / chữ tình / chữ hiếu 0 t T b B t T

Thí dụ 3. Ta xét thêm bài hát nói VỊNH THÚY KIỀU (tác giả khuyết danh thế kỷ 19) sau đây là bài đủ khổ với 11 câu:

- | | | |
|------------|---|---|
| Lá đầu | 1. Cơ trời dẫu bề | |
| | 2. Khách hồng nhan xiết kể nỗi gian truân - | B |
| Xuyên thưa | 3. Mang tấm son đeo đuổi khách hồng quân - | B |
| | 4. Lời vàng đá dăm lời cùng non nước - | T |
| Thơ | 5. Ngọc diện khởi ung mai thủy quốc - | T |
| | 6. Băng tâm tự khả đối Kim lang - | B |
| Xuyên mau | 7. Mười lăm năm thương xót kẻ đôi phương - | B |

8. Ruột tấm bực đã đành nơi chín suối - T

Câu đôn 9. Duyên tái ngộ bởi trời đâu đem lại - T

Câu xếp 10. Lửa ba thu một mối rõ ràng - B

Câu keo 11. Mối hay con tạo khôn lường - B

(Khuyết danh)

Ta thấy câu đầu không tính vần, các câu sau cứ hai vần bằng lọt vào giữa khổ (mỗi khổ 4 câu) lại hai câu trắc bắc cầu từ khổ này qua khổ kia và bài hát nói tận cùng bằng vần bằng. Toàn bài hát nói trên đây đều dùng cước vận. Còn yêu vận thì không bó buộc, có thể là bằng hoặc trắc, đặt ở vị trí không nhất định trong câu.

E) THƠ. Trong bài hát nói bao giờ cũng có hai câu thơ hoặc bằng chữ Hán mượn của người xưa hoặc do chính tác giả làm ra viết theo thể ngũ ngôn hoặc thất ngôn[3].

Trong bài **VĨNH THÚY KIỀU** ở trên, hai câu thơ chữ Hán lấy ở bài **ĐỀ TỬ** của Phạm Quý Thích. Trong bài sau của Nguyễn Công Trứ hai câu thơ nôm do tác giả làm ra. Vị trí thông thường của hai câu thơ là câu 5 và 6, tuy nhiên khi phá cách hai câu thơ này có thể đưa lên đầu bài hoặc đến một vị trí khác (như trong bài **THÚY KIỀU LƯU LẠC** ở sau thì 2 câu thơ ở vị trí câu 9 và 10).

B) MƯỠU

Mưỡu là những câu thơ lục bát mượn trong ca dao hay thơ

của người xưa hoặc chính tác giả làm ra đặt ở đầu bài (gọi là Mưỡu đầu) hay cuối bài nhưng trước câu keo (gọi là mưỡu hậu). Mưỡu có thể gồm 2 câu (mưỡu đơn) hay 4 câu (mưỡu kép).

Bài **THÚY KIỀU LƯU LẠC** của Nguyễn Công Trứ sau đây là mưỡu đầu kép, đôi khổ và có mưỡu hậu đơn:

Mưỡu đầu kép Đài tước mở toang cơn tạo hóa

Phím loan xe trái mối cương thường

Ngán cho Kiều khi lữ bước sâm, thương

Cung đàn nguyệt dây loan còn mắc mãi

Lá đầu Đêm thanh vắng gọi Vân ngồi dậy

Bức khăn là phong mở nguồn cơn

Xuyên thưa Đem lời thệ hải minh sơn

Non nước ấy cậy em gánh vác

Thơ rằng: Vì hiếu để tình nên chéch mác

Chưa duyên mà nợ khéo đa mang

Mảnh gương thề soi với khách văn chương

Xuyên mau: Mùi hương ngát cũng nhờ em rơi đến chị

Này con tạo ghét ghen chi lắm bấy!

Câu xếp :Cái hồng nhan gấm lại cũng buồn cười

Muối hậu đơn : Ấy ai trâm quạt thề bồi

Thấu tình hay chẳng hỏi người Liêu Tây

Câu keo :Trăng già khéo quấy chi ai?

NGUYỄN CÔNG TRÚ

Xin xem thêm phần tư liệu ở mục này trong quyển Từ lầy Kiều, đố Kiều...đến các giai thoại về Truyện Kiều của chúng tôi.

III. KIỀU XƯỚNG HỌA

Thơ xướng họa là một lối chơi thơ tập thể của hai hoặc nhiều người có thể cùng địa điểm thời gian, cũng có thể người này xướng gửi cho người kia họa lại. Cũng có khi, người đời sau họa lại bài thơ của người đời trước...

Một người khởi xướng làm một bài bát cú hay là tứ tuyệt. Một người nữa hay là nhiều hơn, lấy vận bài đó, làm một bài khác họa lại để trả lời, hoặc nói theo một ý, hoặc nói kiểu ngược lại. Họa thơ cũng có điệu có cách.

Bài xướng người ta dùng điệu nào, bài họa phải dùng điệu ấy, mới đúng. Như bài xướng phá lục, hay là làm theo lối thủ vĩ ngâm, lối hỏi vãn, điệp tự hỏi vãn, hay dùng lối tiệt hạ... thì bài họa cũng phải phá lục, hoặc làm theo thủ vĩ ngâm...

Có khi người xướng dùng lối khoán thủ hoặc tám chữ đầu đặt có một chữ, hoặc dùng một chữ để đặt ở đầu cặp trạng và cặp luận mà thôi, thì người họa phải đặt theo, vậy mới là đúng điệu.

Một điều nên nhớ nữa là trong bài xướng, người ta dùng chữ vận có nghĩa gì, thì khi họa, mình cũng

phải dùng chữ vận nghĩa đó. Như bài xướng dùng vận có chữ vàng là màu vàng, vàn là mười ngàn, thì bài họa đến chỗ ấy vận đó cũng phải dùng vàng là màu vàng và vàn là muôn, nếu dùng vàng là vàng bạc... thì không đúng và bài họa như vậy là kém... Có khi người xướng muốn phá mình, dùng vận chết (từ vận), tiếng một, thì mình cũng phải theo nghĩa tiếng đó mà họa. Còn người ta dùng từ láy (tiếng đôi): băng khuâng, lần khân, khắp khênh, vật vờ... thì mình có thể dùng từ láy tương tự, mà họa lại cho ăn với bài xướng. Bằng mình lấy một tiếng vàn mà dùng sai nghĩa, thì bài họa không ăn với bài xướng.

Đối với các bài thơ tứ tuyệt hoặc bát cú thì bài họa phải dùng đúng chữ cuối của các câu thứ nhất, thứ hai, thứ tư, thứ sáu và thứ tám mới là đúng cách. Ta hãy xem hai bài Trách Kiều sau đây của cụ Huỳnh Thúc Kháng.

TRÁCH KIỀU

I. Sách dạy ngày nay đã đứng đầu

Xúm nhau sùng bái gái nhà Ngô

Cột đồng Mã Viện xô chưa đổ

Sóng ác Kiều nương đắm lại sâu

Ô điểm ngàn năm nhớ lịch sử

Báo chương phân nửa chuyện thanh lâu

Ai ơi! Gọi cụ Tiên Điền dậy

Đừng để non sông chịu tiếng vu.

II. Biết mỗi người sau đại thế ru

Phong trào đưa giọng chuyện phong lưu

Vân vợ người ấy phùng trăng gió

Đau đớn lòng ai cuộc bể dâu

Nòi giống khôn thiêng dân một nước

Anh hùng nhiều ít tiếng năm châu

Tiên Điền cụ có hay chưa nhi

Sách dạy ngày nay: Đã đứng đầu.

Gần đây để minh oan cho Kiều (đối lại với ý tưởng phê phán Kiều của cụ Huỳnh) ông Phạm Văn Luật có làm hai bài họa lại như sau:

I. Sách Cự ngàn năm: Sách gói đầu

Cô Kiều hóa Việt trọi làng Ngô

Văn chương lưu loát tô tình đậm

Tâm lý sâu xa diễn nghĩa sâu

Gìn gốc núi sông nền vững chắc

Giữ hồn dân tộc mộng bền lâu

Tiên Điền ghi tạc danh muôn thuở

Đừng để người xưa bị tiếng vu

II. Quốc tế đều nhìn hãnh diện ru

Lưu vẫn trải đạo hợp trào lưu

Nên đem chuyện ác răn trần thế

Biết lấy gương lành đáp nghĩa dâu

Ngưng Bích khóa xuân ngời vẻ hạnh

Tiên Đường đắm ngọc rạng màn châu

Tiên Điền xứng đáng tuyên dương mãi

Sách Cự ngàn năm: Sách gói đầu.

VĂN PHONG - PHẠM VĂN LUẬT

Ta thấy các chữ cuối câu 1, 2, 4, 6, 8 của bài I và bài họa đều là đầu, Ngô, sâu, lâu, vu; của bài II và bài họa đều là ru, lưu, dâu, châu, đầu. Xem câu cuối bài xướng và bài họa, ta thấy có sự đối nhau về ý tưởng:

. Đừng để non sông chịu tiếng vu

- Đừng để người xưa bị tiếng vu

. Sách dạy ngày nay: Dĩ đúng đầu

- Sách cụ Cự ngàn năm: Sách gói đầu

Tư liệu khá phong phú, xin xem thêm phần tư liệu ở mục này trong quyển Từ lấy Kiều, đó Kiều...đến các giai thoại về Truyện Kiều của chúng tôi.

IV. PHÚ KIM VĂN KIỀU

1. Các thể phú: Phú vốn là một thể văn vần bắt nguồn từ thơ cổ không bắt buộc phải có đối. Nếu thơ thiên về tả tình thì phú thiên về tả cảnh nhưng vì cách đặt câu của phú khác với thơ nên thành ra một thể riêng. Dần dần về sau, phú chia làm hai thể:

- a) Phú cổ thể theo lối xưa (trước nhà Đường) không hạn định dài ngắn, niêm, đối, thanh âm chỉ cốt để gieo vần là đủ. Lối này thường có Sở từ (có dùng chữ hề), tứ tự, lưu thủy...
- b) Phú Đường luật được các thi gia từ đời Đường về sau thường dùng. Phú Đường luật không những có vần mà phải có đối, đúng luật bằng trắc và theo một khuôn khổ nhất định. Đây là thể phú thông dụng nhất mà ta xét các qui tắc sau đây.

2. Vần trong phú Đường luật. Có nhiều cách gieo vần như sau:

- a) Độc vận: toàn bài, từ đầu chí cuối chỉ dùng có một vần.
- b) Liên vận: Bài phú có nhiều vần liên tiếp.
- c) Hạn vận: Bài phú bắt buộc phải theo đúng thứ tự các chữ trong một câu cho sẵn để làm vần cho đủ, không được gieo vần khác vào.
- d) Phóng vận: Bài phú muốn làm theo vần nào cũng được.

Bài phú có nhiều đoạn, mỗi đoạn có nhiều liên, mỗi liên có hai vế đối nhau. Vần phải gieo vào cuối vế thứ nhì tức là vần ở cuối liên.

3. Cách đặt câu. Tùy theo số chữ và câu tạo, có 5 lối sau đây.

a) Tứ tự: Mỗi vế có 4 chữ. Thí dụ:

Về Thúy Kiều: Tài sắc gồm hai, phong lưu rất mực

Về Thúc Sinh: Thanh khí lẽ hăng, hoa khôi tiếng mộ

b) Bát tự: Mỗi vế có 8 chữ chia thành hai đoạn bằng nhau. Thí dụ:

- Bàn vây điểm nước, họa đàn đường tơ; Bầu tiên rót rượu, câu thần nổi thơ.

- Mà gầy như mai, mà buồn như cúc; mà chau đôi mày, mà vò chín khúc.

c) Song quan. Mỗi vế có từ 5 đến 9 chữ đi liền một mạch. Thí dụ:

- Cùng nhau vàng đá mấy lời; Dám tiếc tóc tơ một mối

- Kiếp phong trần đã đến thế thì thôi; Nợ anh yển phải lấy thân mà trả.

d) Cách cú. Mỗi vế chia thành hai đoạn dài ngắn khác nhau. Thí dụ:

- Chẳng ngờ gã Giám Sinh, phong tình là đũa; chung lưng con mụ Tú, buôn bán quanh năm.
- Kiếp má hồng toan trả trời xanh, sực thấy mấy câu thân mộng; Doành nước biếc nổi còn sóng bạc, thân thương đến khách tri âm.

e) Hạc tất hay gói hạc. Mỗi vế có từ 3 đoạn trở lên. Thí dụ:

- Trên tường gắm, ơn lòng quân tử, mở quạt đôi trao; Dưới lầu son, vắng mặt tri âm, vò tơ bối rối.
- Giây phút tứ thầy thẳng tới, già Tú ơi, vui đập sao nữ đang tay! Khéo đâu như bảo đến lời, Sở Khanh hỡi, nông nổi nước này cũng lạ!

4. Luật bằng trắc.

a) Những chữ ở cuối mỗi vế phải theo Luật bằng trắc là: chữ cuối ở vế trên trắc thì chữ cuối ở vế dưới phải bằng và ngược lại. Thí dụ:

- Thanh khí lễ hằng (B); Hoa khôi tiếng mộ (T)

Ngày xuân mưa gió càng nồng (B); Đêm xuân đi về lấm độ (T)

- Trăm năm tính cuộc (T); muôn sự tại trời (B)

Cho thanh cao phân thanh cao mới được (T); Bất phong trần cũng phong trần như ai (B).

b) Trong một vế có nhiều đoạn nhỏ thì chữ cuối của mỗi đoạn nhỏ ở trước gọi là chữ đầu câu phải nghịch thanh với chữ cuối cùng của vế ấy, chữ cuối cùng của vế là bằng thì các chữ đầu câu trong vế phải trắc và ngược lại. Thí dụ:

- Được một vài phân (B), lan huệ một nhà sực nức (T);

Có ba trăm lạng (T), yến oanh ngoài cửa xôn xao (B).

- Chàng Thúc lẩn ra (B), thờ thờ than than (B), tình ấy muôn cam chịu bạc (T);

Tiểu thư chợt đến (T), cười cười nói nói (T), lạ cho cái giống nhà ghen (B).

5. Cách bố cục một bài phú.

Nếu như trong một bài thơ thất ngôn bát cú, bố cục gồm 4 phần là Đề, thực, luận, kết thì trong một bài phú, cách sắp đặt các đoạn mạch gồm có 6 phần:

a) Lung: Trình bày tổng quát đầu bài.

b) Biện nguyên: Xác nhận đầu bài, nêu rõ nguyên ủy gốc tích, giải thích rõ ý của đầu bài mà chuyển vào bài.

- c) Thích thực: Mô tả hết ý nghĩa của đầu bài
- d) Phô diễn: Suy rộng ý của đầu bài
- e) Nghị luận: Phê phán, đánh giá, bàn bạc ý nghĩa của đầu bài.
- g) Kết: Gói ghém chung ý tứ của đầu bài lại.

Sau đây là đoạn đầu của một bài phú :

BÀI PHÚ THÚY KIỀU

Kể từ lúc:

Ngọc chưa cài, trâm chưa giắt

Tài sắc gồm hai, phong lưu rất mực

So tay bút pháp, Lan Đình mấy thiếp nào thua;

Lầu bậc cung thương, Hồ cầm một trương ăn đứt

Sắc khuy nh quốc, hoa thua liễu kém, nắng mưa gìn giữ xiết bao!

Tuần cập kê, trướng rủ màn che, ong bướm đi về cũng mặc.

Tới tiết Thanh minh:

Quần áo thướt tha, ngựa xe giông ruổi

Trở ra về gặp chàng Kim Trọng, mặn mà thay lan cúc cả hai bên!

Thoắt chiêm bao thấy ả Đạm Tiên, đau đớn nhẽ nhân duyên cùng một hội!

Lênh đênh mặt sóng, đã đành phận gái truân chuyên;

Lắt léo cảnh thoa, mới biết lòng trời run rủi

Trên tường gấm, ơn lòng quân tử, mở quạt đôi trao;

Dưới lầu son, vắng mặt tri âm, vò tơ bối rối

May làm sao:

Thanh vắng một mình; hôm nay được buổi

Cùng nhau vàng đá mấy lời; dám tiếc tóc tơ một mối

Thôi vẫn tưởng:

Chỉ hồng lá thắm ấy là duyên;

Nào có biết:

Nhị rửa vàng phai đầu đến nổi

Bỗng phải tai bay vạ gió; quản chi ngọc trắng cát lầm

Ôn chín chữ mong đèn gang tấc; thân nghìn vàng đổi lấy ba trăm....

6. Các bài phú Kiều

Trong các tài liệu hiện còn về các bài phú Kiều, ta thấy có 3 bài phú khuyết danh:

- Bài phú Thúy Kiều (Khái Sinh sao lục trong Nam Phong tạp chí số 86 năm 1924) gồm 130 câu.
- Kim Vân Kiều phú (152 câu)
- Túy Kiều phú (486 câu)

Ta cũng thấy có các bản Túy Kiều phú in tại Sài Gòn các năm 1930 - 1934 như:

Túy Kiều phú của Phạm Ngọc Nhân ký hiệu P13691 (9) tại Thư viện quốc gia Hà Nội hay Bài phú tập kiều về nạn hút thuốc phiện của Long Khê rồi Thơ Phú Án Kiều của Nguyễn Tấn Chiêu - Imprimerie Thái Sơn - Hà Nội - 1934...

Những bài phú Kiều đã có từ thế kỷ 19. Trong danh mục những sách có quan hệ đến Truyện Kiều in trong Tập văn họa kỷ niệm Nguyễn Du (Hội Quảng Trị - Huế năm 1942), ta thấy có tên cuốn: Thúy Kiều phú, In lần thứ sáu, Transcrit en Quốc ngữ par Phụng Hoàng Sang et Võ Thành Ký, Sài Gòn. Condurier et Montignont - 1907.

Xin xem thêm phần tư liệu ở mục này trong quyển Từ lầy Kiều, đố Kiều...đến các giai thoại về Truyện Kiều của chúng tôi.

V. VĂN TẾ

1. Lời văn tế

Theo sách “Thọ mai” thì Văn tế có một nghĩa rất rộng bao gồm các loại văn dùng để tế thần, tế thánh, tế người sống, tế người chết và cả chúc tụng nữa. Nhưng về sau văn tế chỉ còn dùng để tế người chết, có mục đích kể tính nết, công đức của người chết và lòng thương mến của người sống đối với người chết, tỏ tấm lòng kính trọng và thương tiếc của mình. Văn tế thường được làm theo nhiều hình thức như:

a) Lời văn xuôi.

b) Lỗi tán mỗi câu bốn, năm chữ, có vần, có đối hoặc không đối.

c) Lỗi phú cổ thể hoặc lưu thủy.

d) Lỗi phú Đường luật

e) Trong văn nôm, văn tế còn có thể làm theo thể song thất lục bát (như Văn tế Thập loại chúng sinh của Nguyễn Du).

Tuy nhiên ta có thể qui thành hai loại: Thể tự do và thể phỏng theo phú Đường luật.

2. Văn tế phỏng theo Đường phú

a) Qui tắc hiệp vần, cách đặt câu và luật bằng trắc của bài văn tế theo đúng thể thức của phú Đường luật đã nêu trong mục I. Ta có thể lấy bài Văn tế Đạm Tiên của khách viễn phương (tác giả Minh Kha) làm thí dụ:

Nhớ ngày xưa:

Mặt ngọc in sương (B); Thân vàng pha tuyết (T).

Tài sắc nổi danh một lúc (T), xông xáo ngoài cửa (T), biết bao anh yến gần xa (B); ca ngâm trái đủ năm cung (B), rộn rục trong sân (B), xiết kể bướm ong sớm tối (T)...

Liên trên là tứ tự mỗi vế có 4 chữ, liên dưới là gôị hạc mỗi vế có 3 đoạn. Ở vế trên, các chữ đầu câu đều vần trắc, chữ cuối vế vần bằng; còn ở vế dưới, các chữ đầu câu là vần bằng còn chữ cuối vế thuộc vần trắc...

b) Bố cục một bài văn tế. Bài văn tế thường chia làm 4 phần như sau, vẫn lấy bài Văn tế Đạm Tiên làm thí dụ:

- Phần mở bài, thường bắt đầu bằng câu than: “Than ôi”, “Than rằng” hoặc “Thương ôi!”, “Hỡi ôi!”. Trước hết đặt một câu cách cú hoặc gôị hạc rồi một câu song quan.

- Phần kể đức tính, công nghiệp của người chết, thường bắt đầu bằng mấy chữ “nhớ cha xưa”, “nhớ nàng xưa”... Trước hết đặt vài câu tứ tự hoặc bát tự rồi đến những câu cách cú, song quan, gôị hạc nhiều ít tùy ý.

- Phần than tiếc người đã khuất, thường bắt đầu bằng chữ “Ôi!” hoặc “Ôi thôi!”... Cách đặt câu cũng như trên.

- Cuối cùng là phần tỏ tình thương nhớ của người đứng tế, thường bắt đầu bằng mấy chữ “Con nay”, “Bản chức nay”, “Tôi với nàng nay”... Cuối phần này là hai chữ Thượng hưởng! có nghĩa là mong ước hưởng cho để kết thúc bài văn tế.

Các bài văn tế ở đây đều là loại văn tế tập Kiền tức là dùng các câu chữ trong Truyện Kiền chấp lại. Ta có thể kể:

- Văn tế Thúy Kiều của Kim Trọng (Tiên sĩ Phạm Liệu ở Quảng Nam do Lê Viết Lượng sao lục)

- Văn tế Lão mẫu, tác giả là Bùi Viện (đỗ cử nhân năm Tự Đức thứ 21 - 1868)

- Văn tế Đạm Tiên của khách viễn phương (Tác giả: Minh Kha)

Sau đây là đoạn đầu bài Văn tế Lão mẫu của Bùi Viện:

VĂN TẾ LÃO MẪU

Non khơi nước thăm, lạc bước phù tang;

Đất thấp trời cao, đau lòng trắc dĩ

Nỗi nhà báo đáp, tội con vâng biết đã nhiều;

Cõi khách xa xăm, cơ tạo nghĩ đâu ra thế

Ngày vĩnh quyết cách lời khuất mặt, tác lòng nào thương nhớ có nguôi;

Công dưỡng sinh tạc dạ ghi lòng, trăm thân dầu đèn bồi chưa dễ

Những tưởng:

Trời còn rộng, đất còn dài

Thông còn tươi, huyên còn khỏe

Nhà mai trúc một đoàn sum họp, theo đòi dưới trướng đã đông người;

Sân quế hòe đôi chút thơ ngây, thay đỡ việc mình không thiếu kẻ

Thương nỗi chiếc thân ngày tháng, nghiên bút ít nhiều cũng có, kiếp trần mong rũ sạch cho xong;

Xót lòng tựa cửa hôm mai, bỗng vì quạnh quẽ bấy lâu, đường mây nghĩ bước đi cho nhẹ

Thấy giữa đường đang lăm nổi bất bình;

Nhìn trong cuộc phải chọn người tri kỷ

Ngày xuất cáo chưa kịp lời thưa nói, những là tưởng dưới nhà trên nước, khắc xương chép dạ, biết đâu mà gửi can tràng;

Bước viễn du không kịp tính xa gần, những là toan lấy hiếu làm trung, nhắm mắt đưa chân, phận nào có tưởng gì vui tẻ

Lìa nhà lìa cửa, chiếc gánh quan san;

Một nước một trời, mảnh buồm thu thủy

Phần e đường sá còn xa;

Phần sợ bóng dâu đã xế

Khi trên thác dưới ghềnh, khi ra khơi vượt biển, trông vời cổ quốc, lòng tư thân một bước một đau;

Khi chân mây mặt sóng, khi cũ gió tuần mưa, đoái dặm tử phần, nỗi viễn khách càng thương càng nhớ

Khi thì thương nhà huyên, tuyết chở sương che, vì nuôi con những rày ao mai ước, những tưởng liêu một giọt làm cho thiên hạ, lấy trần cam mà bỏ lại đắng cay;

Khi thì thương nhà thông, da môi tuổi bạc, gập nước nhà còn khe khát lạ lòng, những toan đem tác cỏ quyết đền ba xuân, dầu phiền muện phải lo cho mát mẻ...

Xin xem thêm phần tư liệu ở mục này trong quyển Từ lầy Kiều, đó Kiều...đến các giai thoại về Truyện Kiều của chúng tôi.

VI. ÁN KIM VÂN KIỀU

Bên cạnh việc bình Kiều, vịnh Kiều, tập Kiều... còn một việc rất đặc biệt là đánh giá các nhân vật trong Truyện Kiều dưới con mắt của một quan tòa, đó là các bản Án Kim Vân Kiều làm theo thể phú. Người đầu tiên viết các bản án Kiều là ông nghè Nguyễn Văn Thắng. Do chống tham quan lại những, ông đã đánh đổ hai thượng quan là Trấn thủ và Hiệp trấn nên ông bị vu oan và bị cách chức, hạ ngục.

Trong ngục (năm 1830 - 1831), ông đã đem hiểu biết của mình về pháp luật làm tập Kim Vân Kiều án. Với từng nhân vật, ông đều nêu rõ công, tội rồi đem Quốc pháp mà đề nghị thưởng phạt phân minh đúng là của một quan chánh án. Tập án này hiện còn hai bản nôm khắc vào năm 1847 và 1848. Đến năm 1919 bản dịch tập án đã được in tới ba lần. Lần đầu là cuốn:

Kim Vân Kiều án - Nguyễn Văn Thắng - Transcrit en Quốc Ngữ par Xuân Lan. Imprimerie Văn Minh Hải Phòng - 1911.

Gần đây có bản phiên của cụ Lê Thước trong “Một số tài liệu nghiên cứu về Nguyễn Du” tài liệu đánh máy chữ của Thư viện Quốc gia Hà Nội năm 1965 và một bản phiên của giáo sư Hoàng Xuân Hãn đăng trong Tập san Khoa học xã hội in ở Paris - Pháp (số 13 - 14 tháng 1 năm 1987)

Mở đầu là Lời tựa Kim Vân Kiều án, ông nghè Nguyễn Văn Thắng khen Truyện Kiều là một tuyệt tác: “Không những văn nhân tài tử khi mắt đọc thì lòng thích, thân khoái mà thôi, mà hẳn là những trai đồng gái chợ khi ngâm truyền cho nhau cũng tay múa đùi rung”

Rồi ông nêu rõ: “Mùa đông năm Canh Dần (1831), tôi bị giam trong ngục suốt ngày chơ vơ không lấy gì đã lòng buồn. Thỉnh thoảng đọc chuyện nôm Kim Vân Kiều, may được hiểu thấm lời trong truyện, nghiền ngẫm tìm thú trong văn” rồi do đó mà viết ra tập án này và ông kết luận:

“Ba thước gươm không tư vị, há dong thứ các tình tội trước dư luận. Năm trăm năm lưu nghị, án tình

chưa thỏa trong lời văn biện luận. Kính theo diêm lệ triều ta mà thẩm xét chân tình, khiêu không sai sót một điều gì để lại nghìn năm sau. Đó là mục đích của ta không quản sự quê mùa mà viết ra trình, để mua lấy một chuyện cười mà thôi”

Sau phần mở đầu là 22 bản án dành cho 25 nhân vật trong Truyện Kiều.

Đầu tiên là án Thúy Kiều cũng là bản án dài nhất gồm 19 câu đôi với 422 chữ. Trong án này ông khen Thúy Kiều đủ sắc, đủ tài, đã làm Kim Trọng say mê. Khen nàng vì hiếu hy sinh tình yêu và cả đời mình để cứu gia đình. Khen nàng đã nhờ uy Từ Hải trả ân trả oán phân minh. Ông khen nàng có lòng nhân khi đỡ Từ Hải bỏ việc binh đao, khen tấm lòng trinh bạch của nàng khi từ chối không chịu làm vợ Kim Trọng sau ngày tái ngộ. Nếu có tội thì chỉ là đã vướng phải mối tình của Thúc Sinh, Từ Hải. Mắc tình là bởi bản mình vì hiếu còn công nàng đáng thưởng. Kết luận ông đề nghị cho Kiều được rút tên ra khỏi Sổ Đoạn Trường và kiếp sau được làm vợ chính thức của một vị đại thần.

Đáng để ý là án ba bạn tình của Kiều. Nàng đã gặp mỗi người trong một cảnh ngộ khác nhau. Mỗi người đã đối xử với nàng theo một cách và do đó lời án dài ngắn, kết luận ý nhị càng khác nhau.

Ông chê Kim Trọng là trai lẳng lơ, tuy con nhà trí thức mà mê sắc, gặp gái đứng đắn mà buông thối số sàng. Nhưng công nhận rằng chàng có hành động nhân nghĩa: biết nuôi ông bà họ Vương bị con khốn đốn; nghe lời Kiều trời lại xin chàng cưới Thúy Vân; không kể công của cố đi tìm kiếm cho được; sau mười lăm năm gặp lại, vẫn muốn giữ lời ước xưa, nhưng cũng đành chịu nghe lời Kiều chỉ cùng nhau làm bạn cầm thơ. Theo pháp luật và luân lý thì đáng khép tội ép nài con gái mà phải treo chức, sai đi công dịch một năm. Nhưng xét tiết nghĩa của chàng thì chỉ đề nghị giáng bậc mà thôi. Vả chàng giỏi từ chương, sẽ đề nghị cất trở lại lên cao mà trọng dụng.

Ông chê Thúc Sinh là hèn nhất để vợ điều khiển hoàn toàn làm hồ mặt đàn ông, chứ không có một lời bênh chàng đã cứu Kiều ra khỏi tay Tú Bà. Nhưng cũng nhận rằng chàng bản tính hiền lành mà gia tư cũng nhờ nhà vợ mới có. Nghị án tha cho chàng tội không ngăn được vợ cả hành hạ vợ bé. Rồi kết tội một cách khoan dung và hài hước: Tuy chàng không đáng Kiều tặng “gắm trăm cuốn bạc nghìn cân” nhưng Kiều đã cho thì quan Án cũng mặc, rồi đến khi xử án Hoạn Thư thì ông lại đề nghị nửa thưởng, nửa phạt rằng tha tội cho Hoạn Thư và giao trả cho Thúc Sinh đưa về quản thúc.

Từ Hải là một anh hùng bạn nghịch với Triều đình, nên khen hay nên chê đó là vấn đề khó nói cho ông. Nhưng lời án cũng rất khen tài của Từ, khen lòng hào hiệp báo ân báo oán cho Kiều, không theo sáo luận sử gia chê Từ bất trung. Trái lại khen lòng nhân của Từ xót dân trong cơn hoạn nạn, đức tin của Từ khi nghe Hồ Tôn Hiến nhận hàng trong danh dự. Rồi kết luận, để bù cho sự phải chết oan, đề nghị cho làm tướng tạm quản các âm binh báo oán rồi kiếp sau sẽ cho làm thống chế trên đời.

Án Hoạn Thư đáng làm mô phạm cho các bản khác. Trước khen nàng là người đàn bà thông minh sâu sắc. Sau chê nàng thứ nhất là cư xử cay nghiệt. Tuy ghen tuông là thói đàn bà nhưng nàng lại giày vò Kiều quá đáng không thể dung thứ về mặt lòng nhân. Thứ hai là trong khi chồng vắng, nàng đã thuê côn đồ đốt nhà bắt Kiều. Làm như thế là phạm luật hình phải đem Quốc pháp mà trị. Quan án Nguyễn Văn Thảng suy tính kiếm lý gỡ tội cho nàng. Thứ ba là xét nàng có lòng nhân. Khi bắt được quả tang chồng mình tới Quan Âm Các tự tình với Kiều mà cũng giả cách làm ngơ. Khi biết Kiều đã lấy trộm chuông vàng khánh bạc trốn đi mà không theo đuổi vì nàng trọng tài Kiều mà hiếu tình Kiều. Thứ tư, chỉ vì Thúc Sinh nhu nhược, không dám thú thực đã có vợ bé với nàng, lại vì mẹ xui nàng thuê người đốt nhà

cướp Kiều cho nên có sự trọng phạm pháp. Vậy cũng chỉ là tòng phạm. Thứ năm, về tình, ông thương tình họ Thúc chưa có con nối dõi nếu khép án nàng thì nàng sẽ thành vô tự. Kết luận ông đề nghị giao trả Hoạn Thư cho Thúc Sinh đem về nhà quản thúc. Lời án chặt chẽ nhận đủ lý, tình, kết thúc lại khôi hài tỏ ra ông đứng một vị quan tòa ra đáng khoan hồng và tình nghịch.

Đặc sắc là án Đạm Tiên. Nàng là ma kỹ nữ mang kiếp Đoạn trường. Nhưng nàng biết thương Kiều, tìm phương án giúp bạn. Lại có đức tin, đúng hẹn tới sông Tiền Đường đón bạn để báo cho hay rằng bạn đã thoát số Đoạn Trường. Vậy Nguyễn Văn Thắng đề nghị cho nàng kiếp sau làm cung nữ.

Còn đối với những kẻ phạm tội nặng thuộc luật hình thì áp dụng Hoàng triều luật lệ. Tên Bán tơ vu oan cho Vương ông là tên gây đầu tai họa cho Kiều, Mã Giám Sinh dối hứa cưới Kiều làm vợ lại lừa đem bán cho lâu xanh, hai tên này mắc tội trọng phạm phải đề nghị án Khiêu trảm, yêu trảm. Tú Bà tội cũng tương đương nhưng đàn bà thì hình phạt lại ác hơn là dùng ngựa xé thây làm năm mảnh. Bạc Hạnh tội cũng giống Mã Giám Sinh tuy rằng bấy giờ Kiều không phải con gái lương gia nữa nhưng cũng khép án Khiêu trảm. Tội Bạc Bà có chút nhẹ hơn nên kết án giam giữ, thất cổ nhưng còn giam xét lại. Sở Khanh tuy cũng lừa Kiều khiến nàng phải nghe lệnh Tú Bà, nhưng được coi là tòng phạm, cho nên kết án trảm giam hậu mà thôi. Đến hai tên Ứng Khuyển thì chỉ là lũ côn đồ dưới tay Hoạn bà, đã hành động để kiếm miếng ăn cho nên chỉ kết án đày đi xa lập công chuộc tội, đến hết hạn cho về làng quán.

Riêng Hồ Tôn Hiến tuy là một đại thần có công dẹp giặc nhưng xét cách xử trí thì thấy kém nhân phẩm không đáng phương diện quốc gia, ông đề nghị treo chức để Triều đình xét xử. Xem đó tuy ngồi tù, ông vẫn giữ tính cương trực nghị luận không sợ chạnh lòng đại thần tra xét việc mình.

Sang đầu thế kỷ 20, theo cách định công và tội của các nhân vật trong Truyện Kiều của Nguyễn Văn Thắng, có các bản án của các tác giả sau:

ÁN THÚY KIỀU - Nguyễn Liên Phong - In lần thứ nhất - Sài Gòn, Imprimerie de l'Opinion - 1907.

THƠ PHÚ ÁN KIỀU - Nguyễn Tấn Chiêu - Imprimerie Thái Sơn - Hà Nội - 1934

THÚY KIỀU ÁN - Trần Phong Sắc...

Trong phần Tư liệu sau đây, chúng tôi xin trích một số bản án như sau:

- KIM VÂN KIỀU ÁN của Nguyễn Văn Thắng - 16 án

- ÁN THÚY KIỀU của Nguyễn Liên Phong - 6 án

- THÚY KIỀU ÁN của Trần Phong Sắc - 4 án.

Xin xem thêm phần tư liệu ở mục này trong quyển Từ lầy Kiều, đố Kiều...đến các giai thoại về Truyện Kiều của chúng tôi.

VII. Chuyên đề TRONG NỀN VĂN HÓA KIỀU đã được trình bày qua ba tập sách. Chúng tôi đã đề cập đến hầu hết các biểu hiện văn hóa xung quanh Truyện Kiều. Bình Kiều, vịnh Kiều là những hoạt động rất phong phú. Hàng trăm, hàng ngàn bài bình Kiều và hàng ngàn đến vài ngàn bài thơ vịnh Kiều, nếu tập hợp lại ta có một khối lượng sáng tác đồ sộ nhưng do khuôn khổ sách có hạn, trong tập I (Bình

Kiêu, Vịnh Kiều, Bói Kiều) mà bước đầu chúng tôi chỉ có thể giới thiệu một số bài tiêu biểu.

Trong tập II (Tập Kiều - một thú chơi tao nhã) chúng tôi đã trình bày một cách tương đối đầy đủ và khá công phu về một thú chơi vừa hấp dẫn lại vừa tao nhã.

Tập III này đã trình bày cùng độc giả: Lầy Kiều, đố Kiều, Phú, Ẩn, Văn tế Kiều... đến Truyện Kiều với hội họa và các giai thoại về Truyện Kiều... Ngoài ra còn có các bài biểu, từ khúc Kiều. Trong lĩnh vực sân khấu, ta còn thấy có các tích tuồng Kiều, cải lương Kiều, chớp bóng (phim ảnh) Kiều...

Ngoài tuồng Kiều ở thế kỷ XIX ở miền Nam, cải lương ở Hà Nội, Hải Phòng thập niên 30, các vở cải lương Kiều I,II,III của Phạm Ngọc Khuê, của Việt Dung, Sỹ Tiến ở Hà Nội thập niên 50, rồi phim chớp bóng của Việt Nam đầu tiên quay về Truyện Kiều những năm 30 nay sang cuối thế kỷ XX lại còn có: Hợp xướng Truyện Kiều của nhạc sĩ Vũ Đình Ân với 70 diễn viên cùng dàn nhạc 20 người trình diễn tại nhà hát Bến Thành, ngày 17 - 12 - 2000 và trên đĩa VCD của Công ty Bạn yêu nhạc và Hội Âm nhạc TP Hồ Chí Minh. Rồi Bản Giao hưởng số 7: Truyện nàng Kiều với 6 chương của nhạc sĩ Nguyễn Văn Nam (Nhà hát giao hưởng và vũ kịch TP Hồ Chí Minh trình diễn ngày 9 - 9 - 2001 tại Nhà hát Thành phố)...

Sáng tác được một bài thơ hay đã khó. Nhiều người theo đuổi sự nghiệp văn chương cả đời người cũng chỉ còn lưu lại cho hậu thế được một vài bài. Thế mà Truyện Kiều của Nguyễn Du thì lời lời châu ngọc..., ngôn ngữ và cách dùng từ của Nguyễn Du thì thực là tuyệt diệu: 3.254 câu thơ là 3.254 viên ngọc quý.

Nguyễn Tấn, nhà thơ Trung Quốc đầu thế kỷ 15 đã có nói đến việc dùng từ trong thơ như sau:

“Tôi thừa rằng phép làm thơ thật khó lắm thay! Thơ luật chỉ có 56 chữ (8 câu, 7 chữ), thơ tuyệt cú lại chỉ có 28 chữ (4 câu, 7 chữ) mà đủ cả mọi thể cách. Muốn thơ cổ kính, thanh đạm thì lại gần với thô, muốn đẹp đẽ thì lại gần với lẻo loẹt, hào phóng thì dễ tới chỗ buông thả, thật thà thì dễ tới chỗ quê mùa. Cho nên lời ý giản dị, đầy đủ, mạch lạc, thông suốt, chất phác mà vẫn nhã, mới lạ mà không trúc trắc, trung hậu nhưng không thô kệch, cao siêu mà vẫn có giọng ôn hòa, đó là những điều rất khó có thể đạt được”.

(Phạm Tú Châu dịch)

Như chúng ta đã biết, lời thơ trong Truyện Kiều của Nguyễn Du thì vô cùng ảo diệu. Ta cũng biết ngoài các thành phần khác như vần, nhịp điệu, ngữ điệu của câu thơ, từ ngữ trong thơ phải được lựa chọn kỹ càng, cô đọng và hàm súc. Có cô đọng, hàm súc mới đạt được lượng tin cao. Và như vậy vai trò của từng từ rất quan trọng, nếu đặt sai chỗ, hiểu sai từ, sẽ hiểu sai cả bài thơ. Trong cuốn sách Thi Thoại (Quốc Học thư xã - 1942) Vân Hạc - Lê Văn Hòe có kể lại hai mẩu chuyện về vấn đề này:

“Ở Trung Quốc, đời Tống, nhà thơ Vương An Thạch có viết:

“Minh nguyệt sơn đầu khiêu

Hoàng khuyến ngọc hoa tâm”

Tô Đông Pha hiểu hai câu này là:

“Trăng sáng kêu đầu núi

Chó vàng nằm giữa hoa”

nên ông chữa lại hai câu trên thành:

“Minh nguyệt sơn đầu chiếu

Hoàng khuyến ngọc hoa âm”

Nghĩa là: “Trăng sáng soi đầu núi

Chó vàng nằm bóng hoa”[4]

Đến khi Tô Đông Pha bị đày đi xa mới biết là có con chim minh nguyệt và con sâu hoàng khuyến do đó mới hiểu đúng câu thơ của Vương An Thạch:

“Chim minh nguyệt hát trên đầu núi

Sâu hoàng khuyến nằm giữa bông hoa”

Ở Việt Nam là trường hợp của nhà thơ Tản Đà. Tản Đà viết trong bài Thu phong:

“Trận gió thu phong rụng lá vàng

Lá rơi hàng xóm lá bay sang

Vàng bay mấy lá, năm già nửa

Hờ hững ai xui thiệp phụ chàng

Trận gió thu phong rụng lá hồng

Lá rơi tường bắc, lá sang đông

Hồn bay mấy lá, năm hồ hết

Thơ thần kì ai vẫn đứng trông”.

Lê Tràng Kiều lựa một đoạn trên và sửa lại đăng trên Văn học tạp chí năm 1935 như sau:

“Trận gió thu phong rũ lá vàng

Lá bay hàng xóm, lá bay sang

Vàng bay mấy lá, năm già nửa

Hờ hững ai xui thiệp phụ chàng”

Nhà thơ Tản Đà bất mãn, viết bài phản đối Lê Trảng Kiều. Tản Đà viết bài thơ trên có hình ảnh: "Lá thì rơi ở góc nhà hàng xóm, lá thì bay sang nhà mình ở, lá thì rơi ngay gốc cây cạnh tường phía bắc, lá thì bay sang tận tường phía đông!

Vì thế Tản Đà dùng từ rụng, rơi. Còn nếu sửa như Lê Trảng Kiều là rũ, bay thì vô nghĩa, vì lá bay cả sang hàng xóm, và bay cả sang nhà mình thì cây này gốc ở đâu?"

Mỗi từ đều có ý nghĩa riêng là như vậy. Và từ ngữ chọn lựa kỹ, sử dụng một cách tiết kiệm là phải dựa trên vốn từ rất phong phú của nhà thơ.

Nhắc lại những cái khó của việc làm thơ như trên là để thấy được rằng Nguyễn Du dù là thiên tài bậc nhất cũng đã phải lao tâm, khổ tứ, công phu biết bao nhiêu mới hoàn thành được một tác phẩm bất hủ như Truyện Kiều. Trong kho tàng văn học Việt Nam, nếu kể cả truyện khuyết danh thì truyện thơ cũng nhiều, nhưng với Truyện Kiều thì mỗi câu, mỗi chữ đều được chọn lọc kỹ càng, đều mang nặng chất thơ. Và ta hiểu vì sao Truyện Kiều lại chinh phục được trái tim của nhiều người đến như vậy, từ vua quan cho tới dân thường.

Cụ Trần Bích San (1840-1877), người làng Vị Xuyên, Nam Định trong tựa tập “Mai Nham thi thảo” đã phải viết:

“Cái khó của việc làm thơ là trong bụng phải làu thông mấy trăm vạn kinh sách, dưới mắt phải ngắm nhìn mấy trăm vạn núi non tươi đẹp, trên đời phải lịch duyệt mấy trăm vạn nhân vật cổ kim, trong cõi phải từng trải mấy trăm vạn sự biến, rồi sau mới hiểu, mới thấu, lường mới xa, chí mới cao, khí mới mạnh và lời thơ từ đó toát ra mới tuyệt diệu”

(Tập chí Văn học- tháng 1-1979)

Và Nguyễn Du với Truyện Kiều thực sự đã đạt đến đỉnh cao của nghệ thuật làm thơ.

Thật đúng như lời nhà phê bình kiêm thi sĩ Pháp Paul Valéry đã viết: “Cái hay của thi ca là ở điểm lung linh huyền ảo, chông chênh và đa nghĩa, sẵn sàng tiếp thu các lối giải thích của độc giả”. Cái thú vị của Truyện Kiều cũng là ở những chỗ ảo diệu ấy. Trước thành tựu nghệ thuật rực rỡ vô song của tác phẩm, vừa cổ điển lại vừa “hiện đại”, thực khó mà tìm được từ nào nói lên tầm vóc của Truyện Kiều như cụm từ “Tập đại thành” của một quá trình lịch sử văn học, kết tụ những tinh hoa cao quý nhất của nền văn chương nước Việt. Thi sĩ Tản Đà trong bài Tựa quyển Vương Thúy Kiều chú giải tân truyện cũng viết:

“... Tôi đã từng nghe ông Tú làng Minh Hương tự Tiểu Minh tên là Phan Thạch Sơ đề thơ Kiều có hai câu rằng:

Hữu Minh nhất đại vô song kỹ

Đại Việt thiên thu tuyệt diệu từ

(Cô dĩ có một không có hai ở trong một đời nhà Hữu Minh - Lời văn tuyệt hay để lại nghìn năm nước

Dại Việt.)

Phê bình, nghị luận về quyển Kiều tương như hai câu đây thật là đủ mà phải”....

Để kết thúc, chúng tôi xin nêu lại nhận xét của một trong những nhà bình Kiều đầu tiên (năm 1820) ở nước ta là Tiên Phong Mộng hiên Đường chủ nhân.

Trong BÀI TỰA cho tác phẩm của Nguyễn Du vào tháng hai năm canh thìn - Minh Mệnh nguyên niên (năm 1820), ở Thán hoa hiên đất Hạc Giang, ông viết:

“... Xem đến chỗ giấc mộng đoạn trường tình dậy mà còn nguyên vẫn gỡ chưa rồi; khúc đàn bạc mệnh gảy xong, mà oán hận vẫn còn chưa hả, thì dầu đời xa người khuất, không được mục kích tận nơi, nhưng lời văn tả ra hình như máu chảy ở đầu ngọn bút, nước mắt thấm ở trên tờ giấy, khiến ai đọc đến cũng phải thấm thía ngậm ngùi, đau đớn như đứt ruột. Thế thì gọi tên là Đoạn Trường Tân Thanh cũng phải.

Ta lúc nhàn đọc hết cả một lượt, mới lấy làm lạ rằng: Tố Như tử dụng tâm đã khổ, tự sự đã khéo, tả cảnh đã hết, đàm tình đã thiết, nếu không phải có con mắt trông thấu cả sáu cõi, tấm lòng nghĩ suốt cả nghìn đời, thì tài nào có cái bút lực ấy. Bèn vui mà viết bài tựa này...”

(Theo lời dịch của Bùi Kỳ - Trần Trọng Kim)

[1] Mưỡu là những câu làm theo thể lục bát đi kèm với bài hát nói, hoặc ở trên gọi là mưỡu đầu hoặc ở cuối gọi là mưỡu hậu. - Vận gieo ở cuối câu là cước vận (cước là chân), vận gieo ở giữa câu gọi là yêu vận (yêu là lưng).

[2] B, b là vận bằng; T, t là vận trắc. Chữ lớn B, T là phải theo đúng luật bằng trắc, chữ nhỏ b, t là không nhất thiết.

[3] Đặc biệt trong bài Chí nam nhi của Nguyễn Công Trứ thì hai câu 5-6 không làm thể thơ:

Đố kỵ xá chi con tạo - Nợ tang bồng quyết trả cho xong.

[4] Đổi chữ khiêu ra chữ chiếu, chữ hoa tâm ra hoa âm

CHƯƠNG I. THI PHẨM ĐÃ ĐƯA TÁC GIẢ LÊN HÀNG DANH NHÂN VĂN HÓA THẾ GIỚI.

1- Tác phẩm đã đưa một nhà thơ lên hàng danh nhân văn hóa thế giới. Tác phẩm của thi hào Nguyễn Du hầu hết là thơ ca, rất đa dạng và phong phú: về chữ Hán có Thanh Hiên Thi Tập, Nam Trung Tọa Ngâm, Bắc Hành Tọa Lục, về chữ Nôm ngoài Truyện Kiều còn Văn tế thập loại chúng sinh, Văn tế sống hai cô gái Trường Lưu... Nhưng rõ ràng là phải với Truyện Kiều thì văn tài cũng như thiên tài của Nguyễn Du mới bộc lộ được đầy đủ và có thể nói Truyện Kiều là tác phẩm đã đưa Nguyễn Du trở thành Đại thi hào dân tộc và Danh nhân văn hóa thế giới.

Sau đây là CHỈ THỊ Về việc kỷ niệm Nguyễn Du của Ban chấp hành Trung ương Đảng Lao Động Việt Nam và QUYẾT ĐỊNH Kỷ niệm 200 năm năm sinh Nguyễn Du của Hội đồng Hòa bình thế giới, theo tư liệu trong quyển Kỷ niệm 200 năm năm sinh Nguyễn Du.

ĐẢNG LAO ĐỘNG VIỆT NAM

BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG

Số: 112-CT/TW

Hà Nội, ngày 26-10-1965

CHỈ THỊ

VỀ VIỆC KỶ NIỆM NGUYỄN DU

Đầu năm 1964, Bộ Chính trị đã thông qua chủ trương kỷ niệm trọng thể lần thứ 200 năm sinh của nhà thơ dân tộc Nguyễn Du (1765-1965) ở trong nước và giới thiệu rộng rãi tác phẩm của Nguyễn Du ra nước ngoài.

Sau đó, Chủ tịch đoàn Hội đồng hòa bình thế giới trong phiên họp tháng 12 năm 1964 tại Bá Linh (Cộng hòa dân chủ Đức), đã tán thành đề nghị của Ủy ban bảo vệ hòa bình thế giới của nước ta và đã quyết định ghi Nguyễn Du vào danh sách các nhà văn hóa được toàn thế giới kỷ niệm trong năm 1965. Để các cấp ủy và các Đảng đoàn nắm được chủ trương kỷ niệm Nguyễn Du lần này, Ban Bí thư nêu một số điểm sau đây:

1. Mục đích và ý nghĩa việc kỷ niệm Nguyễn Du.

Việc kỷ niệm lần thứ 200 năm sinh của Nguyễn Du trong năm nay, cũng như việc kỷ niệm 520 năm

ngày mất của Nguyễn Trãi trong năm 1962, kỷ niệm lần thứ 75 ngày mất của Nguyễn Đình Chiểu trong năm 1963 và việc kỷ niệm các anh hùng dân tộc, các liệt sĩ cách mạng đều nhằm mục đích chung là biểu dương những thành tựu rực rỡ của nhân dân ta trên các mặt chính trị, quân sự và văn hóa giáo dục các tầng lớp nhân dân, đặc biệt là thanh niên về truyền thống lịch sử vẻ vang của nước ta, do đó nâng cao thêm lòng tự tin và tự hào dân tộc để tiến lên hoàn thành những nhiệm vụ cách mạng trước mắt.

Riêng về kỷ niệm Nguyễn Du, mặc dù nhà thơ có bị hạn chế trong ý thức hệ phong kiến mà biểu hiện tập trung nhất là tư tưởng định mệnh, toàn bộ tác phẩm của ông đã mô tả một cách sâu sắc xã hội phong kiến thối nát của thời đại ông, đã tố cáo, phản kháng và phê phán những thủ đoạn tàn nhẫn, bất công chà đạp lên vận mệnh con người, đồng thời nói lên lòng xót thương vô hạn của ông đối với những lớp người bị áp bức, đau khổ.

Tác phẩm của Nguyễn Du có tính hiện thực và chứa đựng tinh thần nhân đạo. Chính vì vậy, toàn bộ tác phẩm của Nguyễn Du, đặc biệt là Truyện Kiều, được đông đảo nhân dân ta, từ thế hệ này qua thế hệ khác, hết sức yêu mến.

Ngày nay, dưới ánh sáng của chủ nghĩa Mác – Lênin, chúng ta càng phải phát huy tác dụng tích cực của thơ Nguyễn Du; đối với thời đại ngày nay, tác phẩm của Nguyễn Du nói chung và Truyện Kiều nói riêng vẫn có sức gây cảm thù sâu sắc đối với những lực lượng tàn bạo của xã hội cũ, kêu gọi cho nhân dân ta suy nghĩ và thêm thấm thía rằng: Dưới chế độ phong kiến và những chế độ áp bức, bóc lột nói chung (bao gồm cả chế độ của Mỹ và tay sai ở miền Nam hiện nay), những người lương thiện, những người lao động thường bị đàn áp hắt hủi, xô đẩy đến chỗ cùng cực; do đó mà càng biết trân trọng phẩm giá con người, càng yêu quý chế độ tốt đẹp của ta ngày nay và quyết tâm đấu tranh để giải phóng miền Nam, xây dựng và bảo vệ miền Bắc xã hội chủ nghĩa, thực hiện một nước Việt Nam hòa bình thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh.

Về mặt nghệ thuật, Truyện Kiều của Nguyễn Du là một đỉnh cao của thơ ca cổ điển của dân tộc, trong tác phẩm đó chúng ta có thể rút ra nhiều bài học kinh nghiệm bổ ích cho việc sáng tạo nghệ thuật ngày nay.

Kỷ niệm Nguyễn Du còn là một dịp nêu rõ thái độ của Đảng ta rất quý trọng những giá trị của văn hóa dân tộc, kế thừa có phê phán các di sản văn học, nghệ thuật của các thời đại trước để lại, đồng thời đấu tranh chống mọi khuynh hướng lệch lạc đối với những di sản đó, đặc biệt là chống lại âm mưu xuyên tạc những di sản đó để phục vụ cho mục đích chính trị đen tối của đế quốc Mỹ và tay sai ở miền Nam hiện nay.

Về công tác tuyên truyền văn hóa của nước ta ra nước ngoài, đây là lần đầu tiên Hội đồng Hòa bình thế giới và nhân dân nhiều nước trên thế giới chính thức kỷ niệm một danh nhân văn hóa của nước ta. Việc kỷ niệm lại tổ chức đúng vào năm nước Việt Nam cộng hòa vừa tròn 20 tuổi, lúc phong trào chống Mỹ, cứu nước đang dâng cao ở hai miền nước ta và đang thu được những thắng lợi to lớn, do đó dư luận rộng rãi trên thế giới đang ngày càng quan tâm sâu sắc đến tình hình nước ta và tích cực ủng hộ cuộc đấu tranh chống Mỹ cứu nước của nhân dân ta.

Đó là một dịp hết sức thuận lợi để giới thiệu Nguyễn Du ra nước ngoài, thông qua việc kỷ niệm Nguyễn Du mà làm cho nhân dân thế giới hiểu rằng: nước Việt Nam ta vốn có một nền văn học lâu đời và có tính dân tộc độc đáo, vốn có một truyền thống văn học phong phú và lành mạnh, trên cơ sở đó

mà tranh thủ thêm cảm tình của nhân dân thế giới đối với dân tộc ta và cuộc đấu tranh chống Mỹ, cứu nước hiện nay của nhân dân ta.

Chính vì mục đích, ý nghĩa trên đây, cho nên mặc dù tình hình khẩn trương do đế quốc Mỹ tăng cường chiến tranh xâm lược miền Nam và phá hoại miền Bắc gây ra, chúng ta vẫn chủ trương tổ chức việc kỷ niệm Nguyễn Du một cách xứng đáng như đã định trước, và để đạt mục đích, ý nghĩa kỷ niệm Nguyễn Du trong điều kiện hiện nay, cần kết hợp đúng mức cuộc kỷ niệm đó với việc tuyên truyền nhiệm vụ chủ yếu trước mắt của nhân dân ta là vừa sản xuất, vừa chống Mỹ cứu nước. Vì vậy cần tổ chức kỷ niệm Nguyễn Du sao cho có tác dụng động viên nhân dân ta hăng hái, phấn khởi thi đua sản xuất và chống Mỹ cứu nước.

2. Thời gian kỷ niệm.

Trước đây hàng năm ta vẫn kỷ niệm Nguyễn Du vào ngày mùng 10 tháng 8 âm lịch là ngày Nguyễn Du mất. Năm nay chúng ta kỷ niệm năm sinh của Nguyễn Du; nhưng tài liệu cũ không ghi rõ ngày, tháng sinh của Nguyễn Du; vì vậy, căn cứ vào tình hình công tác chung ở trong nước năm nay, chúng ta ấn định thời gian kỷ niệm lần thứ 200 năm sinh của Nguyễn Du vào tháng 11 năm 1965.

3. Hình thức kỷ niệm.

Kế hoạch kỷ niệm Nguyễn Du được đề ra từ lâu, nhưng hiện nay, do tình hình ở miền Bắc nước ta có thay đổi (hàng ngày Mỹ bắn phá), cho nên một vài hình thức kỷ niệm cụ thể như biểu diễn nghệ thuật, sân khấu, điện ảnh, bảo tàng, triển lãm, v.v... cần xem lại để điều chỉnh cho phù hợp với tình hình mới. Các cơ quan và tổ chức có trách nhiệm, như Ban Tổ chức kỷ niệm Nguyễn Du, Bộ Văn hóa, Viện Văn học, sẽ nghiên cứu cụ thể việc điều chỉnh đó....

BAN BÍ THƯ

(Tư liệu trong quyển Kỷ niệm 200 năm sinh Nguyễn Du)

- Minh họa: Chỉ thị của Ban Bí thư TW - Quyết định của Chủ tịch đoàn Hội đồng hòa bình thế giới về việc kỷ niệm Nguyễn Du 1965

(*) Để cho chắc chắn về những kỷ lục sẽ ghi nhận của Truyện Kiều, chúng ta phải xét đến những kỷ lục này với cách nhìn Truyện Kiều trong tư cách khi là một tác phẩm, một tác phẩm văn học hay hạn chế hơn khi là một tiểu thuyết dài bằng thơ (truyện thơ), khi là một thi phẩm tùy theo mức độ xem xét của các nhà chuyên môn.

QUYẾT ĐỊNH

KỶ NIỆM 200 NĂM NĂM SINH NGUYỄN DU

CỦA HỘI ĐỒNG HÒA BÌNH THẾ GIỚI

Theo Thông báo của Hội đồng Hòa bình thế giới số ra tháng 12-1964, trong phiên họp tại Bá Linh (Cộng hòa Dân chủ Đức) từ ngày 6 đến ngày 9 tháng 12 năm 1964, Chủ tịch đoàn Hội đồng Hòa bình thế giới đã chính thức quyết nghị kỷ niệm 200 năm năm sinh nhà thi hào Nguyễn Du (1765-1965) trong

năm 1965, cùng với tám danh nhân văn hóa sau đây

1. Nhà thơ La Mã HORAXO (Quintus Horatius Flaccus): 65-8 trước công nguyên – Kỷ niệm 2000 năm ngày sinh.
2. Nhà thơ Ý ĐĂNGTÔ (Dante Alighieri): 1265-1321 – Kỷ niệm 700 năm ngày sinh.
3. Nhà bác học và nhà thơ Nga LÔMÔNÔXÔP (Lomonos-ov): 1711-1965 – Kỷ niệm 200 năm mất.
4. Nhà thông thái Ả Rập AI HAÍT XAM (Ai Hayssam): 965-1039 – Kỷ niệm 1000 năm sinh.
5. Nhà cải cách xã hội Tiệp Khắc HUXO (Jan Hus): 1369-1415 – Kỷ niệm 550 năm ngày mất.
6. Nhà soạn nhạc Phần Lan XIBÊLIUÝT (Sibelius): 1865-1957 – Kỷ niệm 100 năm sinh.
7. Nhà thơ Ialăng YÍT XÔ (Ycats): 1865-1939 – Kỷ niệm 100 năm ngày sinh.
8. Nhà y học Cuba FINLAY (Finlay): 1833-1915) – Kỷ niệm 50 năm ngày mất.

CHƯƠNG II. QUYỀN TRUYỆN THƠ DUY NHẤT ĐƯỢC DÙNG ĐỂ BÓI.

Quyển sách duy nhất không phải viết ra để bói mà người dân thường xuyên dùng để bói. Hiện tượng này đã được chúng tôi trình bày trong quyển Bình Kiều, vịnh Kiều, bói Kiều, nay viết riêng thành quyển BÓI KIỀU NHƯ MỘT NÉT VĂN HÓA mà cũng không phải đến khi văn hóa Pháp xâm nhập mạnh mẽ vào ta đầu thế kỷ 20 mới xuất hiện việc bói Kiều. Trong bài Tựa viết năm 1898 cho bản Đoạn Trường Tân Thanh của Kiều Oánh Mậu (in năm 1902), Đào Nguyên Phổ đã từng thắc mắc: "Ôi! Sao mà lại có văn hay làm say người đến thế? Còn một điều tôi lấy làm lạ hơn nữa là người đời dùng để bói, thì thấy ứng nghiệm như thần mà xem, tựa linh kinh Quỷ Cốc, là bởi làm sao?... Vì sao Truyện Kiều lại có thể làm say mê mọi người đến như vậy?".

Xin xem thêm trong quyển Bói Kiều như một nét văn hóa (Nxb Thanh Niên 2004), qua ba mục I-II-III sau đây:

I. ĐÔI ĐIỀU VỀ BÓI KIỀU

- Ít dòng về việc bói toán.

- Bói Kiều bằng cách dùng BÁT QUÁI và THẬP CAN. - Nói về bói toán, Nguyễn Du đã viết một câu rất chí lý lấy từ kinh nghiệm dân gian:

1701. Chẳng qua đồng cốt quàng xiên

Người đầu mà lại thấy trên cõi trần.

II. BÓI KIỀU CÓ TỪ BAO GIỜ

Thi pháp kể chuyện trong Truyện Kiều làm cho người kể và các nhân vật của tác phẩm hết sức gần gũi với người đọc nên những lời khấn vái trên cho thấy người bói Kiều xem các nhân vật chính diện của tác phẩm (Từ Hải, Giác Duyên, Thuý Kiều...) như những con người đã từng tồn tại trong thế giới có thực và rất gần gũi với cuộc sống. Điều này không mấy tác phẩm có được.

III. CÂU KIỀU NÓI HỘ TA ĐƯỢC NHIỀU ĐIỀU

Những câu thơ Kiều thường có nhiều ẩn dụ nên khi vào trong câu bói Kiều, chúng như những đề án mở để người bói giải thích những linh cảm của mình. Không những chỉ là đề án mở, bản thân câu Kiều lại như có sự thu hút, mời gọi người mở. Hàng mấy thế kỷ nay người Việt Nam vẫn say sưa lý giải, đi tìm những ứng nghiệm của câu sấm Trạng Trình, chúng như được viết ra để dự báo tương lai dưới một hình thức đầy vẻ huyền bí. Tựa bản thân những câu sấm đã mang tính chất mời gọi người đời sau dùng kiến thức, kinh nghiệm để lý giải... Kinh dịch có 64 quẻ nhưng thực ra là 64 ký hiệu với một ngôn ngữ mang tính khái quát nhiều khi mơ hồ đã khiến cho "Kinh dịch trở thành lời đoán quẻ cho nên ngữ nghĩa khá mơ hồ chung chung như mọi lời bói của bất kỳ môn bói nào" (Nguyễn Duy Hình, Chu dịch phổ

thông). Và những câu Kiều khi được đưa vào bói Kiều cũng mang tính chất như vậy. Bói Kiều cũng là một cách đọc Truyện Kiều tuy với ít nhiều mê tín dị đoan.

Và sau đây xin trích giới thiệu hai mục IV-V tiếp theo:

IV. VÌ SAO CÓ HIỆN TƯỢNG BÓI KIỀU

1. Sấm là những lời lẽ tiên tri đoán định xa xôi về sau, có tính bí ẩn về sự kiện lớn trong tương lai có quan hệ đến đời sống của một cộng đồng như sấm Trạng Trình. Nhưng khi cần đoán định những việc đã qua hay sắp tới, thường là sự may rủi, việc sống chết của con người thì theo mê tín người ta đi xem bói. Nhiều người hay tin một cách mù quáng vào số mệnh, thần thánh, ma quỷ và những điều huyền hoặc nên nặng đầu óc mê tín. Khi gặp được những câu Kiều có sức khái quát cao, người ta nghĩ đến số phận của mình và tìm thấy ở đây một lời mách bảo về cuộc đời, về niềm tin vào cuộc sống rồi cùng với đầu óc mê tín, tin vào những suy đoán của chính mình. Truyện Kiều - qua câu chuyện của một nữ nhân vật bị vùi dập khổ đau - đã chứa đựng một nội dung hiện thực sâu sắc lại có sức khái quát được nhiều mảnh đời nên đã có sức quyến rũ kỳ lạ đối với dân tộc và dần dần đi vào đời sống tâm linh của mọi người. Qua diễn biến của câu chuyện, Nguyễn Du lại có cái nhìn rất phù hợp với quan niệm mỹ học đạo đức dân gian nên có sự gặp gỡ giữa nội dung tác phẩm và kinh nghiệm sống của độc giả, giữa số phận của nhân vật và cuộc sống của con người. Đó cũng là kết quả của quá trình chuyển hóa tâm lý của độc giả từ say mê yêu quý đến tin tưởng vào tác phẩm kỳ diệu này. Trong Truyện Kiều, những trạng thái chủ yếu của con người trong hạnh phúc và khổ đau lại được ngòi bút thiên tài của Nguyễn Du thể hiện rất đa dạng, phong phú và cô đọng trong một vài câu. Chính vì vậy, những câu Kiều đã có khả năng sống một cuộc sống độc lập ngoài ngữ cảnh để hòa nhập trong một bối cảnh mới và do đó người ta đã muốn mượn những câu Kiều để nói hộ tâm trạng mình. Từ đó nảy sinh hiện tượng bói Kiều.

2. Mà không chỉ như vậy. Vì sao có hiện tượng bói Kiều? Trước hết Truyện Kiều là tác phẩm bao quát nhiều tâm trạng, nhất là những tâm trạng vui buồn, hạnh phúc, khổ đau. Mà đời Kiều đã trải qua biết bao nhiêu cảnh ngộ trong suốt mười lăm năm lưu lạc trên một không gian thật là rộng lớn. Hai tâm trạng chủ yếu trong cuộc đời là hạnh phúc khổ đau đều đã được thể hiện rất đa dạng trong Truyện Kiều. Mà nỗi đau thì thiên hình vạn trạng, từ nỗi đau tinh thần dần vật tâm can đến nỗi đau thể xác bị đọa đày, biết bao nhiêu cảnh huống với biết bao nhiêu cấp độ lại thường xảy đến rất bất ngờ. Với biết bao tình cảnh, sự kiện thật là đa dạng và phong phú, Truyện Kiều là quyển sách của muôn ngàn tâm trạng, những tâm trạng mang tính điển hình và cô đọng. Câu Kiều như mô tả được tâm trạng của người đọc trong từng bối cảnh cụ thể và tác phẩm như đến được tận tâm can người đọc. Trong hệ văn chương thời trung đại, Truyện Kiều với những câu thơ mang tính đa nghĩa như mở ra cho người đọc đang có những vướng mắc trong tâm tư. Qua những câu Kiều, người đọc như thấy được gửi gắm nỗi lòng riêng. Mỗi câu thơ trong kiệt tác của Nguyễn Du tưởng như đều có số phận, có cuộc đời, nên người xưa mới lấy Kiều ra để bói. Và dường như ở mỗi một độ tuổi, cùng với thời gian, người Việt Nam chúng ta sẽ hiểu Kiều theo một cách khác nhau: sâu sắc, chín chắn, bình tĩnh hơn... qua những kinh lịch từng trải ở đời.

3. Người Việt Nam không phải ai cũng mê tín, nhưng người ta vẫn bói Kiều. Trong quyển Tìm hiểu phong cách Nguyễn Du trong Truyện Kiều, giáo sư Phan Ngọc giải thích về hiện tượng bói Kiều như sau:

"Trước hết, người Việt Nam đọc Kiều thì sợ hãi về trình độ phân tích sâu sắc, mới mẻ của tác phẩm.

Anh ta bái phục sự phân tích ấy bởi vì các thao tác phân tích kỳ diệu của nó khiến anh ta cảm thấy chỉ có Kiều mới nói được cái thâm kín trong lòng anh ta. Mỗi người xem văn học là xem với tất cả kinh nghiệm sống của mình. Vô hình trung có một sự đua tài ở đây. Nếu tác phẩm chứng tỏ tác giả hiểu cuộc sống còn kém người đọc thì lập tức người đọc coi thường, trái lại người đọc sẽ bị chinh phục khi tác giả phơi bày được tâm trạng của người đọc hay hơn chính người đọc tự phân tích mình. Trường hợp các nhà văn thông thạo về tâm lý là thế. Trường hợp Nguyễn Du còn cao hơn một bậc, dưới ngòi bút của ông, con người bị phanh phui hết kiệt, mọi bí ẩn bị bóc trần. Người đọc bàng hoàng, sửng sốt, khiếp sợ tưởng chừng như trong câu thơ có một ma lực gì, tại sao những ý nghĩ thâm kín nhất của mình mà mình vẫn cố tự che dấu ở đây lại bị bộc lộ. Lúc đầu người ta xem Truyện Kiều để giải trí. Sau đó sinh nghiệm Kiều, mỗi lúc buồn, mỗi khi gặp một trắc trở trong đời, người ta lại đọc và mỗi khi đọc người ta lại phát hiện ra vô số quan hệ mới mà trước đây người ta không thấy. Người còn trẻ đọc Kiều thấy khác với khi mình đã già. Sau đó dần dần nảy sinh sự mê tín. Thứ hai, người ta tìm thấy tâm trạng mình nên tưởng đâu trong Kiều nói được cả tương lai của mình. Thế là xuất hiện thói quen: "Lạy vua Từ Hải, lạy vãi Giác Duyên, lạy tiên Thúy Kiều xin cho con ba dòng, vv..."

Một quyển sách bói có hai nghĩa, nghĩa thực và nghĩa ẩn. Ta lấy quyển sách bói thông thường nhất của phương đông là Kinh Dịch làm thí dụ. Người bói rút thăm hay xem mai rùa hay dùng một thao tác nào đấy như ném đồng tiền, qua đó anh ta quy ra điều anh ta muốn nói với một hào trong Kinh Dịch. Sau đó anh ta dựa vào cái hào này mà đoán. Ngôn ngữ trong Kinh Dịch rất kỳ quặc, toàn những câu ngô nghê không đầu vào đâu cả. Nhưng đằng sau những câu ngô nghê ấy lại ẩn nấp những quan hệ khá rộng lớn, cho phép ta căn cứ vào yêu cầu của mình để biết kết quả sẽ đạt được hay thất bại. Người bói Dịch bổ sung câu nói trong hào bằng những kiến thức thực tiễn của mình, bằng kinh nghiệm giải thích dịch của các thế hệ trước và rút ra những kết luận cần thiết. Khác với bói Kiều, công việc đơn giản hơn, nghĩa câu văn rõ hơn so với nghĩa câu văn của Kinh Dịch, nhưng trong ba câu mà ta cần bói cũng chứa đựng một quan hệ khác nằm ngoài ngữ cảnh. Ba câu ấy thường chứa đựng một tính tổng thể trọn vẹn cho phép ta kết luận về kết quả của công việc mình muốn hỏi.

Tóm lại chúng tôi đã phân tích cái quy luật tình cảm khiến người ta đi từ chỗ tìm hiểu tâm trạng của mình trong Kiều, đến chỗ bói Kiều. Tất cả đều bắt nguồn từ phong cách của Nguyễn Du, từ phương pháp phân tích tâm lý siêu việt tàn nhẫn của ông..."

4. Trong bài Bói Kiều nhìn từ góc độ tiếp nhận văn học, (Tạp chí Khoa học ĐHSP - TPHCM), Phan Công Khanh viết:

"Truyện Kiều là quyển sách của tâm trạng. Điều đáng nói là những tâm trạng ấy thường thể hiện hết sức cô đọng. Với số lượng chữ rất hạn chế, từng cặp lục bát, thậm chí từng dòng thơ Truyện Kiều có khả năng biểu đạt trọn vẹn một bối cảnh, một tâm trạng dưới dạng một câu hoàn chỉnh. Chúng có khả năng tạo một đời sống độc lập ngoài ngữ cảnh bằng cách hòa nhập vào một bối cảnh mới. Đặc điểm này cho phép bất cứ ai cũng có thể mượn thơ Kiều để mô tả tâm trạng của mình. Hoàn thành quyển "Thi nhân Việt Nam", các tác giả đã trang trọng đề lên đầu sách câu thơ "Của tin, gọi một chút này làm ghi" mà theo họ "Đọc đi đọc lại riêng lấy làm đắc ý lắm". Những người tổng kết phong trào Thơ mới như gởi gắm trọn vẹn tình yêu, niềm tin, tâm huyết vào cái công trình "lấy hồn tôi để hiểu hồn người" ấy. Một thứ "của tin" thực sự nhưng được trao tay một cách khiêm tốn: "một chút này". Thật ra trong văn học Việt Nam (và cả văn học thế giới) không thiếu những câu thơ như vậy nhưng tập trung vào một tác phẩm như trường hợp Truyện Kiều thì quả là hiếm.

“Nhưng đó là trường hợp người đọc có thể tự do lựa chọn câu Kiều phù hợp với tâm trạng của mình trong ngân hàng chữ nghĩa của họ. Giờ một trang Kiều bất kỳ để bói, sự tự do này đã bị tước mất. Làm sao người bói có thể tìm đúng địa chỉ tâm trạng của mình trong 3.245 câu thơ? Dĩ nhiên, sự ra đời của bói Kiều không thể nào giải thích trong phạm vi văn học. Chúng tôi xin bước đầu đưa ra ý kiến của mình từ góc độ nghiên cứu của đề tài.

“Theo Jakobson, để giải mã một thông điệp cần có một bối cảnh mà xét về mặt chức năng, đó là lời dẫn. Lời dẫn khác nhau có thể đưa đến những cách hiểu khác nhau. Trong trường hợp bói Kiều, lời dẫn chính là linh cảm, là tâm trạng của người bói. Trạng thái tinh thần này sẽ định hướng cho việc giải mã những câu thơ Kiều đã bị tách ra khỏi hệ thống văn bản. Trong thực tế, linh cảm của con người có thể mách bảo cho họ những gì sắp xảy ra. Và những câu thơ Kiều như một công cụ hỗ trợ có tác dụng giúp người bói giải thích những linh cảm ấy. Nếu giữa lời dẫn và câu thơ có sự ăn khớp nhất định, bói Kiều có thể đưa đến một kết quả khá chính xác. Ở trường hợp ngược lại, nghĩa là khi bắt gặp một câu Kiều không hoàn toàn phù hợp với tâm trạng mình, người bói sẽ cảm thấy khó hiểu, có thể họ phải xin một câu Kiều khác và làm tăng thêm cơ hội bắt gặp mình trong vô vàn những câu thơ Kiều. Đó là trường hợp của nhân vật Ngọc mà Ngô Tất Tố đã miêu tả trong “Lều chõng”.

“Theo chúng tôi, có thể hình dung việc người đọc tự do lựa chọn câu thơ Kiều để mô tả tâm trạng bản thân với việc bói Kiều như hai giai đoạn của một quá trình. Ban đầu, người đọc nhận thấy nhiều câu thơ Kiều có thể mô tả hoàn toàn chính xác tâm trạng của họ trong những bối cảnh cụ thể nào đó. Dần dần hiện tượng này phổ biến đến mức họ kinh ngạc, thấy tác phẩm như thấu hiểu cả tâm can của mình. Trong cuộc sống, không phải bao giờ con người cũng có thể nắm bắt được tâm trạng bản thân, nhất là khi có sự xuất hiện của linh cảm. Trong trường hợp như vậy, một thao tác ngược lại được xuất hiện, thay vì huy động trí nhớ, người ta giờ một trang Kiều bất kỳ để tìm kiếm một câu thơ mô tả tâm trạng của mình. Lâu dần, sự ứng nghiệm đã hình thành bói Kiều.”

V. NHỮNG TRÙNG HỢP NGẪU NHIÊN ĐẾN KỲ LẠ

1. Bói là đoán việc đã qua hay sắp tới thường là việc sống chết hay may rủi của con người, theo mê tín. Bói Kiều là dựa vào những câu Kiều mà đoán việc cũng là một dạng mê tín. Sấm là lời dự đoán có tính chất bí ẩn về sự kiện lớn trong tương lai có quan hệ đến đời sống một xã hội, một dân tộc, theo thuật số. Sấm ký và bói toán cùng thuộc thế giới tâm linh là khả năng biết trước một biến cố nào đó sẽ xảy ra đối với mình, với người theo quan niệm duy tâm. Trong thế giới tâm linh ở ta, Trạng Trình còn để lại một tập Sấm ký với mấy chục giai thoại khá hấp dẫn có chỗ đến kỳ lạ khó tin do những câu chữ trong đó có cái trừu tượng ở cả thời gian và không gian. Gần đây, ở quê hương Trạng, nội cũng như ngoại, các bô lão lại nhắc tới lời tiên tri:

Bao giờ Tiên Lãng chia đôi

Sông Hàn nổi lại thì tôi lại về.

Và cho rằng hai câu này ứng với việc khơi lại con sông đào chia huyện Tiên Lãng, chiếc cầu phao mới bắc qua sông Hàn để đại biểu toàn quốc về thăm quê Trạng và đền thờ Trạng được trùng tu nhân Hội nghị khoa học Kỷ niệm 400 năm ngày mất của Trạng năm 1985 (Tôi lại về!). Tất cả những giai thoại này đã được chúng tôi đề cập đến trong quyển Giai thoại và Sấm ký Trạng Trình.

Tuy nhiên, chúng ta chỉ nên coi việc bói Kiều là một trò chơi xác suất, chứ không có gì thần bí cả. Nói về những cái bất ngờ thì ngay trong các câu Kiều cũng có nhiều điều kỳ lạ đến khó tin như những câu sấm Trạng Trình. Trong quyển Từ lầy Kiều, đố Kiều...đến các giai thoại về, chúng tôi đã viết và nay xin nói thêm:

Truyện Kiều luôn luôn hấp dẫn chúng ta, luôn luôn đem đến cho ta những điều mới lạ và độc đáo. Có người quá say mê đến trở thành mê tín. Họ đã dò thử từng câu thơ trong Truyện Kiều và xem số thứ tự của từng câu. Họ đã thấy gì và nói gì?

1. Ta hãy thử xem:

Câu 1930 - Ngày pho thủ tự, đêm nôi tâm hương

Năm 1930: Thành lập Đảng Cộng Sản Đông Dương và Tổng bí thư Trần Phú nung nấu bản Luận cương chính trị của Đảng đề rồi năm 1931-1932, phong trào cách mạng bị khủng bố, Đồng chí bị kẻ thù bắt giam, ngược đãi tại nhà lao Chợ Quán và qua đời với câu Kiều:

1931. Cho hay giọt nước cành dương,

Lửa lòng tưới tắt mọi đường trần duyên.

2. Rồi sau khi Cách Mạng Tháng 8 thành công thì lại có câu:

1946 - Chúa Xuân để tội một mình cho hoa

Năm 1946: Pháp trở lại xâm lược Việt Nam và miền Nam tạm thời phải chịu "một mình" đau khổ để đến câu:

Câu 1975 - 1976 - Dầu rằng sông cạn đá mòn

Con tằm đến thác vẫn còn vương tơ!

Bắc Nam luôn luôn gắn bó, nước Việt Nam là một (Lời Hồ Chủ tịch: Sông có thể cạn, núi có thể mòn, nhưng nước Việt Nam luôn luôn là một, chân lý đó không bao giờ thay đổi...), năm 1975-1976, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước và thành lập nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam.

3. Tất cả đều có vẻ khiên cưỡng. Nhưng điều bất ngờ và bất ngờ đến kỳ lạ là câu Kiều thứ 1954:

Câu 1954 - Cẩn rằng bẻ một chữ đồng làm hai.

Năm 1954: Ký hiệp định Giơnevơ tạm thời chia cắt đất nước làm hai miền, chờ hiệp thương tổng tuyển cử vào năm 1956 không thành với hai câu:

1955 - Thẹn mình đá nát vàng phai

1956 - Trăm thân dễ chuộc một lời được sao!

4. Đây là câu chuyện của ta, còn về phía địch thì sao? Năm 1971-1972, Mỹ buộc phải ký hiệp định Paris “cao chạy xa bay” rút quân khỏi Việt Nam, để mặc bọn nguy trước sức tấn công như vũ bão của quân và dân ta, quan hệ giữa bọn thầy với tớ ấy thật đúng như câu Kiều số 1971-1972:

1971. Liệu mà xa chạy cao bay,

1972. Ái ân ta có ngần này mà thôi!

Chúng chỉ gặp được lại nhau ở bên Mỹ mấy năm sau tiếp theo 2 câu Kiều ứng với năm 1973-1974:

1973. Bây giờ kẻ ngược người xuôi,

1974. Biết bao giờ lại nổi lời nước non?

5. Lại đem câu Kiều mà xét với số phận của chính Truyện Kiều: Câu chuyện về Truyện Kiều và nàng Kiều cũng có người cho là lạ. Người khen đã nhiều mà người chê cũng lắm hết đợt này đến lần khác. Khen thì hết lời đưa đến tận mây xanh, nào quốc hồn, quốc túy... Mà chê bai, vùi dập thì xuống tận bùn đen đến mức gọi là con đĩ Kiều... Ở thế kỷ 19 chê Kiều là: Chu Doãn Trí, Nguyễn Công Trứ, Phan Văn Trị. Sang thế kỷ 20 là Ngô Đức Kế, Huỳnh Thúc Kháng đến Tản Đà. Rồi Mai Khê, Nguyễn Thiện Kế, Nguyễn Mạnh Bông... đến Nguyễn Bách Khoa, Minh Tranh, Trần Đức Thảo... Sau biết bao sóng gió khen chê suốt hơn 150 năm để chỉ đến khi kỷ niệm 200 năm năm sinh Nguyễn Du, Hội Đồng Hòa Bình thế giới và nhân dân ta tôn vinh Nguyễn Du là Danh nhân văn hóa thế giới, Đại thi hào dân tộc vào năm 1965, Truyện Kiều mới có vị trí xứng đáng ngày càng rạng rỡ như ngày nay, hoàn toàn hết cái cảnh Ở không yên ổn, ngồi không vững vàng. Thực như ứng với câu Kiều thứ 1965:

1965. Liệu bài mở cửa cho ra,

Ấy là tình nặng ấy là ân sâu.

6. Ta lại còn có thể kể ứng với ngày Phụ nữ quốc tế 8-3 thì câu thứ 83 của Truyện Kiều lại là:

0083 - Đau đón thay phận đàn bà

vân vân..... và vân vân...

Những điều đó nói lên cái gì? Ít nhất cũng là ở chỗ người ta đã tìm cách khai thác Truyện Kiều ở bất kỳ khía cạnh nào có thể được để tìm ra những điều thú vị, trước hết là cho bản thân mình. Và còn nhiều câu khác nữa nhưng đó chỉ hoàn toàn là sự ngẫu nhiên trùng hợp mà thôi.

7. Trong quyển Truyện Kiều trên báo chương thế kỷ XX, nhận định về vai trò của Truyện Kiều trong một thế kỷ qua chúng tôi đã viết:

Cùng với dòng thời gian, sự cảm thụ của người đọc là một dải tiếp nhận liên tục trong quá trình nhận thức khám phá về đẹp Truyện Kiều. Nhưng song song với nó cũng có một quá trình đào thải những cách nhìn phiến diện, sai lầm. Truyện Kiều qua bao nhiêu sóng gió thăng trầm trong gần hai thế kỷ qua dù bị hoài nghi, lợi dụng hay cả lúc bị áp đặt cho những triết thuyết xa lạ... nhưng vẫn không ngăn cản được nàng Kiều và Nguyễn Du trở về trong lòng dân tộc. Truyện Kiều vĩ đại trước hết là do tấm lòng

nhân ái vĩ đại và thiên tài nghệ thuật vô song của Nguyễn Du.

Nguyễn Du đã trở thành bậc tri âm của nhiều mảnh đời, nhiều tầng lớp, nhiều thế hệ trong quá trình tiếp nhận thì qua những thăng trầm lịch sử, người đọc lại luôn tìm về với Truyện Kiều để nhận thức thời đại mình, nhận thức chính bản thân. Như vậy Truyện Kiều lại có những tác động tích cực đối với đời sống. Hai quá trình tiếp nhận và tác động ấy luôn đi đôi với nhau cùng thúc đẩy nhau vượt lên trong hành trình văn hóa dân tộc nên Chế Lan Viên đã viết: Nguyễn Du viết Kiều, đất nước hóa thành văn.

Với Truyện Kiều, nhiều tâm trạng có thể đến soi mình trong tác phẩm, nhiều tình cảm có thể vay mượn ngôn ngữ diễn đạt của Truyện Kiều, nhiều lý thuyết văn học có thể vận dụng vào tác phẩm, nên việc các nhà nghiên cứu văn học đến với Truyện Kiều cũng là quá trình các khái quát nghệ thuật của tác phẩm được mở rộng, từ thân phận nàng Kiều đến nỗi đau của con người và có khi của cả dân tộc.

Nguyễn Đình Chú đã đưa ra một cách nhìn độc đáo về tác động của nghiên cứu phê bình đối với quá trình vận động của đời sống tác phẩm mà theo ông công việc nghiên cứu Nguyễn Du (chủ yếu là Truyện Kiều) đã đi theo một hướng chung nhất là đưa Nguyễn Du về với đất nước, về hẳn với nhân dân, với cuộc đời, cũng là đưa Nguyễn Du về với con người và với nghệ thuật văn chương. Ông viết: “Những thành tựu nghiên cứu Nguyễn Du trong thời đại Hồ Chí Minh quả là bề thế, phong phú chưa từng có. Từ những thành tựu này, nhân loại sẽ biết rõ hơn Nguyễn Du, một thiên tài văn chương Việt Nam. Nguyễn Du sẽ từ nền văn chương dân tộc, gia nhập vào thế giới văn chương ưu tú nhất của nhân loại, sẽ cùng với Khuất Nguyên, Đỗ Phủ, Lý Bạch... của Trung Hoa, Sêchpia, Díchken... của Anh, Puskin, Tônxtôi, Đôxtôiexki... của Nga, Víchto Huygô, Bandắc... của Pháp, Đăngtơ... của Ý, Xécvăngtét... của Tây Ban Nha, Got... của Đức... đi vào cõi bất tử.

“Nghệ thuật thiên tài bao giờ cũng là nguồn vô tận. Mỗi thời đại sẽ kế tục nhau khai thác. Thời đại chúng ta đã có những thành tựu quý báu như thế. Mai đây con cháu chúng ta sẽ nói thêm, nói tiếp, và nếu cần xin cứ nói lại. Bởi với Nguyễn Du, chắc chắn là còn nhiều ân ái về sau” (Truyện Kiều trong thời đại Hồ Chí Minh, TCVH số 6, 1998)

Năm 1973, ở miền Nam trong vùng tạm chiếm, nhà báo Hoàng Vũ viết về quyền hậu Truyện Kiều của Phạm Thiên Thư. Bài báo đăng trong Nguyệt san Minh Đức số 7, 1973 có nhan đề Định hướng Dân tộc và con đường Việt hóa tư tưởng nghệ thuật Đông phương qua sự nghiệp thi ca của Phạm Thiên Thư. Tác giả nêu ra mấy đặc điểm trong tư tưởng trong Đoạn Trường Vô Thanh, đã thử so sánh vận mệnh Dân tộc ta với thân phận nàng Kiều và ở đây xin trích đặc điểm thứ nhất:

“Giải nghiệp Vận của Việt Nam. Mà Đoạn Trường Tân Thanh như một tiếng đàn Bạc mệnh đã báo hiệu vận mạng của Dân tộc: Đoạn Trường ai chuốt dư ba. Năm cung nước chảy lại sa phận mình[1].

“Thật vậy, chỉ vì yêu một bài thơ cũng đủ vận vào mình, huống nữa là cả Dân tộc mãi mãi chuốt thêm trường ca đầy nước mắt Tân Thanh. Nếu thử coi thân phận Việt Nam là Thúy Kiều thì nàng từ khi còn “phong gấm rủ là” vương vấn với chàng Kim (nền văn hóa Khổng Mạnh) rồi chỉ vì gã bán tơ (mấy tên con buôn Âu châu) mà nàng phải bán mình cho họ Mã (thực dân Pháp). Sau lại vào tay lọc lừa của Sở Khanh “cũng nòi thư hương” (Đây có thể xem như bọn quân phiệt Nhật với chiêu bài Á châu của người Á châu). Nhưng rồi nàng lại một lần nữa nhắm mắt vào lầu xanh của họ Mã giám sinh (lại vào tay thực dân Pháp). Cho đến chàng Thúc sinh ném tiền qua cửa sổ chuộc Kiều ra khỏi lầu xanh để rồi

nàng bị sông cảnh nửa tình nhân nửa đây tở”

Tác giả viết hoa chữ Dân tộc và thật đã khéo liên hệ vận mệnh Dân tộc với số phận nàng Kiều qua 6 giai đoạn, đoạn thứ 4 ví quân phiệt Nhật cũng chịu ảnh hưởng “Hán học rởm” với Sở Khanh nghĩ rằng cũng mạch thư hương nhưng hỏi ra mới biết ... để đến đoạn thứ 5 lại rơi vào lầu xanh của Tú bà là rơi vào tay thực dân Pháp và đến đoạn thứ 6, Kiều được Thúc sinh quen thói bốc rời ném tiền qua cửa sổ đưa ra khỏi lầu xanh - Kiều lại phải sống dở chết dở khi rơi vào tay Hoạn thư - thì ông chỉ dám viết bằng nhiều dấu chấm ... Chắc là với hàm ý: Lại y như miền Nam lúc đó dưới ách chiếm đóng của bọn Mỹ lắm tiền nhiều của vậy...

Và tác giả viết tiếp sau những dấu chấm: “...Bây giờ thì Thuý Kiều gặp lại chàng Kim, nhưng chàng Kim cũng không theo kịp mức tâm linh của nàng và Thuý Kiều đã trở về cố hương, nhận lấy quê cha đất tổ như là nơi y cứ sau cùng và cũng là một giá trị tốt đỉnh nhất mà nàng ngộ ra từ núi sông – ý thức về cha, mẹ Lạc Long, hay con đường Việt”.

Mới thấy Truyện Kiều quả là kỳ diệu, ở đâu người ta cũng vận được vào mà không phải là không có lý, kể cả với số phận Dân tộc. Cái hay là cuối cùng Kiều lại trở về cố hương như trong Đoạn Trường Vô Thanh. Đó là sau khi Kiều gặp lại gã bán tơ đang bị tù tội và biết vườn Thuý đang có người rao bán. Mua lại vườn Thuý, trên đường về quê, nàng mới ngộ ra chính hoàn cảnh thiên nhiên thân thuộc ban đầu đã tạo nên tâm thức nàng: Chỉ có quê hương mới mang lại cho nàng thứ chân hạnh phúc - Những quên báu ngọc trong mình, Là Quê Hương kết muôn hình hào quang – nàng gặp lại mộ Đạm Tiên là nơi nàng đã “Vạch da cây vịnh bốn câu ba vắn” thì nay:

Cây xưa Kiều khắc thơ tiên

Giờ bay đàn bướm dụi hiên phát phơ

Bốn con như bốn dòng thơ

Quần quanh vờn mãi bên bờ vai thon

Kiều đưa năm ngón tay son

Lạ thay đàn bướm có con đậu vào...

(Đoạn Trường Vô Thanh câu 3137-3142)

Truyện Kiều là một kiệt tác giàu tính nhân dân và tính dân tộc chắc chắn sẽ còn được khám phá nên trải bao thăng trầm nàng Kiều vẫn vẹn nguyên thời xuân sắc. Tiếp nhận Truyện Kiều vẫn là một vấn đề mở và Truyện Kiều mãi mãi vẫn là một sự không cùng như Lưu Trọng Lư đã nói, hay như Mai Quốc Liên: Nguyễn Du là mái ấm của ngôi nhà tổ phủ, là nơi những đứa con khắp bốn phương trời trở về sau những chặng đường lữ thứ.

Viết xong Truyện Kiều, Nguyễn Du còn để lại câu thơ bất hủ:

Bất tri tam bách dư niên hậu

Thiên hạ hà nhân khắp Tô Như?

Ta tưởng như Người đã đơn phương làm một cuộc hẹn với tương lai, với ngày nay khi mà những giá trị con người ngày càng được đề cao. Chính vì vậy hai trăm năm sau, người Việt Nam ta lại càng cảm thương với Nguyễn Du và cũng từ đó là lòng tin yêu, niềm say mê và vinh dự tự hào về những gì Người để lại mà chúng tôi đã tập hợp trong hai quyển sách được xuất bản cách nhau đúng 10 năm:

- Truyện Kiều và các nhà nho thế kỷ XIX (Nxb Văn Nghệ Tp Hồ Chí Minh, 1994)

- Và Truyện Kiều trên báo chương thế kỷ XX (Nxb Thanh Niên 2004).

[1] Câu thơ này và mấy câu thơ in nghiêng trong đoạn tiếp theo sau được lấy từ quyển Đoạn Trường Vô Thanh.

CHƯƠNG III. QUYỀN SÁCH TẠO RA HIỆN TƯỢNG ĐỘC ĐÁO “VỊNH KIỀU”

Quyển sách có được hiện tượng gọi là VỊNH KIỀU với hàng ngàn bài thơ vịnh Kiều đã từng được đăng báo hoặc in sách. Từ các vị vua say mê Truyện Kiều như Minh Mệnh, Tự Đức đến các nhà nho như Phạm Quý Thích, Hà Tôn Quyền, Nguyễn Công Trứ, Tôn Thọ Tường, Phan Văn Trị, Chu Mạnh Trinh, Tản Đà...

I. Truyện Kiều vốn có sức cuốn hút kỳ lạ với mọi tầng lớp nhân dân nên nhiều người đã say sưa đọc và nghiền ngẫm. Rồi từ các tình cảnh, các sự kiện, nhân vật trong truyện, họ muốn nói lên cảm nghĩ của mình bằng những vần thơ. Vịnh Kiều chính là làm thơ về Truyện Kiều, về các nhân vật trong truyện, hoặc theo diễn biến của từng hồi, từng đoạn trong Truyện Kiều. Qua câu thơ, các tác giả phát biểu ý nghĩ, cảm tưởng của mình nhân một cảnh tình hoặc một nhân vật trong truyện hay trước một thực tế cuộc sống có liên quan đến Truyện Kiều. Cũng có khi, qua bài thơ người ta muốn tỏ cái chí của mình, bày tỏ thái độ đối với nhân tình thế thái. Lại cũng có khi chỉ để giải trí mua vui trong những lúc trà dư tửu hậu. Ngày xưa các bậc túc nho thường lấy việc ngâm vịnh thi phú nói chung làm một thú chơi tao nhã. Trong khi thù tạc, Truyện Kiều cũng là một đề tài thơ không cạn và nảy sinh thú vịnh Kiều. Về hình thức có vịnh Kiều bằng chữ Hán, có khi bằng chữ Nôm, về thể loại thường là Đường luật thất ngôn bát cú, cũng có khi là tuyệt cú, lục bát hay hát nói...

Nói đến vịnh Kiều thì đầu tiên phải kể đến bài Đề từ của tiến sĩ Phạm Quý Thích, người huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương. Ông hơn Nguyễn Du 6 tuổi và cùng ra làm quan dưới triều nhà Nguyễn. Nguyên văn chữ Hán như sau:

ĐOẠN TRƯỜNG TÂN THANH ĐỀ TỪ

Phạm Quý Thích

Giai nhân bất thị đáo Tiên Đường

Bán thể yên hoa trái vị thường

Ngọc diện khởi ưng mai thủy quốc

Băng tâm sự khả đôi Kim Lang

Đoạn Trường mộng lý căn duyên liễu

Bạc mệnh cảm chung oán hận trường

Nhật phiến tài tình thiên cổ lụy

Tân Thanh đáo để vị thù thương.

Sau đây là bản dịch của tác giả:

Giọt nước Tiên Đường chẳng rửa oan

Phong ba chưa trắng nợ hồng nhan

Lòng tơ còn vướng chàng Kim Trọng

Vẻ ngọc chưa phai chôn thủy quan

Nửa giấc Đoạn trường tan gói điệp

Một giây Bạc mệnh dứt cầm loan

Cho hay những kẻ tài tình lắm

Trời bắt làm gương để thế gian.

Bài này được in trong bản khắc Truyện Kiều đầu tiên bằng chữ Nôm ở phố Hàng Gai đầu thế kỷ 19. Đến nay ngoài bản dịch của tác giả đã có 8 bản dịch khác nữa.

Chỉ trích Thúy Kiều, đầu tiên là học trò của Phạm Quý Thích: Chu Doãn Trí, người Đông Ngàn, Từ Sơn, Bắc Ninh. Ông cũng có bài vịnh Thúy Kiều bằng chữ Hán nhưng trên một quan điểm khác. Cụ Huỳnh Thúc Kháng dịch như sau trong Việt ngâm thi thoại:

Hóa nhi đâu có ghét hồng nhan

Vì bởi hồng nhan tạo mối oan

Hoa tín vừa thông xuân sự sớm

Chén thề chưa cạn khối tình tan

Lầu xanh đâu cũng chàng Kim Trọng

Phấn lợt còn lưu bác Thổ Quan

Một khúc Tân Thanh truyền Nhạc phủ

Đến nay đàn hát khắp Tràng An.

Những bài vịnh Kiều ở thế kỷ 19 đã được chúng tôi giới thiệu trong quyển Truyện Kiều và các nhà Nho thế kỷ 19. Về vịnh Kiều bằng chữ Hán ta có 30 bài của Hà Tôn Quyền (1780-1839), 30 bài của Nguyễn Văn Chi thời vua Thành Thái, Rồi hơn hai chục bài của vua Tự Đức và nhiều bài khác của Chu Thấp Hi, Chu Mạnh Trinh...

Vịnh Kiều bằng chữ Nôm, trước hết cũng phải kể đến những bài ứng tác của Hà Tôn Quyền. Năm 1830, được vua Minh Mệnh hỏi, cụ đã ứng khẩu làm ngay 15 bài thất ngôn tứ tuyệt. Rồi đến Nguyễn

Đình Giác với 30 bài theo thể lục bát có nổi vắn giữa các bài. Từ Nguyễn Công Trứ, Nguyễn Khuyến đến Tôn Thọ Tường, Phan Văn Trị rồi Chu Mạnh Trinh với trên hai chục bài vịnh Kiều đoạt giải nhất trong cuộc thi bình vịnh Truyện Kiều vào năm 1905 ở Hưng Yên...

Số người làm thơ vịnh Kiều từ bấy đến nay khá đông. Những tác giả có nhiều bài vịnh Kiều phải kể đến Tùng Vân Đạo Nhân (42 bài), Nguyễn Hữu Khanh (40 bài), Huyền Mặc Đạo Nhân (36 bài), Phạm Xuân Khôi (31 bài), Đạm Nguyên (20 bài)...

Trước cách mạng tháng Tám, ta còn phải kể đến Tản Đà, Huỳnh Thúc Kháng...

Thơ Nôm vịnh Kiều khuyết danh cũng rất nhiều. Từ thế kỷ 19 đã có:

- Tăng đình hậu nho tổng vịnh: quốc âm nhị thủ
- Tăng đình hậu nho đề quốc âm thi: phạm nhị thập thủ (20 bài còn lại 9 bài)
- Hựu tăng đình hậu nho đề vịnh quốc âm thi: tam thập thủ (35 bài)

Rồi Kiều oán Kim Trọng 12 bài, Kim Trọng oán Kiều 10 bài...

Trong Tập thơ vịnh Kiều, Nguyễn văn Y sưu tập được trên??? 400 bài thơ vịnh Kiều trước năm 1970 với gần 200 đề tài. Ta thấy gần như tất cả các nhân vật trong Truyện Kiều đều được đề vịnh như trong 42 bài của Tùng Vân Đạo Nhân, 40 bài của Hương Sơn cư sĩ Nguyễn Hữu Khanh...

Các tác giả vịnh Kiều thật đa dạng, khen chê trái ngược nhau, mỗi người lại tái tạo thế giới và nhân vật Truyện Kiều theo lăng kính của mình. Họ đã xét các nhân vật ấy như những con người có thật để ứng xử theo cách nhìn đời của họ. Đa số các bài vịnh Kiều đều làm theo thể thơ Đường luật nên thường sử dụng lối đối chặt chẽ trong một hình thức cô đọng và xúc tích cho ta cảm nhận mới về tình cảnh và con người trong truyện. Với nhân vật chính diện họ ca ngợi và có khi bênh vực còn với những nhân vật phản diện họ mỉa mai, khắc sâu tính cách của chúng cho rõ nét cụ thể hơn. Kể cả những nhân vật rất phụ chỉ xuất hiện trong một hai câu thơ cũng được các tác giả đề cập đến. Xin nêu ở đây hai bài vịnh của Huyền Mặc Đạo Nhân:

SAI NHA

Bán tơ thặng ấy đồ loanh quanh

Dắt lại xôn xao bọt nặng xanh

Nách thước tay đao làm khốc hại

Gói may khung cửi phá tan tành

Lò mây ngò án già mang tội

Dậy đất kêu oan kẻ xót tình

Ai lạ vì tiên phường chúng nó

Túi tham đầy vét sạch sành sanh.

và NGÔ VIỆT THƯỜNG GIA

Nơi Kinh Bắc một khu hiên sáng sủa:

Người đi đâu mà buông đó để không?

Nét vàng dấu chữ còn phong

Cây trồng xanh tốt đá trông sẵn sàng

Nền Đồng Tước chi nhường màu bích tỏa

Gác Quan Am nào kém vẽ sơn hồ

Cười ai áng lợi nhỏ to

Xa xôi bể Việt sông Ngô chưa về!

II. Riêng một số đứng trên quan điểm phong kiến về đạo đức để chỉ trích Thúy Kiều thì như trên đã nêu người đầu tiên là Chu Doãn Trí:

Lầu xanh đâu cũng chàng Kim Trọng

Phấn lợt còn lưu bác Thổ Quan

Rồi đến Nguyễn Công Trứ nghiêm khắc trong việc phê phán Thúy Kiều, cho nàng không phải là con người hiếu nghĩa gì:

Bạc mệnh chẳng làm người tiết nghĩa

Đoạn trường cho đáng kiếp tà dâm

Bán mình trong bấy nhiêu năm

Đó đem chữ "Hiếu" mà làm được ai

Hoặc khi có vấn đề về quan điểm chính trị thì các tác giả phê phán mạnh mẽ hơn như Phan Văn Trị:

Cái nghĩa chàng Kim là đáng mấy

Thoi vàng họ Mã giá bao nhiêu?

Liêu Dương ngàn dặm xa chi đó

Nỡ để Lâm Tri bướm dập dìu.

Tôn Thọ Tường đầu giặc Pháp, làm một số bài Vịnh Kiều như bài Vịnh Kiều, Tôn phu nhân qui Thục... nói bóng gió như muốn giải thích cho hành động đầu hàng của mình. Thấy Tường không giữ tròn tiết tháo còn lại dùng thơ ca bào chữa, Phan Văn Trị đã lên tiếng và họa lại để vạch rõ ý đồ trong các bài thơ đó, ông chê Tôn Thọ Tường:

Đến thế còn khoe danh đạo nghĩa

Như vậy cũng gọi cửa trâm anh.

Cư sĩ Nguyễn Hữu Khanh, một nhà Nho khá phóng khoáng cũng chê Kiều dù ông rất mê Truyện Kiều:

Cũng đừng trách mệnh lẩn ghen tài

Vì môi tơ tình buộc đẩy thôi

Mồ cở thương hoài con đĩ đượi

Dưới hoa mê tít cậu đồ choai

Duyên đâu dắt lại lòng dan dúi

Oan nọ xui nên bước lạc loài

“Giữ ngọc, gìn vàng” ai dặn đó

“Chung tình” mang sẻ khắp cho ai!...

Và sau này các cụ Ngô Đức Kế, Huỳnh Thúc Kháng cũng đã phải vạch rõ ý đồ của Phạm Quỳnh trong việc sùng bái Truyện Kiều. Cụ Ngô thì chê Kiều:

Mượn giắc chiêm bao mơ dĩ Đạm

Vào dinh Tổng đốc gạ cu Hồ

Khen cho mụ Hoạn tinh đời thật

Mèo mả gà đồng rõ mặt mo.

Cụ Huỳnh đã có tới năm bài vịnh Kiều, đã chê trách Thúy Kiều thậm tệ:

Đã mang thân thể nương nhà thổ

Còn trách ông cha vụng kiếp tu...

...Theo trai gác xó lời cha mẹ

Làm dĩ đành thân tiếng ngựa trâu!

Rồi kết thúc bằng những câu như:

Biết chẳng hỡi cụ Tiên Điền vậy? Muôn ác tà dâm ấy sự đầu...

...Tiên Điền cụ có hay chưa nhỉ

Sách dạy ngày nay: Dĩ đứng đầu.

Mai Khê chê Kiều:

Tình cũng nên đâu, hiếu cũng đâu

Dù có văn nhân tô điểm lại

Má hồng khôn rửa sạch thanh lâu.

Đặc biệt, Nguyễn Thiện Kế càng nặng lời hơn:

Đàn chữa giải oan cho tướng giặc

Thành còn nghiêng nước với quan triều

Nghìn năm ai chẳng phùng trăng gió

Danh tiếng phần riêng một Thúy Kiều.

Rồi Nguyễn Mạnh Bông cũng không tha, cho Thúy Kiều là:

Động tình lập kế chim Kim Trọng

Biết thú dâm ghì lấy Mã Sinh

Niệm Phật ở chùa đi xoáy cửa

Lấy chồng ăn lẽ nữ quên tình

Toan về làm lẽ cô em vậy

Cô thật khôn ngoan đủ thập thành?...

III. Trong những năm 70,80 thuộc thế kỷ 20, Câu lạc bộ Thi hữu Sài Gòn có nhiều cuộc giao lưu thơ vịnh Kiều và xướng họa thơ văn quanh Truyện Kiều và lối chơi thơ vịnh Kiều vẫn còn được tiếp tục vào nửa sau thế kỷ trước. Cuộc xướng họa nhan đề Vương Thúy Kiều - Nhị thập tiết vịnh của nhóm thi hữu Sài Gòn với các tác giả Ngọc Nam, Thủy Vân Tâm, Trường Đắc, Trình Xuyên... Các bài thơ xướng họa này được sáng tác theo 20 đề tài như sau:

Cảm Đề

- 1.- Sơ tả về Kiều
- 2.- Kiều du Xuân
- 3.- Kiều viếng mộ Đạm Tiên
- 4.- Kiều gặp Kim Trọng
- 5.- Kiều tưởng nhớ Kim Trọng
- 6.- Kiều mộng thấy Đạm Tiên
- 7.- Kiều lên gặp Kim Trọng
- 8.- Kiều thất thân với họ Mã
- 9.- Kiều ly gia
- 10.- Kiều mắc kế Tú Bà
- 11.- Kiều mắc lừa Sở Khanh
- 12.- Kiều gặp Thúc Sinh
- 13.- Kiều vương Hoạn Thư
- 14.- Kiều xuất gia
- 15.- Kiều gặp Giác Duyên
- 16.- Kiều mắc lầu xanh lần hai
- 17.- Kiều gặp Từ Hải
- 18.- Kiều xui Từ Hải ra hàng
- 19.- Kiều gặp Hồ Tôn Hiến
- 20.- Kiều gieo mình xuống Tiền Đường

Mỗi đề tài có một bài xướng và 6, 7 bài họa lại tất cả gồm khoảng 130 bài mà ở đây chúng tôi chỉ xin trích một vài bài.

Một số bài vịnh Kiều theo từng chủ đề như:

- Vịnh Thúy Kiều gồm 10 bài Thập thủ liên hoàn của Chu Mạnh Trinh

- Phóng vận: phú đặc "Tài tình chi lẫm cho trời đất ghen" gồm 13 bài

- Thanh ni hồi tục hay Ni cô hoàn tục về việc Thúy Kiều bỏ áo cà sa trở lại đời thường gồm 34 bài.

Tư liệu khá phong phú, chúng tôi chỉ xin trích một số, độc giả sẽ thấy được Truyện Kiều đã chiếm lĩnh tâm hồn người Việt một cách sâu sắc đến nhường nào.

Nói chung trong các bài vịnh Kiều, các tác giả thường nhận xét, đánh giá các nhân vật đặc biệt là nhân vật chính Thúy Kiều hoặc cũng có khi vịnh theo từng hồi nhưng tất cả đều thương cảm cho cuộc đời đau khổ của nàng. Nói chung thơ vịnh Kiều thường chỉ bày tỏ lòng cảm thương đối với nhân vật, thái độ đối với đạo đức của nhân vật hoặc tư tưởng đối với cuộc đời. Mà nhiều người muốn thử sức với việc vịnh Kiều nên có những bài rơi vào tình trạng sáo mòn chung chung thiếu phần đặc sắc. Nhiều bài thơ trung bình, có bài chỉ quanh đi quẩn lại những hình ảnh, ngôn từ quen thuộc. Những bài vịnh Kiều hay đều phải thoát ra khỏi khuôn sáo, qua đó gửi gắm tâm trạng riêng một cách sâu sắc mà gợi được cảm hứng nơi người đọc.

Truyện Kiều bất hủ của Nguyễn Du đã từng khơi dậy lên cho biết bao sáng tác thơ văn và các hình thức văn hóa khác trong nước, đặc biệt có một tập thơ Cảm tác Kim Vân Kiều, dựa theo Truyện Kiều gồm 87 bài thơ thất ngôn bát cú liên hoàn gồm 700 câu thơ. Thực ra đây là trên tám chục bài thất ngôn bát cú vịnh Kiều theo từng cảnh. Tác giả là một nhà thơ trẻ: Hương Thu - Cô sinh viên khoa văn Đại học Sài Gòn 1975 đã hoàn thành tập thơ này vào những năm 1980. Tập thơ được nhóm Thi hữu Sài Gòn biết đến những năm 80, chưa xuất bản. Chúng tôi có giới thiệu trong quyển Từ lấy Kiều, đó Kiều... đến các giai thoại về Truyện Kiều. Kiệt tác của Nguyễn Du quả là tuyệt diệu, nó mãi mãi là nguồn cảm hứng cho các thế hệ thi nhân.

IV. Nhiều nhà thơ vịnh Kiều lại theo cách tiếp nhận mới: Các bài "vịnh Kiều hiện đại" thường gắn chặt với cuộc sống, đề tài và các thể thơ đều được mở rộng để thể hiện tinh thần dân tộc trong thời đại mới. Tố Hữu, Tế Hanh, Vương Trọng,... dù có dùng thể thơ quen thuộc cũng vẫn cho ta những tác phẩm có giá trị, để lại những ấn tượng sâu sắc trong lòng độc giả. Nhiều tác giả lấy cảm hứng từ Truyện Kiều và Nguyễn Du viết nên những vần thơ đặc sắc trong đó có nhiều nhà thơ tên tuổi - đặc biệt Chế Lan Viên viết tới 14 bài thơ, Tế Hanh 6 bài về Nguyễn Du và Truyện Kiều...

Lê Thu Yến đã bước đầu chọn ra được 123 bài của 95 tác giả trong quyển Nguyễn Du và Truyện Kiều trong cảm hứng thơ của người đời sau.

V. Về các nhà thơ nước ngoài vịnh Kiều trước hết phải kể đến René Crayssac, nhà thơ và là nhà dịch thuật người Pháp, đã phải mất bốn năm mới hoàn thành được bản dịch công phu từ Truyện Kiều ra thơ 12 chân (en alexandrins) của Pháp. Xúc động trước môi tình đẹp đẽ giữa Kim - Kiều, ông cũng làm bài vịnh Kiều bằng tiếng Pháp - một bài sonnet sau đây:

"Non, ne m'appelles pas votre femme chérie:

Trop d'abeilles et trop de papillons joyeux

Hélas! ont butiné le calice soyeux

De KIÉOU qui maintenant n'est qu'une fleur flétrie...

Le corps souillé, l'esprit honteux, l'âme meurtrie,

Si j'acceptais l'hymen, que serais-je à vos yeux?

La corolle a perdu les parfums précieux

Qui jadis embaumaient sa chaste et simple vie..."

Mais KIM entre ses bras ayant saisi la Fleur

Et la pressant avec amour contre son coeur,

A longs traits respira les frissonnants pétales...

O prodigue: de KIÉOU s'exhalait un parfum,

Un pur et doux parfum de piété filiale

Milles fois plus grisant que l'arome défunt!

René Crayssac

Sau đây là bài thơ phỏng dịch của Thái Kim Đỉnh trong Thơ văn quanh Truyện Kiều:

"Oi đừng gọi thế chàng ơi,

Thiếp đâu còn xứng là người vợ yêu!

Nhờn như ong bướm đã nhiều,

Hoa tàn cánh rã thân Kiều hôm nay.

Xác như hồn chết trí ngây,

Nhân duyên chi để dơ lây mắt người.

Ngây thơ thơm thảo cuộc đời,

Hương trinh đã mất đi rồi, còn chi!

Chàng Kim lòng nặng yêu vì,

Choàng tay ôm ấp hoa kia vào lòng.

Cánh hoa run phủ hương nồng,

Màu hoa hiều nghĩa sạch trong dịu dàng.

Lạ thay hương tự thân nàng

Khiến chàng ngây ngất gấp ngàn hương xưa.

Xin xem thêm tư liệu về vịnh Kiều trong 2 quyển sách của chúng tôi: Bình Kiều, vịnh Kiều, bói Kiều và Truyện Kiều và các nhà nho thế kỷ XIX mới được tái bản gần đây.

CHƯƠNG IV. QUYỀN SÁCH TẠO RA HIỆN TƯỢNG ĐỘC ĐÁO “LẤY KIỀU”

Đọc mãi, ngâm nga mãi Truyện Kiều, người ta dần dần thuộc Kiều. Từng đoạn rồi từng phần và sau đó có người thuộc Kiều từ đầu đến cuối. Có nhiều người không hề biết chữ, nhất là các cụ bà ngày xưa chỉ nghe con cháu đọc mà vẫn thuộc được Kiều. Chính vì thế, trước mỗi tình huống trong cuộc sống hàng ngày, khi gặp một điều gì muốn nói, người ta thường mượn một đôi câu Kiều cũng như đã mượn những câu ca dao, tục ngữ để diễn đạt, phát biểu lên ý nghĩ của mình. Vừa gọn lại vừa vui, lắm lúc văn hoa mà thật là hợp cảnh. Như vậy gọi là lấy Kiều.

Khen Truyện Kiều là một áng văn bất hủ, một viên ngọc không vết, ta thường bảo: Thực là

(1) Lời lời châu ngọc, hàng hàng gấm thêu.

Muốn nói Truyện Kiều hay nhưng buồn, ta lại dùng câu:

(2) Rằng hay thì thực là hay

Nghe ra ngâm đấng nuốt cay thế nào.

Người ta có thể lấy Kiều bằng một câu lục, hoặc một câu bát như:

- Mừng thăm cờ đã đến tay
- Khen cho con mắt tinh đời
- Ra tuồng mèo mả gà đồng
- Mập mờ đánh lận con đen...

hoặc:

- Rõ ràng mở mắt còn ngờ chiêm bao
- Chữ Trinh kia cũng có ba bảy đường
- Chơi hoa, đã dễ mấy người biết hoa
- Chữ Tài liền với chữ Tai một vần...

Cũng có thể lấy Kiều bằng hai câu lục bát tiếp nhau như:

- Mừng thăm cờ đã đến tay

Càng nhìn vẻ ngọc càng say khúc vàng

- Khen cho con mắt tinh đời

Anh hùng đoán giữa trần ai mới già

- Ra tuồng mèο mả gà đồng

Ra tuồng lúng túng chẳng xong bề nào

- Mập mờ đánh lận con đen

Bao nhiêu cũng bấy nhiêu tiền mất chi

và:

- Tưởng bây giờ là bao giờ

Rõ ràng mở mắt còn ngờ chiêm bao

- Xưa nay trong đạo đàn bà

Chữ Trinh kia cũng có ba bảy đường

- Dưới trần mấy mặt làng chơi

Chơi hoa, đã dễ mấy người biết hoa

- Có tài mà cậy chi tài,

Chữ Tài liền với chữ Tai một vần...

Những câu Kiều quen thuộc mà người ta hay dùng để lấy Kiều là rất nhiều như:

- Lo gì việc ấy mà lo

Kiến trong miệng chén có bò đi đâu

- Chót vì tay đã nhúng chàm

Dại rồi còn biết khôn làm sao đây

- Bề ngoài thơn thớt nói cười

Mà trong nham hiểm giết người không dao...

Gần đây để phê phán những sai lầm trong thời bao cấp, ta cũng thấy những câu như:

Bắt phanh trần, phải phanh trần

Cho may-ô, mới được phần may-ô

là lấy từ câu Kiều:

3243. Bắt phong trần, phải phong trần

Cho thanh cao, mới được phần thanh cao

để nói lên thời kỳ khan hiếm hàng hóa phải phân phối từ cây kim, cuộn chỉ đến cái may ô, bánh xà phòng.

Hay việc nhập, tách các trường học, các đơn vị, các huyện, tỉnh luôn luôn một cách khá tùy tiện, năm trước tách ra, năm sau lại nhập lại, nhân dân ta cũng có câu:

Tách ra, rồi lại nhập vào như chơi.

Nguyên văn câu Kiều là:

2151. Chém cha cái số hoa đào

Gỡ ra, rồi lại buộc vào như chơi...

Chông nạn tham những hồi lộ thì lại là:

Đã đưa đến trước cửa công,

Ngoài thì là lý, song trong là tiền.

Nguyên văn câu Kiều là:

1461. Đã đưa đến trước cửa công,

Ngoài thì là lý, song trong là tình.

Đó cũng là những câu lầy Kiều rất hay. Nhân dân ta lầy Kiều kể thật đã khéo!

Trong mục Những trùng hợp ngẫu nhiên đến kỳ lạ ở chương viết về bói Kiều, chúng tôi đã nêu một số trường hợp, nay xin viết tiếp về mấy trường hợp lầy Kiều.

Như trên đã nói, câu Kiều thật đa nghĩa. Các nhà chính trị cũng hay dùng câu Kiều để thay điều muốn nói. Bác Hồ đã lầy Kiều nhiều lần trong các bài viết, bài nói của mình. Chẳng hạn trong Di chúc của Bác có câu:

Còn non, còn nước, còn người,

Thắng giặc Mỹ, ta sẽ xây dựng gấp mười ngày nay

là từ câu:

Còn non, còn nước, còn dài

Còn về, còn nhớ đến người hôm nay

(Câu 557-558)

Hay trong bài “Cảm ơn người tặng cam” năm 1946, gửi nữ thi sĩ Hằng Phương, Bác viết:

Cảm ơn bà biếu gói cam

Nhận thì khôngặng, từ làm sao đây

Ăn quả nhớ kẻ trồng cây

Phải chăng khổ tận, đến ngày cam lai

Cũng lấy từ câu Kiều:

Tẻ vui bởi tại lòng này

Hay là khổ tận, đến ngày cam lai

(câu 3209 - 3210)

Trong lời khai mạc kỳ họp đầu tiên quốc hội khoá II, năm 1960, Bác lại nói:

Phe địch xuống dốc phe ta lên cao

Mười lăm năm ấy biết bao nhiêu tình!

Trong Đại Hội Đảng lần thứ III, năm 1960, trong lời khai mạc Đại hội, Bác lấy Kiều:

Đến bây giờ mới thấy đây

Mà lòng đã chắc những ngày một hai!

Trong lời tiễn đại biểu các đảng anh em dự Đại Hội Đảng lần này, Bác lại đọc:

Quan san muôn dặm một nhà

Bốn phương vô sản đều là anh em.

Đến năm 1964, nhân dịp ra mắt cử tri tại Hà Nội, trong dịp ứng cử đại biểu quốc hội khóa III, Hồ Chủ tịch lại nói:

"Đáng lẽ tôi:

Thành thơ vui thú thanh nhàn

Sớm khuya tiếng hạc tiếng đàn tiêu dao.

nhưng:

Khi nào Nam Bắc một nhà

Cho người thấy mặt là ta cam lòng..."

Tiếp Tổng thống Xucacnô, Bác đã hai lần lấy Kiều mà trong Lời tiễn Tổng thống tại sân bay Gia Lâm, Người nói:

“Thời gian Tổng thống lưu lại ở Việt Nam chúng tôi lần này quá ngắn ngủi! Nhưng vì Tổng thống đi vắng đã hơn 2 tháng, nhân dân Indônêxia vẫn chờ đợi lãnh tụ kính mến của họ một ngày dài như ba thu. Thật là:

2247. Cánh hồng bay bổng tuyệt vời

Trông mòn con mắt phương trời đăm đăm

“Vì vậy nhân dân Việt Nam không tiện yêu cầu Tổng thống ở lại với chúng tôi lâu hơn nữa...” (Báo Nhân Dân ngày 30-6-1959)...

Còn Tổng thống Mỹ Clin-تون thì kết thúc bài Đáp từ tại buổi chiêu đãi của Chủ tịch nước ta Trần Đức Lương tối 17/1/2000, cũng nhắc đến một câu Kiều:

“Nhân dân Hoa Kỳ vui mừng vì đã đến lúc chúng ta có thể trở thành đối tác. Như Truyện Kiều đã nói: “Sen tàn cúc lại nở hoa, Sầu dài ngày ngắn đông đà sang xuân”. Nay những ký ức băng giá về quá khứ đã bắt đầu tan. Những phác thảo của một tương lai âm áp chung đã bắt đầu hình thành. Cùng nhau, chúng ta hãy tận hưởng mùa xuân mới này”. (Báo Nhân Dân ngày 18.11.2000).

Bác Hồ nhắc đến câu Thuý Kiều nhớ về Từ Hải và 5-7 năm sau, Từ bị Hồ Tôn Hiến lừa đến phải chết đứng, còn Tổng thống Mỹ Clin-تون lại đọc câu Kiều ở đoạn Thúc Sinh sắp về với Hoạn Thư mà sau đó là một trận đòn ghen ghê gớm. Như vậy câu Kiều nói hộ ta được nhiều điều mà nếu xét thêm những bất ngờ trùng hợp có thể có thì vẫn còn những điều để nói...

Có người lại liên hệ việc nhân dân ta yêu quý và mến phục người anh hùng Từ Hải cũng như nhân dân Indônêxia yêu mến vị anh hùng của họ Xucacnô Putri – nếu Từ Hải 5-7 năm sau bị tên tổng đốc trọng thần Hồ Tôn Hiến lừa giết nên phải chết đứng thì tổng thống Xucacnô 5-7 năm sau lại bị tướng Xuhactô làm đảo chính bắt giam để mấy năm sau qua đời trong nhà lao. Tổng thống Clinton đọc hai câu Kiều chắc cũng muốn mối quan hệ Việt – Mỹ ngày càng tốt đẹp nhưng Hoa Kỳ vẫn là đế quốc nên cái đoạn Kiều bị Hoạn Thư đánh ghen có khác nào vụ cá basa, tôm đông lạnh hay những chính sách sau này của Mỹ đối với nước ta. Và câu Kiều một lần nữa hình như lại tỏ ra cũng có phản ứng nghiệm.

Kiệt tác của thi hào Nguyễn Du còn hiện diện ở khắp nơi như trên nhan đề các tiểu thuyết hồi đầu thế kỷ XX: Truyện ngắn Con người Sở Khanh (Phạm Duy Tồn, 1919), tiểu thuyết Nửa chừng xuân (Khái

Hung, 1934), Tắt lửa lòng (Nguyễn Công Hoan, 1936), Châu về Hiệp phố (Phú Đức-1926), tập thơ Mây Tàn (Nguyễn Bính, 1942) và cuốn tiểu thuyết Nhật tình của nhà văn Mạnh Phú Tư viết năm 1941 với câu đề từ mở đầu sách:

Mặn tình cát lữ, nhật tình tao kang (câu 1480)

Năm 1960, nhà văn Lãng Nhân viết quyển phiếm luận Trước đèn (Nam Chi tùng thư xuất bản) cũng ghi câu đề từ mở đầu sách:

Cảo thơm lần giở trước đèn (câu 0007)

Mới trong hơn một chục năm trở lại đây từ những năm 90 của thế kỷ XX, đến nay đã có gần hai mươi quyển sách mới xuất bản có nhan đề được lấy từ những câu Kiều như: Những điều trông thấy (Tập thơ trào phúng, đả kích của Bảo Định Giang- Hội Văn nghệ TP Hồ Chí Minh xuất bản, 1992), Thơ Lửa hương (Huỳnh Mạnh Tiên - NXB Trẻ, 1995), tập thơ Gươm đàn nửa gánh (Lê Tú Lệ - NXB Trẻ, 1996), Đốt lò hương ấy (Bảo Định Giang – NXB TP Hồ Chí Minh, 1997)... Rồi các truyện ngắn Thiên hương (Hồ thị Hải Âu – Nxb Hà Nội, 1992), tập truyện ngắn Dấu lia ngó ý (Nguyễn thị Minh Ngọc - NXB Trẻ, 1998), Ai tri âm đó (Nguyễn Thị Minh Ngọc – NXB Trẻ, 1998), Chân trời góc bể (Nguyễn Dậu – NXB Hà Nội, 2000) hay Đồng Vọng (Phong Điệp – NXB Công an nhân dân, 2000). Các tập phê bình tiểu luận Lời quê góp nhặt (Nguyễn Thụy Kha – NXB Hội nhà văn 1999), Lời quê chấp nhặt (Nguyễn Thạch Giang – Nhà xuất bản Khoa học xã hội - Hà Nội 2001), Vườn khuya một mình (Phê bình tiểu luận, chân dung văn học của Văn Tâm – Nxb Văn hóa Thông tin 2001), Tìm hoa quá bước (Phê bình tiểu luận, chân dung văn học của Hoài Anh – Nxb Văn học 2001), Cửa tin gọi một chút này... (Tập tạp văn của Trương Phiên – NXB Trẻ, 2002)... đến tập truyện phim của Nguyễn Hồ - Một cuộc bể dâu (Nxb Văn học, 1999) và tập truyện, tạp văn Nghề văn cũng lắm công phu của Nguyễn Khải (NXB Trẻ, 2003)[1].

Nhan đề các tác phẩm trên được lấy từ những câu Kiều mà chúng tôi đã sắp xếp lại thành bài tập Kiều sau đây:

1041. Chân trời góc bể bơ vơ,

Tấm son gột rửa bao giờ cho phai.

1157. Thôi đà mắc lặn thì thôi!

Đi đâu chẳng biết Con người Sở Khanh?

0065. Kiếp hồng nhan có mong manh,

Nửa chừng xuân thoát gẫy cành Thiên hương.

2241. Tiếc thay chút nghĩa cũ càng,

Dấu lia ngó ý, còn vương tơ lòng.

0305. Thoa này bắt được hư không,

Biết đâu Hợp Phố mà mong Châu về?

0249. Mây Tần khoá kín song the,

Bụi hồng liệu nẻo đi về chiêm bao.

2181. Bấy lâu nghe tiếng má đào,

Mắt xanh chẳng để ai vào, có không?

0381. Trách lòng hờ hững với lòng,

Lửa hương chốc để lạnh lòng bấy lâu.

0003. Trái qua Một cuộc bể dâu,

Những điều trông thấy mà đau đớn lòng.

2173. Giang hồ quen thú vẫy vùng,

Gươm đàn nửa gánh, non sông một chèo.

2175. Qua chơi nghe tiếng nàng Kiều,

Tấm lòng nhi nữ cũng xiêu anh hùng.

3045. Sự đời đã Tắt lửa lòng,

Còn chen vào chốn bụi hồng làm chi!

0431. Cửa ngoài vội rủ rèm the,

Xăm xăm băng lối vườn khuya một mình.

3105. Đã hay chàng nặng vì tình,

Trông hoa đèn, chẳng thẹn mình lắm ru!

1201. Nghề văn cũng lắm công phu (Nghề chơi)

Làng chơi ta phải biết cho đủ điều.

2845. Khi ăn ở, lúc ra vào,

Càng âu duyên mới, càng dào tình xưa.

0741. Mai sau dù có bao giờ,

Đốt lò hương ấy, so tơ phím này.

0355. Rằng: Trăm năm cũng từ đây,

Của tin gọi một chút này làm ghi.

2989. Cùng nhau nướng cửa bồ đề,

Thảo am đó, cũng gần kẻ chẳng xa.

1247. Vui là vui gượng kéo là,

Ai tri âm đó mặn mà với ai?

1985. Dối quanh sinh mới liệu lời

Tìm hoa quá bước xem người viết kinh.

1479. Tin nhà ngày một vắng tin,

Mặn tình cát lữ, Nhặt tình tao khang

2869. Ấy ai hẹn ngọc thề vàng,

Bây giờ Kim mã Ngọc đường với ai?

3253. Lời quê chấp nhật (Lời quê góp nhật) đông dài,

Mua vui cũng được một vài trống canh!

Chỉ trong quyển phê bình tiểu luận, chân dung văn học Tìm hoa quá bước, tác giả Hoài Anh đã có ý thức rõ ràng trong việc lấy Kiều khi chia sách thành 14 chương với các đề mục đều được lấy từ những câu Kiều:

1. Cáo thom lần giở - Câu Kiều số 0007
2. Phải dò cho đến - Câu Kiều số 1332
3. Lấy trong ý tứ - Câu Kiều số 1089
4. Dở chiều như tỉnh dở chiều như mê - Câu Kiều số 0436
5. Câu thần lại mượn bút hoa - Câu Kiều số 0204
6. Khuôn thiêng lừa lọc - Câu Kiều số 3072
7. Nửa tình nửa cảnh - Câu Kiều số 1038

8. Nét xuân sơn - Câu Kiều số 0025
9. Khác nhau một chữ - Câu Kiều số 2882
10. Cách hoa sẽ dặng tiếng vàng - Câu Kiều số 0379
11. Một hội một thuyền - Câu Kiều số 0202
12. Vào trước ra sau - Câu Kiều số 2189
13. Thanh khí lẽ hằng - Câu Kiều số 1287
14. Khoảng trên dưng bút - Câu Kiều số 0404

Và lấy Kiều quả là một lối vận dụng câu Kiều vào trong cuộc sống hàng ngày hứng thú còn tập Kiều lại là một thú chơi tao nhã vậy.

[1] Ngoài ra còn có thể kể Tâm sự của Hoạn Thư - Tập thơ của Nguyễn Khắc Thiệu gồm một bài thơ dài về tâm sự của nàng Hoạn Thư và 81 bài thơ về cái ghen của người phụ nữ, Nxb TP Hồ Chí Minh, 2002...

CHƯƠNG V. TÁC PHẨM TẠO RA NHIỀU CÂU ĐỐ NHẤT

Truyện Kiều càng được đông đảo người đọc say mê thì thuộc Kiều cũng là niềm tự hào của nhiều người. Họ đổ nhau xem ai thuộc kỹ cuốn truyện, nghĩa của từng chữ, tình ý của từng câu. Lại còn đổ nhau về vị trí của chữ này, số lượng của chữ kia trong toàn bộ Truyện Kiều...

I. Câu đố về mặt câu tạo có cấu trúc của một đối thoại gồm hai phần: Lời đố và lời giải. Lời đố là một câu hỏi dưới hình thức tìm tên vật hoặc sự vật có hình dáng, đặc điểm hoặc công dụng, thuộc tính nào đó đã biết. Ở đây, đố Kiều là câu hỏi dưới hình thức một câu đố tập Kiều, thí dụ:

(1) Còn thiên Tích Việt ở tay

Nổi đêm khép mở nổi ngày riêng chung

là cái gì?

Lời giải: Đây là cái quạt giấy thường cầm ở tay ngày đêm khép mở, lúc dùng riêng, lúc dùng chung.

Như vậy câu đố là một định nghĩa, xét theo nội dung thì dựa trên khái niệm căn bản là sự tương tự. Xét về phương diện ngôn ngữ, câu đố còn dựa trên tình trạng đồng nghĩa dị âm. Lời đố mô tả những yếu tố cấu tạo nên vật đố nhưng chỉ cần đưa ra một vài đặc điểm chính có thể kèm thêm một vài điểm phụ như:

(2) Rõ mình lạ vẻ cân đai

Sao cho trong âm thì ngoài mới êm

... là cái chăn...

Về mặt xã hội, câu đố là một cuộc chơi, sử dụng đồ chơi, là hình ảnh, từ và ý nghĩa, một cuộc chơi chữ nhằm giải trí tinh thần vì sử dụng trí tuệ và óc phán đoán, suy luận. Thí dụ:

(3) Rõ ràng trong ngọc trắng ngà

Sầu tuôn đứt nổi châu sa vẫn dài

Một mình âm i canh chày

Đoạn trường ai biết kiếp này mới thôi.

thì đúng là cây nến (đèn cầy) vừa trong, vừa trắng với các đoạn nến đứt nổi nhỏ giọt được thấp sáng, cháy âm i cả đêm mà không biết sẽ tắt lúc nào.

Trong văn học dân gian nêu tục ngữ là trí khôn, là kho tàng về kiến thức, đạo lý về đời nhân xử thế, ca dao, dân ca là tiếng nói của tình cảm thì câu đố là tiếng cười của trí tuệ, óc thông minh linh hoạt.

Muốn giải câu đố phải có kiến thức dồi dào, óc quan sát tinh tế, trí nhớ tốt, óc tưởng tượng phong phú, suy luận linh hoạt. Nếu trong câu đố dân gian mang tính chất đố chữ có những câu như:

Hỡi anh cấp sách đi thi

Ba xe hợp lại chữ gì hỡi anh?

... là chữ Oanh (vì chữ Oanh 轟 gồm 3 chữ xa 車 車 車 là xe) thì cũng có nhiều câu đố tập Kiều xem đó là chữ nào trong các chữ Hán như:

(4) Tuần sau bỗng thấy hai người

Giang tay về chôn trướng mai tỵ tình

... là chữ Thiên 天

(gồm chữ nhị 二 và chữ nhân 人)

hoặc:

(5) Đòi người đến thế thì thôi

Ba thu dồn lại một ngày dài ghê

... là chữ Xuân 春

(gồm chữ tam 三, chữ nhân 人 và chữ nhật 日)

Ngoài ra còn có những câu đố Kiều mang tính chất đối đáp mà đều là những câu đố tập Kiều. Thí dụ:

(6) HỎI:

Truyện Kiều anh thuộc đã lâu

Đố anh kể được hai câu hết Kiều.

ĐÁP:

Trăm năm trong cõi người ta...

... Mua vui cũng được một vài trống canh

Người ta đã chấp câu đầu tiên của Truyện Kiều với câu cuối cùng (câu thứ 3254) đổi chữ “một vài trống canh” thành “một và trống canh” là được một câu lục bát tập Kiều kể được hết Truyện Kiều từ câu đầu đến câu cuối vì đó chính là câu đầu tiên và câu cuối cùng của Truyện Kiều.

Rồi những câu như:

(7) HỎI:

Truyện Kiều anh đã thuộc lòng

Đố anh kể được một dòng toàn Nho

ĐÁP:

Hồ Công quyết kế thừa cơ

Lễ tiên, binh hậu, khắc cờ, tập công.

(Đây là câu lục bát duy nhất của Truyện Kiều chỉ gồm có các từ Hán Việt chỉ gồm các từ Hán - chữ Nho)

hoặc (8) HỎI: Truyện Kiều anh học đã thông

Đố anh kể được một dòng toàn Nôm

hay:

Truyện Kiều anh đã thuộc lòng

Đố anh kể được một câu năm người

ĐÁP:

Này chồng, này mẹ, này cha

Này là em ruột, này là em dâu.

(Đây là hai trong rất nhiều câu lục bát của Truyện Kiều chỉ toàn có chữ nôm nhưng là hai câu điển hình nhất).

II. Với những đặc tính chung của câu đố Việt Nam là:

- Thể hiện tài quan sát của người bình dân
- Thể hiện tính cách lạc quan, hóm hỉnh thích vui cười
- Và biểu thị sự phong phú, sinh động, tế nhị của ngôn ngữ Việt Nam,

câu đố Kiều là một loại hình văn học dân gian ra đời và tồn tại cùng với việc thương thức Truyện Kiều trong nhân dân.

Ngoài những câu đố Kiều trực tiếp, gián tiếp, hát đố, đố chữ, có người còn tìm ra những câu đố Kiều

mang tính chất nói lái như:

(10) Giải là hương lộn, bình gương bóng lờng.

Như kiểu “Cái kiếp tu hành nặng đá đeo” của Hồ Xuân Hương hoặc những câu đố Kiều mang tính chất đố thanh giảng tục (ngược với những câu đố tục giảng thanh trong dân gian) như:

(11) Sè sè nắm đất bên đường

Dầu dầu ngọn cỏ nửa vàng nửa xanh.

Kiều... đi tiểu tiện

(12) Khi tựa gối, khi cúi đầu

Khi vò chiếu khúc, khi chau đôi mày.

Kim Trọng... đi đại tiện

(13) hoặc: Sớm đào, tối mạn lân la,

Thất kinh, nàng chữa, biết là làm sao.

Kiều... có thai (có bầu)...

III. Về thể loại, ít có câu đố được sáng tác theo thể văn xuôi. Câu đố Việt Nam hầu hết đều được sáng tác theo thể văn vần. Văn vần Việt Nam dễ viết và cho ta những câu đố ngắn gọn, cô đọng. Về các câu đố của ta, Ninh Viết Giao tổng kết có 5 dạng thức và đưa ra những ví dụ dẫn chứng trong quyển Câu đố Việt Nam. Chúng tôi cũng xin nêu những câu đố Kiều tương ứng để quý vị độc giả tham khảo.

- Dạng thức đầu tiên là các tác giả thường hay miêu tả một cách mộc mạc, nhưng tươi mát những nét đặc trưng về hình dáng của vật đố, việc đố. Như đố về cái bừa:

Đi nhe răng về nhe răng,

Muốn cây ruộng hoang có tôi mới được.

Trong đó Kiều là câu đố về con chó mực:

Đêm ngày giữ mực giầu quanh,

Ai ai trông thấy hồn kinh phách rời.

- Dạng thức thứ hai là nhiều câu đố, sự vật, sự việc được trình bày cả hình dáng và trạng thái đang hoạt động như câu đố về nồi cơm:

Nhà đen đóng khố đen sì,

Trên thì sấm động dưới thì đèn chong.

Trong đó Kiều là câu đố về cửa hàng xe đò đám ma:

Sấm sanh nếp tử xe châu,

Song song ngựa trước ngựa sau một đoàn.

Dựng cờ nổi trống lên đàng,

Họa là người dưới suối vàng biết cho.

- Dạng thức thứ ba là có nhiều câu đố được nêu rõ chức năng công dụng của sự vật như khi nói về cái chổi rơm:

Mình vàng mà thất đai vàng,

Mình em dọn dẹp sửa sang cửa nhà.

Trong đó Kiều là câu đố về cái tủ:

Ở trong còn lắm điều hay,

Nổi đêm khép mở, nổi ngày riêng chung.

- Dạng thức thứ tư là các tác giả dân gian đã trình bày nhiều câu đố không những nêu rõ nguồn gốc của sự vật mà cả quá trình phát triển của nó như câu đố sau đây về cái ấm đất đun nước:

Vốn xưa ở đất sinh ra,

Mà ai cũng gọi tôi là con quan.

Dốc lòng cùng nước lo toan,

Đầy voi phó mặc thế gian ít nhiều.

Bởi con quan thường được gọi là cậu ấm. Trong đó Kiều là câu đố về cái máng nước:

Cúi đầu luôn xuống mái nhà,

Lòng này ai tỏ cho ta hỡi lòng.

Một lòng chẳng quản mấy công,

Nổi lòng ai ở trong lòng mà ra?

Trên vì nước dưới vì nhà.

- Dạng thức thứ năm là nhiều câu đố biểu thị những điều quan sát có cả một quá trình của nhân dân đối với các sự vật như câu đố về cái đòn gánh (vốn được làm từ cây tre xanh, và màu sắc của nó chuyển dần từ vàng sang thâm qua sử dụng):

Thân em cùng lá xanh xanh,

Về cùng anh chị ngã xanh ra vàng.

Nhưng rồi thu tới xuân sang,

Nhờ tay anh chị màu vàng hóa thâm..

Trong đó Kiều là câu đố về chiếc quạt giấy:

Kiếp hồng nhan có mong manh,

Liều bỏ mình giữ lấy mình cho hay.

Nỗi lòng càng nghĩ càng cay,

Nỗi đêm khép mở, nỗi ngày riêng chung.

Vì ai ngăn đón gió đông,

Đề lòng thì phụ tấm lòng với ai.

Dấu sao cũng ở tay người!

Cái quạt làm bằng giấy vốn mỏng manh mà người ta luôn giữ ở tay ngày đêm lúc khép, lúc mở ...

VI. CHIẾT TỰ CHỮ QUỐC NGỮ

Trong sáng tác câu đố, việc phát hiện và tạo ra những nghịch lý giả, thực ra là một cách chơi chữ dùng những chữ đồng âm khác nghĩa và tạo ra tình huống vốn kêu gọi được óc tò mò cũng là tính hiếu kỳ ở người chơi câu đố, không chỉ được áp dụng thành công trong câu đố dân gian mà cả trong những câu đố Kiều.

Trước hết ta hãy xem con gì mà:

Lù lù như con trâu thui,

Chín mắt chín mũi chín đuôi chín đầu.

Chắc đó phải là con vật gì to lớn lắm như con trâu thui, rất kỳ dị, bởi con vật thường chỉ có hai mắt, một mũi, một đuôi mà kỳ lạ lắm thì cũng đến hai đầu là cùng, câu đố ở đây lại là một con vật có những chín con mắt, chín cái mũi, chín cái đuôi và chín cái đầu. Trong câu đố này, tưởng không thể là con trâu vì nếu thế thì quá dễ, bởi đầu đề đã cho là con trâu thui thì đâu còn là câu đố nữa, nhưng hóa ra

đáp án lại đã được cho sẵn ở đầu đề, bởi đó chính là con trâu thui. Con trâu đã đem thui rồi thì đó là cả con trâu đã bị chín nên mắt, mũi, đuôi, đầu đều phải chín hết, người ta đã chơi chữ vì chín ở đây không phải là số từ - con số 9 mà chín là tính từ trái nghĩa với còn sống còn tươi.

Lại nữa, cái gì mà:

Đã đi đến đây,

Lại thấy ở đây,

Lấy được thì để lại đây,

Không lấy được thì đành mang nó về.

Lấy được thì để lại, không lấy được thì mang về – thực là mâu thuẫn. Nhưng đó lại chính là cái gai đâm vào chân, rút ra được thì vứt đi và chỉ khi không rút ra được thì mới phải mang về. Còn sau đây là câu đố về cái bắp chân:

Lưng đằng trước,

Bụng đằng sau,

Con mắt cái đầu,

Cách độ vài gang.

Cũng thuộc dạng này là câu đố Kiều sau đây:

Cởi ra rồi lại buộc vào,

Vườn hồng đâu dám ngăn rào chim xanh.

Cho hay là giống hữu tình,

Đố ai gỡ mối tơ lành cho xong.

Cái gì mà cởi ra rồi lại buộc vào. Lại là vườn hồng mà chim cò ra vào thoải mái chẳng ai ngăn rào được. Tơ lành lại cứ rối như tơ vò không tài nào gỡ được. Hóa ra đó chính là cái quần hay cái váy của một gái giang hồ. Ở đây vườn hồng và chim cò đều được dùng với nghĩa đặc biệt - một lối chơi chữ với nghĩa dung tục, không được nghiêm chỉnh mà lại rất đúng như trong thực tế bởi vườn hồng gắn được với má hồng mà chim xanh lại đi được với chim cò.

Và sau đây người đố lại muốn hiểu làm gương ... theo nghĩa là làm nghề ... tráng gương rất mới, rất hiện đại:

Chập chờn cơn tình cơn mê,

Nghe đâu Kiều có làm nghề... trảng gương?

ĐÁP - Mười lăm năm bấy nhiêu lần,

Làm...(ra những cái) gương để cho khách hồng trần thử soi.

Không phải: Làm gương cho khách hồng quần là phụ nữ như ở trong câu Kiều, mà là làm ra những cái gương cho mọi người tức là khách hồng trần thử soi.

Còn ở đây người nghe thấy chữ một tay - vốn là một hoán dụ chỉ con người Từ Hải - lại được hiểu theo nghĩa đơn giản đến mức hài hước là Từ Hải chỉ có một tay, tay kia của chàng không còn nữa, nên chắc hẳn chàng là một thương binh rồi:

Rằng: Năm Gia Tĩnh triều Minh,

Thúy Kiều... có lấy thương binh không chàng?

ĐÁP - Một tay trời bể ngang tàng,

Kiều lấy Từ Hải... rõ ràng thương binh!

- Một tay gậy dựng sơn hà,

Lấy chàng Từ Hải... đúng là thương binh!

Chuyển sang chữ quốc ngữ thì chiết tự có nhiều cách: tả chữ, xáo chữ (đổi vị trí các con chữ), chiết tự, tách từ ...

*Tả chữ thì ta có thể kể:

Hai người đứng bắt tay nhau,

Chạm trán, chạm đầu mà chẳng chạm chân

.... là chữ A

*Tả chữ kết hợp với hình dáng của vật:

Cái ly để giữa bàn tròn,

Hồi lâu coi lại vẫn còn như xưa.

Hay

Cái ly mà để giữa bàn,

Coi đi coi lại vẫn hoàn như nguyên.

... là chữ Y

Cái hay của câu đố này là vừa tả được hình dáng của cái ly, nhất là cái ly để uống rượu sâm banh thì hình dáng hệt như chữ Y, mà Y lại có nghĩa là y nguyên, không thay đổi.

*Một câu đố khác:

Trước sau ta vẫn là ta,

Đầu đuôi chặt hết mà ta vẫn còn.

Cái gì mà bỏ đầu bỏ đuôi vẫn còn nguyên cái đó, chữ gì vậy?

Đáp án là con chồn vì chữ CHỒN vớt chữ C và chữ N vẫn còn là chữ HỒ - vẫn có nghĩa là con chồn, con cáo.

*Hay:

Nguyên hình nó chỉ bằng tôi,

Chặt đuôi mất đầu nó rồi thành cha.

Ráp đuôi móc ruột nó ra,

Tự nhiên nó lại hóa ra chú mình.

Đó là chữ CHÁU vì bỏ đuôi vớt đầu rồi thì còn lại CHA, cũng chữ CHÁU ấy ta ráp lại đuôi rồi móc ruột là chữ A ra thì lại có chữ CHÚ.

Cho đến nay, chưa thấy có một câu đố Kiều nào bằng chiết tự với chữ quốc ngữ. Để góp phần làm phong phú các loại câu đố Kiều, chúng tôi xin cống hiến mấy câu đố sau đây về 3 chữ quan trọng trong Truyện Kiều:

Câu đố I.

Rơi mũ thì chỉ còn ba (3),

Mất đuôi thì lại hóa ra chính mình.

Lại là tên chàng Thúc sinh,

Người đời phải có thật tình mới nên!

Là chữ gì?

Lời giải chính là chữ TÂM: Bỏ mũ thì chỉ còn chữ TAM có nghĩa là ba, nếu mất đuôi thì chỉ còn chữ TA tức là lại hóa ra chính mình. Đồng thời chữ TÂM lại là tên của chàng Thúc sinh: Thúc Kỳ Tâm (1276. Kỳ Tâm họ Thúc cũng nài thư hương). Mà với mỗi người, chữ TÂM lại rất quan trọng. Muốn

thành công ở đời phải biết TU TÂM như Nguyễn Du đã nói: Chữ TÂM kia mới bằng ba chữ TÀI. Vì vậy người ta ở đời sống phải thực lòng, thực tình có chữ TÂM mới có thể nên người.

Câu đố II:

Cái mà ai cũng ước mong,

Mất dấu thì chẳng ai trông làm gì.

Khổ đau sẽ đến tức thì,

Đầu đuôi mất nốt...

Ấy là tiếng kêu lên vì mừng vui!

(Hay tiếng kêu lên vì ngạc nhiên!) Là chữ gì?

Cái mà ai cũng mong có được ở đời chính là chữ TÀI, nhưng khi TÀI mất dấu thì chỉ còn là chữ TAI chẳng ai trông mong vì sẽ dẫn đến đốn đau cực khổ. Bởi Nguyễn Du đã từng nói: Chữ Tài liền với chữ Tai một vần. Chữ TAI lại bỏ cả đầu lẫn đuôi (tức là chữ đầu T và chữ cuối I) thì chỉ còn chữ A! Đó là tiếng kêu khi mừng vui, ngạc nhiên hay sực nhớ ra một điều gì.

Câu đố III.

Nàng Kiều mang nó suốt đời

Mất dấu đi rồi sẽ được ngôi sao!

Bỏ đuôi thì được gì nào:

Đem bao hy vọng trông vào người ta.

Vứt đuôi cho hỏi nữa à?

Bạc tiền cỡ ấy mua nhà được đây!

Là chữ gì?

Đáp án chính là chữ TÌNH, mất dấu thì TÌNH chỉ còn TINH chính là ngôi sao (trong tinh kỳ, tinh tú, hành tinh ...), lại bỏ đuôi thì còn chữ TIN là đem bao nhiêu hy vọng đặt vào một người hay một cái gì đó. Lại vứt đuôi nữa cho thêm dấu hỏi vào thì thành ra chữ TỈ, bạc tiền cỡ ấy, cỡ bạc TỈ thì rõ ràng là có thể đi mua nhà được rồi thật.

Tam Hợp đạo cô khi nói với Giác Duyên đã nhận xét về Thúy Kiều:

2659. Thúy Kiều sắc sảo khôn ngoan,

Vô duyên là phận hồng nhan đã đành.

2661. Lại mang lấy một chữ tình,

Khư khư mình buộc lấy mình vào trong.

Hay:

2681. Xét trong tội nghiệp Thuý Kiều

Mắc điều tình ái, khỏi điều tà dâm,

Rồi 2682. Mắc điều tình ái, khỏi điều tà dâm, đáp án đúng là chữ TÌNH thật!

Vứt đuôi cho hỏi nữa à?

Bạc tiền cỡ ấy mua nhà được đây!

Hai câu cuối này của câu đố trên có người lại muốn đổi thành:

Vứt đuôi cho hỏi nữa à?

Bạc tiền như vậy... Ta có thể ăn chơi... như là Thúc sinh.

Bởi Thúc sinh thì Trăm nghìn đổi một trận cười như không, bây giờ nhiều vị dám bỏ ra hàng mấy trăm ngàn thậm chí cả triệu bạc để tìm đến một trận cười như không, nhất là đấy lại là trận cười của người đẹp như nàng Kiều. Hay có vị lại muốn chữa thành:

Vứt đuôi cho hỏi nữa à?

Đô la cỡ ấy... mua nhà như chơi!

Có trong tay hàng tỉ đô la thì mua nhà dễ như chơi thật!

Truyện Kiều là tác phẩm tạo ra nhiều câu đố nhất Việt Nam. Chúng tôi đã viết riêng một quyển sách về vấn đề này với nhan đề Đố Kiều, nét đẹp văn hóa gồm 5 chương:

Chương 1. Đố Kiều trong câu đố Việt Nam

Chương 2. Thơ đố Kiều

Chương 3. Đố Kiều đối đáp

Chương 4. Đố Kiều trên sách báo

Chương 5. Đố Kiều qua các giai thoại

CHƯƠNG VI. QUYỀN SÁCH TẠO RA NHIỀU GIAI THOẠI NHẤT VIỆT NAM

Truyện Kiều là quyền sách tạo ra nhiều giai thoại nhất Việt Nam vượt qua con số hàng trăm, được đăng tải trên báo chí cũng như được giới thiệu có hệ thống trên một số sách. Chỉ trong quyển Kho tàng giai thoại Việt Nam của Vũ Ngọc Khánh (NXB Văn Hóa 1994), đã có tới 53 giai thoại về Truyện Kiều, và trong quyển Đố vui tìm hiểu Truyện Kiều của Nguyễn Thiện Văn (NXB Thanh Niên năm 2000) đã có 101 câu đố với 101 câu đáp... Chúng tôi đã giới thiệu một số giai thoại này trong hai quyển nhan đề Từ lấy Kiều, đố Kiều...đến các giai thoại về Truyện Kiều và Đố Kiều, nét đẹp văn hóa. Ở đây xin trích in một số như là tư liệu.

I. TRUYỆN KIỀU VỚI VĂN NHÂN, THI SĨ

1. NGUYỄN KHUYẾN LẤY KIỀU

Trong mục Vịnh Kiều chúng tôi đã giới thiệu một số bài Vịnh Kiều của Nguyễn Khuyến. Ông còn tham gia ban giám khảo trong cuộc thi vịnh Kiều thuộc Tao Đàn Tỉnh Hưng Yên năm 1905.

Khi ấy, khách văn chương ở các tỉnh gửi bài về rất nhiều. Riêng Chu Mạnh Trinh gửi hai chục bài đến dự thi. Nguyễn Khuyến chấm thơ Chu Mạnh Trinh cho là khá, nhưng đọc đến bài vịnh Sở Khanh có hai câu:

Làng nho người cũng coi ra vẻ

Bọm xỏ ai ngờ mắc phải tay!

thì Nguyễn Khuyến tỏ vẻ không bằng lòng. Ông phê ngay vào bên cạnh rằng:

Rằng hay thì thực là hay

“Nho” đi với “xỏ” lão này không ưa.

Chẳng mấy lâu sau, chuyện ấy lan ra ngoài, trong làng nho, ai cũng lấy đó làm một câu chuyện để giễu họ Chu.

Từ đấy Chu Mạnh Trinh giận Nguyễn Khuyến. Nhân một ngày Tết để “xỏ” lại, Chu Mạnh Trinh cho mang đến biếu Nguyễn Khuyến, (lúc ấy đã bị lừa) một chậu hoa trà chỉ có sắc không hương. Và Nguyễn Khuyến mới làm bài thơ mỉa gửi lại cho Chu Mạnh Trinh:

TẠ NGƯỜI CHO HOA TRÀ

Tết đến người cho một chậu trà

Dương say còn biết cóc đầu hoa!

Da mỗi tóc bạc, ta già nhỉ

Áo tía đai vàng, bác đó a?

Mưa nhỏ nhưng kinh phường xỏ lá

Gió to luống sợ lúc rơi già

Lâu nay ta chỉ xem bằng mũi

Đếch thấy hơi thơm, một tiếng khà.

Chu Mạnh Trinh đọc xong thơ vừa thẹn lại vừa ân hận.

2. TÚ XƯƠNG OÁN KIỀU

Cách đây hơn sáu mươi năm, ở thành Nam (tức thị xã Nam Định) có tổ chức lễ tưởng niệm Nguyễn Du. Lão Công sứ Pháp và viên Tổng trấn Nam Định giao cho Chánh án Trần Tấn B một món tiền lớn để chi cho buổi lễ. Ban tổ chức có “nhã ý” mời bà Chánh Kỷ, một danh ca ở phố Hàng Thao đến ngâm Kiều và ông âm Lễ đệm đàn đayl

Dự lễ, tưởng niệm nhà thơ lớn Việt Nam hôm ấy toàn là các ông Tây, bà đầm (lại có cả non hai chục Tây con nữa) cùng các vị tai to mặt lớn ở tỉnh, phủ, huyện... lớn nhỏ tấm bé vền vẹn trong vòng một trăm. Và cố nhiên, ban tổ chức hời to.

Ngày hôm sau, khắp thành Nam truyền đi bài thơ của Tú Xương:

“Hỡi cụ Tiên Điền có biết cho,

Hôm qua có kẻ khóc trên mồ?

Khóc đây đâu phải rằng thương cụ,

Thương bạc quan thầy món lợi to”

Chỉ trong một buổi, bài thơ đã bay đến tai quan Chánh án, trưởng ban tổ chức. Điền tiết, quan Chánh án gọi tê-lê-phôn hạ lệnh cho quan Phòng thành và quan Phó cầm Vị: “Tối nay, từ tám giờ, thiết quân luật, cấm đường!”.

Riêng mấy ông bạn của Tú Xương, thì khoái chí, mời nhà thơ tối đó tới công thành chiêu đãi một bữa cháo gà. Ở quán ăn ra, ông tú ngất ngheo vác ô lục soạn về nhà. Nào ngờ, mới đi được mấy bước, đã bị cu-lít (police) tóm, rước về “bóp” vì đã vi phạm “luật nhà binh!”.

Cầm Vị, vốn có cảm tình với Tú Xương, liền cho biết: “Cụ án được hay bài thơ truyền khẩu là của ông, cụ giận lắm, nên mới ra lệnh “thiết quân luật” để giăng lưới bắt ông ta”.

À, ra thế! - Tú Xương điềm nhiên nói – Nhưng tôi vừa uống rượu say, khát quá, quan Cẩm làm ơn cho tôi một chén trà nóng nào!

Cẩm Vị vui vẻ gọi người pha trà, rồi “quan” cùng mười hai thầy đội xếp (tiếng dùng gọi nhân viên cảnh sát) ngồi quây quần quanh nhà thơ, vừa uống nước vừa chuyện trò vui vẻ.

Lát sau, Tú Xương gật gật đầu rồi ngâm luôn một bài thơ “ngẫu tác”:

“Ôi hỡi nàng Kiều hỡi có hay?

Vì nàng nên tớ chịu tai bay.

Nàng còn bán được ba trăm lạng,

Chứ tớ ai mua khổ rách này?”

Các thầy đội xếp vỗ tay khen hay và yêu cầu nhà thơ ngâm lại một lần nữa. Sau đó, Cẩm Vị gọi điện “lập bộ” (báo cáo) lên quan Chánh án, và đọc luôn cả bài thơ mới của ông Tú để hầu quan Chánh. Lập tức, từ phía đầu dây kia có lệnh: thả Tú Xương ra ngay!

Hôm sau, bài thơ “Tú Xương oán Kiều” lại từ sở Cẩm tung ra, bay khắp thành Nam.

3. GIAI THOẠI VỀ NHÀ THƠ NGUYỄN HỮU KHANH: ĐÃ CHO VÀO BỤC BỐ... CON

Hương Sơn Cư sĩ Nguyễn Hữu Khanh người xã Hương Ngải huyện Thạch Thất nay thuộc tỉnh Hà Tây, là một nhà nho lãng mạn, vốn hay Kiều. Gần bảy mươi tuổi ông vẫn còn đi hát ả đào. Các cô nhiều lần bị ông trêu chọc cũng bực mình nhưng vẫn cứ “con, con” - “bố, bố” với ông.

Một hôm vừa thấy ông đến cửa, mấy cô đã ùa ra níu lấy ông:

- “Chào bố ạ, chào bố!”

Nguyễn Hữu Khanh tức cảnh liền đọc hai câu đối dùng toàn chữ trong Kiều:

“Thôi còn nói chi “con”,

nặng giữ mưa gìn thêm tức nổi...

“Đã cho vào bực “bố”,

quạt nồng ấp lạnh phải đền ơn...”

Ông lấy từ hai câu “Thôi con còn nói chi con Sống nhờ đất khách thác chôn quê người” và “Đã cho vào bực bố kinh - Đạo tòng phu lấy chữ trinh làm đầu” rồi cắt mỗi câu một chữ tả đúng tình cảnh “bố, bố, con con” thực là hóm hỉnh. Nghe xong các cô càng phục lẫn, chịu không biết nói gì với ông lão hay Kiều.

4. LẠI BỐ - CON

Một lần khác nghe có một cô đào mới rất xinh, ông lão - văn cư sĩ Nguyễn Hữu Khanh - trưng một bộ áo quần bảnh bao, để các cô thấy ông đây vẫn còn xuân chán. Mấy cô sán đến kéo níu ông lại bố bố, con con. Cô tì bên này, cô tựa bên kia làm ông ngã nghiêng trên tràng kỷ. Ông buột miệng một câu lầy Kiều tả đúng tình cảnh đó:

Dám đem trần cấu, dựa vào “bố”

Lấy từ câu:

Nghĩ mình chẳng hổ mình sao

Dám đem trần cấu dựa vào bố kinh

Trần cấu là bụi như bản, bố kinh do chữ bố quần kinh thoa (quần vải thoa gai) theo điển tích nàng Mạnh Quang chỉ người vợ hiền.

Không ngờ cô đào mới lại rất hay Kiều, cô đối lại luôn:

Mượn màu son phấn, đánh lừa “con”

Câu này trích từ câu:

Tuồng chi hoa thải hương thừa

Mượn màu son phấn đánh lừa con đen

Ông lão đã đổi chữ “dự” thành chữ “dựa” lại cắt chữ “kinh” còn chữ “bố” thì cô lại cắt chữ “đen” còn chữ “con” hợp với cảnh mà lại nói tới việc ông lão già rồi còn làm ra vẻ trẻ trung.

...Cũng từ đó nảy sinh ra đôi câu đối tập Kiều chế nhạo hai cha con cùng đến với một cô đầu:

- Thôi còn nói chi con, dám đem trần cấu dựa vào bố

- Đã cho vào bực bố, mượn màu son phấn đánh lừa con.

5. LẤY KIỀU MỪNG CÁC ÔNG NGHỊ

Cụ Lãng Nhân trong quyển Chuyện cà kê có kể lại những câu lầy Kiều mừng các ông nghị thời xưa như sau:

- Mừng ông Nghị Chiếu (hay ngày xưa vợ từng bán chiếu):

Như chàng có vững tay co

Mười phần cũng đắp điểm cho một vài

Đáng mặt anh tài...

- Mừng ông Nghị luật sư mình khô như hạc:

Gần miền nghe có một thầy

Nói điều ràng buộc thì tay cũng già

Thật lúra đôi ta!

- Mừng ông Nghị vốn xưa kia làm tài xế:

Nước non chọn mặt anh tài

Bóng dàu đã xế, đường dài xá chi

Thiên tải nhất thì...

- Mừng ông Nghị chuyên buôn lậu:

Cửa hàng buôn bán cho may

Nỗi đêm khép mở, nỗi ngày riêng chung

Hễ thấy hơi đồng...

- Mừng ông Nghị Nghị Hương xưa hát chèo nay lại kiêm nấu rượu mà vẫn đi làm ở hai nơi:

Hương càng đượm lửa càng nồng

Gươm đàn nửa gánh, non sông một chèo

Đồng tước hai Kiều...

- Mừng ông Nghị Thành thầu khoán ngày xưa từng bán bún ốc:

Một tay gây dựng cơ đồ

Khác gì vua Thục Cổ Loa xây thành

Đáng mặt tài danh!

- Mừng ông Nghị Hòa chuyên đánh sóc đĩa, cân hồ:

Chiến hòa sắp sẵn hai bài

Nhận tờ nghị định bằng hai cân hồ

Trí dũng có thừa!

Ông Nghị làm ở nhà giấy thép (lầu thơ) bị làm cả trò chỉ điếm nữa:

Bước vào chôn cũ lầu thơ

Cắt người tìm tôi đưa tờ nhắn nhe

Phú quý ai bì!

Và đây là ông Nghị vừa làm thuốc, làm báo lại hay diễn thuyết, học làm chính trị:

Văn chương y quốc đáng tài

Con oanh học nói mĩa mai trên cành

Chi sợ tiết canh...

II. TRUYỆN KIỀU VỚI CÁC NHÀ CÁCH MẠNG

6. NGÔ ĐỨC KẾ NÓI VỀ TRUYỆN KIỀU

Trong cuộc “đấu bút” với Phạm Quỳnh kẻ thi hành âm mưu của Pháp giở chiêu bài “quốc hồn, quốc túy” để đánh lạc hướng, ru ngủ thanh niên, trí thức, hai cụ Nghè Huỳnh Thúc Kháng và Ngô Đức Kế, vì mục đích chính trị tốt đẹp, đã không tiếc lời phê phán, lên án Truyện Kiều, coi là cuốn sách “ai dám sâu oán”, đạo dục tãng bì” cụ Ngô viết:

“... Cứ xem hiện trạng ấy thì nước Việt Nam ngày nay gọi là Kim Vân Kiều quốc, nòi giống Việt Nam ta mà gọi là Đại Kim Vân Kiều tộc cũng đúng đắn lắm chứ không sai! Ôi than ôi! Kim Vân Kiều mà cai trị nước Việt Nam thì xã hội Việt Nam không nói cũng biết rồi!...”

Nhân tiện, cụ Ngô cũng phê luôn cái tên sách “Kim Vân Kiều” “Kim Vân Kiều là sách gì? Chỉ nghe cái tên sách thì nghe đã không thể nào nghĩ được. Ông Nguyễn Du chắc đã không đặt tên dốt như thế, dù cái tên ấy là nguyên bản của Tàu, thì cũng đủ biết chuyện ấy đặt ra bởi một anh Tàu dốt nào đó mà thôi...”.

Kỳ thật thì cụ Nghè Ngô không hề ghét Truyện Kiều. Trái lại, cụ thích Kiều và rất sành Kiều. Có lần, bàn về văn chương, cụ Ngô đã nói:

- Có cuốn truyện Kim Vân Kiều mà nhiều người cho rằng cụ Nguyễn Du mượn mà than thở cái thân phận lao đao của cụ. Thật vậy, lời phán đoán ấy chẳng những là để chứng, mà còn có chứng cứ nữa. Có người đã được các cụ ở Nghệ Tĩnh ngày xưa thuật lại rằng, lúc cụ Tiên Điền thảo cuốn vận văn tuyệt thế ấy xong, đưa cho mấy ông bạn xem, thì đã có ông hiểu cái nghĩa ấy rồi, mà còn hiểu hơn chúng ta bây giờ nữa, như câu:

0959. Giờ ra thay bậc đổi ngôi,

Dám xin gửi lại một lời cho mình.

Có ông giải là cụ Tiên Điền dùng câu ấy trách thềm vua Gia Long, vì trước kia vẫn nói tôn thờ nhà Lê mà sau lại lên ngôi Hoàng đế...

Báo Phụ Nữ Tân Văn năm 1929

7. PHAN BỘI CHÂU VỚI TRUYỆN KIỀU

Cũng như các vị túc nho khác, cụ Sào Nam rất thích Truyện Kiều, hiệu Truyện Kiều, văn Kiều rất sâu xa.

Lúc trẻ, ngồi dạy học ở xã Thanh Thủy (Nam Đàn), cụ Phan thường cùng bạn bè đàm đạo về Truyện Kiều. Một hôm, cùng mấy người bạn ngâm vịnh, cụ đã đọc bài “tuyệt cú” vịnh Thúy Kiều (Chương Thâu dịch):

“Một niềm hiếu thảo thấu trời xanh,
Duyên kiếp xui thành cảnh nhục vinh.
“Không”, “Sắc” ngàn thu khôn vỡ lẽ
Vang truyền bốn bể nổi thanh danh”.

Cụ lại vận dụng tài tình văn Kiều vào văn chương. Hồi đi hát phường vải, cụ có nhiều câu ví tập Kiều, mượn Kiều, còn truyền lại đến bao giờ. Ví như:

Một cô gái ví trêu một anh chàng hay đánh bạc:

Nho San (tên cụ lúc còn trẻ) gà cho anh con trai, cũng chỉ dùng câu trên “biến hóa” ra:

“Tung hoành bể Sở sông Ngô,
Rời ra gậy dựng cơ đồ một tay”.

Một cô gái Thịnh Lạc ví nhạo một anh hay đi bắt cá đêm dưới sông:

“Hỏi chàng con có làm sao,
Năm canh cứ lặn dưới rào (sông) cả năm?”

Nho San gà:

“Ra tay giúp nước phù vương,
Để dò bốn bể, khôn lường lạch sông”.

Sau một thời gian đi xa lo việc vận động chống Pháp, cụ Giải San (lúc này cụ đã đỗ Giải nguyên) về

quê đi hát ví. Các cô gái hát mừng:

“Mừng chàng nay đã phản hồi,

Bấy lâu góc bể chân trời ra sao?”

Giải San ví đáp lại:

“Mừng nay ta được trùng phùng,

Cánh hồng tiên gió vẫy vùng bể khơi” v.v...

Trong thơ văn Phan Bội Châu, ta vẫn thấy nhiều câu, nhiều đoạn phảng phất hơi văn Kiều:

“Xuân sao xuân khéo bẽ bàng,

Non sông diễm ngọc, tô vàng cho ai?”

hoặc:

“Tiện đây cật dạ mấy lời,

Lại xin tỏ Giải cùng người quốc dân”

“Trang hoàng gác tía lầu son,

Đã hao mạch nước, lại mòn xương dân”

“Nỗi niềm tưởng đến bao giờ

Mây tuôn tẻ ngắt, mù sa tối dần”

“Thương ôi, trăm sự tại người,

Chữ “đồng” ai dám ngăn rời chữ “tâm”” v.v...

Sau khi Phan Bội Châu bị bắt (1925), rồi bị đưa về an trí ở Huế, thực dân Pháp hy vọng có thể mua chuộc được cụ. Chúng đề nghị cụ chọn một trong các chức vụ: Cố vấn cho Nam triều, Thượng thư bộ Học; Viện trưởng viện dân biểu Trung kỳ. Đồng chí đồng bào có người sợ cụ nhận ra làm việc với Tây thì nhục, nhưng có người vẫn ảo tưởng, cho rằng nếu cụ ra, có thể giúp ích phần nào cho dân. Cụ bèn làm bài “tập Kiều” để giải bày tâm sự:

“Dù chẳng xét tâm tình si,

Thiệt đây mà có ích gì cho ai.

Vội chi liễu ép hoa nài,

Còn thân ắt cũng đền bồi có khi.

Sinh rằng: từ thuở tương tri,

Tấm riêng riêng những nặng vì nước non

Trăm năm tính cuộc vuông tròn,

Phải chờ cho đến ngọn nguồn lạch sông.

Muôn đời ơn lòng”.

(Trích theo Giai thoại và tư liệu về Nguyễn Du - Truyện Kiều)

8. QUYỀN KIỀU TRONG KHÁM TỬ HÌNH

Cũng như Bác Hồ, nhiều chiến sĩ cộng sản rất mê Kiều, thuộc và hiểu Kiều, kể cả nhiều người “ít chữ nghĩa”. Trên đường công tác cũng như trong nhà tù đế quốc, họ thường ngâm Kiều, giảng Kiều cho nhau nghe, phát hiện ở Truyện Kiều những giá trị mới.

Nhiều người đã làm thơ “vịnh Kiều”, “tập Kiều”.

Năm 1924, Trần Huy Liệu chưa biết đến chủ nghĩa cộng sản, nhưng là một thanh niên tri thức yêu nước, anh ước mong “gặp người tri kỷ” trong bài thơ “Khóc Kiều”:

“... Chỉ vì chưa gặp người tri kỷ,

Mà luống long đong suốt cả đời”.

Phải hơn sáu năm sau, khi bị đày ra Côn Đảo, khi mới gặp “người tri kỷ” là các đảng viên cộng sản, là chủ nghĩa cộng sản, và anh trở thành người cộng sản.

Tại nhà lao Buôn Mê Thuật năm 1940, nghe tin cuộc khởi nghĩa Nam kỳ thất bại, Đinh Chương Dương đã làm bài “phỏng Kiều”.

“Tôi nghe ruột rồi bời bời,

Sẵn đây xin đốt một vài nén hương...”

Còn Đặng Xuân Thiều một hôm đến nhà người bạn, vợ được một quyển Kiều cũ nát, liền cầm đọc lại. Anh đọc một mạch không nghỉ, xong, thấy xúc động lạ, liền nảy ra ý thơ, và anh làm ngay bài “Đọc Truyện Kiều, cảm tác”.

Nhưng xúc động hơn cả là câu chuyện về quyển Kiều của người cộng sản trẻ tuổi Lý Tử Trọng. Khi bị thực dân Pháp bắt giam ở Khám Lớn Sài Gòn. Lý Tử Trọng đã tìm cách đưa lọt một quyển Kiều vào xà lim. Ngày ngày, anh ngâm Kiều để giải trí.

Nhà báo tiên bộ Pháp, bà Ăngđrê Viôlitx (Angdréc Violis) sau khi vào khám thăm anh Trọng, đã viết lại rằng, bà thấy trong khám tử hình mà Trọng Con bị nhốt, có một quyển Truyện Kiều.

Sau khi anh Trọng bị hại, có đồng chí bị giam trong xà lim ấy, thì thấy quyển Kiều đã từng là bạn thân thiết của Trọng Con vẫn còn đấy, những đã bị bọn lính ngục dẫm xéo lên rách nát, nhiều tờ rơi bung ra. Đồng chí ấy đã nhặt nhanh sửa sang lại cẩn thận, hằng ngày đọc một vài đoạn để giải trí, và tưởng nhớ người đồng chí trẻ tuổi dũng cảm.

Cứ như vậy, quyển Kiều ấy được chuyển qua tay nhiều chiến sĩ cộng sản bị nhốt vào xà lim, trong đó có đồng chí Phạm Hùng. Tiếc rằng quyển sách quý báu ấy không ai đưa ra ngoài được.

(Trích theo Giai thoại và tư liệu về Nguyễn Du - Truyện Kiều)

9. BÀI “TẬP KIỀU” VĨNH BIỆT MẸ

Đồng chí Nguyễn Đức Cảnh (1908-1932) quê ở làng Diêm Điền, nay là xã Thụy Hà, huyện Thái Thụy, Thái Bình, là đại biểu dự hội nghị thành lập Đảng cộng sản Đông Dương ngày 3-2-1930 ở Hương Cảng, dưới sự chủ tọa của đồng chí Nguyễn Ái Quốc.

Về nước hoạt động, đồng chí bị địch bắt, bị kết án tử hình. Trước khi lên máy chém (31-9-1932) đồng chí đã gửi cho mẹ một lá thư vĩnh biệt. Thư là một bài văn “tập Kiều”, có đoạn:

“... Xót tình con trẻ mẹ già,

Tấm lòng thương nhớ biết là có nguôi.

Chốc đà bảy tám năm trời,

Huyền đường nay đã da mồi tóc sương.

Một mình trần trọc canh trường,

Nát lòng muôn việc giữa đường chưa xong.

Ngón ngang trăm mối bên lòng,

Xông pha giông tố chi mong độ về.

Hồn con mang nặng lời thề,

Nát thân chưa dễ đền nghì trời mây...”

(Trích theo Giai thoại và tư liệu về Nguyễn Du - Truyện Kiều)

III. TRUYỆN KIỀU VUA QUAN VÀ SĨ PHU

9. VÌ SAO TỰ ĐỨC GHÉT NGUYỄN DU

Nhân dịp thầy đồ đi vắng, mấy cậu học trò ngồi rồi, đem sách vở chữ nghĩa ra đố nhau. Hết chuyện Đường, chuyện Tống, các cậu bèn kéo nhau sang Truyện Kiều. Một cậu lên tiếng hỏi các bạn: - Người ta bảo rằng, đọc quyển Kiều, vua Tự Đức giận dữ thốt lên: Phải chi Nguyễn Du còn sống thì nọc ra, đánh cho ba chục trượng. Đố các anh tại sao mà Tự Đức nổi cáu lên như thế?

Một cậu đáp: - Thế mà cũng phải hỏi. Tại bởi vì lúc ấy vua đọc đến câu:

Chọc trời khuấy nước mặc dầu

Dọc ngang nào biết trên đầu có ai.

Nhà vua cho thế là vô quân, vô phụ nên tức giận chứ sao?

Cậu kia nói: - Không phải! Từ Hải là giặc, chống lại triều đình, nói như thế là đúng. Từ Hải nói chứ có phải Nguyễn Du nói đâu mà đòi đánh Nguyễn Du?

Một cậu khác lại nói: - Thế thì vì câu này:

Một ngày lạ thói sai nha

Làm cho khốc hại chẳng qua vì tiền

Tôi nghe có người bảo rằng nguyên trước đó, Nguyễn Du viết là: “thối quan nha”. Tự Đức đọc lấy làm bất bình, vậy mà các bản Kiều in sau này đều phải chữa lại là “thối sai nha”.

Cậu học trò vẫn đứng đĩnh: - Cũng không phải. Cho rằng việc ấy có thật đi nữa, thì Nguyễn Du nói đến các quan chứ nói gì đến vua mà Tự Đức phải giận họ?

Một cậu ngồi bên cạnh giải đáp thêm:

- Thế thì có lẽ như thế này: Trong Kiều có câu:

Quá quan này khúc Chiêu quân

Nửa phần luyến chúa, nửa phần tư gia.

Tôi cũng nghe có người nói văn bản cũ, Nguyễn Du viết là “Nửa phần oán chúa”. Oán thì đúng hơn, vì Chiêu Quân lúc đi cống Hồ rất giận Hán Nguyên Đế. Tự Đức thấy lời văn nói thẳng vào việc oán vua nên khó chịu, bắt phải sửa lại. Có phải không?

- Cũng không phải. Đó là câu chuyện Chiêu Quân với vua Hán, can dự gì đến Tự Đức?

Nói thế nào cũng bị chê sai, cả bọn bực mình: - Thôi thế thì chúng tôi đành chịu. Để phần anh trả lời lấy. Nếu anh nói không xong thì chúng ta sẽ nọc anh ra, đánh cho ba chục!

Anh kia ung dung trả lời: - Là vì trong suốt cả Truyện Kiều, hề khi nào Nguyễn Du nói thẳng đến Tự Đức là chỉ có chê bai, chứ không nương nhẹ một chút nào cả.

- Tâm bậy! Truyện Kiều là truyện cô Kiều, làm gì mà có chuyện nói thẳng tên Tự Đức?
- Ấy thế mà có đấy!
- Đâu? Đâu? Anh nói xem.
- Hăng thong thả, thế các anh biết tên Tự Đức là gì không? Tên tục ấy?
- Tên là Hồng Nhậm chứ gì!
- Không phải tên chữ, tên cúng cơm kia!
- Tên là Thì. Mỗi lần ta đi thi, làm văn viết đến chữ thì phải kiêng húy, vì đó là tên vua.

Anh học trò kia gật đầu: - Đúng đấy! Tên Tự Đức là Thì. Trong quyển Kiều hễ khi nào Nguyễn Du nhắc đến chữ thì, là đều nói bằng giọng khinh bỉ, hõn xược. Có thể nói là rất nhiều là đằng khác nữa. Này nhé, lúc thì Nguyễn Du bị báng:

2375. Tha ra Thì cũng may đời,

Làm ra Thì: cũng con người nhỏ nhen.

nói Tự Đức là phường buôn phấn bán hương:

2141. Xem người định giá vừa rồi,

Mỗi hàng một đã ra mùi, Thì buông.

lúc nói Tự Đức lừa đảo, lúc lại rửa Tự Đức là quân lộn chồng:

2291. Khi Vô Tích, khi Lâm Tri,

Nơi Thì lừa đảo, nơi Thì ai thương?

1729. Con này chẳng phải thiện nhân,

Chẳng phường trốn chúa Thì: quân lộn chồng.

Tai hại hơn nữa, là có lúc cho Tự Đức là phường Sở Khanh:

1157. Thôi đà mắc lận Thì - thôi!

Đi đâu chẳng biết con người Sở Khanh?

Cho Tự Đức đi nhà thổ:

0927. Bên Thì - mấy ả mày ngài,

Bên Thì - ngồi bốn năm người làng chơi.

Lại bắt TỰ ĐỨC thờ thần Bạch Mi nữa:

0929. Giữa (nhà) Thì - hương án hắt hoi,

Trên treo một tượng trắng đôi lông mày.

0931. Lầu xanh quen lối xưa nay,

Nghề này Thì - lấy ông này tiên sư.

Lại còn rửa TỰ ĐỨC chết nữa chứ:

0663. Một lần, sau trước cũng là,

Thôi Thì mặt khuất chẳng thà lòng đau!

cho TỰ ĐỨC chết đi còn hơn là bực mình! vân vân và vân vân ...

Toàn một giọng chê anh Thì kém cõi, không ai cầu, không ai thiết. Thì là hạng người nhỏ nhen, may đời mà được thiên hạ ngợ đi cho. Rồi phường Sở Khanh, bắt đi nhà thổ lại rửa cho chết nữa chứ. Thế đấy! Trách gì mà TỰ ĐỨC nghe đến chẳng phải lộn gan, lộn ruột!

Mấy cậu nghe giải thích, cười vang cả lên. Có anh ôm bụng cười lăn cả ra phản.

10 - CHỮ TRINH ĐÁNG GIÁ...

Nghe nói Chu Mạnh trinh thi đỗ tiến sĩ, rất tự đắc về văn tài của mình. Họ Chu vốn mê Kiều. Hôm văn thân hàng huyện hàng tỉnh gì đó làm tiệc mời, Chu từ chối không uống rượu, giao hẹn rằng nếu có ai đọc được một câu Kiều hàm ý Chu Mạnh Trinh là bậc tài năng, xứng đáng thủ khoa thì Chu sẽ nâng chén và tặng thêm một lạng vàng.

Chờ mãi, không có ai lên tiếng. Bỗng có một cô đào rón rén đứng lên, xin hãm:

Chữ Trinh đáng giá lạng vàng

Thì treo giải nhất chi nhường cho ai!

Nghĩ đời mà ngán cho đời

Tài tình chi lắm cho trời đất ghen!

Chu Mạnh Trinh phải chịu tài, uống cạn chén rượu và thưởng lạng vàng cho cô kia. Bước ra khỏi tiệc rượu, cô gái bảo người bên cạnh: - Chẳng rõ quan nghề có hiểu không. Chữ Trinh người ta đáng giá nghìn vàng, chứ quan nghề thì chỉ có một lạng thôi. Ấy là tôi còn giữ miệng, chứ đáng lẽ thì câu sau cùng phải ngâm là:

Tài tình chi lắm cho người ghét ghen!

Từ đó, họ Chu cũng bớt ngông nghênh hơn trước.

(Trích Kho tàng giai thoại VN)

10. TẬP KIỀU PHÊ ÁN PHÁN QUYẾT PHÂN MINH

Hai Hót là một nhân vật nổi tiếng đẹp trai và có tài ăn nói ở Huế, dưới triều vua Thành Thái. Người ta gọi tên gã như thế nên lâu dần mọi người đâm quen, không nhớ được đích xác tên cha sanh mẹ đẻ của gã là gì. Nhờ có bộ mặt dễ coi, lại nói năng duyên dáng nên Hai Hót được rất nhiều bà, cô mê mọt.

Một lần, Hai Hót lượn lờ ở chợ Bao Vinh, gã “nhót” được một chị lái đò xinh xắn chuyên nghề bán hột vịt lộn trên sông. Chị này mê mọt Hai Hót, đã mời gã xuống đò để ăn trứng vịt lộn và còn cho gã biết rằng chồng mình đi vắng đến chiều tối mới về. Anh chị yên tâm hủ hí với nhau, không ngờ mới nửa buổi chiều, anh lái đò chồng chị ta đã về. Bắt được quả tang Hai Hót thông gian với vợ mình, anh lái đò tức giận lắm. Sẵn cái cọc chèo trong tay, anh ta quật cho Hai Hót một cái khiến hấn vỡ đầu chết tươi, rồi quay sang cho vợ một trận thừa sống thiếu chết. Chị vợ kêu khóc âm ỉ khiến cho bọn lý dịch đang ngồi uống rượu trên bờ chạy xuống. Anh lái đò nói rõ ngay lý do vì sao có cuộc hành hung. Nhưng đám lý dịch vẫn trối cổ anh ta và phi báo lên huyện để quan về tra xét.

Tri huyện Hương Trà đã xem xét, lập biên bản và cho chôn cất nạn nhân. Đồng thời ra lệnh bắt anh lái đò về giam ở huyện. Quan huyện kết án này 15 năm khổ sai rồi trình tiếp lên quan tỉnh Thừa Thiên. Quan tỉnh Thừa Thiên giảm án xuống mười năm nhưng lên bộ Hình, án lại được giảm xuống chỉ còn năm năm. Cuối cùng bản án được tâu lên vua Thành Thái.

Sau khi xem hồ sơ, Thành Thái nhận thấy cả về tình lẫn về lý, anh lái đò đáng được tha. Thế rồi, đích thân nhà vua cầm bút phê như thế này

Hại một người cứu muôn người

Anh hùng đoán giữa trần ai mới già

Mệnh trời mà cũng quyền ta

Thấu tình đạt lý ta tha cho về

11 - VỊNH KIỀU ĐƯỢC THA

Một ông đồ nọ bị Tổng đốc Từ Đạm bắt giam về một tội quốc sự. Trong ngục, ông không hề sợ hãi cứ rung đùi ngâm Kiều cả ngày cho mãi đến canh khuya. Lính canh sốt ruột quát mắng nhưng ông bướng bỉnh cãi lại:

- “Các người giam ta chớ có giam mồm ta đâu”.

Sốt ruột bọn lính bẩm lên quan. Quan cho gọi lên hỏi:

- “Anh giỏi Kiều thế kia à? Nếu vậy, hãy vịnh ngay một bài Kiều xem. Mà phải thật hay thì ta sẽ tha. Nếu không thì đừng có trách”.

Thầy đồ nghĩ một lát rồi ngâm:

Đóng kín phòng xuân luống đợi chờ

Mà em mất nét tự bao giờ

Chàng Kim ngơ ngẩn vì mê gái

Viên Ngoại chiều con chết ngất ngơ

Duyên trước hẹn cùng con dĩ ĐẠM

Tình xưa nay gặp bố cu TỪ

Mười lăm năm ấy bao sung sướng

Còn trách làm chi đứa bán tơ.

Trong bài thơ ở câu 5, con dĩ ĐẠM là chỉ ĐẠM TIÊN; câu 6 “bố cu TỪ” là chỉ TỪ HẢI, nhưng đồng thời ghép lại là chỉ TỪ ĐẠM, tên của viên quan gian ác trên và đồng thời vạch mặt y làm quan cho Pháp cũng như con dĩ làm tiên. Biết ngay ông đồ xỏ mình, Từ Đạm tím mặt nhưng đành phải thực hiện lời hứa tha cho ông đồ. Bối những chỗ ngoắt ngoéo đó ra thì chỉ thêm bẽ mặt mà thôi.

12. THƠ VỊNH KIỀU CHỬI TỪ ĐẠM

Nghe Từ Đạm nổi tiếng về ăn của đút và nịnh Tây, được chủ nhắc lên đến Tổng đốc. Hồi còn làm Án sát Ninh Bình, Từ Đạm có bắt giam một người học trò can án quốc sự. Nằm trong ngục, anh học trò cứ ngâm Kiều sang sảng. Bọn cai ngục quát tháo, bắt im lặng, anh thản nhiên nói:

Cùm tay, khóa chân rồi mà còn sợ cái mồm tao à?

Anh tiếp tục ngâm Kiều sang sảng. Bọn lính sợ quan quở, bèn lên trình rõ đầu đuôi. Từ Đạm liền cho gọi người học trò lên, bảo:

Anh sính Kiều lắm hử? Vậy thì hãy làm bài thơ “vịnh Kiều” xem!

Người học trò ngẫm nghĩ một lúc, rồi đọc:

“Khóa cửa buồng xuân để đợi chờ

Mà em mất nét tự bao giờ

Chàng Kim mê gái công đeo đẳng,

Viên ngoại chiều con chết ngất ngơ

Nợ trước hẹn hò con dĩ Đạm

Duyên sau gặp gỡ bố cú Từ

Mười lăm năm ấy bao nhiêu sương

Còn trách làm chi đứa bán tơ!”

Từ Đạm tím mặt, quát:

- Dắt hẳn xuống, cùm nghiền lại!

Vào ngục, người học trò lại tiếp tục ngâm Kiều.

IV. TRUYỆN KIỀU VỚI NGƯỜI BÌNH DÂN

13 - HÉ GƯƠNG

Một o hàng vải xứ Nghệ - chắc chắn là tay cù trong đám hát phường vải, một hôm mang hàng đi thuyền xuống tỉnh bán. Thuyền chật, người đông, nhất là trong khoang, chỗ sang trọng nhất thì đã bị dẫm bẩy thầy đồ, ý chừng cũng xuôi tỉnh thi cử gì đấy chiếm mất. O hàng vải không có chỗ ngồi nhưng không chịu lép, leo ngay lên mũi thuyền ngồi. Chẳng biết o ta có nghĩ ngồi như vậy là ngồi trên đầu các thầy nho không. Một lúc lâu cô ả muốn tụt xuống, không ngờ tà váy bị gió thổi, mắc vào một đầu sào gác dọc mũi thuyền. Hai chân đã xuống sàn mà tà váy cứ bị níu lại ở trên, cô loay hoay mãi mới gỡ ra được. Nhưng dù sao, một thầy đồ ngồi trong khoang cũng đã trông thấy rõ cả rồi. Thầy lấy giọng ngâm lên một câu “Kiều lấy”:

“Rõ ràng trong ngọc, trắng ngà

Sẵn đây, ta đúc một tòa thiên nhiên”

Thầy nhấn mạnh hai tiếng “Rõ ràng” và thay bốn chữ “Dày dày sẵn đúc” trong câu Kiều bằng chữ “Sẵn đây, ta đúc” như muốn nói: “trông thấy rõ ràng trước mắt, sẵn đây ta đúc...”

Có ngờ đâu, o hàng vải đã ngồi xuống đàng hoàng ở đàng lái, khoan thai sửa lại vành khăn rồi cũng lên giọng trong trẻo “lấy” lại một câu rằng:

“Mười lăm năm mới một lần

Hé gương cho khách hồng trần thử coi”

Cô cũng nhấn mạnh hai tiếng mới một lần, và thay bốn chữ trong hai câu Kiều lấy như sau:

- “bấy nhiêu lần” thành “mới một lần”

- “Làm gương” thành “Hé gương”

- và “cho khách hồng quần” thành “cho khách hồng trần”

Như ý cô muốn trả lời: Mười lăm năm nay em mới có một lần hé gương cho khách hồng trần thử soi. (tức là các ông - khách hồng quần là chỉ phụ nữ). Thầy đồ nọ hiểu được ý cô, đau điếng người nhưng vẫn phải phục lăn vì cô đã tài tình giúp vui vào trận cười thích thú của hành khách.

(Theo Văn thơ Phan Bội Châu)

14 - VẢ... BÂY GIỜ

Ở vùng nọ có một cô gái đẹp lại có tài ăn nói, mở một quán nước bên đường để kén chồng. Các cậu công, anh đồ nghe tin kéo đến rất đông... Chàng nào cũng hăm hở tưởng mười mười là chiếm được người đẹp. Nhưng khi đến hăm hở chừng nào thì khi ra về lại tiu nghỉu chừng ấy, vì chưa có ai địch lại được mồm mép chua ngoa đả đố của cô gái.

Nhưng rồi vỏ quít dày đã có móng tay nhọn.

Một hôm, có một nho sinh nọ, chẳng biết là định “đánh đường tìm hoa” hay là tình cờ qua đường vào quán nghỉ chân. Cô gái quen như mọi bận, lại giở cái giọng “đàn chị” ra để trêu chọc, nhưng thò ra câu nào đều bị anh chàng đập lại chan chát, thành ra cô ta có phần nao núng. Cuối cùng cô ta bèn đọc một câu:

Khen cho con... mắt tinh đời

Anh hùng đoán giữa trần ai mới già.

Khi đọc cô nhấn mạnh ba tiếng “Khen cho con” nghỉ một tí rồi mới đọc nốt ba tiếng sau thành câu thơ có nghĩa: “Bà khen cho con đây”. Nho sinh vốn là một thanh niên nhanh trí thấy cô gái có ý xỏ xiên liền “tương kế tựu kế” đọc ngay một câu kiêu:

Vả bây giờ... mới thấy đây

Mà lòng đã chắc những ngày một hai.

Anh dẫn mạnh ba tiếng “Vả bây giờ” để đối lại ý nói: anh vả cho bây giờ, thì cô gái vốn tinh tế nhận thấy ngay vừa phục vừa then, mặt đỏ au lên, chỉ ngồi lặng thính mân mê tà áo, chẳng biết trả lời ra sao nữa.

(Theo Chuyện giải buồn)

15 - LẤY KIỀU MÁCH NƯỚC CỜ

Ông T. ở thành Nam nổi tiếng cao cờ và hay Kiều. Em trai ông cũng là tay cừ trong làng cờ tướng và cũng sành Kiều.

Nhân dịp Tết, ti thí với một khách tỉnh xa, cờ ông em lâm vào thế bí. Ông T. thấy vậy, liền rút một điều thuốc lào, rồi khe khẽ lấy một câu Kiều:

“Nẻo xa mới tỏ mặt người...”

ông em nhớ ngay câu dưới “Khách đà...” hiểu ra là ông anh gà nước cho mình, bèn ung dung lùi con “mã ba” về ôm chân tướng. Thế cờ trở lại cân bằng.

Lát sau, cờ lại lâm vào thế nguy, có cơ thua đến nơi, ông em đang lúng túng thì đã nghe ông anh lấy Kiều:

“Bóng chiều như giục cơn buồn...”

Ông em bỗng sáng ra, lập tức nhảy “ngựa bảy” lên, vì biết câu Kiều tiếp theo là “Khách đà, lên ngựa...”. Thế cờ lại vững.

Khách là một tay cờ cừ khôi, chỉ một lúc sau đã tạo được một thế cờ, lừa bắt sống con “xe” mà đối phương không thể ngờ tới và nếu biết cũng không giữ nổi.

Thấy ông em dấm dúi con “tốt”, ông T. đâm hoảng vội vàng vớ cái điều, châm lửa kéo một hơi dài, phả khói mù mịt rồi đồng dục ngâm:

“Đùng đùng gió giục mây vần...”

Ông em bỗng lạnh xương sống, song vẫn làm bộ bình tĩnh cầm lại “con tốt” nhắm nhứ, rồi buông ra, đoạn cắp con xe đi xuống sáu nước... ông khách phục lẫn đối thủ, nhưng không hề hay rằng câu Kiều tiếp theo là “Một xe trong cõi hồng trần như bay”.

Kết cục, ván cờ ấy hòa.

(Trần Văn Khuê kể - Báo Thiếu niên Tiền phong).

16 - TRÍCH CHUYỆN TRẠNG... KIỀU....

THÚY KIỀU CON AI?

- Thúy Kiều là con của Vương Viên ngoại, ai còn lạ gì?

- Không phải, không phải. Thúy Kiều là con của... khái (Khái tức là HỒ, tiếng địa phương Nghệ Tĩnh), “Hồ sinh ra phận thơ đào”, có phải nàng đã nói thế không?

THÚY KIỀU QUÊ Ở ĐÂU?

- Không phải quê Bắc Kinh! Nàng quê ở Nam Đàn nhà ta đó. Chả là.... có hôm, nàng gánh tương đi bán, nửa đường đứt quai bẻ vò, nàng lo ngay ngáy vì sợ mẹ mắng. Cụ Nguyễn Du đã kể lại: “Nửa đường, đứt gánh tương.... tư”. Gánh tương đi bán thì đích thị là gái Nam Đàn rồi. “Nhút Thanh Chương, tương Nam Đàn” ấy mà. Đứt gánh, đổ hết tương, tất phải tư, tư là lo, chẳng phải lo mẹ mắng

là gì?

- Gánh tương đi bán thì chắc chắn là làm tương chứ gì.

- Không phải, tương là do mẹ nàng làm, nàng chỉ đi bán hộ, nên đứt gánh mới lo. Lúc đó nàng còn nhỏ tuổi. Lớn lên, suốt mười lăm năm giang hồ, nhiều lúc nàng làm nghề tráng gương để kiếm ăn. Nghe đây này: “Mười lăm năm bấy nhiêu lần, làm gương.... (bán)... cho khách hồng quần để soi”.

THÚY KIỀU SÚT RĂNG

- Nhan sắc Thúy Kiều như cụ Tiên Điền tả, thì không chê vào đâu được.

- Có đấy. Cụ cũng tả nàng... sút răng, có điều là cụ cao tay, nên nói kín, ít ai hay. Này nhé: “Hở môi ra những thẹn thùng”, không sút răng thì “sao hở môi ra lại phải thẹn”?

THÚY KIỀU CƯỜI.

- Kiều là người nghiêm trang, lại mắc vòng oan nghiệt, chỉ có khóc. Thế mà một lần nàng cười, mà lại cười to, quên cả... sút răng. Ấy là lúc Từ Hải rước nàng về làm vợ. Gặp nhau hai người đều sung sướng, “Cùng nhau trông mặt cả cười”.

KIM TRỌNG LÀ THẦY ĐỒ GIÀ

- Thúy Kiều, Kim Trọng thật là đẹp đôi!

- Đẹp gì! Một bên là con nít, “xấp xỉ tới tuần cập kê”, nghĩa là mới chớm đến mười sáu tuổi, một bên là lão đồ già! Anh ta là thầy đồ dạy trẻ học phóng: “Sau chân theo một vài thằng con con”, và “tuyệt sương nhuộm nửa mái đầu hoa râm”, ít ra cũng đến ngũ, lục tuần.

TỪ HẢI LÀ ANH LÁI ĐÒ

- Từ Hải thì làm gì mà anh hùng. Anh hùng là anh Từ nào đó: “Rằng Từ là đáng anh hùng”, còn Từ Hải chỉ là anh lái đò, “non sông một chèo”. Chả là anh ta “Giang hồ quen thú vẫy vùng”, “bể Sở, sông Ngô tung hoành” nên một hôm bị... cá mập cắn cụt mất một tay, chỉ còn lại “Một tay xây dựng cơ đồ” mà thôi.

(Theo Thái Kim Đỉnh)

V. GIAI THOẠI KIỀU CÒN TIẾP TỤC

Dù đã tới con số hàng trăm, nhưng những giai thoại về Truyện Kiều vẫn tiếp tục ra đời khi nhân dân ta còn say mê tác phẩm bất hủ này. Để làm dẫn chứng, chúng tôi xin giới thiệu hai giai thoại mới nhất trên tạp chí Nhân Dân hằng tháng năm 2004.

17. GIAI THOẠI KÉN RÊ QUA ĐÓ KIỀU

CÔNG VIÊN

Ông bà Vương đã dấn lặn về Hương Tích mới cầu tự được một mụn con, lại là con gái. Ông bà liền “bán khoán” cho Thần. Đến năm mười ba tuổi mới chuộc về, đặt tên cho nó là Sương Nguyệt. Sương Nguyệt có vẻ đẹp trời phú như chiều sương lãng đãng, như trăng rằm đêm thu...

Ông Vương có thú chơi về văn chương. Những chuyện Đông Tây ông chẳng có màng, chỉ chú tâm vào văn cảnh trong Truyện Kiều. Với Truyện Kiều, ông thuộc “môn phái” dân dã, hay áp dụng vào cảnh người, vào vật quanh xóm quanh làng, quanh hương đồng gió nội chứ không uyên thâm như các bậc cao danh. Ông cũng muốn tìm một chàng rể hay Kiều để cho con đàm đạo...

Làng bên có một chàng trai cũng muốn gần nàng Sương Nguyệt nên thường tha thân với đám thợ cày cày học lấy ví von, học cách lấy Kiều. Vài năm sau, xem chừng kiến thức đã tầm tàm, anh mới xin ông Vương cho anh được cấp tráp theo hầu...

Ông Vương gọi thêm mấy người bạn tới làm giám khảo. Ban giám khảo đưa ra năm câu đố. Trả lời lưu loát, mỗi câu được 10 điểm. Dưới 45 điểm coi như vớt. Thiếu một điểm phải chờ một năm mới được làm lễ “Châu Trần” với nàng Sương Nguyệt.

Ba câu đầu áp vào công việc của anh này đi cày. Ông truyền cho anh dắt trâu ra ruộng, mắc cày vào. Cày được dăm chục sá, ông bảo: “Nghỉ tay. Lên bờ uống nước!”. Anh ta “vâng ạ” rồi đọc câu: “... Đội trời đạp đất ở đời/ Họ... Từ tên Hải vốn người Việt Đông!”. Anh đọc rất to và rất ngân chữ “Họ”. Con trâu lập tức đứng lại. Ban giám khảo vỗ tay rần rần, cho anh 10 điểm.

Uống nước xong, ông Vương bảo anh xuống cày tiếp. Anh lững thững xuống ruộng, vừa cầm cày vừa đọc: “Nàng rằng phận gái chữ tòng / Chàng đi... thiệp cũng một lòng xin đi...!”. Anh đọc như quát vào hai chữ “đi”. Con trâu dậm chân, giật chảo đánh phụt rồi đi băng băng. Ban giám khảo đưa mắt cho nhau, ý chừng cho anh 10 điểm...

Khi quay trở lại, anh cố tìm cho trâu đi ra. Ông bảo: “Sao lại cày xuống rãnh thế kia?”. Anh lấy luôn câu Kiều: “Chúng bay chớ có coi thường / Tú Bà vất... nóc lên giường... chết ngay!”. Nghe tiếng “vất”, con trâu nhớ ngay bài học vỡ lòng mà nó vục nó khi xưa đã dạy: “Rợ kéo mũi ra là phải bước ra / Rợ vất vào da là phải bước vào!”. Lập tức con trâu bước vào. Sá cày lại thẳng tắp. Nhưng anh đã “phạm húy” ở hai từ “chúng bay”. Vì “chúng bay” ở đây là những ai? Nói lập lờ như vậy, bị trừ hai điểm!

Ông Vương làm mâm cơm mời ban giám khảo vào cho anh ngồi hầu. Rượu ngà ngà, một ông trong ban giám khảo hỏi:

- Bác Vương ơi! Vì sao cháu Sương Nguyệt phải “bán khoán” cho Thần, bác nhỉ?

- Dạ! Vì cháu là con nhà Thánh ạ!

Ông này chộp ngay được ý ấy của ông Vương, liền đặt câu hỏi cho thí sinh của mình. Ông nói: “Anh cho biết, ai sinh ra Thúy Kiều?”. Anh ta đã định trả lời là bà viên ngoại. Nhưng vừa nghe ông Vương nói Sương Nguyệt là con nhà Thánh, anh bật ra một ý trong đầu, khúm núm thưa:

- Dạ! Dạ dạ. Thưa ban giám khảo, con hồ nó sinh ra Thúy Kiều ạ!

- Dẫn chứng?

- Dạ! Vì Thúy Kiều từ giã quê hương, nàng thưa với Vương rằng: “Hồ... sinh ra phận thơ đào / Công cha nghĩa mẹ kiếp nào trả xong” ạ!

Ban giám khảo cười ngật ngưỡng, cho anh 10 điểm.

Cơm rượu xong, ban giám khảo ngồi khoanh tròn trong chiếu đàm đạo chuyện nhà, chuyện nước. Một ông bảo: “Càng ngẫm chiến lược ba mũi giáp công hồi ta đánh Mỹ càng thấy thâm!” Ông khác hỏi: “Ba mũi ấy là những mũi nào?”. “Là đấu tranh bằng quân sự, bằng chính trị và ngoại giao”. Ông Vương liền đưa ra một “chùy” có tính quyết định với chàng rể tương lai của mình. Ông hỏi:

- Anh cho biết, trong Kiều có câu: “Ba quân chỉ ngọn cờ đào / Đạo ra Vô Tích, đạo vào Lâm Tri”. Vậy còn đạo nữa đi đâu?

Chà chà, câu này mới thật hóc búa đây! Anh ta cắn chặt môi. Bỗng một ý mơ hồ thoáng qua đầu anh, anh “chộp” ngay được, tùm tùm cười. Thôi thì, “một liều ba bảy cũng liều”. Anh thưa:

- Dạ! Dạ dạ, còn một đạo phải ở nhà bảo vệ doanh trại ạ!

Thế là tất cả mọi người trong ban giám khảo cùng đứng lên hướng về thí sinh của mình: “Hay! Hay hay! Đọc Kiều thế mới là biết đọc!”...

(Báo Nhân Dân Hằng Tháng số Xuân Giáp Thân, 2004)

18. GIAI THOẠI LẤY KIỀU

CÔNG VIÊN

Gần đây tôi có anh bạn mới về hưu. Hồi niên thiếu, hai đứa cùng thả trâu, hun chuột. Lớn lên cùng vào Đại học rồi cùng đi dạy. Tôi dạy toán ở một trường cấp ba, anh dạy văn ở Trường Đại học Sư phạm Hà Nội và là một người uyên thâm về Truyện Kiều. Anh rủ tôi vào nhóm “Văn Kiều” của làng. Nể anh là người dạy văn trong “lò đúc văn”, tôi đành chép miệng đi theo. Tháng giêng vừa rồi, sau khi cùng anh đi dự “Ngày thơ Việt Nam”, chúng tôi ghé qua nhóm “Văn Kiều”. Hôm ấy, họ làm hai cái cổng. Ai trả lời được các câu hỏi của họ sẽ được qua cổng chính có đề dòng chữ “Nhóm Văn Kiều” và được ngồi ghế. Ai không trả lời được sẽ phải qua cổng sau và phải đứng. Họ hỏi tôi ba câu:

1) Xin bác cho biết, cái đêm Kiều đánh đàn cho Kim Trọng nghe, đàn ấy có mấy loại dây?

Hỏi thế mà cũng hỏi! Tôi nhắm mắt đọc luôn “Bốn dây to nhỏ theo vắn cũng thương”. Dè đâu, người “giám khảo” bảo:

- Bác trả lời lạc đề rồi. Ở đây người ta hỏi đàn có mấy loại dây, bác lại trả lời có mấy cái dây. Thật đúng là: “Nọ Lâm Thanh với Lâm Tri / Khác nhau một chữ” mà Kiều phải lưu lạc mười lăm năm trời! Còn với bác, là một nhà giáo, bác nghĩ gì về một bài văn lạc đề?

Tôi đổ mặt tía tai vì thẹn và hỏi: - Vậy anh bảo có mấy loại dây?

- Chỉ có hai loại. Một loại dùng diễn tả những khúc hùng tráng như khi Hán, Sở vào trận với “Tiếng sắt tiếng vàng chen nhau” hoặc khi tiếng đàn “sầm sập như trời đổ mưa” thì dùng “dây vĩ”. Còn loại dùng để diễn tả nước chảy, mây trôi hoặc khi có tiếng hạc bay qua, mỏng tang tiếng gió thì dùng “dây vĩ”. Đáng ra, bác phải đọc câu: “So dần dây vĩ dây vĩ” thì lại đọc: “Bốn dây to nhỏ...”.

Tôi còn đang mừng tượng lại các khúc “xuất thần” của Thúy Kiều thì người giám khảo hỏi tiếp:

2) Xin bác cho biết, ai trông thấy Tú Bà về Bắc Kinh mua Kiều?

Làm quái gì có chuyện ấy, tôi trả lời luôn:

- Tú Bà không hề có mặt ở Bắc Kinh. Chỉ có Mã Giám Sinh về Bắc Kinh mua Kiều mà thôi.

- Vâng. Thế cái anh họ Đô đã thưa với Kim Trọng rằng: “Tú Bà cùng Mã Giám Sinh / Đi mua Kiều ở Bắc Kinh đưa về” thì sao?

À. Ra vậy. Chắc anh nha lại này trông gà hóa cuốc chăng?

3) Xin bác trả lời cho ý cuối cùng: Câu nào trong Truyện Kiều chứng tỏ Kiều không cần đến ô-xy mà vẫn sống được hằng tháng trời?

- Điều đó thì quá ngược đời. Đã là động vật, đến con giun con dế không có ô-xy cũng chết, nữa là...

- Vâng. Vậy khi Hoạn Thư cho Kiều ra ở Quan Âm các, cụ Tiên Điền có câu: “Những là ngậm thở nuốt than” thì sao? “Ngậm thở” thì ô-xy đâu?

Chà chà! Đến đây tôi mới ngẩn tò te. Thì ra, họ hiểu Truyện Kiều sâu hơn mình rất nhiều. Tôi thầm nghĩ, đây là một “môn phái” thượng thức Truyện Kiều theo tầm suy nghĩ của những người ở chốn thôn quê với lũy tre xanh, với cây đa bến nước. Qua đó chứng tỏ họ rất say mê Truyện Kiều. Sự say mê ấy đã cuốn hút tôi và bao người khác trong làng. Qua vài lần kiểm tra như vậy và được anh bạn giảng giải cho nghe về sự thần diệu của Truyện Kiều, tôi đã được “kết nạp” vào “Nhóm Văn Kiều” ấy. Chúng tôi đã cùng nhau giảng giải cho con cháu trong làng nghe về sự khúc chiết của Truyện Kiều và cùng nhau tập Kiều, lấy Kiều, đố Kiều và đọc ngược Truyện Kiều để chống lại sự lão hóa của chúng tôi khi bóng ngả, xế chiều...

(Trích báo Nhân Dân hằng tháng số 90, tháng 10-2004)

CHƯƠNG VII. TRUYỆN THƠ CÓ SỐ SÁCH VIẾT VỀ NÓ NHIỀU NHẤT VIỆT NAM

Thi phẩm có sách viết riêng về nó nhiều nhất Việt Nam với hàng trăm cuốn như thống kê sau đây:

A. Về văn bản Truyện Kiều các loại tới năm 1965 đã có tới 23 lần xuất bản bằng chữ Nôm và 71 lần xuất bản bằng chữ Quốc ngữ với các bản Kiều có chú thích, dẫn giải của các học giả như Nguyễn Văn Vĩnh, Bùi Khánh Diễm, Bùi Kỷ - Trần Trọng Kim, Tản Đà đến Lê Văn Hòe, Đào Duy Anh... Từ năm 1965 đến nay đặc biệt là những năm cuối thế kỷ 20 thì số bản in Truyện Kiều của các nhà xuất bản khác khó mà thống kê nổi, nhiều bản Kiều nôm cũ cũng như mới tìm thấy đã được in lại.

B. Các bản dịch Truyện Kiều ra tiếng nước ngoài cũng nhiều nhưng bản dịch ra tiếng Pháp là phong phú hơn cả. Hiện đã có tới 10 bản dịch khác nhau ra tiếng Pháp (Xem trang XXX), dịch toàn bộ 3254 câu Kiều ra văn xuôi hoặc thơ - thơ tự do (En vers libres) hoặc thơ 12 chân (En alexandrins).

C. Nhưng ngoài các văn bản Truyện Kiều (chữ nôm, chữ quốc ngữ và các bản dịch ra ngoại ngữ) kể trên, sách quốc ngữ trong thế kỷ 20 viết riêng về Nguyễn Du và Truyện Kiều đã có trên một trăm cuốn và sang đầu thế kỷ này chỉ trong 4 năm qua đã có thêm 18 quyển nữa được xuất bản (Danh mục ở dưới). Như vậy chúng ta thấy quả là trên văn đàn Việt Nam thế kỷ 20, Truyện Kiều có một vị trí cực kỳ đặc biệt: Thi treo giải nhất chỉ nhường cho ai!

Xin bước đầu liệt kê như sau:

- 1* Bạch Diễm * Kiều Tân Thời - Nhà in Trung Bắc Hà Nội 1935
- 2* Bình Nam Nguyễn Đăng Cư * Kiều vận tập thành, Sách dạy tập Kiều - Trung Hưng Thư Quán Huế 1932
- 3* Bùi Văn Nguyên * Nguyễn Du người tình và Nguyễn Du tình người – NXB Khoa Học Xã Hội và NXB Mũi Cà Mau, 1992
- 4* Chu Trọng Huyền * Nơi Nguyễn Du viết Truyện Kiều – NXB Khoa Học Xã Hội 1991
- 5* Cordier * Kim Vân Kiều trò - Quảng Thịnh Đường Hà Nội 1914
- 6* Doãn Quốc Sỹ, Việt Tử * Khảo Luận về Đoạn Trường Tân Thanh - do Nam Sơn Sài Gòn xuất bản 1960
- 7* Đàm Quang Thiện * Ý niệm bạc mệnh trong đời Thúy Kiều - Nam Chi Sài Gòn xuất bản 1965
- 8* Đào Duy Anh * Khảo Luận về Kim Vân Kiều - do Quan Hải Tùng Thư Huế xuất bản 1943 (TB 1958: Khảo Luận về “Truyện Thúy Kiều”).

- 9* Đào Duy Anh * Từ điển Truyện Kiều – NXB KH Xã Hội, Hà Nội 1974
- 10* Đặng Thanh Lê * Giảng văn Truyện Kiều - NXB Giáo Dục 1999
- 11* Đặng Thanh Lê * Truyện Kiều và thể loại truyện Nôm – NXB Khoa Học Xã Hội 1979.
- 12* Đỗ Minh Tuấn * Nghệ thuật trữ tình của Nguyễn Du trong Truyện Kiều - NXB Văn Hoá Thông Tin, 1995.
- 13* Đỗ Đức Dục * Về chủ nghĩa hiện thực thời đại Nguyễn Du - NXB Văn Học, 1989.
- 14* Hà Đạm Hiên * Đào Hoa Mộng Ký diễn ca – Phạm Văn Phương phiên ra chữ quốc ngữ – Mạc Đình Tư xuất bản 1917
- 15* Hà Thanh Mai * Khảo Luận Kim Vân Kiều - Tác giả tự xuất bản Sài Gòn 1957
- 16* Hoài Hương * Truyện Kiều những lời bình – NXB VH Thông Tin 2000
- 17* Hoài Thanh * Quyền sống của con người trong Truyện Kiều của Nguyễn Du - Văn Hóa Việt Nam, Việt Bắc xuất bản 1949
- 18* Hùng Sơn Nguyễn Duy Ngung dịch * Kim Vân Kiều, Tiểu thuyết, Phan Bá Cẩn xuất bản lần đầu tiên 1925 - Tái bản: NXB Tân Dân 1928.
- 19* Huyền Mặc Đạo Nhân * Dẫn giải truyện Kim Vân Kiều, Tín Đức Sài Gòn 1930
- 20* Kiên Đạt * Luận đề về Nguyễn Du và Đoàn Trường Tân Thanh - Sài Gòn 1958
- 21* Lâm Quế Phong * Văn học trong nhà trường: Nguyễn Du – NXB Văn Nghệ Tp Hồ Chí Minh 1999
- 22* Lê Bảo * Nhà văn và tác phẩm trong nhà trường: Nguyễn Du – NXB Giáo Dục 1999
- 23* Lê Công Kiều * Tuồng cải lương Kim Vân Kiều - Lê Ngọc Thọ Hải Phòng xuất bản 1926
- 24* Lê Hữu Mục, Phạm Thị Nhung, Đặng Quốc Cơ * Truyện Kiều và tuổi trẻ – Paris, 1998
- 25* Lê Ngọc Trụ và Bửu Cầm * Thư mục về Nguyễn Du - Viện khảo cổ -Bộ Giáo dục Sài Gòn. 1965
- 26* Lê Đình Kỳ * Hiểu đúng đắn Truyện Kiều - Hội Văn nghệ Đồng Tháp 1986.
- 27* Lê Đình Kỳ * Truyện Kiều và chủ nghĩa hiện thực của Nguyễn Du – NXB Khoa Học Xã Hội 1970
- 28* Lê Đình Kỳ * Truyện Kiều trên đỉnh cao văn học- Sở Văn Hóa Thông Tin Cửu Long, 1989
- 29* Lê Thước, Phan Sĩ Bàng * Truyện cụ Nguyễn Du - Hà Nội 1924.
- 30* Lê Văn Hoè * Chữ nghĩa Truyện Kiều - Quốc Học Thư Xã Hà Nội 1953

- 31* Lê Xuân Mỹ * Khảo cứu Truyện Kiều - Ngọc Hưng Hà Nội xuất bản 1953
- 32* Lưu Trọng Lư * Nhật kí đọc Kiều - NXB Hội Nhà Văn 1995
- 33* Lý Văn Hùng * Kim Vân Kiều bình giảng - Gia Hoa Ấn Loát công ty, Chợ Lớn 1955
- 34* Mai Quốc Liên & Nguyễn Quang Tuân * Nguyễn Du toàn tập- NXB Văn Học Hà Nội 1966
- 35* Minh Văn và Xuân Tước * Luận đề về Đoạn Trường Tân Thanh –Khai Trí xuất bản 1961 (TB: Sống Mới Sài Gòn 1974)
- 36* Mộng Bình Sơn dịch * Tình sử Vương Thúy Kiều – NXB Văn Học 2000
- 37* Ngô Quốc Quỳnh * Tìm hiểu tâm sự Nguyễn Du qua Truyện Kiều - NXB Giáo Dục 1995
- 38* Ngô Việt Dinh * Đến với những chân dung Truyện Kiều, NXB Thanh Niên 1999
- 39* Ngụy Khắc Đản * Tuồng Kim Vân Kiều –do Trương Minh Ký phiên âm, Imp. et Librairie Nouvelles Claude et Cie Sài Gòn 1897 (TB: Khai Trí Sài Gòn 1969).
- 40* Nguyễn An * Trên đỉnh Trường Sơn kể Truyện Kiều – NXB Thanh Niên 1999
- 41* Nguyễn Bách Khoa * Nguyễn Du và Truyện Kiều - Báo Văn Mới Số Đặc Biệt 1942 (TB: NXB Thế giới 1953).
- 42* Nguyễn Bách Khoa * Văn chương Truyện Kiều - Báo Văn Mới Số Đặc Biệt 1945 (TB: NXB Thế Giới 1953).
- 43* Nguyễn Duy Diễm và Bằng Phong * Luận đề về Đoạn Trường Tân Thanh – Khai Trí Sài Gòn 1961
- 44* Nguyễn Duy Diễm * Luận đề về Đoạn Trường Tân Thanh - Sống Mới xuất bản 1974
- 45* Nguyễn Duy Thiệu * Đoạn Trường Tân Thanh, Tài liệu bình luận - NXB Văn học, 1994
- 46* Nguyễn Đăng Thục * Thế giới thi ca Nguyễn Du – Kinh Thi XB 1971
- 47* Nguyễn Đức Vân, Nguyễn Khắc Hanh dịch * Kim Vân Kiều Truyện, NXB Hải Phòng in năm 1994 (TB: NXB Đại Học Quốc Gia 2000)
- 48* Nguyễn Khoa * Khảo luận Đoạn Trường Tân Thanh - Nhà sách Khai Trí Sài Gòn 1960
- 49* Nguyễn Liên Phong * Án Thúy Kiều- Imp. de l'Opinion Sài Gòn 1907
- 50* Nguyễn Lộc * Nguyễn Du, con người và cuộc đời - NXB Đà Nẵng 1985 51* Nguyễn Quang Tuân * Chữ nghĩa Truyện Kiều – NXB Khoa Học Xã Hội, Hà Nội 1990
- 52* Nguyễn Quang Tuân * Chu Mạnh Trinh và Thanh Tâm Tài nhân thi tập - In tại Hải Phòng 1953.

- 53* Nguyễn Sĩ Tế * Luận đề về Nguyễn Du và Đoạn Trường Tân Thanh – NXB Thăng Long 1952 (TB: 1961)
- 54* Nguyễn Tấn Chiếu * Thơ phú án Kiều- Nhà in Thái Sơn Hà Nội 1934
- 55* Nguyễn Tấn Chiếu * Sách bói tập Kiều tiên nghiệm - Imp. Mỹ Thăng Nam Định 1937
- 56* Nguyễn Thạch Giang * Niên biểu Nguyễn Du. Thơ quốc âm Nguyễn Du - NXB Giáo Dục 1996
- 57* Nguyễn Thúc Khiêm * Kiều cải lương- Hà Nội 1928.
- 58* Nguyễn Tử Quang * Điển tích Truyện Kiều - NXB Đồng Tháp 1998.
- 59* Nguyễn Văn Trinh * Kiều Bình Dân Học Vụ – Sở Giáo Dục Hà Nội 1985
- 60* Nguyễn Văn Trung * Vụ án Truyện Kiều - Viện Đại học Đà Lạt ấn hành, 1972
- 61* Nguyễn Văn Y * Thơ vịnh Kiều - Lạc Việt Sài Gòn xuất bản 1973
- 62* Nhất Hạnh * Kiều và văn nghệ đứt ruột - Lá Bối (Hoa Kỳ) xuất bản, 1995
- 63* Nhất Hạnh * Thả một bè lau, Truyện Kiều dưới cái nhìn thiền quán - Lá Bối (Hoa Kỳ) xuất bản, 1995
- 64* Nhiều tác giả * Kỷ niệm 200 năm sinh Nguyễn Du - NXB Khoa Học Hà Nội 1966
- 65* Nhiều tác giả * Chân dung Nguyễn Du - Nhà sách Nam Sơn Sài Gòn 1960 (TB: 1971).
- 66* Nhiều tác giả * Kính gửi cụ Nguyễn Du, Thơ viết về Nguyễn Du và Truyện Kiều - Hội Văn nghệ Hà Tĩnh 1975
- 67* Nhiều tác giả * Kỷ yếu về Nguyễn Du – Hội Khuyến Học Nam Kỳ 1943
- 68* Nhiều tác giả * Tập Văn họa kỷ niệm Nguyễn Du - Hội Quảng Trị, Huế 1942
- 69* Phạm Công Thiện * Nguyễn Du, Đại thi hào dân tộc - NXB Văn Nghệ California 1996
- 70* Phạm Đan Quế * Bình Kiều, vịnh Kiều, bói Kiều - NXB Hà Nội 1991 71* Phạm Đan Quế * Tập Kiều, một thú chơi tao nhã – NXB Văn hóa Thông tin Hà Nội 1994 – Từ năm 2002, NXB Văn Học và NXB Thanh Niên tái bản với nhan đề Thú chơi Tập Kiều.
- 72* Phạm Đan Quế * Tìm hiểu điển tích Truyện Kiều - NXB Văn Học Hà Nội 2000
- 73* Phạm Đan Quế * Từ lấy Kiều, đổ Kiều đến các giai thoại về Truyện Kiều - NXB Văn Học Hà Nội 2000
- 74* Phạm Đan Quế * Truyện Kiều đối chiếu - NXB Hà Nội 1991

- 75* Phạm Đan Quê * Truyện Kiều và các nhà văn nho thế kỷ XIX - NXB Văn Nghệ Tp Hồ Chí Minh 1994 (TB: NXB Văn Học 2000).
- 76* Phạm Đan Quê * Truyện Kiều và Kim Vân Kiều Truyện - NXB Văn Học Hà Nội. 2000
- 77* Phạm Ngọc Nhân * Thúy Kiều phú - Phạm Đình Khương Sài Gòn in lần thứ 6, 1931
- 78* Phạm Thiên Thư * Đoạn Trường Vô Thanh – Nền Hồng Sài Gòn xuất bản 1972
- 79* Phan Ngọc * Tìm hiểu phong cách Nguyễn Du trong Truyện Kiều – NXB Khoa Học Xã Hội 1985.
- 80* Phụng Hoàng Sang và Võ Thành Ký * Thúy Kiều phú- Condurier et Montignol in lần thứ 6, Sài Gòn 1907
- 81* Thanh Minh * Thơ văn tập Kiều - Ty Văn hóa Hà Tĩnh 1965
- 82* Thái Kim Đỉnh * Giai thoại và tư liệu về Nguyễn Du và Truyện Kiều - NXB Nghệ Tĩnh 1988.
- 83* Thái Kim Đỉnh * Thơ văn quanh Truyện Kiều - NXB Nghệ An, 1996
- 84* Thế Anh * Đoạn Trường Tân Thanh đối chiếu nô, quốc ngữ – NXB Văn Học 1999
- 85* Thích Thiện Ân * Ý nghĩa triết học và tôn giáo của Truyện Kiều - NXB Đông Phương 1966
- 86* Tô Nam Nguyễn Đình Diệm dịch * Kim Vân Kiều - Thanh Tâm Tài Tử - Do Nha Văn Hóa, Phủ Quốc vụ khanh Sài Gòn xuất bản 1971
- 87* Tử Vi Lang * Vụ án văn chương Truyện Kiều (Tạp chí Văn Nghệ Tiền Phong 1955) in thành sách Sài Gòn năm 1958
- 88* Trần Cửu Chân * Étude critique du Kim Vân Kiều - do Nguyễn Văn Của xuất bản, Sài Gòn 1948
- 89* Trần Cửu Chân * Đoạn Trường Tân Thanh tân khảo - Bộ Văn Hóa, Giáo Dục Và Thanh Niên Sài Gòn xuất bản 1974
- 90* Trần Thanh Vân * Đoạn Trường Nhất Thanh – NXB Kiên Giang 1990
- 91* Trần Phương Hồ * Điển tích trong Truyện Kiều - NXB Đồng Nai 1997.
- 92* Trần Phương Hồ * Từ mộ Đạm Tiên đến sông Tiền Đường - NXB Văn Hóa Dân Tộc 1997
- 93* Trịnh Bá Đĩnh tuyển chọn * Nguyễn Du - Về tác gia và tác phẩm -NXB Giáo Dục Hà Nội 1998
- 94* Trương Quang Tiên * Tuồng hát cải lương: Hoạn thư tróc Kiều, Nhà in Xưa Nay Sài Gòn 1927
- 95* Trương Quang Tiên * Tuồng hát cải lương: Kiều du thanh minh, Imp. Nguyễn Văn Viết, Sài Gòn 1926

- 96* Trương Quang Tiên * Tuồng hát cải lương:Kiều ngộ Từ Hải, Phạm Đình Khương Sài Gòn 1927
- 97* Trương Tửu * Truyện Kiều và thời đại Nguyễn Du - NXB Xây Dựng Hà Nội 1956
- 98* Tú Poanh * Tập Kiều - Nhà xuất bản Nguyễn Du Hà Nội 1942
- 99* Võ Trọng Thu * Thúy Kiều phú - Imp. Xưa Nay Sài Gòn 1931
- 100* Vũ Hạnh * Đọc lại Truyện Kiều - Cảo Thơm Sài Gòn 1966
- 101* Vũ Ngọc Khánh * Ba trăm năm lẻ - NXB Văn Hoá 1988.
- 102* Vũ Tiến Quỳnh * Bình luận văn học: Nguyễn Du – NXB Khánh Hòa 1991
- 103* Vũ Văn Kính * Tìm nguyên tác Truyện Kiều - NXB Văn Nghệ Tp Hồ Chí Minh 1998
- 104* Xuân Diệu * Thi hào dân tộc Nguyễn Du - NXB Văn Học 1966
- 105* Xuân Lan * Kim Vân Kiều án của Nguyễn Văn Thắng - Imp. Văn Minh Hải Phòng 1911
- 106* Xuân Lan * Thanh Tâm Tài nhân thi tập của Chu Mạnh Trinh - Imp. Văn Minh Hải Phòng 1911
- 107* Xuân Lan * Thúy Kiều thi tập - Imp. Văn Minh Hải Phòng 1911
- 108* Z.H. Lidova * Truyện Kiều, một bài ca tình yêu thắng lợi –Demokracie, Prague, 1958.

Sang mấy năm đầu thế kỷ 21 chỉ từ năm 2001 đến nay, chúng tôi đã thấy 18 quyển sau đây viết về Truyện Kiều được xuất bản theo từng năm:

1. Trương Xuân Tiểu * Bình giảng 10 đoạn trích trong Truyện Kiều – NXB Giáo Dục 2001
2. Lê Thu Yến * Nguyễn Du và Truyện Kiều trong cảm hứng thơ của người đời sau - NXB Giáo Dục 2001
3. Lê Xuân Lít * Tìm hiểu từ ngữ Truyện Kiều - NXB Đại Học Quốc Gia 2001
4. Đào Thái Tôn * Văn bản Truyện Kiều nghiên cứu và thảo luận, NXB Hội Nhà Văn 2001
5. Nguyễn Trí Tích * Viết về Nguyễn Du và Truyện Kiều, NXB Thanh Niên 2001
6. Trần Đình Sử * Thi pháp Truyện Kiều –NXB Giáo Dục 2002
7. Phạm Đan Quế * Về những thủ pháp nghệ thuật trong văn chương Truyện Kiều –NXB Giáo Dục 2002
8. Phạm Đan Quế * Truyện Kiều đọc ngược – NXB Thanh Niên 2002
9. Phạm Đan Quế * Lục bát hậu Truyện Kiều –NXB Thanh Niên 2002

10. Hồng Dân & Đường Văn * Nguyễn Du- Truyện Kiều, một hướng cảm luận và dạy học mới - NXB Thanh Niên 2002
11. Nguyễn Quảng Tuân * Truyện Kiều bản Kinh đời Tự Đức – NXB Văn Học & Trung Tâm Quốc Học, 2003
12. Hoàng Hữu Yên * Cái hay cái đẹp của tiếng Việt trong Truyện Kiều – NXB Nghệ An, 2003
13. Nguyễn Hằng Thanh * Nghệ thuật tái tạo nhân vật Kiều trong Đoạn Trường Tân Thanh của Nguyễn Du – NXB Thanh Niên, 2003
14. Nguyễn Quảng Tuân * Truyện Kiều nghiên cứu và thảo luận, NXB Văn Học 2004
15. Trần Ích Nguyên (Phạm Tú Châu dịch) * Nghiên cứu câu chuyện Vương Thúy Kiều - NXB Lao Động 2004
16. Phạm Đan Quế * Đố Kiều, nét đẹp văn hóa –NXB Thanh Niên 2004
17. Phạm Đan Quế * Bói Kiều như một nét văn hóa –NXB Thanh Niên 2004
18. Phạm Đan Quế * Truyện Kiều trên báo chương thế kỷ XX –NXB Thanh Niên 2004

CHƯƠNG VIII. BỘ PHIM TRUYỆN ĐẦU TIÊN CỦA VIỆT NAM LÀ TỪ TRUYỆN KIỀU

Bộ phim truyện đầu tiên của Việt Nam ra đời năm 1924 tại Hà Nội là từ Truyện Kiều với nhan đề phim là Kim Vân Kiều đã được giới thiệu trên mấy tờ báo như:

Linh Bảo * Tôi xem phim “Kim Vân Kiều” của người Trung Hoa quay, Báo Mới số 74, 1954

Tư Luyện * Từ cuốn phim câm thứ nhất “Kim Vân Kiều” đến cuốn phim nói thứ nhất “Cánh đồng ma”, TC Phim Việt Nam, Sài Gòn 1972

Xưa Nay * Truyện Kiều lên phim, TC Xưa Nay số 1, 2000

Nghĩa An * Tại Hà Nội năm 1924, đã ra đời bộ phim truyện đầu tiên của Việt Nam: Kim Vân Kiều, Báo Hà Nội Mới số Tết Quý Mùi 2003...

Ở đây xin giới thiệu bài của Nghĩa An và một bức quảng cáo cho cuốn phim đã được nêu trên tạp chí Xưa Nay số 1, 2000.

TẠI HÀ NỘI NĂM 1924, ĐÃ RA ĐỜI

BỘ PHIM TRUYỆN ĐẦU TIÊN CỦA VIỆT NAM:

KIM VÂN KIỀU

NGHĨA AN

Vào giữa năm 1924, Hãng phim và Cinéma Đông Dương (Indochine Films et Cinémas) đã làm xong bộ phim Kim Vân Kiều. Việc dàn dựng, quay hoàn tất bộ phim tại Hà Nội và làm hậu kỳ tại nước Pháp. Trên nhiều báo chí đương thời đã giới thiệu rộng rãi với dân chúng cả nước: Hãng phim và Cinéma Đông Dương trình bày phim “Kim Vân Kiều”, truyện trích từ tác phẩm nổi tiếng, quen thuộc của Nguyễn Du... Bộ phim thực hiện với diễn viên, trang trí, phục trang hoàn toàn bản xứ. Diễn xuất do đoàn tuồng của “Hãng khai thác sân khấu An Nam Quảng Lạc” ở Hà Nội đảm nhiệm. Trong tác phẩm Nhớ và ghi, nhà văn Nguyễn Công Hoan đã viết về sự kiện phim Kim Vân Kiều, bộ phim truyện đầu tiên của Việt Nam, ra đời năm 1924.

Trước đó, Hãng phim và Cinéma Đông Dương đã sản xuất nhiều bộ phim tài liệu. Cho đến đầu năm 1923, hãng mới có kế hoạch thực hiện bộ phim truyện đầu tiên ở Việt Nam. Và, người ta đã chọn Truyện Kiều để đưa lên màn ảnh. Đó là tác phẩm tiêu biểu của văn học dân tộc Việt Nam và học giả Nguyễn Văn Vĩnh vừa dịch ra tiếng Pháp để giới thiệu với Tây Âu. Về việc chọn Truyện Kiều đưa lên phim, Nguyễn Văn Vĩnh đã cổ vũ rất nhiều trên báo chí. Ông là người đi đầu trong việc giới thiệu, dàn

dựng những vở kịch nổi tiếng của phương Tây trên sân khấu Việt Nam khi đó. Trên báo Trung Bắc Tân Văn ngày 9-6-1923, Nguyễn Văn Vĩnh nêu ý kiến của mình về việc làm phim Kim Vân Kiều: “Nay tôi lại muốn rủ đồng nhân làm việc thí nghiệm như thế nữa, mà kết quả có lẽ còn hay hơn cuộc diễn kịch Bệnh tượng, Trương giả học làm sang. Vì chúng ta đóng nổi tích Kim Vân Kiều cho khéo theo các phương pháp nhà nghề chớp bóng là một kỹ nghệ tối tân trong xã hội Âu Mỹ thì trước hết chúng ta tỏ được cho người Âu biết rằng không có điều gì mới trong sức hiểu của chúng ta. Sau nữa, nếu chúng ta làm ra được một phim hay, nổi tiếng cho hiệu Indochine Film để cho khách cinéma trong thế giới thưởng thức một cuộc vui thi vị đặc biệt, ai nấy phải khen văn chương, khen tư tưởng Việt Nam, ấy có phải ta cũng làm được việc quảng cáo chung cho nước ta với toàn cầu...”.

Tiếp theo, trên Trung Bắc Tân Văn ngày 13-6-1923, ông Nguyễn Văn Vĩnh cổ vũ cho cuộc làm phim Kim Vân Kiều: “Bộ phim cả thấy hơn ba mươi vai. Vị nào đóng nổi vai Kiều tức là thủy tổ của nghề đóng Cinéma ở đất Việt Nam này. Bởi vì hễ vai Kiều đóng được thật tài, người ngoại quốc xem cinéma phải nghĩ: Bên họ, một bậc Thuý Kiều hồng nhan bạc mệnh, một kiếp long đong như thế, mà con người trong truyện còn đáng kính vì, tất nhiên những người đàn bà khác trong dân tộc ấy phải hay, phải giỏi, phải thuần thực nét na biết nhường nào...”.

Nguyễn Văn Vĩnh không chỉ tỏ ra quan tâm sâu sắc về nghiệp cinéma có vai trò quan trọng trong thực nghiệp, mà ông còn nêu ra những chi tiết nghề nghiệp cụ thể: “... Có vài điều cần dặn trước là người đóng cinéma phải có một tư cách riêng là nước da phải ăn ảnh (photogénique). Điều thứ hai răng phải để trắng. Những người răng đen mà đóng cinéma thì khi chớp ra, nó hoá như không có răng, miệng rộng toác coi không đẹp...”.

Được sự cổ vũ sâu sắc, nhiệt thành của Nguyễn Văn Vĩnh như vậy, nên phim Kim Vân Kiều là sự quan tâm của người Việt Nam đương thời. Đoàn làm phim khi bắt tay vào thực hiện thì gặp một khó khăn có thể nói là lớn nhất: Không tìm nổi những diễn viên đáp ứng nổi bộ phim truyện này. Và, những đào, kép của rạp tuồng Quảng Lạc khi đó không thể là những diễn viên của nghệ thuật điện ảnh tân kỳ. Vậy nên, khi phim được trình chiếu, những công chúng có mong muốn xây dựng một nền điện ảnh ở Việt Nam đã rất thất vọng. Hôm 19-9-1924, phim được chiếu buổi đầu tiên ở rạp Casino tại Sài Gòn. Sau đó, trên báo Đông Pháp thời báo, do ông Trần Huy Liệu là chủ bút, ngày 24-9-1924 có bài viết Chớp bóng Kim Vân Kiều của Công Luận, viết: “Trong bản chớp bóng có ba nhân vật quan trọng là Thuý Kiều, Kim Trọng và Hoạn thư. Vai Kim Trọng thì chẳng khác gì một chàng ngốc, diện mạo đã chẳng ra chi, thái độ lại khả bỉ làm sao chẳng khác chi cái thái độ của mấy anh bồi nhọ mặt ở rạp Quảng Lạc. Nhất là lúc đi tìm nhà trọ... Đến lúc đối diện với Kiều coi thái độ chàng Kim đối với nàng Kiều chả khác gì với tư cách một bác lính “chào mào” ngồi lẩn khuất với một gái giang hồ... Tóm lại, cuộc chớp bóng vừa rồi thiệt không có giá trị gì, chả lời được chút tinh thần Truyện Kiều, chớp bóng có lẽ lại làm giảm mất cái chân giá trị tác phẩm đối với thế giới”.

Dù vậy, phim Kim Vân Kiều cũng trở thành mốc đầu tiên trong lịch sử Điện ảnh Việt Nam, gây ấn tượng mạnh trong đời sống đương thời với việc đưa Truyện Kiều lên màn ảnh một loại hình nghệ thuật còn mới mẻ ngay cả đối với Tây Âu. Đó là một bài học kinh nghiệm lớn, để rồi 14 năm sau, năm 1938, ông Đàm Quang Thiện đã cùng đoàn làm phim Việt Nam sang Hồng Kông thực hiện bộ phim Cánh đồng ma. Và, đã tạo nên một thành công cho điện ảnh Việt Nam ngay trên đất Hồng Kông!

*Phim được chiếu ở rạp Casino Sài Gòn ngày 19- 9- 1924 và tại rạp Pathé Hà Nội ngày 7-10 sau đó. Xin giới thiệu trang bên: Tờ quảng cáo cho Phim Kim Vân Kiều, Hãng Indochine films & Cinéma do M.E.A. Famechon dàn dựng, cuốn phim Đông Dương đầu tiên thực hiện với các diễn viên - trang trí – phục trang hoàn toàn bản xứ. Đoàn Hát Quảng Lạc, Hà Nội (Bắc Kỳ) thực hiện

(Ảnh tư liệu trang sau lấy từ Tạp chí Xưa Nay số 1, 2000)

Những năm 1980, nghệ sĩ Bạch Tuyết còn thực hiện cuốn phim Cải lương Kiều và lấy làm đề tài tốt nghiệp đại học để trên cơ sở đó hoàn thành luận án tiến sĩ về Nghệ thuật sân khấu dân tộc cổ truyền của các quốc gia vùng Đông Nam Á.

Trong bài Nhân xem một bộ phim sân khấu của nghệ sĩ cải lương Bạch Tuyết (Bài viết vào tháng 7 năm 1989), nhà thơ Lưu Trọng Lư cho biết nhiều điều về bộ phim này. Chúng tôi xin trích một số đoạn sau đây:

“Bạch Tuyết đã có đọc Kịch thơ Kiều hoa của tôi (đăng trong Tạp chí sân khấu) cũng muốn làm một chút gì trên cơ sở đó. Và thật ra như lời chị vừa nói với tôi là chị đã cố gắng đưa Kiều hoa vào cải lương một cách ngọt ngào, nhuần nhuyễn. Bạch Tuyết dựng phim hai tập về Kiều này, như một luận án tốt nghiệp ở trường Đại học nghệ thuật Xô-phi-a. Đã có lần chị đã thể hiện lại trước mắt tôi cả một đoạn dài về vở Kiều trên sân khấu cải lương Sài Gòn cũ. Tôi cũng đã thấy chút gì sáng tạo trong thể nghiệm ngày xưa đó. Nhưng lần này trong điều kiện xem rất đầy đủ hoàn hảo, tuy không có kịch bản điện ảnh trong tay, với tư cách một khán giả khách quan, tôi thử phát biểu vài cảm tưởng tùy hứng. Xin được ghi lại đây như một chương trong tập tùy bút Hồi tưởng văn học này...”

“...Trước hết, xin hỏi tại sao chị và các cộng sự lại lấy nhan đề là Truyện Kim Vân Kiều, nếu muốn tránh mấy chữ Đoạn Trường Tân Thanh do Nguyễn Du đặt ra thì sao lại không giữ Thúy Kiều, Truyện Kiều mà nhân dân Việt Nam từ xưa đến nay đã quen dùng, đã tặng cho nhà thơ vĩ đại?

“Có thể vì ở nước ta, miền Nam cũng như ở miền Bắc, cũng đã từng có nhà nho cho Tàu quen gọi Kim Vân Kiều truyện đúng như Thanh Tâm tài nhân đã gọi nên a dua gọi theo chăng? Tôi theo dõi sít sao từng đoạn chuyện của cuốn phim, thì thấy những nhà biên kịch và đạo diễn không muốn nhấn đến cái “bộ ba” duyên nợ này. Mà chủ yếu vẫn là nhấn đến Kiều, tâm hồn, số phận Kiều. Sự thành tựu của bộ phim, chủ yếu là ở Kiều, do Kiều, một nhân vật bao trùm. Vậy sao lại đặt tên phim là Kim Vân Kiều?...”

“...Chiếu xong tập thứ nhất, Bạch Tuyết hỏi tôi có nên nghỉ một chút, tôi đòi xem luôn. Và khi xem hết trọn hai tập, tôi chỉ mong sao không ai hỏi ngay cảm tưởng mình. Nhưng bây giờ, thời gian đã qua đi, những hình tượng, những làn điệu đã lắng lại trong tâm tư tôi, tôi mong được giải tỏa cho mình. Tôi ghi lại đây vài ấn tượng của tôi, sau khi đã được xem cái gọi là Truyện Kim Vân Kiều do Bạch Tuyết đạo diễn. Tôi nghĩ rằng: chị Bạch Tuyết là hồn của công trình khá tốn kém này. Tôi lại muốn hỏi thêm lần nữa tại sao các tác giả (biên kịch, đạo diễn) lại lấy lại các nhan đề vốn của Thanh Tâm tài nhân, nhà văn Trung Quốc đã viết ra Kim Vân Kiều truyện cho bộ phim của mình...”

“...Đạo diễn Bạch Tuyết, với diễn xuất sâu sắc của Ngọc Giàu, đã đưa lại cho nhân vật Thúc Sinh —

có thêm dũng cảm để trước mặt Hoạn Thư, trước mặt Kiều đã dám ca một bài ca ít nhiều bảo vệ cho số kiếp lênh đênh của Kiều. Thúc Sinh này có phần khác với chàng Thúc Sinh trong Kiều như đã nói. Một Hoạn Thư cũng không hẳn là của Nguyễn Du. Một đạo diễn, diễn viên không phải là một tù binh hay một nô lệ. Đó là cái quyền tối cao của một nghệ sĩ. Nhưng với Nguyễn Du, trước hết cũng phải cho thấy được cái phần cao nhất, sâu nhất rồi mới có quyền phóng tay, cải đổi...

“...Từ Hải là một giấc mơ đẹp của Nguyễn Du. Cho nên Nguyễn Du đã gạt đi chẳng chút thương tiếc, tất cả quá khứ của Từ Hải mà Thanh Tâm Tài Nhân và Dư Hoài hay những người khác tô vẽ. Từ Hải của Nguyễn Du như từ trên trời rớt xuống. Đạo diễn Bạch Tuyết tuy không trình bày lại một Từ Hải đánh bạc ăn chơi, cướp bóc, hãm hiếp đàn bà, mà thay bằng một Từ Hải xuất thân nghèo khổ, một Từ Hải đã từng bắt ốc mò cua, cũng là một cách nghĩ... Nhưng Từ Hải, dầu quá khứ là thế nào cũng đã đến với Thúy Kiều.

“Một sự gặp gỡ tuyệt vời, một Từ Hải động lòng bốn phương, xách gươm ra đi và khi chiến thắng rực rỡ trở về. Từ nổi trống đại doanh đón Kiều, thật là một cách nghênh đón tuyệt vời mà không mấy người tình đẹp có quyền dành cho người yêu. Trên màn ảnh nhỏ, ta thấy trong vòng tay Từ một Thúy Kiều cực kỳ tươi đẹp rạng rỡ...

“...Kiều đối với bao nghệ sĩ đã thành vấn đề “sống chết” xưa kia, ta đã nghe nói đến Kiều I, Kiều II, Kiều III v.v... Về sân khấu như thế, về điện ảnh phải dựa vào cái khả năng lớn lao của mình để thể hiện cho được cái hình ảnh cô gái tuyệt vời Việt Nam ấy, trên màn ảnh thế giới. Không phải công chúng nước ngoài, mà còn đối với thế hệ nối tiếp Việt Nam và hàng vạn tuổi trẻ Việt Nam còn lưu vong... không lẽ chúng ta chịu cảnh chia cắt giọt máu, ruột rà, ngay trên lĩnh vực tâm tưởng, vấn đề nghệ thuật?...

“...Không phải nghệ sĩ cải lương mà người nghệ sĩ kịch nói, kịch thơ, nghệ sĩ chèo tuồng, nghệ sĩ các ngành kịch khác, nghệ sĩ điện ảnh, sinh ra trong thời buổi này, cũng đã phải mang một món nợ lớn đối với Kiều, đối với Nguyễn Du.

“Dẫu mãi chiều xế bóng, còn làm được chút gì cho Kiều, tôi vẫn cố gắng[1]. Chúc các bạn thành công”.

[1] Tôi viết Ngàn thu vọng mãi (đã quay phim ở Cộng hòa Dân chủ Đức), đã viết kịch thơ Kiệu Hoa. Trong vòng 6,7 năm nay tôi đã viết “Nhật ký đọc Kiều”, và dịch, giới thiệu gần 50 bài thơ của Nguyễn Du, mà một phần trích in vào cuốn sách này.

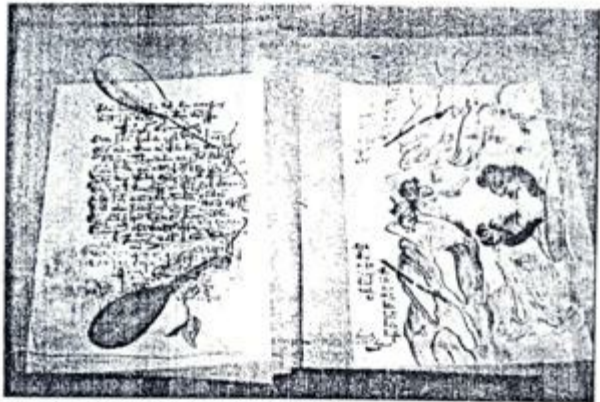
CHƯƠNG IX. QUYỀN SÁCH NẶNG NHẤT VIỆT NAM

Đến năm 2003, Truyện Kiều cũng là QUYỀN SÁCH NẶNG NHẤT ở Việt Nam. Nhân dịp Festival Huế 2002, Truyện Kiều độc bản bằng chữ Quốc ngữ được hoàn thành để giới thiệu với khách quốc tế. Đây là tác phẩm của nhà thư pháp Nguyệt Đình viết từ cuối năm 2001, mỗi ngày chỉ viết được mấy chục câu trên khổ giấy 1m x 1,6m dày 300 trang. 3.254 câu Kiều được viết trên hai mặt giấy Cossin 120, mỗi trang thơ đều được các họa sĩ vẽ tranh nền riêng. Họa sĩ Phan Kế vẽ phong nền, làm bìa và phụ bản. Công trình được thực hiện từ tháng 11 năm 2001 đến 10-4-2002 mới viết xong câu thơ thứ 3.254, để sai đó làm bo từng trang sách, rồi hoàn thành bìa và gáy sách để hoàn tất công việc vào ngày 14-2-2002. Bìa sách làm bằng gỗ bọc gấm, gáy sách bằng đồng, bốn góc bọc kim loại, mực xạ loại tốt được pha thêm một số hóa chất để mực thơm và không bị phai. Sách nặng 50kg, đặt trên một cái giá vững chắc, mỗi khi muốn xem phải có hai người khiêng xuống rồi lật từng trang một. Mở đầu quyền sách là Lời Tựa và hai câu thơ nổi tiếng của Đại thi hào Nguyễn Du:

Bất tri tam bách dư niên hậu,

Thiên hạ hà nhân khấp Tố Như.

Truyện Kiều độc bản đã lập được kỷ lục là quyền sách viết bằng thư pháp nặng nhất Việt Nam ngày 15-4-2002, cũng là một đóng góp với nền văn hóa nước nhà. Sau khi khai quyền và trưng bày tại Lễ hội Festival Huế 2002, tác phẩm tham gia Triển lãm sách tại Giảng Võ, Hà Nội rồi đến năm 2003, “Châu về Hợp phố”, Truyện Kiều thư pháp đã về với Bảo tàng Nguyễn Du, tại khu Di tích Nguyễn Du, xã Tiên Điền, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh.



On record: The hand-written version of *Truyện Kiều*.



Ông Nguyệt Đình bên quyển truyện Kiều được thể hiện bằng thư pháp quốc ngữ
Ảnh NAM BÌNH

Nhà thư pháp Nguyệt Đình bên quyển *Truyện Kiều* độc bản (Báo Công an TP Hồ Chí Minh, Đặc san Thứ bảy 15-5-2002) và Ảnh minh họa trên tạp chí Saigon-Times (Ngày 22-4-2002)

CHƯƠNG X. QUYỀN SÁCH DÀI NHẤT VIỆT NAM

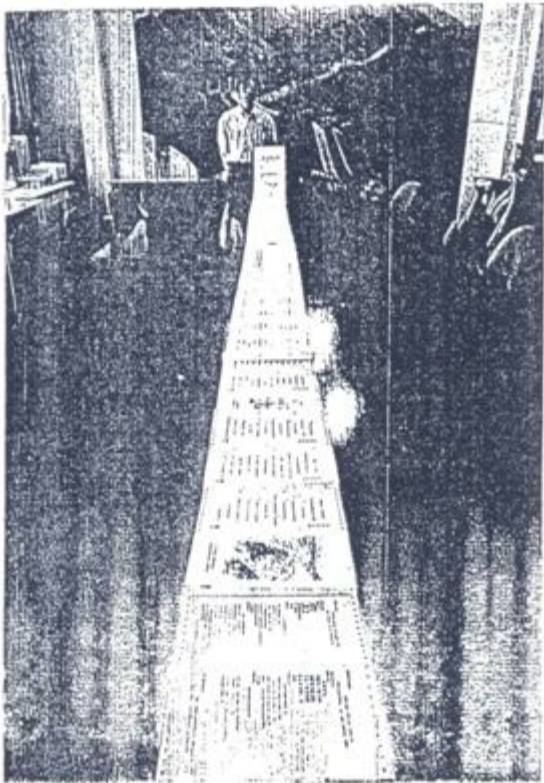
Truyện Kiều đã là cuốn sách dài nhất Việt Nam - theo công bố của Trung tâm sách Những kỷ lục Việt Nam. Đây là bản Kim Vân Kiều tân truyện do Ngô Hải An sinh viên Khoa công nghệ thông tin trường Đại học Khoa học tự nhiên TP Hồ Chí Minh thực hiện. Cuốn sách được in trên giấy liên tục một tờ dài 4.704cm tức là dài 47,04mét. Cuốn sách dài nhất Việt Nam này gồm 326 trang với chỉ một bản duy nhất. Nội dung được chia làm ba phần chính:

Phần I. Nội dung bản Kim Vân Kiều tân truyện dài 4.002cm.

Phần II. Giới thiệu tác giả, tác phẩm và một số hình ảnh bản Kiều xưa dài 224cm.

Phần III. Một số bài thơ đường mà Đại thi hào Nguyễn Du đã mượn từ các điển tích để đưa vào Truyện Kiều.

Cuốn sách dài nhất Việt Nam này đã được trưng bày tại Hội chợ sách Việt Nam lần thứ 3, 2004 và được trao giải đặc biệt (Xem hình ảnh minh họa)



Ảnh minh họa: Góc trên trang 35 - Sách những kỷ lục Việt Nam tập 3 - 2004 và sinh viên Ngô Trần Hải An trước tấm bản dài với cuốn sách dài nhất Việt Nam: quyển Kim Vân Kiều tân truyện.

CUỐN SÁCH DÀI NHẤT VIỆT NAM



326 trang với chỉ m
duy nhất.

Cuốn sách được c
ba phần chính. Phần
dung Kim Vân Kiều tân
dài 4.002cm. Phần
thiệu tác giả, tác phẩm
số hình ảnh bản Kiều
chiều dài 224cm. Phê
chiều dài 420cm gồm
bài thơ Đường mà đại
Nguyễn Du đã mượn
diễn tích để đưa vào
Kiều.

Bản Kim Vân Kiều tân
truyện do Ngô Trần
Hải An, sinh viên khoa
Công nghệ Thông tin Trường
Đại học Khoa học Tự nhiên
TP.HCM thực hiện trong 3
năm (2001 - 2004) gồm sưu
tập tài liệu, trình bày, sản bản

PHẦN THỨ BA: TRUYỆN KIỀU VỚI HÀNG CHỤC ĐIỂM ĐỘC ĐÁO KHÁC

Truyện Kiều cũng còn nhiều điểm độc đáo khác nữa (ta có thể xét đến như những kỷ lục) mà ít quyển sách nào có được. Chúng tôi xin kể thêm 14 điểm độc đáo sau đây:

1. Tác phẩm có riêng cho mình một quyển từ điển được nhiều người sử dụng theo đúng nghĩa là Từ điển Truyện Kiều của học giả Đào Duy Anh, và quyển từ điển này đã được in lại nhiều lần nhất (4 lần) với số bản in nhiều nhất của từ điển cho một tác phẩm.
2. Sách cổ bằng chữ Nôm có nhiều lần in đi in lại nhất.
3. Quyển sách được in đi in lại nhiều lần nhất bằng chữ quốc ngữ ở Việt Nam tập trung một đội ngũ đông đảo các nhà biên tập chú giải uy tín nhất qua nhiều thời kỳ.
4. Quyển sách có số lượng các bài báo viết về nó nhiều nhất (hàng ngàn bài báo) với mấy trăm tác giả quy tụ các nhà phê bình hàng đầu.
5. Tác phẩm văn học đầu tiên của Việt Nam làm điểm tựa cho một luận án tiến sĩ (Trần Cửu Chân, 1949)
6. Truyện Kiều cũng là tác phẩm văn học làm cơ sở cho nhiều luận án tiến sĩ nhất (Cho đến nay ít nhất đã có sáu luận án tiến sĩ là của Trần Cửu Chân, Vũ Thị Tuyết, Nguyễn Thuý Hồng, Trần Thị Phương Phương, Phan Công Khanh, Charles Benoit, Jang Soo Bae...).
7. Tác phẩm mà chỉ trong vòng bốn năm (đầu của thế kỷ 21: 2001-2004), đã có một con số kỷ lục tới 18 quyển sách viết về nó, không kể những văn bản Truyện Kiều bằng chữ quốc ngữ, chữ Nôm in lại hoặc bản dịch ra tiếng nước ngoài
8. Quyển sách có đời sống thăng trầm nhất và ra nhiều cuộc tranh luận trong lịch sử văn học, được tán tụng nhiều nhất và cũng bị chê bai nhiều lần và ghê gớm nhất Việt Nam.
9. Thi phẩm được nhiều người hay nhắc đến nhất qua hiện tượng độc đáo lấy Kiều.
10. Thi phẩm tạo ra nhiều câu đố nhất
11. Thi phẩm được đưa lên sân khấu với nhiều thể loại nhất.
12. Thi phẩm đã đến với nhiều thể loại âm nhạc nhất: từ những điệu hát dân ca hát ví, hát dặm Nghệ Tĩnh... đến với bản Hợp xướng Kiều, Giao hưởng Kiều...
13. Hội họa về Kiều quy tụ cũng danh họa hàng đầu của Việt Nam như Tô Ngọc Vân, Bùi Xuân Phái, Nguyễn Gia Trí, Nguyễn Đỗ Cung, Trần Văn Cẩn, Mạnh Quỳnh ...

14. Quyển truyện thơ có câu chữ phức tạp, rắc rối nhất...

Và một số điểm độc đáo khác như:

+ Quyển sách tạo ra nhiều kỷ lục nhất.

+ Quyển sách có số lượng các bài thơ viết về nó nhiều nhất: hàng ngàn bài vịnh Kiều và hàng mấy trăm bài thơ được viết từ cảm hứng Truyện Kiều.

+ Quyển sách mà có một tác giả chỉ viết về nó có một bài báo nhưng đã gây ra cuộc tranh luận kéo dài đến mấy chục năm. Cụ Ngô Đức Kế với bài Luận về chánh học cùng tà thuyết đăng trên tạp chí Hữu Thanh ngày 21-9-1924.

+ Quyển sách mà ngay cả bài thơ viết về nó cũng được đưa vào sách giáo khoa: bài Kính gửi cụ Nguyễn Du của Tố Hữu.

+ Quyển sách mà một nhà thơ đã viết về nó tới 14 bài thơ: Chế Lan Viên còn chưa thoả mãn.

Và còn nhiều lĩnh vực khác nữa ... Trong phần này, chúng tôi xin nêu một cách tản mạn những điều đã biết để quý vị độc giả tham khảo.

I. TỪ ĐIỂN TRUYỆN KIỀU LÀ QUYỂN TỪ ĐIỂN VỀ MỘT TÁC PHẨM ĐƯỢC IN NHIỀU LẦN NHẤT

(Không chỉ ở Việt Nam mà còn có thể xem thêm trên thế giới).

Truyện Kiều là tác phẩm văn học – một quyển truyện thơ - có riêng cho mình một quyển từ điển được nhiều người sử dụng theo đúng nghĩa - Từ điển Truyện Kiều của Đào Duy Anh - và quyển từ điển này đã được in tới 4 lần vào các năm 1974-1987-1993-2002 với số bản in nhiều nhất của từ điển cho một tác phẩm văn học vì được sử dụng đúng nghĩa của một quyển từ điển . Theo tìm hiểu của chúng tôi, ngay cả những nước với nền văn học hàng đầu thế giới như Trung Quốc, Pháp, Nga... cũng chưa thấy có quyển từ điển về một tác phẩm nào mà chỉ có từ điển về một tác giả hay từ điển về một số tác phẩm. Được biết ở Ý có từ điển về quyển Thần khúc của Đăngtơ nhưng không biết có được tái bản nhiều lần như Từ điển Truyện Kiều không?

Học giả Đào Duy Anh là người có nhiều công trình giá trị trên các lĩnh vực ngữ văn, lịch sử, từ điển. Ông đã được từ điển Bách khoa Larousse của Pháp xếp vào “một tên tuổi lớn trong các nhà Bách khoa toàn thư hiện đại thế kỷ 20”. Với hai quyển từ điển có giá trị nhất đầu thế kỷ 20: Hán-Việt từ điển và Pháp- Việt từ điển, Đào Duy Anh không chỉ là chuyên gia về từ điển mà còn là chuyên gia hàng đầu về Truyện Kiều cũng là một tên tuổi lớn trong các nhà Kiều học khi vào năm 1974, sau hàng chục năm chuẩn bị, ông cho ra mắt quyển Từ điển Truyện Kiều (Nhà xuất bản Khoa học Xã hội). Tác phẩm đánh dấu một cột mốc quan trọng trong việc nghiên cứu Truyện Kiều và có thể nói nó đã giúp ích rất nhiều không chỉ cho các nhà nghiên cứu mà còn đặc biệt quan trọng đối với các thầy cô giáo và học sinh, sinh viên. Hầu như những ai nghiên cứu Truyện Kiều đều không thể bỏ qua.

Từ điển Truyện Kiều được soạn xong từ năm 1965 và Nxb Khoa học Xã hội in lần đầu năm 1974. đây

là lần đầu tiên ở Việt Nam có một quyển từ điển về một tác phẩm. qua quyển từ điển này, người đọc biết thêm được sự phong phú và giàu có của tiếng Việt, hiểu được cái tài tình, tinh tế của thi hào Nguyễn Du và cũng qua đó thấy được và khâm phục tinh thần lao động khoa học nghiêm túc cũng như vốn tri thức sâu rộng uyên bác của nhà học giả Đào Duy Anh.

Nguyễn Du với Truyện Kiều là người đặt nền móng cho ngôn ngữ văn học Việt Nam hiện đại, đã sử dụng một cách tài tình những yếu tố dân gian và ngôn ngữ dân tộc, đã dân tộc hóa những yếu tố văn học chữ Hán để tạo nên một ngôn ngữ văn học mới dồi dào uyển chuyển. Từ điển Truyện Kiều của Đào Duy Anh nhằm cố gắng phản ánh sự kiện quan trọng ấy của lịch sử ngôn ngữ cũng như lịch sử văn học Việt Nam. Đây không phải là quyển từ điển thông thường mà là một tác phẩm nhằm phục vụ sự nghiên cứu ngôn ngữ và văn chương Truyện Kiều nên có những đóng góp to lớn và rất cần thiết cho các nhà nghiên cứu.

Tác giả đã tiến hành công tác khảo chứng văn bản rất công phu, đối chiếu 13 văn bản với 6 văn bản nôm và 7 văn bản quốc ngữ để chọn từng chữ cho thích hợp, sau đó mới dựng lên văn bản chuẩn. Lại phải thích nghĩa rồi giải thích tất cả các nghĩa, không bỏ sót một chữ, một nghĩa nào, tất cả đều làm có căn cứ. Tuy mới chỉ chú ý đến việc giải thích các từ gốc Hán nhưng cũng nêu được xuất xứ... Đến nay Từ điển Truyện Kiều đã được in đi in lại tới 4 lần:

Lần thứ nhất: Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội 1974

Lần thứ hai: Nxb Khoa học Xã hội, 1987, trên trang 3 đề là: tái bản lần thứ nhất do Phan Ngọc bổ sung và sửa chữa. Quyển Từ điển Truyện Kiều tuy được học giả Đào Duy Anh uỷ nhiệm cho ông Phan Ngọc sửa lại và cho in năm 1989 nhưng có quá nhiều sai sót cả về những lỗi in lẫn một vài điểm về cách nhìn nhận vấn đề nên không được chấp nhận.

Lần thứ ba: Nxb Khoa học Xã hội năm 1993 lấy lại bản in lần đầu có sửa chữa của tác giả . Bia 3 có cho in: In lần thứ hai có sửa chữa bổ sung nên đây là bản hầu như không có sai sót.

Lần thứ tư: Nxb Văn Hóa Thông Tin năm 2000. Đây là bản in mới nhất, trình bày đẹp bìa cứng nhưng rất tiếc là lại có những lỗi như trong bản in lần đầu với một vài thiếu sót đã được sửa chữa ở lần thứ ba như : một số chữ thiếu (như Tiền Đường) chưa được bổ sung , hoặc in nhầm chưa được chữa lại .

*Riêng về kỷ lục Truyện Kiều có một quyển từ điển đã được xuất bản nhiều lần nhất là 4 lần thì hoàn toàn chắc chắn ở Việt Nam. Ở ta các ông Nguyễn Quảng Tuân và Nguyễn Khắc Thuần có biên soạn quyển từ ngữ thơ văn Nguyễn Đình Chiểu gồm 2 tập; Sang đến tập II, thấy đã có quyển Từ điển Truyện Kiều của Đào Duy Anh , các ông đã đặt tên cho tập II là Từ điển Lục Vân Tiên như trong Lời nói đầu viết cho quyển này năm 1989: “... như đã có quyển Từ điển Truyện Kiều vậy ...”.

II. QUYỂN SÁCH CỔ BẰNG CHỮ NÔM CÓ NHIỀU LẦN IN ĐI IN LẠI NHẤT.

Sưu tầm được 27 bản Truyện Kiều cổ bằng chữ nôm của Hữu Nguyên

Sau hơn bốn năm miệt mài tìm kiếm, sưu tầm, ông Nguyễn Khắc Bảo – lương y, 52 tuổi, ở số 5 Phố

Ngói, phường Tiên An, thị xã Bắc Ninh – đã có trong tay 27 bản Truyện Kiều cổ in bằng chữ Nôm, trong đó có bảy bản thật hiếm.

Năm 1965, nhân dịp kỷ niệm 200 năm ngày sinh của đại thi hào Nguyễn Du, nhóm các nhà nghiên cứu Nguyễn Văn Hoàn, Nguyễn Sĩ Lâm, Nguyễn Đức Vân... khi tra cứu, hiệu đính, chú thích cho bản Truyện Kiều của Nhà xuất bản Văn học đã kết luận cho đến năm 1939 có 23 bản Truyện Kiều bằng chữ Nôm đã được xuất bản ở VN. Sau này các ông Nguyễn Thạch Giang, Đào Duy Anh, Vũ Văn Kính tìm thêm được ba bản in nữa. Đến năm 1997 ở hội nghị Hán – Nôm toàn quốc, ông Bảo đã công bố con số 32 bản Truyện Kiều chữ Nôm ở nước ta. Mới đây ông lại tìm thêm được một bản nữa. Bản đầu tiên ông sưu tầm đã được ông Phan Văn Các, nguyên Viện trưởng Viện Hán Nôm, đánh giá tại hội nghị Hán-Nôm toàn quốc năm 1997: “Có thể nói đây là bản in khá sớm, nếu không phải là sớm nhất, đang chờ sự khảo sát tỉ mỉ hơn”.

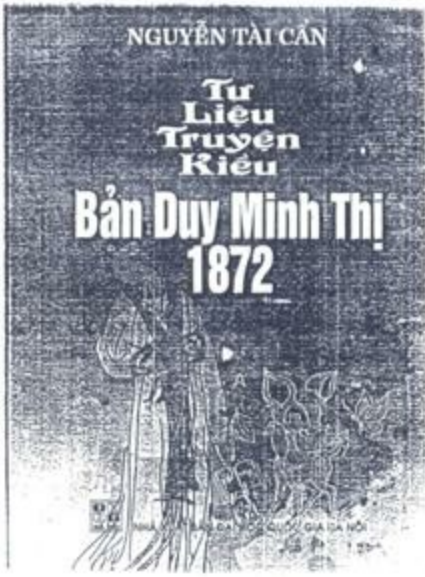
Hầu hết các bản Truyện Kiều in bằng chữ Nôm cổ mà ông Bảo sưu tầm được đều ở vùng Kinh Bắc (tỉnh Bắc Ninh) – quê ngoại của đại thi hào Nguyễn Du. Được biết ông Nguyễn Khắc Bảo cùng với ông Đào Thái Tôn đã chuẩn bị xong bản thảo, sắp xuất bản cuốn Truyện Kiều khảo dị trên 21 bản Kiều Nôm chính với mục đích cung cấp cho các nhà khoa học, nhà nghiên cứu về Truyện Kiều tất cả dị bản về Truyện Kiều để khả dĩ khôi phục được một bản gần với nguyên tác nhất. Cũng từ nghiên cứu tỉ mỉ các bản Truyện Kiều bằng chữ Nôm mà ông Bảo đã viết được nhiều bài trên các báo và tạp chí với những phát hiện khá mới mẻ, lý thú được đông đảo bạn đọc đánh giá cao như: Vị đắng của trà Hồng Mai; Quân Chí trên các, dưới quyền; Hưng hành chứ không phải hưng hăng; Nỗi oan của một chữ bị chép sai trong Truyện Kiều...

Tuổi trẻ chủ nhật, số 20-99 (23-5-1999)

III. QUYỀN SÁCH CÓ SỐ LƯỢNG CÁC BÀI BÁO VIẾT VỀ NÓ NHIỀU NHẤT

Trong quyền Truyện Kiều trên báo chương thế kỷ XX, chúng tôi đã bước đầu lập một Danh mục gồm 1.016 bài báo viết về Truyện Kiều. Ngoài ra như chúng tôi đã nêu ở trang 21 trong quyền sách, Danh mục này còn thiếu rất nhiều bài báo khác nữa. Có thể nói là còn rất xa với số lượng những bài báo viết về Truyện Kiều mà chúng tôi không đủ khả năng thông kê trọn vẹn. Đây là không kể những bài thơ vịnh Kiều cũng như các bài thơ các loại liên quan đến kiệt tác của Nguyễn Du.

Bìa quyển *Tư điển Truyện Kiều* in lần thứ ba (2003) và bìa bản
Truyện Kiều chữ Nôm Duy Minh Thi, 1872 (in lại năm 2002)



Bìa hai bản *Đoạn Trường Tân Thanh* của Kiều Quỳnh Mậu chữ Nôm
(1902 - mới in lại do NXB Thuận Hoá (2000)) và NXB Văn học
(1999)



IV. TRONG 4 NĂM CÓ THÊM 19 QUYỂN SÁCH NGHIÊN CỨU NỮA VỀ TRUYỆN KIỀU

Truyện Kiều không những là quyển sách có số lượng sách viết về nó nhiều nhất mà còn là quyển sách độc đáo chỉ trong vòng bốn năm (Đầu của thế kỷ 21: 2001-2004), đã có hàng chục tác giả viết về nó thêm 19 quyển nữa, không kể hàng chục văn bản Truyện Kiều chữ quốc ngữ được in mới hoặc tái bản cùng hàng chục bản Truyện Kiều chữ Nôm (mới tìm ra được in lại) và bản dịch Truyện Kiều ra tiếng nước ngoài. Đó là 19 quyển của 16 tác giả sau đây:

1. Trương Xuân Tiểu * Bình giảng 10 đoạn trích trong Truyện Kiều – NXB Giáo Dục 2001
2. Lê Thu Yên * Nguyễn Du và Truyện Kiều trong cảm hứng thơ của người đời sau - NXB Giáo Dục 2001
3. Lê Xuân Lít * Tìm hiểu từ ngữ Truyện Kiều - NXB Đại Học Quốc Gia 2001
4. Đào Thái Tôn * Văn bản Truyện Kiều nghiên cứu và thảo luận, NXB Hội Nhà Văn 2001

5. Nguyễn Trí Tích * Viết về Nguyễn Du và Truyện Kiều, NXB Thanh Niên 2001
6. Trần Đình Sử * Thi pháp Truyện Kiều –NXB Giáo Dục 2002
7. Phạm Đan Quế * Về những thủ pháp nghệ thuật trong văn chương Truyện Kiều –NXB Giáo Dục 2002
8. Phạm Đan Quế * Truyện Kiều đọc ngược – NXB Thanh Niên 2002
9. Phạm Đan Quế * Lục bát hậu Truyện Kiều –NXB Thanh Niên 2002
10. Hồng Dân & Đường Văn * Nguyễn Du- Truyện Kiều, một hướng cảm luận và dạy học mới - NXB Thanh Niên 2002
11. Tuấn Thành - Anh Vũ * Nguyễn Du – Truyện Kiều, tác phẩm và dư luận – Nxb Văn Học 2002
12. Hoàng Hữu Yên * Cái hay cái đẹp của tiếng Việt trong Truyện Kiều – NXB Nghệ An, 2003
13. Nguyễn Hằng Thanh * Nghệ thuật tái tạo nhân vật Kiều trong Đoạn Trường Tân Thanh của Nguyễn Du – NXB Thanh Niên, 2003
14. Nguyễn Quảng Tuân * Truyện Kiều nghiên cứu và thảo luận, NXB Văn Học 2004
15. Trần Ích Nguyên (Phạm Tú Châu dịch) * Nghiên cứu câu chuyện Vương Thúy Kiều - NXB Lao Động 2004
16. Phạm Đan Quế * Đố Kiều, nét đẹp văn hóa –NXB Thanh Niên 2004
17. Phạm Đan Quế * Bói Kiều như một nét văn hóa –NXB Thanh Niên 2004
18. Phạm Đan Quế * Truyện Kiều trên báo chương thế kỷ XX –NXB Thanh Niên 2004
19. Nguyễn Tài Cẩn * Từ bản Duy Minh Thị đến bản Kiều Oánh Mậu (NXB Văn Học – TT Nghiên cứu Quốc học 2004)

V. QUYỀN TRUYỆN THƠ CÓ THƠ VIẾT NHIỀU NHẤT TRÊN BÁO CHÍ.

Trong thế kỷ 20, thơ viết về Truyện Kiều thường xuyên xuất hiện trên báo chí dưới nhiều hình thức: giới thiệu những bài vịnh Kiều từ thế kỷ 19, dịch thơ, họa thơ và làm những bài vịnh Kiều mới. Ở đầu thế kỷ là mấy trăm bài thất ngôn bát cú hoặc dùng thơ họa hoặc dịch từ chữ Hán hay phiên từ chữ Nôm ra chữ quốc ngữ mà chỉ riêng trong quyển Vịnh Kiều (Nguyễn Văn Y) chúng tôi đã đếm được 803 đơn vị của 131 tác giả. Những bài vịnh Kiều và thơ xướng họa theo lối cũ của các nhóm thi hữu Sài Gòn trước và sau 1975, chúng tôi cũng sưu tập được trên 400 bài mà chúng tôi đã giới thiệu một phần trong hai quyển: Bình Kiều, vịnh Kiều, bói Kiều và Từ lầy Kiều, đố Kiều...đến các giai thoại về Truyện Kiều. Những bài tập Kiều mà chúng tôi giới thiệu trong quyển Tập Kiều - một thú chơi tao nhã

thì ta có thể kể từ Lý Văn Phức, Nguyễn Khuyến đến Phan Mạnh Danh, Tản Đà ... và sau đó là Lê Văn Hòe, Nguyễn Bính, Hoàng Trung Thông ...

Đối với lớp cũ, vịnh Kiều vẫn là tiếp nhận Kiều bằng cảm xúc thơ, họ tưởng như gặp lại trong Truyện Kiều cái thế giới hiện thực mà họ đang sống, những tình cảm là tình cảm mà họ đã trải qua. Họ làm thơ vịnh Kiều chỉ vì cảm Truyện Kiều và vịnh Kiều ở đây là sự gặp gỡ giữa những tấm lòng. Thế giới nghệ thuật Truyện Kiều đối với người xưa được xem như một thế giới có thực, là thế giới có thể gây cảm xúc để tỏ lòng thì với các nhà thơ hiện đại lại mang cảm hứng của thời đại nên tạo được những hình tượng thơ lạ kỳ và diễm lệ trước cái gấn bó của nàng Kiều với dân tộc. Thơ về Kiều gần đây đã mở rộng thêm không gian cảm xúc, nó không chỉ đơn giản là những suy nghĩ về cuộc đời Kiều mà còn đi đến cảm thông với tác giả, trăn trở với những gì mà Nguyễn Du đã trăn trở để có thể kính cẩn ngược nhìn Nguyễn Du như một tượng đài văn hóa dân tộc. Mảng thơ Kiều này thừa hưởng được ở phê bình sự cảm thụ bằng lý trí do cuộc đời Nguyễn Du cũng như kiệt tác của ông tạo nên. Truyện Kiều luôn là một lời vẫy gọi những hồn thơ biết rung động trước cái đẹp nên chắc chắn sẽ còn tạo nên nhiều cảm hứng cho các nhà thơ thuộc những thế hệ sau này.

Sang nửa sau thế kỷ 20, Truyện Kiều được cảm nhận qua cảm hứng của các nhà thơ hiện đại. Ở đây sự tiếp nhận sáng tạo được các nhà thơ gửi cảm xúc của mình lên tác phẩm. Ta có thể kể Tố Hữu, Huy Cận, Tế Hanh, Chế Lan Viên... và sau đó là Vương Trọng, Trần Mạnh Hảo, Trương Nam Hương, Phan Thị Thanh Nhàn... Trong quyển Nguyễn Du và Truyện Kiều trong cảm hứng thơ của người đời sau (NXB Giáo Dục 2002), Lê Thu Yên bước đầu tập hợp được 123 bài thơ của 95 tác giả. Nói chung cảm xúc của các nhà thơ là yêu thương trân trọng tấm lòng và tài năng của Nguyễn Du.

Thơ có thể diễn tả ngắn gọn nhưng hàm xúc nỗi cảm thông của người đọc, như là tiếng nói của sự tri âm. Tập trung cảm xúc vào nỗi đau thiên cổ của Nguyễn Du trong số kiếp Thúy Kiều, Tố Hữu đã bày tỏ niềm cảm thông chân thành và tha thiết với trái tim nhân ái vĩ đại của thi hào:

Nỗi chìm kiếp sống lênh đênh

Tố Như lệ chảy quanh thân Kiều

Bài ca mùa xuân 1961.

Trong thời đại mới khi những giá trị của con người được tôn vinh, Tố Hữu đã cảm thông với nỗi đau nhân thế từng đè nặng lên cuộc đời thi hào Nguyễn Du mà nêu bật lên sự gấn bó giữa nhà thơ với thời đại mới:

Nỗi niềm xưa nghĩ mà thương

Dấu lia ngó ý còn vương tơ lòng

Nhân tình nhắm mắt chưa xong

Biết ai hậu thế khóc cùng Tố Như...

Kính gửi cụ Nguyễn Du

Truyện Kiều được nhìn nhận như một đoạn đời đau thương của dân tộc, trong đó nhiều hình ảnh đã trở thành biểu tượng cho nỗi thống khổ của con người. Hình ảnh cỏ trong hội Đạp Thanh bên ngôi mộ Đạm Tiên đã được Chế Lan Viên đưa vào thơ của mình:

Tranh thương cô Kiều như đời dân tộc

Sắc tài sao lại lắm truân chuyên

Cành xuân phải trao tay khi nước mất

Cỏ bên trời xanh một sắc Đạm Tiên

Trong Truyện Kiều tưởng như mỗi chi tiết đều có khả năng tạo thành sức hút đối với người đọc và nếu trong kiệt tác chúng đã là những hình ảnh của biểu tượng thì nay lại đi vào liên tưởng của những nhà thơ. Cũng vẫn cỏ nơi mộ Đạm Tiên nhưng đến với các nhà thơ thì mỗi người một khác:

Thật kỳ lạ nơi Nguyễn Du nằm đó

Cũng cát vàng còn nọ bụi hồng dậm kia

Cũng nắm mộ sè sè ngọn cỏ

Trong trang Kiều tôi đọc dưới đèn khuya.

Thăm mộ Nguyễn Du – Hoàng Trung Thông

Nguyễn Thị Ngọc Diệp viết riêng một bài thơ về ngọn cỏ:

... Lòng Nguyễn xanh mà cuộc đời máu đỏ

Cỏ mùa xuân bỗng héo úa giữa trang Kiều

Có phải ngọn cỏ này xưa Nguyễn đã từng yêu?

Hồn của Nguyễn cũng là hồn của cỏ

Khao khát uống ánh mặt trời rục rờ

Nên cựa mình đau trước số phận con người!...

Bài thơ về cỏ non

Chế Lan Viên tuy không viết một bài báo (văn xuôi) nào về Truyện Kiều, nhưng ông hầu như không dứt ra được với Truyện Kiều và đã làm tới 14 bài thơ về Nguyễn Du và Kiều. Câu thơ Kiều hay là do nó gợi nhiều hơn tả. Vì thế viết về Truyện Kiều cũng có nhiều câu đặc sắc có sức khái quát cao. Chế đã nêu lên những ẩn dụ bất ngờ và táo bạo:

Nguyễn Du viết Kiều đất nước hóa thành văn...

Không có Du thế kỷ này đành tay không...

hay: Hoá ra Kiều cao gấp mấy đời ông...

Đọc đi đọc lại Truyện Kiều, Chế tướng như đứt hơi mà không biết mệt:

Ta nhớ Tố Như đọc chậm lại Kiều

Đọc chậm từng vàng trắng, từng nỗi buồn ly biệt

Ta yêu Nguyễn có lúc như gió lửa nhanh ào ạt qua đèo

Nhà thơ lớn ư?

Là để cho nhân loại yêu mình bằng mọi cách

Khi thì nâng niu, khi thì hạch sách

Khi giày vò mỗi chữ

Khi trân trọng ngắm từ xa

Nhà thơ vẫn vẹn nguyên qua trăm lần thử lửa

Yêu mà!

Thơ bình phương – Đòi lập phương

Truyện Kiều luôn luôn là hành trang không thể thiếu của cuộc kháng chiến nên Chế Lan Viên đã viết:
Câu thơ của Nguyễn Du cũng góp phần chống Mỹ. Trong bài Nghe bạn đọc Kiều ở chiến hào biên giới,
Thạch Quý đã viết:

Bạn tôi lại đọc câu Kiều

Bên mâm pháo dựng cuối chiều Nam quan

Nhấp nhô lều bạt ba gian

Vì vu gió thổi trăng ngàn lại soi.

Thiếu tướng Nguyễn An lại đến với tiếp nhận kiệt tác trong một không gian đặc biệt ở một hoàn cảnh đặc biệt bằng quyển Kiều với người lính: Trên đỉnh Trường Sơn kể Truyện Kiều. Trần Ninh Hồ thì nhận rằng: Ba ngàn hai trăm năm mươi tư câu thơ, mỗi câu một tiếng nấc...

Riêng nhân vật Thúy Vân thì nhiều người lại khen chê khác nhau mà trước đây chê là chủ yếu. Từ Vũ Trinh cho rằng: Thúy Vân xuất hiện ba lần mà lần nào cũng tro như đá, Vũ Hạnh thì nói: Nàng thực giản dị hay vô tình nhiều quá. Ngay gần đây nhà thơ Vương Trọng cũng còn khá hẹp hòi khi viết:

Quanh ngày tháng phố phường ta gặp

Văng Thúy Kiều sao chen chúc Thúy Vân

Mô típ Thúy Vân

Nay nhiều tác giả lại bênh vực Thúy Vân. Trong thơ thì đó là Trương Nam Hương với Tâm sự nàng Thúy Vân, Kim Chuông với Nghĩ cùng Thúy Vân ngày Kim Kiều hội ngộ:

Cao cả là Vân

Vẫn thân phận ở đời

Ơi các nhà phẩm bình sâu sắc

Trong xếp hạng những tên người nhắc

Hình như người nguyệt ngã với riêng Vân.

và Hoàng Dân trong bài Thúy Vân:

Bán mình chịu cứu cả nhà

Ơn này phúc đặng hà xa muôn đời

Nhưng mà đau lắm chị ơi

Cả em và chị nửa đời dở dang

Ôi Kim lang, hỡi Kim lang

Đàn ông chỉ có một chàng thôi ư?...

Từ xưa, Truyện Kiều với người bình dân đã trở thành những câu ca điệu hò ngọt ngào tình tứ bên giếng nước, giữa sân đình, dưới cây đa, trên con đò ... Với các nhà nho, Truyện Kiều trở thành đề tài ngâm vịnh lúc hạnh ngộ giao lưu. Với người làm thơ nay, Truyện Kiều lại là đề tài cho những xúc cảm nghệ thuật thăng hoa. Mảng thơ gần đây viết về Truyện Kiều thừa hưởng được sự cảm thụ bằng lý trí từ phê bình bởi nó tiếp nhận tác phẩm bằng những hình tượng thơ giàu cảm xúc. Đây là nơi thể hiện mà cũng là kết quả của những tình cảm tri âm cùng niềm tri ân sâu sắc của người sau với Nguyễn Du. Chính cuộc đời của thi hào và kiệt tác Truyện Kiều luôn như muốn kêu gọi những hồn thơ biết rung động trước cái đẹp phải tỏa hương, vì vậy Truyện Kiều như một miền đất lạ chắc chắn sẽ còn tạo nên cảm hứng cho nhiều nhà thơ các thế hệ sau và mảng thơ này vẫn còn nhiều hứa hẹn trong tương lai.

VI. QUYỀN TRUYỆN THƠ CÓ ĐỜI SỐNG THĂNG TRẦM NHẤT VÀ TẠO RA NHIỀU CUỘC TRANH LUẬN TRONG LỊCH SỬ VĂN HỌC.

Truyện Kiều là tác phẩm kỳ diệu của nhân dân Việt Nam nhưng đời sống của kiệt tác trong hai trăm năm qua cũng biết bao nổi chìm sóng gió như cuộc đời đầy thăng trầm của tác giả. Thi hào Nguyễn Du vốn là con và em của những vị tể tướng đầu triều (Nguyễn Nghiễm và Nguyễn Khản) nhưng qua nạn kiêu binh đã nhà tan cửa nát, phải trốn chạy lên Sơn tây, về ở nhờ quê vợ tại Thái Bình rồi đến khi vua Quang Trung ra Bắc dẹp tan hai mươi vạn quân thanh lại mất hàng chục năm lưu lạc, có lúc bị tù đầy có lúc không có cơm ăn thuốc uống ... từ khi ra đời cho đến tận năm 1965, Truyện Kiều cũng đã “người khen kẻ chê ồn ào”, người khen đã nhiều mà người chê cũng lắm hết đợt này đến lần khác. Khen thì hết lời đưa đến tận mây xanh, nào quốc hồn, quốc túy... Mà chê bai, vùi dập thì xuống tận bùn đen đến mức gọi là con đĩ Kiều ... Ở thế kỷ 19 chê Kiều là: Chu Doãn Trí, Nguyễn Công Trứ, Phan Văn Trị. Sang thế kỷ 20 là Ngô Đức Kế, Huỳnh Thúc Kháng đến Tản Đà. Rồi Mai Khê, Nguyễn Thiện Kế, Nguyễn Mạnh Bông... đến Nguyễn Bách Khoa, Minh Tranh, Trần Đức Thảo ... Sau biết bao sóng gió khen chê hàng năm, bấy đợt suốt hơn 150 năm để chỉ đến khi kỷ niệm 200 năm năm sinh Nguyễn Du, Hội Đồng Hòa Bình thế giới và nhân dân ta tôn vinh Nguyễn Du là Danh nhân văn hóa thế giới, Đại thi hào dân tộc vào năm 1965, Truyện Kiều mới có vị trí xứng đáng ngày càng rạng rỡ như ngày nay, hoàn toàn hết cái cảnh Ồ không yên ổn, ngòi không vững vàng. Thực như ứng với câu Kiều thứ 1965:

1965. Liệu bài mở cửa cho ra,

Ấy là tình nặng ấy là ân sâu.

VII. TÁC PHẨM VĂN HỌC LÀM CƠ SỞ CHO NHIỀU LUẬN ÁN TIẾN SĨ NHẤT

Truyện Kiều là tác phẩm văn học đầu tiên của Việt Nam làm điểm tựa cho một luận án Tiến sĩ văn chương năm 1948 của Trần Cửu Chấn: Étude Critique du “Kim Vân Kiều”, poème national du Việt Nam, thèse de doctorat à Paris 1948 (Ouvrage couronné par l' Académie Française 1950) - Trần Cửu Chấn, Docteur ès Lettres – Imp. De l' Union Nguyễn Văn Cừ, Sài gòn 1948.

Sách được trình bày bằng tiếng Pháp gồm 17 chương và phân kết luận với:

Préface của G.A.Bernard

Avant Propos của Trần Cửu Chấn

Và thư mục sách nghiên cứu

Tác giả cũng viết nhiều sách về văn học Việt Nam bằng tiếng Pháp đã xuất bản như:

Essais sur la Littérature vietnamienne, tome I 1950

Les Grandes Poétesses du Việt Nam, études littéraires 1950

Étude Critique et Littéraire du “Lục Vân Tiên”, poème populaire du Sud Việt Nam 1953

Étude sur le mètre “ thượng lục hạ bát” 1953

Le “truyện” dans la Littérature vietnamienne 1973...

Trong phần kết luận Conclusion: Le poème national du Việt Nam, nhà nghiên cứu viết: Le poète Nguyễn Du a tellement transformé le canevas primitif et l' a si bien adapté aux moeurs du Việt Nam qu' on ne reconnaît plus les traces du narrateur chinois. Ainsi l'imitation a complètement éclipsé le modèle -Thi sĩ Nguyễn Du đã biến đổi từ một nguyên liệu thô ban đầu và vận dụng thích hợp với phong tục Việt Nam đến nỗi người ta không còn nhận ra dấu vết của lối kể chuyện Trung Hoa...

Một số nội dung đã được đăng qua mấy bài báo sau đây:

Trần Cửu Chấn * Vie de Nguyễn Du, France - Asie, N0 18, 1947

Trần Cửu Chấn * Le sentiment de la nature le poème du Kim Vân Kieu, France - Asie, N0 11, 1947

Trần Cửu Chấn * Le sentiment de la nature dans le Kim Vân Kieu. II – Le mysticisme dans le Kim Vân Kieu, France - Asie, N0 13, 1947

Trần Cửu Chấn * L'originalité de Nguyễn Du dans le poème du Kim Vân Kieu, France - Asie, N0 21, 1947

Trần Cửu Chấn * L'art de la métaphore dans le poème du Kim Vân Kieu, Éducation N0 4, 1948

Trần Cửu Chấn * Analyse du Kim Vân Kieu de Nguyen Du, poème national du Việt Nam, Éducation N0 6, 1948

Trần Cửu Chấn * La satire sociale dans le poème du Kim Van Kieu. France - Asie, N0 25, 1948

Trần Cửu Chấn* Phê bình sơ lược truyện “Đoạn Trường Tân Thanh”, VHNS số 10&11, 1965.

Truyện Kiều cũng là tác phẩm văn học làm cơ sở cho nhiều luận án tiến sĩ nhất (Cho đến nay đã có 7 luận án tiến sĩ là của Trần Cửu Chấn, Charles Benoit, Nguyễn Thuý Hồng, nghệ sĩ cải lương Bạch Tuyết, Vũ Thị Tuyết, Trần Thị Phương Phương, Phan Công Khanh, Jang Soo Bae...).

Charles Benoit - Sự chuyển biến của truyện Vương Thúy Kiều từ một sự kiện lịch sử Trung Hoa thành một kiệt tác văn học Việt Nam (The evolution of the Wang Cuigiao Tale from historical event in China to literary Masterpiece in Vietnam)... Luận án Tiến sĩ triết học về văn hóa với ngôn ngữ Đông Á, tại trường Đại học Havard, Hoa Kỳ 1981, được công bố trong bài báo: Charles Benoit (Lê Văn Nam) * Nàng Kiều và tôi – TC Xưa Nay số 3, 1995

Nguyễn Thuý Hồng – Từ ngữ Việt và từ ngữ Hán - Việt trong ngôn ngữ nghệ thuật Truyện Kiều, Tóm tắt luận án tiến sĩ ngữ văn, Hà Nội 1995 mà tác giả mới công bố bằng một bài báo: Thử tìm hiểu sự gặp gỡ về nghệ thuật sử dụng ngôn từ giữa ca dao và Truyện Kiều, TC Văn Hóa Dân Gian, số 2, 1995

Vũ Thị Tuyết – Vấn đề Truyện Kiều qua các thời kỳ lịch sử (Từ khi tác phẩm ra đời đến nay), tóm tắt luận án phó tiến sĩ khoa học ngữ văn, chuyên ngành văn học Việt Nam Mã số 50433, Đại học Sư phạm

Hà Nội 1996. Tác giả đã hệ thống hóa tương đối toàn diện ý kiến của các nhà nghiên cứu và phê bình Truyện Kiều qua gần 2 thế kỷ. Tác giả đã chia lịch sử nghiên cứu Truyện Kiều làm 3 thời kỳ (Từ khi tác phẩm ra đời đến 1919 - Từ 1919 đến 1954 - Từ 1954 đến 1996)

Với những đánh giá cụ thể và nhận xét sâu sắc, luận án đã rút ra được những kết luận có ý nghĩa về việc nghiên cứu và phê bình không chỉ với Truyện Kiều mà cả việc nghiên cứu phê bình văn học nói chung. Tác giả đã gắn lịch sử nghiên cứu Truyện Kiều với những quan điểm thẩm bình văn chương đồng thời cũng chú ý tới việc lý giải mối quan hệ giữa tác phẩm và người đọc. Cụ thể là những đóng góp về mấy mặt sau đây:

- Đưa ra một số kết luận ban đầu về những chặng đường nghiên cứu và phê bình Truyện Kiều với những thành tựu cụ thể của từng hướng nghiên cứu tiếp cận tác phẩm.

- Rút ra một số kết luận có ý nghĩa về việc nghiên cứu và phê bình văn học, nhất là nghiên cứu và phê bình tác phẩm văn học quá khứ.

- Cung cấp những tư liệu cơ bản về các ý kiến nhận định, bình giá Truyện Kiều trong gần 200 năm qua cùng một thư mục chỉ dẫn giúp cho việc nghiên cứu dạy và học về Nguyễn Du và Truyện Kiều.

Jang Soo Bae * Bước đầu so sánh Truyện Kiều và Truyện Xuân Hương, TCVH số 10, 1995.

Trần Thị Phương Phương và Jang Soo Bae * Văn hóa truyền thống Việt Nam và triết lý chữ Tâm trong Truyện Kiều – Journal of the Institute of Asian Studies, đại học ngoại ngữ Pusan, Hàn quốc tháng 2-1999

Trần Thị Phương Phương – Nghiên cứu so sánh Truyện Kiều của Nguyễn Du với Epghêni Ônhêghin của A.S. Puskin về mặt phương pháp sáng tác. Tóm tắt luận án tiến sĩ, Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn TP Hồ Chí Minh 2000

Phan Công Khanh - Lịch sử tiếp nhận Truyện Kiều, luận án tiến sĩ ngữ văn, Đại học Sư phạm TP Hồ Chí Minh 2001 mà tác giả mới công bố bằng 2 bài báo: Bói Kiều nhìn từ góc độ tiếp nhận văn học – TC Khoa Học Trường Đại học Sư phạm TP.HCM số 24, 2000, Đố Kiều nhìn từ góc độ tiếp nhận văn học. TC Khoa Học Xã Hội số 46, 2000 và Đào hoa mộng kí như một hình thức tiếp nhận Truyện Kiều, TC Khoa Học Xã Hội, số 45, 2000.

VIII. THI PHẨM ĐƯỢC ĐƯA LÊN SÂN KHẤU VỚI NHIỀU THỂ LOẠI NHẤT.

Trong lĩnh vực sân khấu, ta còn thấy có các tích tuồng Kiều, cải lương Kiều... Trong cuốn “Truyện Kiều và các nhà nho thế kỷ XIX” (Nhà xuất bản Văn Nghệ Thành phố Hồ Chí Minh - 1994), chúng tôi đã trích giới thiệu hồi Hoạn Thư đánh ghen trong vở tuồng Kim Vân Kiều đầu tiên được viết ra từ giữa thế kỷ thứ 19.

Trên tờ Gia Định báo số 52 ngày 29 tháng 12 năm 1896 có bài quảng cáo cho sách xuất bản đầu năm 1897 nguyên văn như sau:

Nhà in bán sách mới lập của ông Claude và Công ty – đường Catinat số 99:

TUÔNG KIM VÂN KIÈU

Lâm Túy hiên truyện, Thê tải Trương Minh Ký kinh lục ra quốc ngữ rõ ràng y theo bản chánh của quan thượng Ngụy công (Thám ba).

Giá bán là.....0\$ 10

Đó chính là quyển: "KIM VÂN KIÈU – Drame en trois actes transcrit, corrigé, annoté par Bùi Quang Nhơn, interprète au titre européen au Secrétariat du Gouvernement de la Cochinchine". Saigon - Imprimerie et Librairie Nouvelles Claude et Cie, 1897.





Bìa quyển I *Tuồng hát Cải lương: Kiều du thanh minh* của Trương Quang Tiên (Sài Gòn 1926)

Tác giả bản tuồng này là quan thượng Ngụy Công (Thám ba) tức là Ngụy Khắc Đản. Ông thi đỗ hạng thứ ba Đệ nhất giáp Tiến sĩ cập đệ năm Tự Đức thứ 9 (1856). Lời văn đối sách có nhiều phần thiết thực nên được nhà vua khen ngợi và trao chức ở Hàn Lâm Viện rồi Án Sát xứ Quảng Nam. Năm Tự Đức thứ 16 (1863) ông được cử đi sứ sang Pháp cùng với Phan Thanh Giản và Phạm Phú Thứ. Khi về nước ông đã được lãnh chức Hữu Tham tri Bộ Hộ rồi Thượng Thư Bộ Binh sau sung vào chức Tham biện ở Cơ Mật Viện. Ông mất năm Tự Đức thứ 25 (1872).

Sang thế kỷ thứ 20, chúng ta thấy các tích tuồng cải lương... về KIM VÂN KIỀU đã được trình diễn nhiều lần và cũng đã được xuất bản như:

- Các bản đờn tranh và bài ca của Phụng Hoàng Sang – Sài Gòn, 1909.
- Các bài ca tài tử, traduit par Đặng Nhiều Hơn, édité par Đinh Thái Sơn, Saigon, 1915.
- Các bài ca tài tử, traduit par Đặng Tiên Thân, Imprimerie de l'Union – Saigon, 1915.

Năm 1926-1927, là những bản tuồng hát cải lương của chủ bản Trương Quang Tiên được xuất bản như *Tuồng hát cải lương: Kiều du thanh minh*, Imp. Nguyễn Văn Việt, Sài Gòn 1926 - *Tuồng hát cải lương: Hoạn thư tróc Kiều*, Nhà in Xưa Nay Sài Gòn 1927 - *Tuồng hát cải lương: Kiều ngộ Từ Hải*, Phạm Đình Khương Sài Gòn 1927.

Những vở tuồng cải lương này được Ban hát TÂN HÍ ĐỒNG BAN của ông Lý Văn Đạo tức Hai Tý, Sài Gòn diễn. Những hình ảnh dùng để minh họa (mỗi bản 8 hình minh họa) cho ba bản tuồng hát nói trên đều do hiệu Khánh Ký chụp từ các buổi diễn của ban hát này. Xin trích in bìa *Cuốn thứ nhất*.

Tuồng hát cải lương: Kiều du thanh minh với hình bìa chú là: “Vương Quang chào Kim Trọng, Túy Kiều Túy vân hơi mắc cỡ”, SAIGON – Imp. J. Nguyễn Văn Việt Février 1926.

Rồi các bản tuồng, cải lương KIM VÂN KIỀU in tại Hà Nội, Hải Phòng... những năm 1930:

- Kim Vân Kiều trò của nhà in Quảng Thịnh Đường Hà Nội - năm Giáp Dần - 1914

- Tuồng cải lương Kim Vân Kiều của Lê Công Kiều diễn tạp rạp Lạc Mộng Đài - Trần Ngọc Thọ - Hải Phòng xuất bản năm 1926.

- Kiều cải lương của Nguyễn Thúc Khiêm - Hà Nội - 1928... Trò Kiều là vở diễn của sân khấu dân gian, chủ yếu sử dụng làn điệu chèo mà thực chất là chèo Kiều. Từ những năm cuối thế kỷ 19 đến những năm 40 thuộc thế kỷ 20, bên cạnh những phường tuồng, phường hát bội thì ở Nghệ Tĩnh có nhiều làng có "phường Kiều". Loại hình này tái xuất hiện ở hai huyện Diễn Châu và Yên Thành (Nghệ An) khoảng năm 1920.

Sau từ Tiên Điền một số nghệ nhân di dân vào các huyện Đức Thọ, Thạch Hà, Kỳ Anh... mang theo Trò Kiều, nhờ thế Trò Kiều phát triển khắp Hà Tĩnh, trở thành một phong trào hát Trò Kiều rất thú vị trong dịp có ngày giỗ Nguyễn Du. Trong chiến tranh chống Mỹ, phong trào Trò Kiều bị ngưng lại nhiều nơi, thậm chí có nơi bị mất đi khó có thể tìm lại được. Mãi sau năm 1972, nét đẹp văn hóa truyền thống này mới dần được hồi phục nhờ một số nghệ nhân làng nhớ lại được. Có Trò Kiều, đội văn nghệ Tiên Điền đi phục vụ khắp nơi trong tỉnh, ra cả khu gang thép Thái Nguyên, biểu diễn cả ở rạp Hồng Hà (Hà Nội - 1982).

Từ khi mộ Nguyễn Du được xây lại (1983) thì chỉ riêng đêm thơ Truyện Kiều ngâm nga trong dịp giỗ cụ Nguyễn chưa thể đủ nên bà con Tiên Điền nghĩ phải tìm cách khôi phục lại Trò Kiều. Các nghệ nhân già đã nói lại từng làn điệu, lời hát, cách diễn nên vở diễn ngày càng hoàn chỉnh và đến đầu năm 2001, đội Trò Kiều chính thức được khai sinh trở lại.

Năm 2001, Viện Văn Hóa Nghệ Thuật thuộc Bộ Văn hóa - Thông tin đã đầu tư cho việc sưu tầm in sách, môn sấm đồ trang phục, kinh phí dàn dựng biểu diễn. Nhờ thế đội Trò Kiều đã tìm được 6 làn điệu chèo, tuồng, ca trù cổ khác nhau. Hiện vở Trò Kiều hoàn chỉnh nhất đang được lưu giữ tại Bộ Văn hóa - Thông tin.

Theo Thái Kim Đỉnh (Thơ văn quanh Truyện Kiều), hiện có bốn văn bản trò Kiều, hai bản sưu tầm ở Kỳ Anh, một bản sưu tầm ở Nghi Xuân và một bản ở Đức Thọ.

Ngoài tuồng Kiều ở thế kỷ XIX ở miền Nam, cải lương ở Hà Nội, Hải Phòng thập niên 30, các vở cải lương Kiều I,II,III của Phạm Ngọc Khuê, của Việt Dung, Sỹ Tiến ở Hà Nội thập niên 50.

Trong bài Hai lần đóng Thúy Kiều, nghệ sĩ cải lương Kim Xuân kể lại trên Tạp chí Văn học tháng 11-1965 (Cánh Hồng ghi) có đoạn:

Ngày Thủ đô Hà Nội còn bị tạm chiếm, một số đoàn ca kịch cải lương đã đem Truyện Kiều lên sân khấu. Một số nghệ sĩ như Kim Chung (đoàn Kim Chung), Bích Hợp (đoàn Huỳnh Lan Anh) đã từng sắm vai Thúy Kiều. Các chị ấy diễn rất hay, cho đến bây giờ trong khán giả vẫn còn có người nhắc

nhờ. Nhưng hồi đó khi xem các chị ấy diễn, cũng như khi bản thân mình được đóng vai Thúy Kiều, thật ra tôi vẫn chưa hiểu nàng Kiều của Nguyễn Du cho lắm. Tôi chỉ nghĩ đơn giản: Truyện Kiều cũng giống như nhiều nhân vật tài sắc khác, nhưng Tây Thi, Diêu Thuyền, Chiêu Quân... mỗi người có một số mệnh riêng trên sân khấu. Tài sắc của Tây Thi là để hoàn thành kế mỹ nhân của Câu Tiễn, tài sắc của Diêu Thuyền là để gây nên tấn kịch tranh đoạt giữa cha con Đổng Trác... Còn tài sắc của nàng Kiều là để dẫn nàng vào oan khổ lưu ly, và rồi làm cho Kim Trọng suốt đời lận đận, làm cho gia đình Thúc Sinh mất hạnh phúc, làm cho người anh hùng Từ Hải phải chết đứng...

... Từ sau ngày Thủ đô giải phóng, mãi đến năm 1960, tôi mới có dịp trở lại với vai Thúy Kiều. Trước đây một thời gian, Đoàn cải lương Trung ương cũng đã đem Truyện Kiều lên sân khấu, và chị Thúy Ngân trong vai Kiều đã giành được nhiều cảm tình của người xem. Đặc biệt vở Kiều do Đoàn cải lương Hoa Mai dựng với vai Kiều do chị Tuyết Sơn đóng rất đạt, đã được giải khuyến khích trong hội diễn 1958. Những vở Kiều này có chỗ thuận lợi là chia ra ba hay bốn hồi, mỗi hồi tập trung vào một chủ đề chính, mỗi một lần diễn, diễn trọn vẹn một hồi. Do ưu điểm này, vở kịch có thể khai thác sâu vào các tình tiết, nâng cao tính cách nhân vật, và đẩy mạnh xung đột của kịch. Đồng thời diễn viên chính cũng chỉ phải sống trong một tâm trạng nhất quán (tâm trạng trao duyên, tâm trạng lẽ mọn, v.v...).

Vở Kiều do các anh Việt Dung và Sĩ Tiến soạn mà đoàn chúng tôi công diễn thì khác hẳn. Câu chuyện thâu tóm suốt mười lăm năm lưu lạc của cuộc đời Kiều, trong đó tập trung hàng loạt cảnh ngộ khác nhau. Nhưng các cảnh ngộ khác nhau ấy lại phải nhằm làm nổi bật chủ đề duy nhất: tố cáo bản chất xấu xa của chế độ phong kiến...

Cũng để đưa lên sân khấu, Hoàng Xuân Nhị đã viết quyển *Thúy Kiều, voix nouvelle sur un thème éternel de souffrance* do nhà Mervre de France Paris xuất bản năm 1952 dưới dạng một vở kịch bằng tiếng Pháp mà chúng tôi đã giới thiệu thêm cùng bìa sách ở cuối chương II, Phần thứ nhất: Mười bản dịch Kiều ra tiếng Pháp.

bản Kiều tiếng Pháp nữa của Hoàng Xuân Nhị: quyển *Thuy Kiêuou – voix nouvelle sur un thème éternel de souffrance* do MERCVRE DE FRANCE, Paris xuất bản năm 1942. Nhưng đây không phải là bản dịch Truyện Kiều ra tiếng Pháp mà là một vở kịch về Truyện Kiều. Vào những năm 1960, vở kịch này được các sinh viên lớp Văn khoá VIII Đại học Tổng hợp Hà Nội diễn bằng tiếng Việt trong chiến tranh, như nhà văn Vũ Duy thông kể lại trên tạp chí Văn Hiến Việt Nam số 10-2004 trong bài *Lớp chúng tôi như sau* :

.... Và chúng tôi vui nở trời . Đó là những đêm lợi đồng đi diễn kịch nói *Thúy Kiều* của thầy chủ nhiệm khoa hoàng xuân nhị do Hoàng Chương đạo diễn Để bạn đọc có tư liệu, ở đây xin giới thiệu bản chụp ảnh bìa của quyển tiến Pháp na2yy.

IX. HỘI HỌA VỀ KIỀU QUY TỤ NHIỀU DANH HỌA HÀNG ĐẦU

1. Những họa bản đầu tiên có lẽ là ở bản dịch của Abel des michels (2 tập), Paris 1884 - 1885 (Ernest Leroux). Đây là những nét vẽ mộc mạc của các nghệ nhân dân gian ta cuối thế kỷ XIX.

Trên nguyệt san Kiến Thức Ngày Nay số 152, tháng 10 - 4, ông Nguyễn Ngọc Trí, làm việc tại thư

viện Anh quốc, có giới thiệu một quyển Kiều cô chép tay mà thư viện mới mua được với một giá rất đắt. Đó là quyển Kiều khổ 21 x 33cm dày 146 trang, có chú thích bằng chữ Hán. Chỉ thấy ở trang đầu có ghi thêm Anno 1894 và ở trang cuối ghi Paul Pelliot. Acheté 432 Fr. Porte Sully - Juin 1929 No 518. Cuốn này hiện được bảo quản cẩn thận dưới kí hiệu OR14844 không biết có phải được sao chép từ năm 1894 không? Trang nào của sách cũng có tranh minh họa chữ viết rất cẩn thận công phu. Mỗi trang đều có 3 phần: tóm tắt bằng chữ Nôm, một đoạn Kiều và tranh minh họa. Có lẽ đó là bản Kiều có nhiều tranh minh họa nhất.

Còn một bản Kiều với nhiều tranh minh họa khác đã bị thất lạc là của Bùi Khánh Diễm, nguyên là chủ bút Đồng văn nhật báo. Con trai và là người đứng ra xuất bản quyển Kim Vân Kiều chú thích sau khi cha qua đời 10 năm, ông Bùi Thiện Căn trong lời Tự Tự ở đầu sách cho biết: Trong khoảng năm 1881-1903, cụ Bùi Khánh Diễm đã làm một pho Truyện Kiều chia ra từng hồi, nửa trang trên vẽ nhân vật, phong cảnh cho hợp với nội dung từng trang, công viết công vẽ rất là công phu. Khi xong có giao cho Chéron là quan trưởng lý để gửi sang Pháp và "Tòa Hàn Lâm Viện có gửi ban cho gia tiên nghiêm tôi một cái médaille Hàn lâm (Officier de l' Académie)". Tiếc thay, pho Kiều vẽ không có bản lưu nên năm 1921, lúc in ra không có hình vẽ.

Gần đây nhất - năm 2000 - Nhà xuất bản Văn hóa Dân tộc cũng cho ra mắt quyển Truyện Kiều bằng tranh gồm hai tập. Trang nào cũng có bốn phần: một đoạn Kiều, tranh minh họa của Trương Quân, lời diễn ra văn xuôi và chú thích của Trần Kim Lý Thái Thuận. Chúng tôi trích in mấy trang để làm Tư liệu tham khảo.

2. Năm 1942, nhà văn Đào Duy Anh và bạn hữu cho ra Tập văn họa kỷ niệm Nguyễn Du do Hội Quảng Trị - Huế xuất bản. Có thể nói đây là nơi hội tụ của các họa sĩ tài danh thế kỷ XX thử bút với Truyện Kiều trong 11 họa bản sau đây:

1. Khi tỉnh rượu, lúc tàn canh của họa sĩ Nguyễn Gia Trí
- 2.... theo bóng trăng tà về tây của họa sĩ Lương Xuân Nhị
3. Vàng trắng ai xẻ làm đôi của họa sĩ Nguyễn Tường Lân.
- 4.... lạ vẻ cân đai của họa sĩ Nguyễn Đỗ Cung
5. Tú Bà ghé lại thong dong... của họa sĩ Tô Ngọc Vân
- 6.... khắc vợi canh tàn của họa sĩ Trần Văn Cẩn
- 7.... lá gió cành chim của họa sĩ Phạm Hải
- 8.... trong ngọc trắng ngà của họa sĩ Lê Văn Đệ
9. Bẻ bai rử rĩ tiếng tơ của họa sĩ Tôn Thất Đào
- 10.... chán chường yếm anh của họa sĩ Nguyễn văn Ty
11. Thành xây khối biếc... của họa sĩ Lưu văn Sìn

Năm 1942, bản dịch Truyện Kiều của Nguyễn Văn Vĩnh trong ấn bản thành sách đầu tiên của nhà Alexande de Rhodes cũng giới thiệu 13 họa bản của họa sĩ Mạnh Quỳnh:

1. Nghề riêng ăn đứt hồ cầm một chương
2. Sẵn đây ta thấp một vài nén một hương
3. Kẻ nhìn tận mặt người e cúi đầu
4. Nổi riêng riêng những bàn hoàn
5. Hung hăng chẳng hỏi chẳng tra
6. Nâu sồng từ trở màu thiên
7. Khi gió gác, khi trăng sân
8. Mịt mù dặm cát đôi cây
9. Bốn dây như khóc như than
10. Trai anh hùng gái thuyền quyên
11. Một nhà chung chạ sớm trưa (?)
12. Khóc rằng trí dũng có thừa
13. Trong thuyền nào thấy Đạm Tiên

Bản Truyện Kiều chú giải của Lê Văn Hòe do nhà xuất bản Ziên Hồng, Sài gòn tái bản năm 1952 được trình bày với 10 họa phẩm của họa sĩ Tú Duyên mà Lê Thu Yên trích giới thiệu 7 bức cùng với 2 bức của Mai Hoa trong quyển Nguyễn Du và Truyện Kiều trong cảm hứng thơ của người đời sau.

Bản dịch Histoire de Thúy Kiều - Traduction en vers libres par Lưu Hoài cũng trình bày 10 họa phẩm của họa sĩ Phạm Cung:

1. So đàn dây vũ dây văn
2. Trong như tiếng hạc bay qua
3. Rằng sao trong tiết thanh minh
4. Hai Kiều e lệ nép vào dưới hoa
5. Buồn trông cửa bể chiều hôm
6. Rừng phong thu đã nhuốm màu quan san

7. Bôn giây như khóc như than

8. Nâu sồng từ trở màu thiên

9. Râu hùm hàm én mày ngài

10. Trai anh hùng gái thuyền quyên

Và còn nhiều nữa... Truyện Kiều đến nay đã được tái bản đi tái bản lại hàng bao nhiêu lần, chỉ những sách viết về Truyện Kiều theo thống kê của chúng tôi trong thế kỷ XX cũng đã tới trên 70 quyển, những trang bìa sách và tranh minh họa rất nhiều nên ở đây chỉ nêu những họa bản chính.

3. Ấn phẩm nghệ thuật của Truyện Kiều chỉ có phần văn bản xuất hiện năm 1951 là quyển Kim Vân Kiều của Nhà xuất bản Văn Học, Paris, chữ đẹp viết tay và một số họa bản của các họa sĩ tên tuổi như Vũ Cao Đàm, Mai Trung Thứ...

Năm 1999, Nhà xuất bản Văn hóa Thông tin lại cho ra mắt ấn phẩm đặc biệt với hình thức trang trọng - một bản Kiều quý - qua 21 họa bản mới mẻ của một nữ họa sĩ trẻ Nguyễn Mai Hoa trong ước mong những câu thơ lay động của thi hào Nguyễn Du và những nét vẽ tài hoa của một cây cọ trẻ đến thẳng với sự cảm nhận của độc giả. Ta có thể kể:

Tài tình chi lắm cho trời đất ghen

Sẵn đây ta thắp một vài nén hương

Chàng vương quen mặt ra chào - Hai Kiều e lệ

nép vào dưới hoa

Nghĩ mình phận mỏng cánh chuồn

Già giang một lão một trai

Vó câu khắp khênh bánh xe gập ghềnh

Cùng trong một tiếng tơ đồng

Râu hùm hàm én mày ngài...

4. Truyện Kiều và thư pháp. Như trên đã nói, tài hội họa của Thúy Kiều ít được bộc lộ nhưng về chữ viết của nàng thì tuyệt đẹp đến nỗi khi xem kinh nàng viết ở Quan Âm Các, Hoạn Thư phải khen ngợi hết lời:

1987. Khen rằng: - Bút pháp đã tinh,

So vào với thiếp Lan Đình nào thua!

1989. Tiếc thay lưu lạc giang hồ,

Nghìn vàng thật cũng nên mua lấy tài.

(Thiếp Lan Đình là điển tích về nhà thư pháp nổi tiếng của Trung Quốc là Vương Hy Chi ở thế kỷ thứ 4 đầu kỷ nguyên. Vương Hy Chi, tự là Dật Thiệu người huyện Thiệu Hưng, tỉnh Chiết Giang. Lối chữ “Khải” của ông được người đời cho là đẹp nhất từ trước tới nay. Trong các bản bút thiếp của Vương để lại có bản “Lan Đình tập tự” được hậu thế quý trọng, cho làm mẫu mực để tập theo. Ngày nay, trong các lối chữ Hán còn có lối chữ “Lan Đình”; đó tức là lối chữ phỏng theo chữ viết của Vương Hy Chi trong “Lan Đình tập tự”.

Vương Hy Chi thường cùng bè bạn tập hợp nhau luyện chữ, ông viết nhiều đến nỗi bên Lan chữ trước nhà ông, nước lúc nào cũng đen màu mực. Nhân ngày thượng kỳ (ngày 3 tháng 3 năm Vĩnh Hòa thứ 9 đời nhà Tấn - tức năm 337 sau công nguyên) Vương tụ hội cùng 41 danh sĩ đến làm lễ phát khiết ở bên Lan chữ trước nhà, cạnh bên có đình nên gọi là Lan Đình. Tại đây ông đã viết bài Lan Đình tập tự nổi tiếng và ông cũng đã viết một lúc 100 chữ chi không một chữ nào giống chữ nào mà chữ nào cũng đẹp).

Trong nhiều bản thư pháp chữ Quốc ngữ hiện nay, chữ TÂM hoặc câu "Chữ Tâm kia mới bằng ba chữ Tài"... được trình bày trang trọng trong thư phòng. Đặc biệt nhân dịp Festival Huế 2002, Truyện Kiều độc bản bằng chữ Quốc ngữ được hoàn thành để giới thiệu với khách quốc tế quyển Kiều lớn nhất mà chắc chắn cũng là quyển sách lớn nhất Việt Nam. Đây là tác phẩm của nhà thư pháp Nguyệt Đình viết từ cuối năm 2001, mỗi ngày chỉ vẫn được mấy chục câu trên khổ giấy 1m x 1,6m dày 300 trang. 3.254 câu Kiều được viết trên hai mặt giấy Cossin 120, mỗi trang thơ đều được các họa sĩ vẽ tranh nền riêng, bìa sách làm bằng gỗ bọc gấm, gáy sách bằng đồng, bốn góc bọc kim loại, mực xạ loại tốt được pha thêm một số hóa chất để mực thơm và không bị phai. Mở đầu quyển sách là Lời Tựa và hai câu thơ nổi tiếng của thi hào:

Bất tri tam bách dư niên hậu

Thiên hạ hà nhân khấp Tố Như.

Sách nặng khoảng 50kg, đặt trên một cái giá vững chắc, mỗi khi muốn xem phải có hai người khiêng xuống rồi lật từng trang một. Truyện Kiều trên thư pháp cũng là một đóng góp với nền văn hóa nước nhà.

5. Đặc biệt, đầu năm con ngựa - Nhâm Ngọ 2002 vừa qua, Tổng công ty Hàng Không Việt Nam - VIETNAM AIRLINES Corporation - đã đón mừng năm mới cùng quý khách hàng bằng một tập lịch khổ lớn với 12 bức tranh về ngựa của họa sĩ Lê Trí Dũng dành cho 12 tháng trong năm, trong đó có 4 bức tranh ngựa trong Truyện Kiều:

1. Tuyết in sắc ngựa câu giòn,

Cỏ pha màu áo nhuộm non da trời.

2. Trông vờ trời bể mệnh mang,

Thanh gươm yên ngựa lên đường thẳng dong.

3. Được lời như cõi tấc son,

Vó câu thẳng ruổi nước non quê người.

4. Người lên ngựa, kẻ chia bào,

Rừng phong thu đã nhuốm màu quan san.

Một điều khá thú vị là cả bốn bức đều có liên hệ đến nhân vật chính Thúy Kiều. Trong bốn bức tranh ngựa có ba bức viết về ba người tình quan trọng nhất của nàng. Sự xuất hiện của Kim Trọng vào mùa xuân sau hội Đạp thanh là bức tranh dành cho Tháng hai:

0139. Tuyệt in sắc ngựa câu giòn,

Cỏ pha màu áo nhuộm non da trời.

Hai bức tranh tiếp vào mùa hè (?) và mùa thu là hai cuộc chia tay của Thúy Kiều với hai người chồng quan trọng nhất của nàng. Từ Hải ra đi được dành cho Tháng năm:

2215. Trông vời trời bể mệnh mang,

Thanh gươm yên ngựa lên đường thẳng dong.

Thúc Sinh chia tay Thúy Kiều thì đúng vào mùa thu nên để vào Tháng bảy:

1519. Người lên ngựa, kẻ chia bào,

Rừng phong thu đã nhuốm màu quan san.

Bức thứ tư tả niềm hân hoan của chàng Thúc Sinh khi được Hoạn Thư gợi ý cho về thăm Kiều sau một năm cách biệt, trên lịch để vào Tháng sáu:

1601. Được lời như cõi tấc son,

Vó câu thẳng ruổi nước non quê người.

Thực ra lần Thúc Sinh trở về thăm Kiều này cũng vào mùa thu năm sau với cảnh được mô tả trong hai câu thơ tiếp theo đã rất quen thuộc với chúng ta:

1603. Long lanh đáy nước in trời,

Thành xây khói biếc, non phơi bóng vàng.

Tiến sĩ sử học Tạ Ngọc Liên giới thiệu tập lịch này như một nét mới trong ấn bản lịch năm 2002:

...Từ xa xưa hình ảnh ngựa luôn được ca ngợi trong tục ngữ, ca dao và cũng luôn là nguồn cảm hứng

sáng tạo vô tận cho thi nhân, văn sĩ. Ngòi bút tả ngựa của họ mỗi người một vẻ, một sắc thái riêng nhưng chứa đựng một chất men say đầy cuốn hút. Ngựa trong Thiên Nam Ngũ Lục hùng hực sức mạnh lay động đất trời, còn ngựa trong Chinh phụ ngâm và Truyện Kiều lại như đang nhẹ bước trong khói thu nửa hư nửa thực đầy quyến rũ...

Khi xem những bức vẽ ngựa của họa sĩ Lê Trí Dũng, ta có cảm tưởng thần thái ngựa trong tranh của anh gần gũi với những áng thơ tả ngựa của các thi nhân xưa. Tình yêu cũng như cảm hứng của Lê Trí Dũng về vẻ đẹp, sức mạnh của ngựa dường như được khởi nguồn từ ký ức sâu thẳm về truyền thống văn hóa dân tộc. Chỉ với "mực Tàu, bút lông" Lê Trí Dũng đã thể hiện được một phong cách vẽ ngựa riêng với một niềm đam mê đến tận cùng.

Do điều kiện ấn loát không thể có được những bức tranh màu, ở đây chúng tôi chỉ có thể cố gắng trích in một số họa bản đen trắng thu nhỏ để quý vị độc giả có một cái nhìn toàn cục về mối quan hệ giữa Truyện Kiều và hội họa Việt Nam.

X. TRUYỆN KIỀU CŨNG LÀ TÁC PHẨM MÀ VĂN BẢN VÀ CHỮ NGHĨA RẮC RỐI VÀ GÂY RA NHIỀU TRANH CÃI NHẤT

1. Truyện Kiều đi vào thế giới tưởng tượng của người đọc dường như lớn hơn nhiều so với những gì mà Nguyễn Du gửi gắm. Ý nghĩa và giá trị của Truyện Kiều luôn chịu sự khúc xạ của các quan điểm học thuật, triết học, chính trị và cả những tình cảm dân tộc và những điều kiện lịch sử cụ thể. Vì thế đối với nhà nghiên cứu, tiếp cận đúng đắn Truyện Kiều không được xa rời những dữ liệu hiện thực của văn bản. Nhưng văn bản nguyên tác của Nguyễn Du nay chắc không thể tìm lại được mà chỉ cố gắng xác lập văn bản Kiều gần nguyên tác nhất mà thôi.

Để có được một Truyện Kiều gần với diện mạo nguyên thủy của Nguyễn Du, nhiều học giả đã đang và vẫn sẽ phải tiếp tục đổ mồ hôi trên những dòng lục bát Truyện Kiều. Từ Bùi Kỳ - Trần Trọng Kim, Tản Đà, Lê Văn Hòe, Đào Duy Anh, Nguyễn Thạch Giang... và gần đây là Đào Thái Tôn, Nguyễn Quảng Tuân, Nguyễn Khắc Bảo ...

Các nhà nghiên cứu thường chọn ra một bản trực và một số bản mà họ cho là đáng tin cậy nhất để trên cơ sở đó lựa chọn văn bản và giải thích. Khi chọn được một bản Kiều lại phải xem xét mối liên hệ với tiếng nói của thời đại Nguyễn Du cũng như thổ âm xứ Nghệ và văn chương điển cố Trung Quốc.

Đầu thế kỷ 20 các nhà chú giải thường nghiêng về hướng bình luận văn chương, phân tích cái hay cái đẹp trong nghệ thuật Truyện Kiều và tìm ra những chỗ đáng hồ nghi về văn lý hay câu chữ. Sau này kết hợp với những cách nhìn nhận mới, người ta chú trọng đến phong cách ngôn ngữ của Nguyễn Du cũng như tình tiết của đoạn thơ, bố cục của câu chuyện kết hợp với những chữ đã được dùng trong tác phẩm...

Như vậy, việc nghiên cứu văn bản Truyện Kiều cũng lại gắn liền với sự phát triển của tiếng nói và văn học dân tộc cũng như của khoa nghiên cứu phê bình văn học.

2. Chữ nghĩa Truyện Kiều vốn là một vấn đề tranh cãi không bao giờ dứt, đọc ra sao, hiểu thế nào, mỗi

người đọc một cách, mỗi người hiểu một cách. Tác phẩm được viết bằng chữ Nôm, vốn không phải là một thứ chữ ghi âm như chữ quốc ngữ. Thuộc loại hình chữ vuông, chữ Nôm mượn chữ Hán nhưng vì không phải thứ chữ dùng chính thức của quốc gia thời đó nên không có quy củ như chữ Hán. Nhiều chữ rất khó đọc và cách đọc cũng không thống nhất, có chữ có nhiều âm lại có âm có nhiều cách viết nên mỗi người đọc một cách. Đây là chưa kể ngay những chữ biết chắc chắn rồi thì phiên ra chữ quốc ngữ cũng không phải dễ thống nhất như giữa hương và nhang, đường và đàng... chưa kể những chữ gửi và gởi, bực và bậc...

Từ chữ nghỉ hay nghỉ - chữ ngài trong nét ngài, mày ngài - một trương hay ngài trương ... rồi Kiều đánh cây đàn gì (Hồ cầm, cầm trắng)?... Quý vị độc giả có thể tra trong Danh mục bài báo của chúng tôi để biết hàng trăm bài tranh luận và thấy cái phức tạp của vấn đề. Chúng tôi xin chỉ dẫn một trường hợp về hai chữ gươm đàn trong câu:

2173. Giang hồ quen thú vẫy vùng,

Gươm đàn nửa gánh, non sông một chèo.

Câu thơ này Nguyễn Du đã sử dụng hai câu thơ của Hoàng Sào cuối đời Đường:

Bán kiên cung kiếm bằng thiên túng,

Nhật trạo giang sơn tận địa duy.

Cung kiếm đều là vũ khí còn gươm đàn vừa có thể cùng là vũ khí - cung và đạn, vừa có thể coi gươm là vũ khí còn đàn là nhạc cụ.

Đào Duy Anh dịch thơ là: “Cung kiếm nửa vai trời thả cửa, Non sông một mái đất cùng nơi”. Dịch là cung kiếm nhưng trong Từ điển Truyện Kiều, Đào Duy Anh lại giải thích gươm đàn là cái gươm và cây đàn, nhạc cụ - vật tùy thân của người giang hồ phong lưu. Nguyễn Thạch Giang dịch ra văn xuôi nên rõ hơn: “Chỉ nửa vai cung kiếm mà tung hoành khắp cả gầm trời, Chỉ một mái chèo mà đi khắp cả non sông” và “gươm đàn” về cơ bản chỉ là một cách nói khác của từ “cung kiếm”, vì “đàn” là “một loại cung, bắn đạn tròn đi rất xa”.

Đào Duy Anh cho rằng: “Nguyễn Du sửa “cung kiếm” thành “gươm đàn” để chỉ rằng Từ Hải là người nghĩa hiệp và phong lưu mà dẫn đến sự gặp gỡ với Thúy Kiều” và “Các nhà thơ xưa như Cao Bá Quát, Nguyễn Khuyến hay dùng từ cầm kiếm”.

Câu thơ này đã gây nên cuộc tranh luận sôi nổi trong hai đợt trước sau trên 20 năm (1974 và 1996) mà vẫn không ngã ngũ với ít nhất 9 bài báo của 8 tác giả sau đây:

Trần Khuê: Gươm đàn hay gươm cung? (TCVH số 3, 1974)

Quang Đạm: Nhạc cụ hay vũ khí? (TCVH số 5, 1974)

Đỗ Văn Hỷ: Cây kiếm với cây đàn. (TCVH số 5, 1974)

Nguyễn Minh: Nhân chuyện "gươm đàn" (TCVH số 2, 1975)

Đỗ Văn Hỷ: Bàn thêm về gươm đàn (TCVH số 3, 1976).

Lê Đình Kỳ: “Gươm đàn nửa gánh” trên sách giáo khoa, KTNN số?- 1996?

Nguyễn An Ninh: Thầy giáo giải thích như thế nào? (Về chữ gươm đàn), Văn Nghệ (13-1-1996)

Nguyễn Khắc Phi: Bàn thêm về chữ "đàn" trong một câu thơ Truyện Kiều. TCVH số 4, 1996

Đào Thái Tôn: Gươm đàn không phải gươm và cây cung bắn đạn tròn. Văn Nghệ số 13, 1996.

Sách giáo khoa cho học sinh phổ thông chú thích đàn là vũ khí nên Nguyễn An Ninh cho rằng nếu vậy thì “người đọc sẽ nghĩ Từ Hải là kẻ hào hán võ biên chỉ biết kiếm cung, chỉ biết chém giết, chỉ biết đánh chiếm” trong khi đó thì Từ Hải của Nguyễn Du “đầy chất nghệ sĩ” và “cây gươm, cây đàn là hai hình ảnh cân bằng trong tâm hồn Từ Hải”, “gợi lên hai nửa cân đối, không bên nào hơn bên nào”... Nhiều nhà nghiên cứu khác cũng hiểu đàn là nhạc cụ - tuy chưa phát biểu trên báo.

Tác giả 9 bài báo trên đều đã trích dẫn nhiều thơ, sách cổ lại tra cứu nhiều từ điển nên bài viết khá dài mà nếu chỉ in trên sách thường cũng phải được đến 50 trang chỉ vì hai chữ gươm đàn, mà nào đã xong đâu. Thế mới biết câu chữ Truyện Kiều luôn là “vấn đề muôn thuở”.

Đề quý vị độc giả có cái nhìn chung, chúng tôi xin trích dẫn một vài nhan đề bài báo về từng mặt:

A. Chữ nghĩa Truyện Kiều tập trung vào một số chữ cụ thể:

Cao Xuân Hạo *Đôi mày ngài của Từ Hải, KTNN số 199, 1996

Cao Xuân Hạo *Về mối quan hệ ngữ nghĩa và ngữ pháp của “Mày ngài” trong câu thơ: “Râu hùm hàm én...” TCNN số 4, 1982

Cao Xuân Hạo *Mày ngài trong câu "Râu hùm, hàm én, mày ngài" TCNN số 4, 1982.

Hà Quang Năng * Lại nói về hai chữ “Nét ngài” trong Truyện Kiều NNVĐS số 5, 1997

Trương Xuân Kiều * Về hai chữ “Nét ngài” trong Truyện Kiều NNVĐS số 6-1996

Nguyễn Quảng Tuân* “Mày ngài” và “Nen”, Báo Người Hà Nội, số 68 (15-1-1958)...

Nguyễn Quảng Tuân* “Một trương” không phải “Ngải trương”, KTNN Số 52, 1991

Đào Thái Tôn* Qua ba bài báo về hai chữ Ngải Trương. Văn Nghệ số 1992...

B. Việc đọc những chữ Nôm cổ

Nguyễn Thế Lịch * Đá vàng, vàng Đá, TCNN số phụ 2, 1984

Nguyễn Thế Lịch * Đền quá nửa thì, TCNN số 4, 1990

Nguyễn Thế Lịch * Liều hay liệu, TCNN số 2, 1991

Bùi Thiết * Về cách đọc hai âm "Đàng" và "Đường" trong Truyện Kiều. TCNN số 3, 1993

Thế Anh * Trọng nghĩa khinh tài hay trọng nghĩa khinh tài? Thuận hức hay thần vược? Gươm tuốt rấp ra hay gươm tuốt nắp ra? NNVĐS 3, 1998...

Đào Thái Tôn* Nhân câu “Quản chi trên các dưới duềnh”, Văn Nghệ số 50, 1999

Nguyễn Khắc Bảo * Khác nhau một chữ hoặc khi có làm? NNVĐS số 12, 1999

Nguyễn Khắc Bảo * Pha phôi chứ không phải xa xôi. NNVĐS số 6, 1999

Nguyễn Khắc Bảo * "Sương siu" là quyển luyến, bịn rịn. NNVĐS số 2, 2000...

C. Suu tầm văn bản Truyện Kiều qua mấy bài báo:

Trương Sơn* Còn một bản Kiều cổ ở Thái Bình, Báo Nhân Dân cuối tuần số 36, 1997...

Hữu Nguyên* Suu tầm được 27 bản Truyện Kiều cổ bằng chữ Nôm, Báo Tuổi Trẻ chủ nhật số 20, 1999.

Nguyễn Khắc Bảo * Tám bản Truyện Kiều in chữ Nôm mới suu tầm được ở Bắc Ninh, TC Xưa Nay số 11, 2000...

Phạm Minh Nguyệt * “Ông lang Chọi” suu tầm Truyện Kiều, SGGP Thứ Bảy 21-8-2004...

D. Đánh giá các bản Kiều:

Đào Thái Tôn* Tìm hiểu thực chất "bản Tiên Điền" Truyện Kiều. Thông báo Hán Nôm - 1997

Đào Thái Tôn* Không có bản Kinh Truyện Kiều TCVH số 2, 1998.

Đào Thái Tôn* Không có bản Phường Truyện Kiều. TCVH số 1, 1998.

Đào Thái Tôn* Về thực chất khái niệm “bản Phường” của Truyện Kiều, TC Sông Hương số 107, 1998.

Nguyễn Khắc Bảo * Vài ý kiến về cuốn tư liệu Truyện Kiều, bản Duy Minh Thị, NNVĐS số 5, 2003

Nguyễn Quảng Tuân * Trao đổi với ông Thế Anh về bản Kiều nôm cổ nhất, NNVĐS số 6-2003...

Nguyễn Quảng Tuân* Mấy nhận xét về bản Kiều nôm cổ nhất mới phát hiện, KTNN Số 503, 2004...

E. Vấn đề phiên âm các bản Kiều

Thế Anh * Một bản Kiều phiên âm có nhiều sai sót. NNVĐS số 4, 2001...

Thế Anh * Đôi điều trao đổi về văn bản Truyện Kiều. NNVĐS 11, 2001.

Nguyễn Khắc Bảo * Sử dụng phương pháp đối chiếu để phiên âm chính xác Truyện Kiều, NNVD số 6, 2004...

F. Vấn đề hiệu đính Truyện Kiều:

Nguyễn Văn Hoàn * Bàn thêm về việc hiệu đính Truyện Kiều. TCVH số 1, 1962.

Nguyễn Quang Tuân * Một vài ý kiến về nguyên tắc hiệu đính Truyện Kiều. TCVH số 4, 1978...

3. Về những cuộc tranh luận quanh câu chữ với hàng trăm bài báo đã nêu trong Danh mục, chúng tôi đã nêu một số đề báo quanh chữ nghĩa Truyện Kiều và nói kỹ một trường hợp ở trên với 9 bài – có trích in bài của Lê Đình Kỵ ở phần II. Gần đây ta thấy nổi lên cuộc tranh luận giữa ông Nguyễn Quang Tuân và ông Đào Thái Tôn mà hai tác giả phải cho ra hai quyển sách chỉ để trình bày lập trường của mình. Đề quý vị độc giả có cái nhìn toàn diện chúng tôi xin nêu ở đây những bài báo mà các vị đã dẫn ra khi tranh luận.

* Quyển thứ nhất là Văn bản Truyện Kiều – nghiên cứu và thảo luận của Đào Thái Tôn (NXB Hội Nhà Văn, 2001) gồm 15 bài nghiên cứu về câu chữ Truyện Kiều và bản Kinh, bản Phường, 10 bài thảo luận và 7 bài phụ lục. Sau đây là 10 bài thảo luận được dẫn:

1. Hoàng Xuân Hãn: Học giả Hoàng Xuân Hãn nói về Truyện Kiều (TCVH số 3, 1997)

2. Nguyễn Quang Tuân: Một vài nhận xét về việc nghiên cứu Truyện Kiều của cố học giả Hoàng Xuân Hãn (TCVH số 6, 1997)

3. Đào Thái Tôn: Nhân một bài “Nhận xét” về việc nghiên cứu Truyện Kiều (Văn Nghệ số 36, 1997)

4. Nguyễn Quang Tuân: Trả lời ông Đào Thái Tôn về bài “Nhân một bài nhận xét về việc nghiên cứu Truyện Kiều” (Văn Nghệ số 38, 1997)

5. Đào Thái Tôn: Trả lời bài “Trả lời” của Nguyễn Quang Tuân (Văn Nghệ số 40, 1997)

6. Nguyễn Quang Tuân: Hãy trở lại đúng vấn đề: Nhận xét về việc nghiên cứu Truyện Kiều của cụ Hoàng Xuân Hãn (Văn Nghệ số 42, 1997)

7. Đào Thái Tôn: Nguyễn Quang Tuân “nhận xét” phương pháp nghiên cứu của Hoàng Xuân Hãn, bài này không thấy đăng báo.

8. Vũ Đức Phúc: Hoàng Xuân Hãn và việc khôi phục nguyên tác Truyện Kiều (TCVH số 6, 1998)

9. Nguyễn Quang Tuân: Về bài “Hoàng Xuân Hãn và việc khôi phục nguyên tác Truyện Kiều” (TCVH số 2, 1999)

10. Vũ Đức Phúc: Phương pháp văn bản học chân chính và lỗi làm việc không có phương pháp (Trả lời ông Nguyễn Quang Tuân) (TCVH số 4, 1999)

* Quyển thứ hai là Truyện Kiều – nghiên cứu và thảo luận của Nguyễn Quang Tuân (NXB Văn Học,

2004) gồm 17 bài nghiên cứu về các văn bản Truyện Kiều, chữ nôm và quốc ngữ. Tiếp theo là 17 bài thảo luận sau đây:

1. Nguyễn Quảng Tuân: Một vài nhận xét về việc nghiên cứu Truyện Kiều của cố học giả Hoàng Xuân Hãn(TCVH số 6, 1997)
2. Nguyễn Quảng Tuân: Trả lời ông Đào Thái Tôn về bài Nhân một bài “Nhận xét” về việc nghiên cứu Truyện Kiều (Văn Nghệ số 38, 1997)
3. Nguyễn Quảng Tuân: Hãy trở lại đúng vấn đề: Mấy nhận xét việc nghiên cứu Truyện Kiều của cụ Hoàng Xuân Hãn (Văn Nghệ số 42, 1997)
4. Nguyễn Quảng Tuân: Về bài Hoàng Xuân Hãn và việc khôi phục nguyên tác Truyện Kiều (TCVH số 2, 1999)
5. Nguyễn Quảng Tuân: Phương pháp văn bản học thế nào là chân chính? (Trả lời ông Vũ Đức Phúc), bài này không thấy đăng báo.
6. An Chi: Thuyết “Instinctivement” của học giả Hoàng Xuân Hãn sẽ làm hỏng việc nghiên cứu Truyện Kiều (Tài Hoa trẻ số 305&306, 2004)
7. Nguyễn Quảng Tuân: Giá trị đích thực của bản Truyện Kiều do Lâm Nọa Phu chép tay (KTNN số 476, 2003)
8. Nguyễn Quảng Tuân: Có nên sửa lại câu “Tháng tròn như gửi cung mây” theo Hoàng Xuân Hãn không? Bài này không thấy đăng báo.
9. Nguyễn Quảng Tuân: Hoàng Xuân Hãn có phải là người đầu tiên đã nghiên cứu Truyện Kiều không? Bài này không thấy đăng báo.
10. An Chi: Hoàng Xuân Hãn đã dùng mấy bản Kiều đời Tự Đức (Tài Hoa trẻ số 292&293, 2003)
11. Nguyễn Quảng Tuân: Kiều Oánh Mậu có phải là kẻ đã làm loạn Truyện Kiều không? Bài này không thấy đăng báo.
12. Nguyễn Quảng Tuân: Bình chú đâu phải là vu cáo? (TCHN số 6, 2003)
13. An Chi: Ý kiến về cuộc tranh luận (Chuyện Đông Chuyện Tây - KTNN số 265, 1997 và 318, 2003)
14. Phạm Khánh Cao: Tinh thần ý kiến về Truyện Kiều gần đây (Văn Nghệ số 37, 1997)
15. Thế Anh: Lần đầu tiên bản Kiều nôm cổ nhất đã được in lại ở Việt Nam - (NNVĐS số 3, 2003)
16. Thế Anh Lại thêm một văn bản Truyện Kiều: Bản Kinh đời Tự Đức (NNVĐS số 9, 2002)
17. Giao Hường: Nhà Kiều học Nguyễn Quảng Tuân đi tìm những “Nàng Kiều xa xứ” (Báo Thanh

Cuộc thảo luận thể hiện sự khác biệt trong cách nhìn nhận một số vấn đề sau đây:

- Thời điểm Nguyễn Du sáng tác Truyện Kiều
- Giá trị bản Kiều nôm cổ đã được sử dụng và cách đưa ra bản Kiều đó.
- Có bản Kinh và bản Phường không và việc Phạm Quý Thích in bản Kiều đầu tiên chính xác đến mức nào.
- Đánh giá việc nghiên cứu Truyện Kiều của học giả Hoàng Xuân Hãn.

Cuộc tranh luận diễn ra trên bình diện học thuật, cả hai ông đều có những đóng góp trong việc nghiên cứu Truyện Kiều, đặc biệt là những bản Kiều nôm và điều đáng nói là cả hai ông đều đã mạnh dạn đặt lại những vấn đề tưởng như không ai có quyền bàn cãi như việc Phạm Quý Thích cho in bản Kiều đầu tiên, có bản Phường ở Hà Nội còn bản Kinh ở Huế hay nhìn nhận việc nghiên cứu Truyện Kiều của học giả Hoàng Xuân Hãn. Nhưng vì cố bảo vệ quan điểm của mình nên đôi khi ta thấy những lời lẽ quá mức cần thiết. Chúng tôi chỉ xin giới thiệu chung như trên để qua đó quý vị độc giả có một cái nhìn toàn cục và nếu cần có thể tìm hiểu thêm ở 2 quyển sách trên.

Văn bản, chữ nghĩa Truyện Kiều sẽ còn là câu chuyện dài vì nguyên tác cùng bản thảo của tác giả hầu như không thể tìm lại được nữa. Sau hàng trăm năm, ta chỉ biết bản Kiều 1871 là bản cổ nhất thì gần đây lại tìm được bản Kiều 1866, cổ hơn bản trước được 5 năm, nhưng vẫn còn quá xa với thời đại của tác giả Truyện Kiều. Nguyễn Du mất năm 1820, từ đó đến khi có bản in Kiều cổ nhất 1866 là 46 năm, thì trong 46 năm đó, Truyện Kiều Đã được khắc in lại bao nhiêu lần. Vì ta biết có bản Kinh đời Tự Đức – Lâm Noạ Phu, 1870. Năm 1871, Nhà Liễu Văn Đường cũng cho in một lần nữa, và đây là bản cổ nhất còn lưu trữ ở Thư viện Trường Sinh ngữ Đông phương Paris. Năm 1872, là bản Duy Minh Thị, in ở Việt Đông – Phật Trấn – Trung Quốc. Riêng năm 1879 còn 3 bản nữa được in là của các nhà Quan Văn Đường, Thịnh Mỹ Đường và bản Duy Minh Thị tái bản rồi in lại sau đó năm 1891. Từ 1866 đến 1891, 25 năm, ít nhất Truyện Kiều đã được in 8 lần như trên, nên trong thời gian 46 năm sau khi Nguyễn Du qua đời, chắc chắn Truyện Kiều đã được in khá nhiều lần mà hiện nay không còn bất cứ bản nào.

PHỤ LỤC I

NHỮNG BÀI BÁO

VỀ KỸ LỤC TRUYỆN KIỀU

I. MỘT BÀI BÁO CHƯA ĐĂNG

TRUYỆN KIỀU VỚI NHỮNG KỸ LỤC

PHẠM ĐAN QUẾ

Truyện Kiều là tác phẩm độc đáo và kỳ diệu của văn chương Việt Nam. Trong quá trình nghiên cứu, chúng tôi nhận thấy ở một số mặt, tác phẩm có thể đạt được kỹ lục nào đó ở Việt Nam và cả trên thế giới. Vì vậy chúng tôi mạnh dạn viết bài này, cũng chỉ là một cách suy tôn và vinh danh Nguyễn Du. Đây mới chỉ là những nhận xét bước đầu nên chắc chắn vẫn còn nhiều điều bất cập và chưa thấy hết được vấn đề, mong quý vị độc giả vì lòng ngưỡng mộ nhà Đại thi hào mà thông cảm và xem xét.

I. TRUYỆN KIỀU VÀ NĂM (?) KỸ LỤC THẾ GIỚI

1- Quyển sách duy nhất trên thế giới có được hiện tượng gọi là TẬP KIỀU - chấp nhặt những câu Kiều ở những chỗ khác nhau để thành nhiều bài thơ mới phong phú đến như vậy. Tập Kiều trở thành một thú chơi đã thu hút biết bao văn nhân thi sĩ với hàng trăm thi phẩm đủ loại từ lục bát, ngũ ngôn, tứ tự, thất ngôn đến văn tế rồi tập Kiều để dịch Hán thi... trong hàng trăm năm qua mà chúng tôi đã trình bày trong quyển TẬP KIỀU - MỘT THÚ CHƠI TAO NHÃ (1994).

2- Trên thế giới thì đây là thi phẩm dài có nhiều bản dịch nhất ra cùng một ngoại ngữ. Trong các bản dịch Truyện Kiều ra tiếng nước ngoài thì bản dịch Truyện Kiều ra tiếng Pháp là phong phú hơn cả. Hiện đã có tới 10 BẢN DỊCH KHÁC NHAU RA TIẾNG PHÁP, dịch toàn bộ 3.254 câu Kiều ra văn xuôi hoặc thơ - thơ tự do (En vers libres) hoặc thơ 12 chân (En alexandrins). Cụ thể là các bản dịch của:

1. Abel des Michels (2 tập) - Paris 1884-1885 (Ernest Leroux).
2. Thu Giang - Paris 1915 (Challamel).
3. René Crayssac - Hà Nội 1926 (Imp. Lê Văn Tân)
4. L. Masse - Paris 1926 (Edition Bossard).
5. M. R - Hà Nội 1944 (Edition Alexandre de Rhodes).
6. Nguyễn Văn Vĩnh - Hà Nội 1942- 1943 (Alexandre de Rhodes)

7. Nguyễn Khắc Viện - Hà Nội 1970 (NXB Văn Học)

8. Xuân Phúc - Xuân Việt - Paris 1961 (Gallimard).

9. Lê Cao Phan (En alexandrins) - Hà Nội 1994 (NXB Khoa Học Xã Hội)

10. Lưu Hoài (En vers libres) - Hà Nội 1999 (NXB Văn Học).

3- Thi phẩm có nhiều người viết phần tiếp theo nhất trên thế giới mà tất cả đều viết bằng thơ: 7 quyển Hậu Truyện Kiều đều được viết bằng hàng ngàn câu thơ lục bát, chúng tôi đã trình bày vấn đề này trong quyển LỤC BÁT HẬU TRUYỆN KIỀU (NXB Thanh Niên 2002):

1. Đào Hoa Mộng ký, với khoảng 3.000 câu thơ lục bát - Tác giả Mộng Liên Đình, mới phát hiện năm 1993, do giáo sư Trần Nghĩa dịch, in trong Tổng tập tiểu thuyết chữ Hán Việt Nam - Tập 4 (NXB Thế giới, 1995).

2. Đào Hoa Mộng ký Diễm Ca, với 1.910 câu thơ lục bát - Tác giả Hà Đạm Hiên, do Phạm Văn Phương dịch ra chữ Quốc ngữ từ bản chữ Nôm, Mạc Đình Tư xuất bản tại Hà Nội, năm 1917.

3. Kiều Tân thời, với 304 câu thơ lục bát - Tác giả Bạch Điện, Nhà in Trung Bắc, Hà Nội 1935

4. Kiều Bình dân học vụ với 2.050 câu thơ lục bát - Tác giả Nguyễn Văn Trinh, Sở Giáo dục Hà Nội, 1958 - 1985

5. Đoạn Trường Vô Thanh, với 3.296 câu thơ lục bát - Tác giả Phạm Thiên Thư, Nhà xuất bản Nền Hồng, Sài Gòn, 1972

6. Đoạn Trường Nhất Thanh, với 1.028 câu thơ lục bát - Tác giả Trần Thanh Vân, Nhà xuất bản Kiên Giang, 1990

7. Truyện Kiều đọc ngược, với toàn bộ 3.254 câu Kiều xếp dần ngược lại - Tác giả Phạm Đan Quế, Nhà xuất bản Thanh Niên, 2002

4- Quyển sách duy nhất trên thế giới mà người ta có thể đọc ngược được từ cuối lên đến đầu để câu chuyện về nàng Kiều (đúng như nội dung trong tác phẩm của Nguyễn Du) diễn ra theo chiều của thời gian ngược lại như ta được xem một cuốn phim tua ngược chiều: quyển TRUYỆN KIỀU ĐỌC NGƯỢC mà chúng tôi mới cho xuất bản năm 2002 (NXB Thanh Niên) và đây mới chỉ là một trong không biết bao nhiêu những quyển Truyện Kiều đọc ngược như đã được chúng tôi trình bày trong sách.

5- Quyển sách duy nhất trên thế giới tạo ra quanh nó cả một loạt những loại hình văn hóa - VĂN HOÁ KIỀU - với các hình thức thật là phong phú: Bình Kiều, Vịnh Kiều, Bói Kiều, Tập Kiều, Đố Kiều, Câu đối Kiều, Hát nói tập Kiều, Phú - Văn tế Kiều, Án Kim Vân Kiều, Những quyển Hậu Truyện Kiều, Giai thoại về Truyện Kiều...Kiều trên điện ảnh, sân khấu, trong âm nhạc, hội họa...

II. TRUYỆN KIỀU VÀ BẢY (?) KỶ LỤC VIỆT NAM

1- Tác phẩm đã đưa một nhà thơ lên hàng danh nhân văn hóa thế giới. Tác phẩm của thi hào Nguyễn

Du hầu hết là thơ ca, rất đa dạng và phong phú: về chữ Hán có Thanh Hiên Thi Tập, Nam Trung Tập Ngâm, Bắc Hành Tập Lục, về chữ Nôm ngoài Truyện Kiều còn Văn tế thập loại chúng sinh, Văn tế sống hai cô gái Trường Lưu... Nhưng rõ ràng là phải với Truyện Kiều thì văn tài cũng như thiên tài của Nguyễn Du mới bộc lộ được đầy đủ và có thể nói Truyện Kiều là tác phẩm đã đưa Nguyễn Du trở thành Đại thi hào dân tộc và Danh nhân văn hóa thế giới.

2- Quyển sách duy nhất không phải viết ra để bói mà người dân thường xuyên dùng để bói. Hiện tượng này đã được chúng tôi trình bày trong quyển Bình Kiều, vịnh Kiều, bói Kiều, nay viết riêng thành quyển BÓI KIỀU NHƯ MỘT NÉT VĂN HÓA mà cũng không phải đến khi văn hóa Pháp xâm nhập mạnh mẽ vào ta đầu thế kỷ 20 mới xuất hiện việc bói Kiều. Trong bài Tựa viết năm 1898 cho bản Đoạn Trường Tân Thanh của Kiều Oánh Mậu (in năm 1902), Đào Nguyên Phổ đã từng thốt mồm: "Ôi! Sao mà lại có văn hay làm say người đến thế? Còn một điều tôi lấy làm lạ hơn nữa là người đời dùng để bói, thì thấy ứng nghiệm như thần mà xem tựa linh kinh Quỷ Cốc là bởi làm sao?... Vì sao Truyện Kiều lại có thể làm say mê mọi người đến như vậy?"

3- Quyển sách có được hiện tượng gọi là VỊNH KIỀU với hàng ngàn bài thơ vịnh Kiều đã từng được đăng báo hoặc in sách. Từ các vị vua say mê Truyện Kiều như Minh Mệnh, Tự Đức đến các nhà nho như Phạm Quý Thích, Hà Tôn Quyền, Nguyễn Công Trứ, Tôn Thọ Tường, Phan Văn Trị, Chu Mạnh Trinh, Tản Đà...

4. Bộ phim đầu tiên của Việt Nam ra đời năm 1924 tại Hà Nội là từ Truyện Kiều với nhan đề phim là Kim Vân Kiều (Xem bài ở Phụ lục I)

5- Thi phẩm có sách viết về nó nhiều nhất Việt Nam với hàng trăm cuốn (Như đã thống kê trong sách này. Xem trang 11)

6- Quyển sách tạo ra nhiều giai thoại nhất Việt Nam vượt qua con số hàng trăm. Chỉ trong quyển Kho tàng giai thoại Việt Nam của Vũ Ngọc Khánh (NXB Văn Hóa 1994), đã có tới 53 giai thoại về Truyện Kiều, và trong quyển Đố vui tìm hiểu Truyện Kiều của Nguyễn Thiện Văn (NXB Thanh Niên năm 2000) đã có 101 câu đố với 101 câu đáp...

7- Đến năm 2003 và có lẽ cả cho đến nay, Truyện Kiều cũng là QUYỂN SÁCH NẶNG NHẤT ở Việt Nam. Nhân dịp Festival Huế 2002, Truyện Kiều độc bản bằng chữ Quốc ngữ được hoàn thành để giới thiệu với khách quốc tế. Đây là tác phẩm của nhà thư pháp Nguyệt Đình viết từ cuối năm 2001, mỗi ngày chỉ viết được mấy chục câu trên khổ giấy 1m x 1,6m dày 300 trang. 3.254 câu Kiều được viết trên hai mặt giấy Cossin 120, mỗi trang thơ đều được các họa sĩ vẽ tranh nền riêng. Bìa sách làm bằng gỗ bọc gấm, gáy sách bằng đồng, bốn góc bọc kim loại, mực xạ loại tốt được pha thêm một số hóa chất để mực thơm và không bị phai. Sách nặng 50kg, đặt trên một cái giá vững chắc, mỗi khi muốn xem phải có hai người khiêng xuống rồi lật từng trang một. Quyển sách nặng nhất này hiện được đặt tại khu Di tích Nguyễn Du tại xã Tiên Điền, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh.

Kể ra thì Truyện Kiều cũng còn nhiều điểm độc đáo khác nữa mà không một quyển sách nào có được, chúng ta có thể kể như sau:

1. Tác phẩm có riêng cho mình một quyền từ điển được nhiều người sử dụng theo đúng nghĩa là Từ điển Truyện Kiều.
2. Quyền sách cổ bằng chữ Nôm có nhiều lần in đi in lại nhất.
3. Quyền sách được in đi in lại nhiều lần nhất bằng chữ quốc ngữ ở Việt Nam với đội ngũ đông đảo các nhà biên tập chú giải uy tín.
4. Quyền sách có số lượng các bài báo viết về nó nhiều nhất với mấy trăm tác giả quy tụ các nhà phê bình hàng đầu (Xem Danh mục ở cuối sách)
5. Tác phẩm văn học đầu tiên của Việt Nam làm điểm tựa cho một luận án tiến sĩ (Trần Cửu Chân, 1949)
6. Truyện Kiều cũng là tác phẩm văn học làm cơ sở cho nhiều luận án tiến sĩ nhất (Cho đến nay ít nhất đã có 6 luận án tiến sĩ là của Nguyễn Thuý Hồng, Trần Thị Phương Phương, Phan Công Khanh, Charles Benoit, Jang Soo Bae...).
7. Tác phẩm mà chỉ trong vòng bốn năm (đầu của thế kỷ 20), đã có một con số kỷ lục tới 18 quyền sách viết về nó (Xem trang 17)
8. Quyền sách mà có một tác giả chỉ viết về nó có một bài báo nhưng đã gây ra cuộc tranh luận kéo dài đến mấy chục năm. Cụ Ngô Đức Kế với bài Luận về chánh học cùng tà thuyết đăng trên tạp chí Hữu Thanh ngày 21-9-1924.
9. Quyền sách có số lượng các bài thơ viết về nó nhiều nhất: hàng ngàn bài vịnh Kiều và hàng mấy trăm bài thơ được viết từ cảm hứng Truyện Kiều.
10. Quyền sách mà ngay cả bài thơ viết về nó cũng được đưa vào sách giáo khoa: bài Kính gửi cụ Nguyễn Du của Tố Hữu.
11. Quyền sách mà một nhà thơ (Chế Lan Viên) đã viết về nó tới 14 bài thơ: mà còn chưa thoả mãn.
12. Quyền sách có đời sống thăng trầm nhất và ra nhiều cuộc tranh luận trong lịch sử văn học, được tán tụng nhiều nhất và cũng bị chê bai nhiều lần và ghê gớm nhất Việt Nam.
13. Tác phẩm được đưa lên sân khấu với nhiều thể loại nhất.
14. Tác phẩm tạo ra nhiều kỷ lục nhất.

Rồi Âm nhạc với những bản Hợp xướng Kiều, Giao hưởng Kiều... Hội họa về Kiều quy tụ cũng danh họa hàng đầu của Việt Nam như Tô Ngọc Vân, Bùi Xuân Phái, Nguyễn Gia Trí, Nguyễn Đỗ Cung, Trần Văn Cẩn, Mạnh Quỳnh ... Và còn nhiều lĩnh vực khác nữa ... vân vân và vân vân ...

Từ bài chưa đăng này dẫn đến một bài phỏng vấn trên báo Thanh Niên số 317 (3247) ra ngày 12-11-

2004 mà chúng tôi giới thiệu trong Phụ lục I ở cuối sách. Và có lẽ để cho chắc chắn, chúng ta phải xét đến những kỷ lục này khi nhìn Truyện Kiều với tư cách như một tác phẩm, một tác phẩm văn học hay hạn chế hơn là một thi phẩm hoặc một truyện dài bằng thơ (truyện thơ) tùy theo mức độ xem xét của các nhà chuyên môn. Nay theo yêu cầu của Trung tâm sách Những kỷ lục Việt Nam (VIETBOOKS), chúng tôi viết tiếp quyển này như một minh chứng cụ thể để tiến tới việc sớm được vinh danh nhà Đại thi hào của chúng ta trên trường quốc tế. Chắc chắn trong sách vẫn còn những điều thiếu sót và bất cập, mong quý vị độc giả góp ý bổ sung cho. Chúng tôi xin trân trọng cảm ơn.

TP Hồ Chí Minh ngày 25 tháng 12 năm 2005

PHẠM ĐAN QUẾ

II. HAI BÀI PHÒNG VẤN

CỦA BÁO THANH NIÊN

BÀI 1: Số 317 (3247) ra ngày 12-11-2004

TRUYỆN KIỀU: 5 KỶ LỤC THẾ GIỚI & 7 KỶ LỤC VIỆT NAM?

GIAO HƯỞNG (thực hiện)

Duyên do nào đã đưa đẩy ông đến với các kỷ lục của Truyện Kiều?

Ông Phạm Đan Quế: Do một thúc đẩy duy nhất là tôn vinh đại thi hào Nguyễn Du của chúng ta và muốn Truyện Kiều tức kiệt tác Đoạn Trường Tân Thanh của ông ngày càng được thế giới biết đến nhiều hơn. Chính vì thế, khi đi sâu nghiên cứu để biên soạn, chúng tôi nhận thấy tác phẩm bất hủ ấy chứa đựng những yếu tố có thể đề xuất thành 5 kỷ lục thế giới. Mà kỷ lục hàng đầu cần nêu ngay, là hàng trăm năm qua, Truyện Kiều là quyển sách duy nhất trên thế giới có được hiện tượng chấp nhận những câu thơ ở các chỗ khác nhau để thành nhiều bài thơ mới, gọi là hiện tượng TẬP KIỀU, đã thu hút thi sĩ văn nhân nhiều thế hệ tham gia, với hàng trăm thi phẩm đủ loại từ lục bát, ngũ ngôn, tứ tự, thất ngôn, đến văn tế, hoặc Tập Kiều để dịch Hán thi... Như thế, trên thực tế, Truyện Kiều đã chuyển vào đời sống văn hóa Kiều đã chuyển vào đời sống văn hóa một hình thái hoạt động văn chương mới (chưa có trước đó) và tồn tại (sau đó) qua hàng thế kỷ. Đó là hiện tượng cần ghi nhận đậm nét không chỉ trong lịch sử văn học nước ta, mà cả trên văn đàn thế giới.

Nếu phải đưa ra những minh chứng để thuyết phục chấp thuận và xác lập kỷ lục trên thì ông có đủ tài liệu đáp ứng?

Có. Tôi đã viết hẳn một cuốn sách lấy tựa: Tập Kiều – một thú chơi tao nhã do NXB Văn hóa – Thông tin ấn hành lần thứ nhất cách đây 10 năm vào 1994. Hồi đó tôi cũng đã nghĩ rằng Truyện Kiều còn chứa đựng cái “nhất thế giới” khác nữa, như kỷ lục thứ hai sau đây: Truyện Kiều là thi phẩm dài có nhiều bản dịch nhất ra cùng một ngoại ngữ. Có tới 10 bản dịch khác nhau ra tiếng Pháp, từ Abel des Michels (2 tập) in tại Paris 1884 – 1885 đến bản Thu Giang (Paris 1915), René Crayssac và Léon Masse (Hà Nội 1926), hoặc bản của Nguyễn Văn Vĩnh thực hiện trong 28 năm (Hà Nội 1942) và của Nguyễn Khắc Viện, Xuân Phúc – Xuân Việt, Lê Cao Phan, Lưu Hoài...

4/ Bộ phim đầu tiên của Việt Nam ra đời năm 1924 tại Hà Nội mang tên Kim Vân Kiều.

5/ Thi phẩm có sách đề cập đến nhiều nhất với hàng trăm cuốn.

6/ Là quyển sách gây nhiều giai thoại nhất.

7/ Là cuốn sách được viết và đóng thành Truyện Kiều độc bản bằng chữ quốc ngữ nặng nhất ở Việt Nam do nhà thư pháp Nguyệt Đình thực hiện, nặng 50 kg, trên khổ giấy 1m x 1,6m, hiện trưng bày tại Khu di tích Nguyễn Du huyện Nghi Xuân, Hà Tĩnh. Chúng tôi mạnh dạn nêu các kỷ lục trên ở mức là những nhận xét bước đầu nên chắc chắn vẫn còn nhiều bất cập mong quý vị độc giả thông cảm và xem xét.

Cảm ơn ông.

BÀI 2 - Đăng trong ba kỳ báo:

Báo Thanh niên còn giới thiệu bài dưới nhan đề : TRUYỆN KIỀU: 5 KỶ LỤC THẾ GIỚI VÀ 7 KỶ LỤC VIỆT NAM của Hà Đình Nguyên. Bài đăng trong ba số báo liên tiếp như sau:

Kỳ 1. Ông giáo dạy Toán mê Kiều – số 137 (3433) ngày 17-5-2005

Kỳ 2. Phạm Đan Quế “Khóa cửa buồng xuân chung sống với Kiều” – số 138 (3434) ngày 18-5-2005

Kỳ cuối. Những kỷ lục khó vượt qua – số 139 (3435) ngày 19-5-2005

TRUYỆN KIỀU: 5 KỶ LỤC THẾ GIỚI VÀ 7 KỶ LỤC VIỆT NAM

KỶ 1: ÔNG GIÁO DẠY TOÁN MÊ KIỀU

Thứ Ba 17/05/2005

Truyện Kiều của thi hào Nguyễn Du đã ra đời được hai thế kỷ và đã làm say mê biết bao thế hệ người Việt suốt 200 năm. Theo thời gian, đã hình thành những hình thức "văn hóa Kiều" rất phong phú và đa dạng trong dân gian...

Ở TP.HCM có một ông giáo già "lỡ yêu" nàng Kiều từ dạo còn thanh niên, và sau 40 năm nghiên cứu, ông đã phát hiện quá nhiều điều lý thú và đã viết được 13 (trong dự tính 15) đầu sách liên quan đến Kiều. Hơn thế, ông còn mạnh dạn trưng dẫn "Truyện Kiều đang giữ 5 kỷ lục thế giới và 7 kỷ lục Việt Nam...".

Ông giáo già "chịu chơi" ấy là nhà nghiên cứu Phạm Đan Quế. Ông sinh năm 1936 tại Thanh Miện (Hải Dương). Ngay từ thuở nhỏ, những câu Kiều qua lời ru của mẹ đã thấm thấu tâm hồn ông. Đến tuổi niên thiếu, ông anh cả không muốn đàn em trai 4 đứa của mình rong chơi lê lỏi nên bắt mỗi đứa phải học thuộc lòng mỗi ngày một đoạn Kiều.

Thời tạm chiếm (1949), truyện Kiều rất được chú trọng trong môn Văn ở cấp phổ thông, ông được các thầy Đoàn Phú Tứ, Vũ Hoàng Chương, Hoàng Như Mai, Lê Văn Hòe truyền đạt cho sự cảm thụ tinh tế khi đọc Kiều... Thế nhưng, đời đôi khi cũng có sự tréo ngoe: yêu thích Kiều là vậy nhưng Phạm Đan Quế lại trở thành giáo viên dạy... toán, sau khi tốt nghiệp khoa Toán ĐHSP Hà Nội (1954-1957).

Trong quá trình giảng dạy, mỗi dịp hè ông lại đem Kiều ra đọc. Lần nào cũng có cái cảm giác nôn nao, bồi hồi như mới... gặp Kiều lần đầu, và càng đọc càng phát hiện được nhiều điều rất thú vị. Chẳng hạn, năm 1967 khi ru đứa con đầu lòng ngủ (dĩ nhiên, với ông thì phải ru bằng các câu Kiều): "...Rẽ bèo chân sóng lạc loài/ Ngẫm mình vinh hiển thương người lưu ly" (câu 2.871-2.872). Những câu này đọc thấy bình thường nhưng đêm nằm cứ ngẫm nghĩ, trăn trở với những từ "rẽ bèo chân sóng": chân sóng là chỗ thấp nhất nhưng rẽ của bèo còn ở phía dưới nữa (điểm cực tiểu của cực tiểu) - cách Nguyễn Du ví von những thân phận "dưới đáy xã hội" ấy đã khiến ông giật mình bởi cách dùng từ hết sức tinh tế và sinh động. Từ đó ông càng chú tâm vào Kiều để nghiên cứu, mổ xẻ từng câu, từng chữ và ghi chép, hệ thống lại một cách cẩn thận đồng thời ông cũng đặc biệt quan tâm sưu tầm các tài liệu có liên quan đến Truyện Kiều.

Điều làm Phạm Đan Quế "mê mẩn" hơn cả là cách dùng từ tinh tế, công phu và hết sức phong phú của thiên tài Nguyễn Du. Chẳng hạn trong Truyện Kiều, Nguyễn Du đã có hơn 40 lần đề cập đến cái chết, trong đó ngoài 13 lần dùng từ thác, 1 lần dùng từ tử (là những từ đề cập trực tiếp đến cái chết) còn lại hơn 30 lần Nguyễn Du dùng những phương thức tu từ khác để diễn tả cái chết một cách khéo léo, phù hợp với từng hoàn cảnh: "Nửa chừng xuân thoát gậy cành thiên hương" (cái chết của Đạm Tiên), "Nghe tin thúc phụ từ đường" (Kim Trọng nghe tin chú chết), "Thôi thì mặt khuất chẳng thà lòng đau" (Vương ông hàm oan muốn chết cho xong), "Khí thiêng khi đã về thần" (cái chết của Từ Hải)... Càng đọc càng bị Truyện Kiều mê hoặc, Phạm Đan Quế quyết định "khóa cửa buồng chung sống với Kiều".

(Còn tiếp)

KỶ 2: PHẠM ĐAN QUẾ “KHÓA CỬA BUỒNG CHUNG SỐNG VỚI KIỀU”

18/05/2005

Phạm Đan Quế bộc bạch: "Mặc dù Truyện Kiều chỉ có 3.254 câu thơ nhưng với tôi lại là một tác phẩm độc đáo và kỳ diệu của văn chương Việt Nam. Một đề tài nghiên cứu hết sức hấp dẫn. Mỗi ngày đọc Kiều rồi suy ngẫm, phân tích lại khám phá ra những ẩn ý mới trong từng câu, từng chữ của Truyện Kiều".

Sau một thời gian dài nghiên cứu, năm 1991 Phạm Đan Quế được NXB Hà Nội chọn in một lúc 2 tác phẩm Truyện Kiều đối chiếu và Bình Kiều, vịnh Kiều, bói Kiều (GS Phan Ngọc viết lời giới thiệu). Năm 1994, có một chuyên gia viết sách tham khảo thuộc Tủ sách Văn học trong nhà trường gợi ý ông nên biên soạn một cuốn sách tập hợp những đánh giá (bình, vịnh) của các nhà Nho thế kỷ XIX về Truyện Kiều, bởi hiện nay những đánh giá của các nhà nghiên cứu hầu hết đều thuộc thế hệ Tân học (thế kỷ XX). Trong quá trình thực hiện cuốn sách này, bởi chỉ tốt nghiệp môn... toán nên ông đã phải "khóa cửa buồng chung sống với Kiều": vừa làm vừa học, vừa nghiên cứu mày mò, có khi phải nghiên cứu giáo trình của bậc cao học. Nhờ đó, ngoài tác phẩm Truyện Kiều và các nhà Nho thế kỷ XIX (1994) ông còn hoàn thành được 25 cuốn sách cho Tủ sách Văn học trong nhà trường. "Có đà", chỉ trong vòng 10 năm ông cho ra mắt tiếp 10 tác phẩm nghiên cứu về Kiều. Ngoài ra, ông cũng có 2 tác

phẩm sắp được in là Truyện Kiều bình chú và Cuộc đời chìm nổi của Nguyễn Du và Truyện Kiều. Trong các tác phẩm này, Phạm Đan Quế đặc biệt tâm đắc với cuốn Truyện Kiều đọc ngược do chính ông kỳ công nghiên cứu, ráp nối câu vần một cách xuyên suốt từ... phần cuối ngược lên đầu!

Mỗi cuốn sách của Phạm Đan Quế đều chứa đựng rất nhiều điều mới mẻ và thú vị liên quan đến Truyện Kiều. Những nghiên cứu của ông cho thấy Truyện Kiều không những có một sức cuốn hút mạnh mẽ đối với độc giả qua bao thế hệ mà còn giữ những kỷ lục mà khó có một tác phẩm văn học nào có thể vượt qua. Một trong những kỷ lục đó là tập Kiều (Phạm Đan Quế đề xuất Kỷ lục thế giới 1: Truyện Kiều là quyển sách duy nhất trên thế giới có hiện tượng tập Kiều - nghĩa là chấp nhận những câu Kiều ở những chỗ khác nhau để ráp vần thành một bài thơ mới có ý nghĩa, chủ đề nhất định, tình ý nhất quán). Tập Kiều đã trở thành thú chơi tao nhã thu hút biết bao văn nhân thi sĩ: Lý Văn Phức, Bùi Viện, Phan Bội Châu, Nguyễn Thượng Hiền, Phan Mạnh Danh, Nguyễn Hữu Khanh, Tản Đà, Nguyễn Bính, Đông Hồ, Vũ Hoàng Chương, Hoàng Trung Thông... với hàng trăm thi phẩm gồm đủ các thể loại lục bát, ngũ ngôn, tứ tự, thất ngôn, khoán thủ... đến văn tế rồi tập Kiều để dịch Hán thi.

Người đầu tiên tập Kiều chính là bạn đồng liêu với cụ Nguyễn Du: Lý Văn Phức (tác giả Nhị thập tứ hiếu). Năm 1847, Lý Văn Phức vâng mệnh vua Tự Đức làm liền 20 bài tập Kiều ứng với 20 hồi. Ta có thể xem qua hồi thứ 20 "Tái hồi Kim Trọng" (những số trong ngoặc đơn là số câu trong nguyên bản): "Nguyên người quanh quất đầu xa (0147) Người còn, sao bỗng làm ma khóc người (2978) Thấy lời quyết đoán hãn hoi (1031) Duyên ta mà cũng phúc trời chi không (2694) Được rày tái thế tương phùng (3039) Một nhà tập nập kẻ trong người ngoài (0760) Cùng nhau trông mặt cả cười (3283) Nọ chàng Kim đó là người ngày xưa (3012)". Công phu và độc đáo nhất phải kể đến Phan Mạnh Danh với 10 bài tập Kiều dịch thơ chữ Hán (Đường thi) rất đặc sắc. Chẳng hạn dịch bài thơ Tặng Hoa Khanh của Đỗ Phủ: "Cảm thành ca quản nhật phân phân/Bán nhập giang phong, bán nhập vân/Thử khúc chỉ ung thiên thượng hữu/Nhân gian ninh đắc kỷ hồi văn". Dịch tập Kiều: "Đùng đùng gió giục mây vần/Nửa phần luyến chúa, nửa phần tư gia/Khúc đầu đầm ấm dương hòa/Ai tri âm đó mặn mà với ai". Đặc biệt, Phan Mạnh Danh còn chấp nhận những câu cổ thi Trung Hoa để dịch rất nhiều đoạn trong Truyện Kiều (nghĩa là làm ngược lại kiểu làm vừa rồi, tức là tập Hán thi để dịch Kiều). Bằng cách ấy, ông đã dịch 688 câu (1/5 Truyện Kiều) trong đó có 46 đoạn bốn câu, chẳng hạn: "Đào viên đã bén tay phàm/Thì vin cảnh quýt cho cam sự đời/Dưới trần mấy mặt làng chơi/Chơi hoa đã dễ mấy người biết hoa". Dịch bằng cách tập Hán thi (chữ trong ngoặc là tác phẩm có câu thơ được rút ra để dịch): "Bích đào tiên chủng bản phi phàm (Thi lâm)/Đào thủ hề phương nhiệm nhĩ tham (Thập mỹ)/Tối thị Lạc Dương hoa hạ khách (Ngũ mỹ)/Giã ư hoa sự vị tăng am (Nữ nhi tình)"... Thực tế có rất nhiều bản tập Kiều trong dân gian với rất nhiều hình thức mà không thể thu thập được hết. Ví dụ Tập chí Thế Giới Mới đã từng tổ chức cuộc thi có hình thức tập Kiều kéo dài trên 2 năm (1996-1998) với các đề tài: màu sắc trong Truyện Kiều, loài vật trong Truyện Kiều, cây cỏ trong Truyện Kiều, Thúy Kiều đánh đàn gì?... với khoảng 30 số báo.

(còn tiếp)

KỶ CUỐI: NHỮNG KỶ LỤC KHÓ VƯỢT QUA

(19-5-2005)

Hơn 200 năm trước, khi cụ Tố Như hoàn thành Truyện Kiều với 3.254 câu thơ chắc chắn cụ đã rất tâm đắc với tác phẩm này. Thế nhưng, có lẽ cụ không bao giờ nghĩ rằng đám hậu bối lại bày ra "đủ thứ

chuyện" chung quanh tác phẩm của cụ. Nào là tập Kiều, bói Kiều, lầy Kiều, bình Kiều, vịnh Kiều, đồ Kiều, viết tiếp Truyện Kiều, Truyện Kiều đọc ngược, giai thoại Truyện Kiều... và cả Những kỷ lục của Truyện Kiều do Phạm Đan Quế nêu ra.

Nếu trong phần kỷ lục thế giới 1 (Xem số báo trước), Phạm Đan Quế đã chứng minh một cách rõ nét sức thu hút mạnh mẽ của Truyện Kiều đối với các văn nhân thi sĩ qua bao thế kỷ bằng hiện tượng tập Kiều, thì những kỷ lục được giới thiệu trong phần cuối này sẽ một lần nữa cho thấy những giá trị và ảnh hưởng của tác phẩm Truyện Kiều đối với nền văn học và văn hóa Việt Nam.

Kỷ lục thế giới 2: Tác phẩm có nhiều bản dịch (10 bản) ra cùng một ngoại ngữ (tiếng Pháp) với nhiều thể loại khác nhau.

Trên thế giới, hiếm có trường hợp một tác phẩm được nhiều người dịch ra cùng một thứ tiếng như Truyện Kiều với 10 bản dịch tiếng Pháp khác nhau, gồm các thể loại văn xuôi, thơ - thơ tự do hoặc thơ 12 chân (En alexandrins): 1) Bản Abel des Michels (2 tập-Paris 1884-1885, Ernest Leroux). 2) Bản Thu Giang (Paris 1915, Challamel): Bản này hiện Phạm Đan Quế chưa tìm được, chỉ căn cứ theo phần "Danh mục" trong cuốn Tập Văn học kỷ niệm Nguyễn Du (Hội Quảng Trị - Huế, 1942) do Đào Duy Anh chủ trương. 3) Bản René Crayssac: Kim Vân Kiều - bài thơ An Nam nổi tiếng của Nguyễn Du do René Crayssac dịch sang thơ Pháp - NXB Lê Văn Tân 1926, dịch hơn 100 trang thơ Kiều thành 384 trang thơ tiếng Pháp 12 chữ. 4) Bản L.Masse "Kim, Ven, Kièou" do L.Masse dịch từ tiếng An Nam, NXB Bossard, Paris, 1926. Đây chỉ là bản lược dịch thành văn xuôi (không theo sát nguyên văn) với 140 trang sách. 5) Bản M.R: Kim Vân Kiều, bản dịch sang tiếng Pháp mới, 2 NXB Hà Nội - NXB Alexandre de Rhodes 1944: Không rõ lần xuất bản thứ nhất vào năm nào, bìa sách in lần hai không ghi tên người dịch mà chỉ ghi cuối phần lời nói đầu: M.R. Trong "Danh mục" sách của Tập Văn học kỷ niệm Nguyễn Du (1942) không đề cập đến bản dịch này. 6) Bản Nguyễn Văn Vĩnh: Kim Vân Kiều - do Nguyễn Văn Vĩnh dịch sang tiếng Pháp, NXB Alexandre de Rhodes ấn hành các năm 1942 (tập I), 1943 (tập II): Đây là bản dịch được đầu tư công sức và thời gian nhiều nhất (gần 30 năm, từ 1908 đến 1936 - với 3 lần dịch). Bảy năm sau khi Nguyễn Văn Vĩnh mất, bản dịch cuối cùng của ông mới được xuất bản, được đánh giá là bản dịch văn xuôi tỉ mỉ và tinh tế nhất. Bởi giá trị như thế nên bản dịch này còn được tái bản 4 lần nữa (Vĩnh Bảo 1951, Khai Trí 1970, NXB Văn học 1994 và NXB Văn nghệ TP.HCM 2002). 7) Bản Nguyễn Khắc Viện: Nguyễn Du - Kiều, NXB Văn học 1970, NXB Ngoại văn Hà Nội tái bản 1974... Từ năm 1979 sách được in lại nhiều lần bằng song ngữ Việt-Pháp (thể thơ tự do). 8) Bản Xuân Phúc - Xuân Việt: Kim Vân Kiều, Xuân Phúc và Xuân Việt dịch từ tiếng Việt sang tiếng Pháp gồm 192 trang do Gallimart xuất bản trong tủ sách Connaissances de l'Orient, Paris 1961. Đây là bản dịch theo thể văn xuôi. 9) Bản Lê Cao Phan: Truyện Kiều - Histoire de Kiều, dịch từ tiếng Việt sang thể thơ 12 chân với phần chú và bình của Lê Cao Phan. NXB Khoa học xã hội Hà Nội 1994. Ưu điểm lớn của bản dịch này là dịch giả đã bỏ ra nhiều công sức để dịch mỗi câu thơ tiếng Việt ra một câu thơ tiếng Pháp (đồng thời ông còn thực hiện một bản dịch Truyện Kiều sang tiếng Anh). 10) Bản Lưu Hoài: Histoire de Thúy Kiều (thơ tự do) - NXB Hà Nội 1999. Bản này dùng văn bản Truyện Kiều và chú thích của bản Bùi Kỳ - Trần Trọng Kim (NXB Tân Việt).

Kỷ lục thế giới 3: Tác phẩm có 7 cuốn "hậu" Truyện Kiều.

Ở đây là "hậu Truyện Kiều". Xin lược sơ: Đào Hoa Mộng Ký (1) của tác giả Mộng Liên Đình, với khoảng 3.000 câu thơ lục bát và Đào Hoa Mộng Ký diễn ca (2) chưa rõ bản gốc, ông Phạm văn Phương dịch ra quốc ngữ (Nhà Mạc Đình Tư xuất bản năm 1917) gồm 1.910 câu thơ lục bát. Đây là 2

cuốn hậu Truyện Kiều được viết vào thế kỷ thứ 19, tuy cùng một câu chuyện về giấc mộng hoa đào nhưng nội dung lại khác. 3) Kiều Tân thời (Hài vãn) gồm 304 câu lục bát của Bạch Diện (Nhà in Trung Bắc, Hà Nội 1935) mang tính châm biếm hài hước, đả phá các thói xấu của xã hội ở thập kỷ ba mươi của thế kỷ trước. 4) Kiều-Bình dân học vụ (2.050 câu lục bát, tác giả Nguyễn Văn Trinh, Sở Giáo dục Hà Nội 1985) nhằm phục vụ cho phong trào xóa nạn mù chữ. 5) Đoạn Trường Vô Thanh gồm 3.296 câu lục bát (Truyện Kiều dài 3.254 câu) của Phạm Thiên Thư là cuốn hậu Truyện Kiều đúng nghĩa và thành công hơn cả, tác phẩm này đã được trao giải nhất văn chương tại miền Nam năm 1973. 6) Đoạn Trường Nhất Thanh với 1.028 câu lục bát của Trần Thanh Vân (NXB Kiên Giang): Từ Hải xây dựng triều đình riêng, Kiều là hoàng hậu. Kim Trọng thi đỗ Trạng võ, được triều đình nhà Minh cử đi đánh dẹp Từ Hải... 7) Truyện Kiều đọc ngược gồm toàn bộ 3.254 câu Kiều xếp dần ngược lại do Phạm Đan Quế thực hiện (NXB Thanh Niên 2002).

Kỷ lục thế giới thứ 4: Cuốn sách duy nhất trên thế giới có thể đọc ngược từ cuối đến đầu để câu chuyện về nàng Kiều diễn ra theo chiều thời gian ngược lại, như đang xem một cuốn phim tua ngược chiều (đúng với nội dung trong tác phẩm của Nguyễn Du).

Kỷ lục thế giới 5: Tác phẩm tạo ra quanh nó một loạt những nhiều loại hình văn hóa nhất: bình Kiều, vịnh Kiều, bói Kiều, tập Kiều, đố Kiều, câu đối Kiều, hát nói tập Kiều, phú-văn tế Kiều, án Kim Vân Kiều, những cuốn hậu Truyện Kiều, giai thoại về Truyện Kiều... Kiều trên điện ảnh, sân khấu, trong âm nhạc, hội họa...

Và kỷ lục Việt Nam:

- 1) Truyện Kiều là một tác phẩm văn học đã đưa nhà thơ Nguyễn Du lên hàng danh nhân văn hóa thế giới (do Unesco công nhận).
- 2) Là cuốn sách duy nhất không viết ra đề... bói nhưng người dân vẫn thường xuyên dùng đề bói.
- 3) Cuốn sách có hiện tượng vịnh Kiều với hàng ngàn bài thơ vịnh Kiều đã từng được đăng báo hoặc in sách. Từ các vị vua say mê Truyện Kiều như Minh Mạng, Tự Đức đến các nhà Nho như Phạm Quý Thích, Hà Tôn Quyền, Nguyễn Công Trứ, Tôn Thọ Tường, Phan Văn Trị, Tản Đà...
- 4) Bộ phim đầu tiên của Việt Nam ra đời năm 1924 tại Hà Nội với cốt truyện và tựa đề Kim Vân Kiều (phim câm).
- 5) Thi phẩm có sách viết về nó nhiều nhất Việt Nam với hàng trăm cuốn.
- 6) Cuốn sách tạo ra nhiều giai thoại nhất Việt Nam vượt qua con số hàng trăm. Chỉ trong cuốn Kho tàng giai thoại Việt Nam của Vũ Ngọc Khánh (NXB Văn Hóa 1994), đã có tới 53 giai thoại về Truyện Kiều và trong cuốn Đố vui tìm hiểu Truyện Kiều của Nguyễn Thiện Văn (NXB Thanh Niên 2000) đã có 101 câu đố (và đáp án).
- 7) Cuốn sách nặng nhất Việt Nam (tính đến thời điểm hiện nay) có lẽ là Truyện Kiều đọc bản do nhà thư pháp Nguyệt Đình viết chữ quốc ngữ trên 300 trang giấy cossin 120 khổ 1mx 1,6m. Sách nặng 50 kg. Cuốn sách này hiện đặt tại Khu di tích Nguyễn Du (xã Tiên Điền, Nghi Xuân, Hà Tĩnh).

PHỤ LỤC II

NHỮNG KÝ LỤC VỀ TRUYỆN KIỀU

Đã được Trung Tâm Sách Kỷ Lục Việt Nam Vietking xác lập từ năm 2005 đến năm 2013

1. Tác giả có nhiều sách viết về truyện Kiều nhất Việt Nam

Kỷ lục gia: Nhà nghiên cứu Phạm Đan Quế

Thời điểm xác lập: 02/02/2005

Trên 30 năm tìm tòi nghiên cứu, sưu tầm về Truyện Kiều và cũng chính Truyện Kiều đã truyền trong con người, trong trái tim ông một niềm say mê Kiều rất lớn. Ông sưu tầm lưu giữ những cuốn sách chuyên luận, bài báo... viết về Truyện Kiều. Sau một quá trình nghiên cứu dài mãi đến năm 1991, ông cho xuất bản 2 cuốn sách viết về Truyện Kiều là: “Truyện Kiều đối chiếu” và “Bình Kiều, vịnh Kiều, bói Kiều”.

Năm 1994 ông tiếp tục cho xuất bản thêm 2 quyển nữa đó là: "Truyện Kiều và các nhà nho thế kỷ XIX", "Tập Kiều - một thú chơi tao nhã". Năm 2000 ông cho ra đời ba quyển: "Truyện Kiều và Kim Vân Kiều Truyện", "Từ lấy Kiều, đổ Kiều đến các giai thoại về Truyện Kiều", "Tìm hiểu điển tích Truyện Kiều".

Từ năm 2002 đến năm 2004, ông tiếp tục cho xuất bản thêm những quyển sách về Truyện Kiều như: "Về những thủ pháp nghệ thuật trong văn chương Truyện Kiều", "Truyện Kiều đọc ngược", "Lục bát hậu Truyện Kiều", "Đổ Kiều - Một nét đẹp văn hóa", "Bói Kiều - như một nét văn hóa", "Truyện Kiều trên báo chương thế kỷ XX"...

Với những tác phẩm của mình, Phạm Đan Quế trở thành tác giả nghiên cứu và viết nhiều sách nhất về một tác phẩm (15 quyển sách về Truyện Kiều). Đặc biệt, trong lúc nghiên cứu về Truyện Kiều ông đã phát hiện ra ở Truyện Kiều có năm kỷ lục thế giới và bảy kỷ lục của Việt Nam.

2. Cuốn sách dài nhất Việt Nam - Kim Vân Kiều Tân Truyện

Kỷ lục gia: Ngô Trần Hải An

Thời điểm xác lập: 02/02/2005

Cuốn sách đã đạt giải sách Ý tưởng độc đáo tại cuộc thi "Cuốn sách vàng" năm 2004 lần 2. Bản Kim Vân Kiều Tân Truyện được thực hiện trong vòng 3 năm (2001-2004) gồm sưu tập tư liệu, trình bày, sắp bản in, ấn loát và hoàn thành ngày 05/3/2004. Đây là quyển sách dài nhất vì được in trên giấy liên tục có chiều ngang 24 cm, dài 4.704 cm, gồm 326 trang và chỉ có một bản duy nhất. Sách chia làm 3 phần chính, phần 1 là Kim Vân Kiều Tân Truyện dài 4002 cm, phần 2 giới thiệu tác giả, tác phẩm và một số hình ảnh bản Kiều xưa dài 224 cm, phần 3 gồm một số bài thơ Đường liên quan đến các điển

tích trong Truyện Kiều.

3. Quyển Truyện Kiều viết bằng thư pháp nặng nhất

Kỷ lục gia: Nhà thư pháp Nguyệt Đình

Thời điểm xác lập: 14/8/2005

Nhân dịp Festival Huế 2002, Nhà thư pháp Nguyệt Đình - Chủ nhiệm Câu lạc bộ thư pháp Huế với sự cộng tác của họa sĩ Phan Kế, đã thực hiện viết thư pháp cuốn sách độc bản Truyện Kiều lớn nhất, nặng nhất trên khổ giấy kích thước 1,2m x 1,6m, 228 trang với 6 trang phụ bản, nặng 75kg. Bìa ván bọc gấm, gáy sách bằng gỗ, chữ được tạc trên gỗ nu thể hiện bằng thư pháp chữ quốc ngữ hết sức bay bướm và tinh tế.

Tác giả đã dành ra 6 tháng với 5 lít mực tàu để viết trọn hơn ba ngàn câu truyện Kiều bằng thư pháp để dành riêng cho những người yêu thư pháp đến Huế nhân Festival 2002, như món quà tặng khách yêu chữ, chuộng thơ.

4. Vỡ cải lương có thiết kế sân khấu lớn nhất

Kỷ lục gia: Kiến trúc sư Nguyễn Minh Tuấn

Thời điểm xác lập: 22/02/2007

Kiến trúc sư Nguyễn Minh Tuấn đã xây dựng cảnh trí cho vở cải lương “Kim Vân Kiều – Hội ngộ tài năng” theo phong cách tả thực và theo đặc trưng kiến trúc của xã hội Việt Nam thế kỷ XVI – XVII, với cách bài trí theo đúng không gian - thời gian khiến người xem như sống cùng thời với nhân vật. Cảnh trí sân khấu được phô bày dưới hình thức đại cảnh không có đóng màn chuyên cảnh như sân khấu cải lương bình thường. Đại cảnh gồm 7 khối cảnh chính được sắp xếp trên một sân khấu lớn có diện tích sàn hơn 900m², tạo thành một làng Kiều. Hệ thống sân khấu này được lắp ráp trong 14 ngày, với trên 40 công nhân thực hiện công việc từ 8 giờ đến 22 giờ mỗi ngày.

5. Dàn nhạc trong 1 vở cải lương có nhiều nhạc công nổi tiếng nhất

Kỷ lục gia: Nhạc sĩ Trần Vương Thạch và NSƯT Thanh Hải

Thời điểm xác lập: 22/02/2007

Vở cải lương “Kim Vân Kiều – Hội ngộ tài năng” do Nhà hát cải lương Trần Hữu Trang phối hợp cùng Ban Văn nghệ Đài Truyền hình TP HCM thực hiện.

Lần đầu tiên trong một vở cải lương, dàn nhạc cổ quy tụ 21 danh cầm như Ba Tu, Văn Giỏi, Hải Phượng... đều là những nghệ sĩ có tuổi nghề trên 20 năm, có nhiều tác phẩm nổi tiếng và đạt nhiều giải cao trong các kỳ liên hoan, hội diễn sân khấu. Dàn nhạc này kết hợp với 60 nhạc công của dàn nhạc giao hưởng Nhà hát Giao hưởng - Nhạc - Vũ kịch TP HCM.

6. Đạo diễn lần đầu tiên sáng tạo kết hợp nhiều loại hình nghệ thuật vào trong 1 vở cải lương có đội

ngũ diễn viên tham gia đồng nhất

Kỷ lục gia: Đạo diễn Hoa Hạ

Thời điểm xác lập: 22/02/2007

Từ suy nghĩ “Cải lương hiện rất lạc hậu về dàn dựng, đạo cụ, âm thanh, ánh sáng...” nên lâu nay bị xem là giải trí bình dân. Trong khi, cách đây 40 - 50 năm, cải lương Sài Gòn đã thực hiện được nhiều kỹ xảo và là món ăn tinh thần của nhiều giới, vì vậy, sau nhiều cuộc họp của lãnh đạo TPHCM và Nhà hát cải lương Trần Hữu Trang về việc xây dựng đề án Cải lương quy mô lớn, đạo diễn Hoa Hạ trình bày ý tưởng với Ban tổ chức và được thống nhất ý kiến thông qua.

Chi đã cùng với tác giả Hoàng Song Việt chọn tác phẩm Truyện Kiều của Đại thi hào Nguyễn Du chuyển thể. Trong vở diễn, đạo diễn Hoa Hạ đã sáng tạo và chuyển ý đồ dàn dựng cho các kiến trúc sư, nhạc sĩ, nhà thiết kế trong thiết kế sân khấu, âm nhạc, phục trang... Đồng thời, đạo diễn Hoa Hạ chọn cách kết hợp nhiều loại hình nghệ thuật như ca nhạc, múa, hát bội, giao hưởng, trống, cascadeur... để làm nổi bật nhân vật Thúy Kiều. Vở cải lương tập trung trên 500 nghệ sĩ, ca sĩ, diễn viên múa tham gia.

7. Vở cải lương có phục trang nhiều nhất thiết kế cho từng nhân vật

Kỷ lục gia: Nhà thiết kế Lê Sĩ Hoàng

Thời điểm xác lập: 22/02/2007

Nhà thiết kế Sĩ Hoàng là người đảm nhận công việc phục trang cho vở cải lương “Kim Vân Kiều – Hội ngộ tài năng”.

Là người có bề dày kinh nghiệm trong việc thiết kế mẫu trang phục, đặc biệt là áo dài, Sĩ Hoàng đã tìm tòi, nghiên cứu và đi thực tế tại các bảo tàng - thư viện cũng như khảo sát tại Hà Nội và một số địa phương khác để tìm tư liệu, hình ảnh và chất liệu của cách ăn mặc của con người Việt Nam thế kỷ XVI – XVII.

Tất cả nhằm đáp ứng yêu cầu nghiêm ngặt của kịch bản, là vừa đảm bảo tính thẩm mỹ đồng thời tôn trọng yếu tố lịch sử, hoàn cảnh nhân vật lúc bấy giờ... Với sự đầu tư công phu nhằm tìm ra màu sắc, hoa văn, họa tiết, chất liệu hoàn toàn thuần Việt, phù hợp với tổng thể kiến trúc, gam màu của cảnh trí và sân khấu. Từ đây, Sĩ Hoàng đã thiết kế 81 mẫu phục trang cho các diễn viên, ca sĩ, múa, quân lính, ... với tổng số phục trang được thực hiện là 436 bộ. Số lượng này do 75 người thực hiện gồm các bộ phận: thiết kế, may, thêu, vẽ với số vải là 5.915m, nguyên phụ liệu 32kg và số giờ lao động 34.420 giờ.

8. Vở cải lương đầu tiên có giá trị đầu tư cao nhất

Đơn vị sở hữu: Nhà hát cải lương Trần Hữu Trang

Thời điểm xác lập: 22/2/2007

Vở Kim Vân Kiều do Nhà hát cải lương Trần Hữu Trang phối hợp cùng Ban Văn nghệ – Đài Truyền hình TP HCM thực hiện được dàn dựng một cách quy mô tại Nhà thi đấu Quân khu 7 – nơi có sức chứa khoảng 4.000 khán giả được coi là cuộc cách tân ngoạn mục đối với cải lương.

Câu chuyện xoay quanh cuộc đời gian truân, trắc trở của Thúy Kiều được diễn tiến theo trình tự thời gian, do những nghệ sĩ từ trẻ tuổi đến lớn tuổi xuất hiện trên sân khấu theo đúng bối cảnh thời gian - không gian của Truyện Kiều. Với tính chất qui mô hoành tráng ấy, Kim Vân Kiều cũng là vở cải lương đầu tiên dàn dựng với giá trị đầu tư cao nhất từ trước đến nay: 1,6 tỷ đồng.

9. Vở cải lương tập trung nghệ sĩ diễn xuất nhiều nhất

Đơn vị sở hữu: Nhà hát cải lương Trần Hữu Trang

Thời điểm xác lập: 22/02/2007

Kim Vân Kiều không đóng màn chuyên cảnh bình thường mà dùng đại cảnh gồm 7 khối cảnh chính được sắp xếp trên sân khấu có diện tích sàn trên 900m², tạo thành nhà cửa, thành quách... sống động. Trên sân khấu là các hình khối 3D thông minh với hệ thống trục xoay, trượt để có thể linh hoạt biến chuyển. Kim Vân Kiều cũng là vở cải lương đầu tiên quy tụ trên 500 nghệ sĩ cải lương, ca sĩ, diễn viên múa, cascadeur... tham gia diễn xuất.

10. Người viết Truyện Kiều trên đá cuội đầu tiên ở Việt Nam.

Kỷ lục gia: Nguyễn Văn Tân

Thời điểm xác lập: 11/6/2008

3.254 câu thơ lục bát của Truyện Kiều được thể hiện hết sức độc đáo trên 1.627 viên đá cuội trắng, cộng với 8 viên đánh thứ tự bằng số La Mã từ khổ thơ 1 đến khổ thơ 8. Tổng cộng tác phẩm có 1.635 viên đá. Một trang có 6 dòng, một dòng có 30 viên. Dòng thứ 6 của trang thứ 9 có 45 viên đá (do có 8 viên để đánh dấu thứ tự từ khổ thơ 1 đến khổ thơ 8). Mỗi viên đá cuội chứa 2 câu thơ của Truyện Kiều.

Toàn bộ nội dung của Truyện Kiều được chép lại trên đá cuội trắng bằng chữ quốc ngữ và được định vị vào những khung sắt (một khung dài 315cm, cao 172cm). Một khung sắt được xem như một trang của cuốn truyện Kiều. Tổng thể truyện Kiều có 9 trang và 1 trang bìa. Trang bìa được tạo bằng thạch cao và chân dung của một thiếu nữ mô phỏng cho nhân vật Vương Thúy Kiều trong truyện. Sau khi hoàn thành, tác phẩm có chiều dài 2.905cm, rộng 81cm và cao 172cm.

Tác phẩm được anh Nguyễn Văn Tân - sinh viên trường Đại học Nghệ thuật Huế - thực hiện trong 23 ngày, từ ngày 23/8 đến 14/9/2007 tại xưởng riêng của anh ở Huế. Trong các ngày từ 03/6 đến 11/6/2008, tác phẩm được trưng bày tại công viên 3 tháng 2 trên đường Lê Lợi trong Festival Huế 2008.

11. Bản hợp xướng viết dựa theo Truyện Kiều dài nhất

Kỷ lục gia: Vũ Đình Ân

Thời điểm xác lập: 08/9/2008

Nhạc sĩ Vũ Đình Ân đã dành 22 tháng (tháng 7.1997 đến tháng 5.1999) để soạn nên bản hợp xướng viết dựa theo Truyện Kiều, trong đó, nhạc sĩ đã chọn 418 câu lục bát và viết nên bản hợp xướng trên 175 trang giấy, có thời lượng 75 phút diễn với bốn bè hát, một phần piano, gồm 3 chương: Mỗi tình đầu, Hồng nhan bạc phận, Tình chị duyên em. Tác phẩm đã nhận được sự cổ vũ tinh thần của các giáo sư - nhạc sĩ Thế Bảo, giáo sư - nhạc sĩ Ca Lê Thuần, nhạc sĩ Lưu Nhất Vũ, nhạc sĩ Trần Long Ẩn...

Hợp xướng Truyện Kiều được đưa ra công diễn tại Trung tâm Văn hóa quận 1 (17/12/2000), sau đó tại Trung tâm Văn hóa quận Phú Nhuận, TP.Hồ Chí Minh (đêm 25/9/2001) - nhân 181 năm ngày mất Đại thi hào Nguyễn Du. Năm 2008, kỷ niệm 188 năm ngày qua đời của Đại thi hào (10/8 âm lịch tức 09/9/2008), hợp xướng Truyện Kiều được đưa ra công diễn với số lượng khoảng 150 người, trong đó 100 người hát hợp xướng, 10 nhạc công và 30 đến 50 vũ công.

12. Bộ bình phong 6 tấm về Truyện Kiều chạm khắc gỗ nghệ thuật

Kỷ lục gia: Kiều Ngọc Hương, Nguyễn Đức Duyên

Thời điểm xác lập: 18/12/2010

Ông Nguyễn Đức Duyên nguyên là cán bộ trong ngành công an đã nghỉ hưu nhưng ngay từ nhỏ ông đã được sống trong không khí Truyện Kiều khi nghe cha mẹ, người thân ngâm ngợi những câu thơ Kiều nên từng câu thơ của nhà thơ Nguyễn Du đã in sâu trong tâm trí ông. Vào năm 1985, ông gặp và kết bạn với ông Đỗ Văn Hoan, một nghệ nhân chạm khắc gỗ. Là những người tâm đắc với Truyện Kiều, nên hai ông đã cùng nhau đưa ra ý tưởng và kế hoạch thực hiện một tác phẩm chạm khắc gỗ về thi phẩm bất hủ này. Hai người đã vẽ phác thảo đồng thời tham khảo ý kiến của các nhà nghiên cứu, nghệ nhân... sau đó tìm kiếm các loại gỗ quý để thực hiện. Với hai người thợ, phần thô của bức chạm khắc được hoàn thành trong hai năm, từ năm 1987 đến 1989. Năm 1998, ông Hoan bị bệnh qua đời và cũng do gặp một số khó khăn nên ông Duyên không thể tiếp tục công việc.

Vào đầu năm 2010, ông Duyên gặp ông Kiều Ngọc Hương, một người thân và đã trình bày về tác phẩm chạm khắc gỗ chưa được hoàn thiện. Từ tháng 3/2001, ông Duyên và ông Hương tìm những người thợ chạm khắc lành nghề, thực hiện phần còn lại (từ chạm khắc những phần còn thô, cho đến chà láng, đánh vec-ni) cho thêm sắc sảo, tinh tế nhằm đem đến sự hoàn chỉnh về mặt mỹ thuật cho bộ bình phong... Mọi việc hoàn thiện vào ngày 25/6/2010.

Do làm theo kiểu dáng bình phong nên tác phẩm chạm khắc gỗ này gồm 6 tấm. Mỗi tấm cao 188cm, rộng 54,5cm, dày 3,5cm, nặng 16,5kg. Nếu trải dài cả 6 tấm, bộ bình phong rộng 327cm, nặng 99kg. Phần khung của mỗi tấm làm bằng gỗ cẩm lai còn những họa tiết, hình ảnh khắc trên nền gỗ đỏ, gỗ mun và khảm trai.

Như vậy, 6 tấm được chạm khắc 2 mặt với 24 bức tranh lớn nhỏ. Nếu 12 bức nhỏ cho người xem biết về cuộc đời Nguyễn Du và phong cảnh thiên nhiên, con người Việt Nam. Còn 12 bức lớn là 12 trích đoạn những cảnh chính trong Truyện Kiều. Những cảnh này cũng chính là những cảnh buồn, vui, đau khổ, hạnh phúc của Thúy Kiều. Mỗi bức tranh lớn, nhỏ đều được minh họa bằng những câu thơ Nôm trích từ Truyện Kiều.

13. Người vẽ tranh lụa về Truyện Kiều đầy đủ và nhiều tranh nhất

Họa sĩ Ngọc Mai

Thời điểm xác lập: 30/10/2011

Tình yêu hội họa và năng khiếu đã đến với họa sĩ Ngọc Mai từ khi chị còn là một nữ sinh trung học. Nhưng sau đó bận rộn với cuộc sống, mãi đến những năm cuối của thập niên 80, chị mới tự nghiên cứu về hội họa và chính thức nhập môn với hai họa sĩ lão thành: GSTS Trần Văn Phú và Họa sĩ Nguyễn Thị Tâm. Chị chuyên về hai thể loại tranh lụa và tranh sơn dầu, nhưng chị có con đường riêng trong cách thể hiện hai chất liệu này. Những dòng thơ lục bát của thi hào Nguyễn Du trong Truyện Kiều vẫn là một cảm xúc mạnh mẽ với chị. Chị yêu hình ảnh một cô gái đẹp, có tài năng và hiếu thảo, nhưng lại gặp nhiều truân chuyên. Niềm ao ước thể hiện Truyện Kiều qua mảng hội họa cứ thế lớn dần. Giữa năm 1999, chị bắt đầu phân đoạn, chọn những bước ngoặt chính của nhân vật Thúy Kiều, rồi phác thảo, dựng bố cục...

Muốn diễn đạt Truyện Kiều bằng ngôn ngữ hội họa không dễ dàng chút nào, chị muốn vẽ bộ tranh lụa Kiều thuần Việt, nên phải có thời gian nghiên cứu trang phục của nhân vật, cảnh trí mang đậm nét dân tộc, để người xem có cảm giác gần gũi với đời thường. Để thể hiện bộ tranh Kiều, khó khăn nhất khi chọn chất liệu tranh lụa và lối vẽ truyền thống vì kỹ thuật này rất mất thời gian và rất nhiều khâu có nguy cơ dễ bị hư hỏng. Chị đã "sống cùng nàng Kiều" trong 12 năm (từ 1999 đến 2011), với những khúc quanh nhiều cay đắng, có lúc cũng ngọt ngào của Thúy Kiều trong 28 bức tranh. Bộ tranh lụa Kiều được thể hiện trên chất liệu lụa Hà Đông, vẽ bằng màu nước, kích cỡ từng bức 60cm x 85cm. Họa sĩ Ngọc Mai đã triển lãm bộ tranh này tại Nhà Trưng bày triển lãm thành phố Hồ Chí Minh từ 17/09 đến 26/09/2011, chị đã nhận được nhiều sự khen ngợi từ báo chí và giới thưởng lãm trong và ngoài nước.

14. Truyện Kiều - Thi phẩm duy nhất chấp nhận những câu thơ thành nhiều bài thơ mới

Đơn vị sở hữu: Ban quản lý Di tích Nguyễn Du - Hà Tĩnh

Thời điểm xác lập: 15/12/2012

Truyện Kiều là thi phẩm duy nhất có được hiện tượng chấp nhận những câu thơ ở các chỗ khác nhau để thành nhiều bài thơ mới, gọi là hiện tượng Tập Kiều, đã thu hút thi sĩ văn nhân nhiều thế hệ tham gia từ thời vua Tự Đức (1847) đến Phan Mạnh Danh, Tản Đà, Vũ Hoàng Chương, Nguyễn Bính, Hoàng Trung Thông... với hàng trăm thi phẩm đủ loại từ lục bát, ngũ ngôn, tứ tự, thất ngôn, đến văn tế, hoặc Tập Kiều để dịch Hán thi...

Như vậy, Truyện Kiều đã chuyển vào đời sống văn hóa một hình thái hoạt động văn chương mới (chưa có trước đó) và tồn tại (sau đó) qua hàng thế kỷ. Đó là hiện tượng cần ghi nhận đậm nét không chỉ trong lịch sử văn học nước ta, và cả trên văn đàn thế giới. Cơ sở để minh chứng điều này là quyển Tập Kiều - một thú chơi tao nhã (1994) đã được tái bản tới 5 lần và về sau được gọi tên: Thú chơi tập Kiều

15. Truyện Kiều - Thi phẩm có nhiều người viết phần tiếp theo nhất

Đơn vị sở hữu: Ban quản lý Di tích Nguyễn Du - Hà Tĩnh

Thời điểm xác lập: 15/12/2012

Truyện Kiều là thi phẩm có nhiều người viết về phần tiếp theo nhất mà đặc điểm là tất cả đều viết bằng thơ. Trong đó xưa nhất có Đào Hoa Mộng ký của Mộng Liên Đình với khoảng 3.000 câu lục bát, Đào Hoa Mộng ký diễn ca của Hà Đạm Hiên với 1.190 câu lục bát (Hà Nội 1917), Đoạn trường vô thanh của Phạm Thiên Thư với 3.296 câu (Sài Gòn 1972)....

Để minh chứng xin xem quyển Lục bát hậu Truyện Kiều, giới thiệu khá kỹ cả 7 quyển Hậu Kiều này.

16. Truyện Kiều - Thi phẩm duy nhất đọc ngược từ cuối lên đầu về cuộc đời nàng Kiều theo chiều thời gian ngược

Đơn vị sở hữu: Ban quản lý Di tích Nguyễn Du - Hà Tĩnh

Thời điểm xác lập: 15/12/2012

Truyện Kiều là thi phẩm duy nhất mà người ta có thể đọc ngược từ cuối lên đến đầu để câu chuyện về nàng Kiều (đúng như nội dung trong tác phẩm của Nguyễn Du) diễn ra theo chiều của thời gian ngược lại như ta được xem một cuốn phim “tua” ngược chiều.

Nhà nghiên cứu Phạm Đan Quế đã làm một việc khá kỳ công là gỡ ra và sắp xếp lại toàn bộ các câu thơ trong truyện mà “tập Kiều” với cả 3.254 câu Kiều để có cuốn Truyện Kiều đọc ngược và Truyện Kiều như được đọc ngược từ cuối lên đến đầu sao cho câu thơ lục bát của Nguyễn Du vẫn hợp vần mà người đọc vẫn thấy thú vị.

17. Truyện Kiều - Thi phẩm dài có nhiều bản dịch nhất ra cùng một ngoại ngữ

Đơn vị sở hữu: Ban quản lý Di tích Nguyễn Du - Hà Tĩnh

Thời điểm xác lập: 15/12/2012

Truyện Kiều là thi phẩm dài có nhiều bản dịch nhất ra cùng một ngoại ngữ. Có tới 10 bản dịch khác nhau ra tiếng Pháp thành thơ tự do, thể Alexandrins (thơ 12 chân) hoặc văn xuôi, từ Abel des Michels (2 tập) in tại Paris 1884 - 1885 đến bản Thu Giang (Paris 1915), René Crayssac và Léon Masse (Hà Nội 1926), hoặc bản của Nguyễn Văn Vĩnh thực hiện trong 28 năm (Hà Nội 1942) và của Nguyễn Khắc Viện, Xuân Phúc - Xuân Việt, Lê Cao Phan, Lưu Hoài...

18. Truyện Kiều - Thi phẩm duy nhất tạo ra loại hình văn hóa Kiều

Đơn vị sở hữu: Ban quản lý Di tích Nguyễn Du - Hà Tĩnh

Thời điểm xác lập: 15/12/2012

Truyện Kiều là thi phẩm duy nhất tạo ra quanh nó cả một loạt những loại hình văn hóa - gọi là Văn hóa Kiều - với các hình thức thật phong phú như: bình Kiều, vịnh Kiều, bói Kiều, tập Kiều, đố Kiều, câu

đôi Kiều, hát nói tập Kiều, phú - văn tế Kiều, án Kim Vân Kiều, giai thoại quanh Truyện Kiều...

19. "Kiều Nương cửa Phật" - Bài thơ có nhiều cách đọc nhất

Kỷ lục gia: Nhà nghiên cứu Phạm Đan Quế

Thời điểm xác lập: 21.9.2013

Bằng tiếng Việt, trước đây chỉ có những bài lục chuyển (6 cách đọc). Sau đó là bài thơ đọc 64 cách (Chức cảm hồi văn) bằng chữ Hán của vua Thiệu Trị qua quyển sách của ông Nguyễn Tân Phong (1994) mà năm 1998, giáo sư Nguyễn Tài Cẩn tập trung vào bài Vũ trung sơn thủy tìm ra được 128 bài từ một bài thơ và nâng tổng số các bài đọc ngược lên 256 bài. Ông Phạm Đan Quế đã nghiên cứu Truyện Kiều mấy chục năm nay, vẫn ấp ủ làm một bài thơ vịnh Kiều đọc được nhiều cách. Bài thơ phải tóm tắt được cuộc đời Kiều trong 8 câu, nói đến 3 nhân vật chính là tâm sự của Thuý Kiều khi đi tu bên bờ sông Tiền Đường. Và năm 2006 ông đã hoàn thành bài thơ Kiều nương cửa Phật, mà lúc đầu chỉ nghĩ là sẽ có nhiều cách đọc.

Bài thơ này gồm 8 câu chia làm 4 khổ, với 56 chữ. Bằng cách hoán vị các câu thơ khi đọc xuôi hay đọc ngược từng câu, hoặc bỏ bớt 2 chữ đầu của mỗi câu, bài thơ có ít nhất 1.728 cách đọc mà tất cả đều là thơ cổ phong.

Một đặc điểm rất quan trọng là cả 1.728 bài đều có cùng một nội dung, gần như không thể phân biệt, chỉ khác nhau ở cách chọn số thứ tự các câu thơ - trừ bài thơ chính đầu tiên.

20. Tác giả nghiên cứu có sách viết về văn hóa Kiều nhiều nhất

Kỷ lục gia: Nhà nghiên cứu Phạm Đan Quế

Thời điểm xác lập: 21.9.2013

Gần 15 năm (từ 1991 - 2004) nhà nghiên cứu Phạm Đan Quế đã viết nhiều tác phẩm liên quan đến văn hóa Kiều: Bình Kiều, Vịnh Kiều, Bói Kiều, Tập Kiều - Một thú chơi tao nhã; Lầy Kiều, Đố Kiều...

Hiện nhà nghiên cứu Phạm Đan Quế đã có 05 tác phẩm được xuất bản liên quan đến văn hóa Kiều: Bình Kiều, Vịnh Kiều, Bói Kiều; Tập Kiều – Một thú chơi tao nhã ; Lầy Kiều, Đố Kiều...đến Các giai thoại về Truyện Kiều; Đố Kiều, nét đẹp văn hóa; Bói Kiều như một nét văn hóa. Các tác phẩm này được tác giả thực hiện trong vòng 14 năm (từ 1991-2004) trong đó có nhiều cuốn sách được tái bản nhiều lần.

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>